TRẦN NGA, HẠP HÀ, THU HƯƠNG,
HẠNH QUỲNH, KIM DUNG, BÍCH HỢP

# Giúp em học tốt
# NGỮ VĂN
# 8

## Tập hai






NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# GIÚP EM HỌC TỐT NGỮ VĂN 8

## TẬP 2

TRẦN NGA (*chủ biên*) HẠP HÀ, THU HƯƠNG,
HẠNH QUỲNH, KIM DUNG, BÍCH HỢP

# GIÚP EM HỌC TỐT
# NGỮ VĂN 8

TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

# LỜI NÓI ĐẦU

*Chương trình cải cách Ngữ văn THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được phổ cập bốn năm. Sự thay đổi trong cả phương pháp dạy và học, với mục đích và yêu cầu học sinh phải có kiến thức tổng hợp về **Văn – Tiếng Việt – Tập làm văn** nên đã tác động không nhỏ tới việc học tập của các em.*

*Để giúp các em học tốt Ngữ văn 8, chúng tôi đã tuyển chọn và biên soạn cuốn **"Giúp em học tốt Ngữ văn 8 tập 2"***

*Đây là cuốn sách tham khảo được biên soạn bám sát nội dung sách giáo khoa Ngữ văn theo chương trình mới dành cho học sinh THCS với mục đích giúp học sinh các phương pháp và cách tìm hiểu, phân tích các văn bản văn học, bài học tiếng việt: ngữ pháp và tập làm văn; mở rộng kiến thức văn chương; phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.*

*Về bài học văn bản*

- *Hướng dẫn phương pháp học và cách tìm hiểu sâu nội dung các bài văn, cũng như những hình tượng văn học.*
- *Gợi ý tìm hiểu bài được viết thành những đoạn văn nhỏ không phải là những ý trả lời gạch đầu dòng giúp học sinh về kiến thức và bài học, về lối hành văn.*
- *Mở rộng kiến thức về tác giả, tác phẩm; về bài học...*

*Về bài học Tiếng việt và Tập làm văn:*

- *Đưa ra những kiến thức mới, giải thích với nhiều ví dụ cụ thể, phương pháp tìm hiểu bài học và những kĩ năng phân tích cũng như sử dụng từ ngữ, ngữ pháp và văn bản.*
- *Bổ sung thêm bài đọc tham khảo.*

*Các phần được trình bày rõ ràng, logic, đưa ra những phương pháp phân tích và ứng dụng ngôn ngữ học trong việc áp dụng vào bài học. Cuốn sách còn cung cấp phần "Mở rộng kiến thức" giúp các em học sinh có thêm những tư liệu cần thiết, bổ sung và nâng cao khả năng cảm thụ văn chương của các em.*

*Chúng tôi đã cố gắng dùng cách diễn đạt, cách sử dụng ngôn từ dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi các em, khơi gợi, phát triển tính sáng tạo của người học trong khi thực hiện các bài tập được đưa ra. Đồng thời hi vọng rằng cuốn sách cũng có thể giúp thầy cô giáo, các bậc phụ huynh trong việc giúp các em học sinh triển khai tiết học một cách thuận lợi hơn.*

*Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã rất cố gắng nhưng cuốn sách chắc không tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau và trở thành người bạn đồng hành trong quá trình học tập của các em học sinh.*

*Chúng tôi xin chân thành cảm ơn NXB Đại học Quốc gia Hà Nội đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện cho ra đời cuốn sách này.*

***Thay mặt nhóm biên soạn***

**Trần Nga**

BÀI 18

# NHỚ RỪNG

*Thế Lữ*

## Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Thế Lữ (1907 – 1989) được coi là nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ Mới (1932 – 1945) buổi đầu.*

*Ngòi bút của Thế Lữ rất đa dạng, ngoài sáng tác thơ ông còn viết truyện. Ông được Nhà nước phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (2003).*

*"Nhớ rừng" được Thế Lữ viết năm 1934, in trong tập "Mấy vần thơ" xuất bản năm 1935. Mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn Bách thú, tác giả thể hiện sự "giận đời", tâm sự u uất, căm hờn và niềm khao khát tự do mãnh liệt của con người bị giam cầm, nô lệ.*

## 1. Bài thơ được tác giả ngắt thành 5 đoạn, hãy cho biết nội dung của mỗi đoạn

### a. Hướng dẫn tìm hiểu

Dựa vào dấu hiệu ngữ pháp (xuống dòng, ngắt đoạn..) dễ dàng nhận rõ phạm vi của mỗi đoạn. Đọc kĩ từng đoạn để tìm nội dung chính, điểm chung của các câu trong đoạn.

### b. Gợi ý trả lời

Bài thơ chia thành 5 đoạn, mỗi đoạn là một lời tâm sự của con hổ bị nhốt trong cũi sắt của vườn bách thú.

Đoạn 1: Từ "Gặm một khối... vô tư lự": Nỗi u uất về con hổ khi bị nhốt ở trong cũi sắt.

Đoạn 2: Từ "Ta sống mãi... không tên, không tuổi": Sự hồi tưởng của con hổ về cuộc sống nơi hoang dã xưa kia.

Đoạn 3: "Nào đâu những... nay còn đâu": Tiếp tục dòng suy tưởng

của con hổ về quá khứ: về cuộc sống, nếp sinh hoạt của những nggày còn tự do.

Đoạn 4: "Nay ta ôm... chốn ngàn năm cao cả, âm u": Sự chán ghét của con hổ với cảnh sống tù đầy thực tại.

Đoạn 5: "Hỡi oai linh.. ghê gớm của ta ơi!": Hoài niệm của hổ về thời quá khứ oai hùng ngạo nghễ với cuộc sống núi rừng ngày xưaa.

Mạch thơ đan xen giữa hiện tại và quá khứ, làm tăng sự đối lập giữa hai hoàn cảnh sống, thể hiện sâu sắc tâm trạng thống thiết, bi hùng của con hổ.

**2. Trong bài thơ có hai cảnh được miêu tả đầy ấn tượng: cảnh vườn bách thú, nơi con hổ bị nhốt (đoạn 1 và đoạn 4); cảnh núi rừng hùng vĩ, nơi con hổ ngự trị những "ngày xưa" (đoạn 2 và đoạn 3)**

**- Hãy phân tích từng cảnh tượng.**

**- Nhận xét việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu các câu trong đoạn 2 và đoạn 3. Phân tích để làm rõ cái hay của hai đoạn thơ này.**

**- Qua sự đối lập sâu sắc giữa hai cảnh tượng nêu trên, tâm sự con hổ ở vườn bách thú được biểu hiện như thế nào? Tâm sự ấy có gì gần gũi với tâm sự người dân Việt Nam đương thời?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ bốn đoạn (đoạn 1 ...đoạn 4), lưu ý đọc đúng giọng điệu, ngữ điệu của câu thơ và cảm nhận bằng chính cảm xúc của mình. Tìm ra những chi tiết miêu tả về từng cảnh tượng và chú ý những sự đối lập giữa hai cảnh tượng đó. Tại sao tác giả lại đan xen giữa hiện đại và quá khứ như thế?

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ dựng lên hai cảnh tượng hoàn toàn đối lập nhau: cảnh sống tù túng, giam cầm nơi cũi sắt, và cuộc sống tự do, oanh liệt chốn rừng xanh.

Bài thơ mở đầu bằng những câu thơ miêu tả cảnh ngộ "đáng thương" của chú hổ ở vườn Bách thú.

*Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt*
*Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.*

Câu thơ không đơn giản là miêu tả hay thông báo về tình trạng "bị nhốt" của một con hổ, mà chứa đầy tâm trạng. Căm hờn uất hận của chúa hổ đã chất chứa thành "khối", càng "gặm" thì càng đắng cay, bất lực.. Bởi nó ý thức được rằng bị nhốt ở đây đồng nghĩa với việc trở thành thứ lạ mắt, thứ đồ chơi cho lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ. Nhưng, đau xót hơn là từ một chúa sơn lâm đứng ở vị trí tối cao chúa tể chốn rừng xanh thế mà giờ đây hổ lại phải "chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi", với "cặp báo chuồng bên vô tư lự". Ẩn chứa đằng sau mỗi từ, mỗi câu là tâm trạng đầy bi kịch của chúa sơn lâm khi bị sa cơ, thất thế, rơi vào cảnh "tù hãm, nhục nhã". Nhìn bề ngoài, người ta có thể nói con hổ này đã được thuần hoá, nhưng nó chỉ là bề ngoài thôi, còn thế giới bên trong của mãnh thú, vẫn rừng rực lửa. Đến khổ thơ thứ 4, niềm uất hận của chúa sơn lâm còn xuất phát từ việc phải chấp nhận cái tầm thường, giả dối do con người tạo nên xung quanh nó. Hổ nhớ rừng không chỉ là nhớ tự do mà còn là nhớ cái cao cả, nhớ cái chân thực, cái tự nhiên hoang dã của nó. Dù khung cảnh xung quanh đây có được chăm chút, tỉa tót "hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng" để tạo ra một dòng "suối giả" thì cũng chỉ là những thứ tầm thường mà thôi. Tới đây ta bắt gặp thuộc tính của chủ nghĩa lãng mạn: vươn tới cái phi thường, cao hơn cuộc sống hàng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ trong tầm tay của con người.

Nhưng bút pháp lãng mạn của Thế Lữ thực sự có dịp tung hoành, có dịp chứng tỏ sức biểu đạt phong phú của Thơ Mới khi dựng lại khung cảnh kì vĩ trong mộng tưởng của chúa sơn lâm. Qua tâm linh loài hổ, rừng quý hiện lên trong vẻ kì vĩ đắm say với các "bóng cả", cây già, với bản nhạc rừng hùng tráng, dữ dội với những tiếng "gào, thét, hét". Và khung cảnh kì vĩ, bí hiểm ấy chính là sự chuẩn bị cho sự xuất hiện của chúa sơn lâm vào đúng lúc tiếng gào thét của thiên nhiên đang ở đỉnh cao dữ dội. Đầu tiên chỉ thấy bàn chân bước dõng dạc, đường hoàng. Sau đó, mới đến tấm thân oai hùng, to lớn. Câu thơ thực sự như một đoạn phim quay cận cảnh, chi tiết thu hút sự chú ý của khán giả.

*Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng*
*Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng*
*Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.*

Cùng với sự xuất hiện ấy là quyền uy tuyệt đối chế ngự muôn loài, "khiến cho mọi vật đều im hơi". Câu nói của chúa sơn lâm đầy kiêu hãnh, không có gì quá đáng:

*Ta biết ta chúa tể của muôn loài*

*Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.*

Chữ "ta" vang lên đầy tự hào với sức mạnh, quyền uy tối thượng và bất khả xâm phạm. Nhưng không dừng ở đó, con hổ vẫn triền miên trong dòng hồi tưởng. Đó là dòng suy tưởng về những kỉ niệm chói lọi của một thời vàng son, oanh liệt chốn rừng xanh.

*Từ "Nào đâu... đến phần bí mật?"*

Một bức tranh có đầy đủ màu sắc, ít chi tiết nhưng rất đậm nét, rất biểu cảm. Bức tranh ấy có lúc sao dữ dội đến cực độ "ngày mưa chuyển bốn phương ngàn", có lúc lại im lặng thiêng liêng đến ghê rợn. "*Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc / Là khiến cho mọi vật đều im hơi*". Thủ pháp "đòn bẩy" được Thế Lữ sử dụng rất đắc địa. Trong bức tranh tứ bình đó, nhà thơ đã để cho con hổ đối diện với thiên nhiên hoành tráng, dữ dội... và trong đó con hổ đều ở thế chế ngự: "say mồi đứng..., lặng ngắm, đợi... chiếm lấy". Đến "vầng trái dương" cao cả và uy nghiêm như thế cũng chỉ là "mảnh" và có lúc phải "chết" sau núi trong mắt của chúa sơn lâm. Tất cả chỉ còn lại sự im lặng, và ngự trị trong bóng tối bí hiểm ấy là oai linh của hổ. Đấy là điểm cao trào nhất của quyền lực, thực đúng là chúa tể. Từ trên đỉnh cao huy hoàng của hồi tưởng, hổ đã sực tỉnh cái thân tù:

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

Một tiếng thở dài xiết lấy lòng người, khêu gợi và lay tỉnh. Càng hồi tưởng về quá khứ oanh liệt thì càng ý thức rõ thêm sự bất lực, sự chán chường và thêm một lần gặm nhấm, căm hờn. Và biết làm gì đây trước thực tại bị tù hãm, giam cầm ngoài một tiếng gọi thiết tha và đau đớn:

*"Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!"*

Bằng ngòi bút lãng mạn, Thế Lữ đã khắc hoạ rõ nét tâm trạng uất hậm, chán chường, bất lực trước hiện tại tù túng và niềm nhớ thương thiêu đốt tâm tư về quá khứ tự do, oanh liệt của con hổ.

**3. Căn cứ vào nội dung bài thơ, hãy giải thích vì sao tác giả mượn "lời con hổ ở vườn Bách thú". Việc mượn lời đó có tác dụng thế nào trong việc thể hiện nội dung cảm xúc của nhà thơ?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Nhớ lại nội dung của bài thơ, liên hệ với những kiến thức về hoàn cảnh sáng tác để thấy tư tưởng mà nhà thơ muốn gửi gắm trong tác phẩm là gì? Chú ý các chi tiết miêu tả sức mạnh, quyền uy của con hổ để giải thích được tại sao tác giả lại mượn lời con hổ.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ "*Nhớ rừng*" trích trong tập "*Mấy vần thơ*" xuất bản năm 1935 của Thế Lữ. Đó là những năm tháng nhân dân phải sống trong cảnh "một cổ hai tròng". Chế độ thực dân nửa phong kiến với hai tầng áp bức (phong kiến và thực dân) đã đè nặng lên đời sống của con người, tước đoạt mọi tự do, đẩy người dân vào chỗ tù túng đến nghẹt thở. Chính vì thế, tình cảnh con hổ trong cũi sắt nhớ tự do là biểu tượng cho tình cảnh của người dân Việt Nam mất nước, đang phải sống trong cảnh bị áp bức, chà đạp. Tác giả mượn lời con hổ mà không phải là một loài thú nào khác đã là một thành công nghệ thuật. Bởi hơn bất cứ một loài nào, hổ chính là chúa tể sơn lâm, luôn ở vị thế chế ngự cả thiên nhiên tạo hoá dữ dội và bí hiểm, trong hoàn cảnh sống nào sự tự ý thức về uy quyền của bản thân cũng rất rõ rệt:

*Ta biết ta chúa tể của muôn loài*

Thế mà trong thực tại, nó lại bị giam cầm trong chốn đầy sự giả tạo, nhỏ bé, tầm thường và ngang hàng với những con vật khác. Nhưng càng tự ý thức thì càng xót xa, đau đớn, bất lực trước thực tại mà thôi. Chính vì thế, những tiếng thở dài ngao ngán và tâm trạng tiếc thương quá khứ của con hổ có sức lan toả và lay động rất lớn. Nó có ý nghĩa thức tỉnh lòng yêu nước, ý thức tự tôn dân tộc ở những con người còn biết uất hận, chán ghét thân phận nô lệ của mình.

**4. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh có nhận xét về thơ Thế Lữ: "Đọc đôi bài, nhất là Nhớ rừng... không thể cưỡng được". Em hiểu như thế nào về ý kiến đó? Qua bài thơ, hãy chứng minh.**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đây là một câu hỏi rất khó. Cần phải đọc kĩ lại bài thơ và lời nhận xét này của Hoài Thanh. Chú ý đến các từ "xô đẩy, bị dằn vặt", "đội quân Việt ngữ...". Cố gắng sử dụng chính cảm nhận của mình để đọc lại những câu thơ hay (nhất là đoạn 2 và 3) để tìm ra cái hay của ngôn từ, nhịp điệu, hình ảnh của bài thơ.

***b. Gợi ý trả lời***

Có thể nói đây là lời nhận xét hết sức xác đáng mà các tác giả của "*Thi nhân Việt Nam*" đã dành cho thơ Thế Lữ. Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng ngôn từ một cách điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao.

Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần cho đến tiết tấu âm thanh. Đọc từng câu, từng chữ trong *Nhớ rừng,* ta có cảm giác như "những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt", bằng chính sức mạnh phi thường của âm hưởng, nhịp điệu câu thơ.

Khi đọc những dòng hồi tưởng của con hổ và quá khứ hào hùng, huy hoàng của một chúa sơn lâm, tất cả những hình ảnh kì vĩ ào ạt tuôn chảy như không một sức mạnh nào có thể ngăn cản nổi:

*Nhớ cảnh sơn lâm / bóng cả / cây già*
*Với tiếng gió gào ngàn / với giọng nguồn hét núi*
*Với khi thét khúc trường ca dữ dội,*
...

Liên từ "với" xuất hiện liên tiếp ở đầu các câu thơ như một sự kết nối, kéo dài của dòng hồi tưởng về quá khứ. Cùng với những câu hỏi liên tiếp, dồn dập "Nào đâu? Đâu...? Đâu...?" mỗi lúc một xoáy sâu, ám ảnh hơn. Tất cả những thủ pháp đó đẩy nhịp thơ nhanh, gấp gáp đến kì lạ, diễn tả nỗi nhớ tiếc đến cồn cào, da diết, mãnh liệt của chúa sơn lâm. Ở đây, người đọc không chỉ cảm nhận sự "xô đẩy dằn vặt" của câu chữ mà chính là nỗi dằn vặt đến mức giằng xé trong tâm

trạng của con hổ vì sự đối lập quá lớn giữa quá khứ và hiện tại. Người đọc cảm nhận rất rõ về quá khứ oai linh, huy hoàng của con hổ khi nhà thơ sử dụng những hình ảnh, ngôn từ Hán Việt, "tung hoành, sơn lâm, bóng cả, gào ngàn, trường ca, chúa tể, giang sơn...". Cũng là những hình ảnh cây cỏ, gió, mưa, suối, núi ấy nhưng trong hiện tại lại trở thành: "hoa chăm, cỏ xén, nước đen, mô gò, rừng lá" với cách nói có tính khẩu ngữ "ngẩn ngơ, trò lạ mắt, đồ dở hơi, vô tư lự".

Giọng thơ đang dồn dập đến cao trào bỗng chững lại khi chúa sơn lâm chợt tỉnh quay về với thực tại tù hãm. Câu thơ ngắt nhịp điệu liên tục như dằn dỗi, với cấu tạo ngữ pháp giống nhau (C-V): "Hoa chăm/cỏ xén/lối phẳng/cây trồng" như mô phỏng sự đơn điệu, tầm thường của cảnh vật. Những câu thơ như kéo dài ra, chậm rãi, chất chứa một tâm trạng chán nản đến buông xuôi.

Bằng bút pháp lãng mạn, Thế Lữ tỏ ra rất điêu luyện trong việc sử dụng những ngôn từ mạnh. Chỉ một hành động mà Thế Lữ phải dùng tới ba động từ càng ngày càng mạnh mẽ hơn: "gào, hét, thét...". Những hình ảnh khi đẹp đến mức phi thường, kì bí "bóng cả, cây già, lá gai, cỏ sắc...", khi xấu thì cũng đến mức tầm thường "... dở hơi, giả dối, nước đen, thấp kém...".

Tất cả đã tạo thành một sức mạnh phi thường khiến người đọc bị lôi cuốn vào mạch cảm xúc đang ào ạt tuôn chảy trong bài thơ. Và người đọc hoàn toàn đồng tình với đánh giá của Hoài Thanh: "Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được". Bài thơ "Nhớ rừng" xứng đáng được coi là tác phẩm mở đường cho sự thắng lợi của Thơ Mới.

**Tài liệu tham khảo**

"Luôn trong mấy năm, mê theo thơ người này, người khác, tôi không hề ngâm thơ Thế Lữ. Tôi cứ nghĩ lòng trí tôi đã thay đổi, không sao còn thích những vần thơ không cùng tôi thay đổi. Nhưng hôm nay, đọc lại những câu thơ với tôi vẫn còn quen quen, tôi sung sướng biết bao. Tôi đón những câu thơ ấy với cái hân hoan của khách phiêu lưu trở về cố hương gặp lại những người thân yêu cũ. Dẫu nhìn nét mặt một hai người, khách không khỏi ngờ ngợ"... Nhưng hề chi! Khách vẫn giữ đó cái hương vị những ngàn âm thầm qua trong gian nhà tranh nọ... Cả

một thời xưa tỉnh dậy trong lòng tôi. Tôi sống lại những đêm bình yên đầy thơ mộng. Độ ấy Thơ Mới vừa ra đời. Thế Lữ như vừng chợt hiện ánh sáng chói khắp cả Trời thơ Việt Nam. Dù sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, người đọc vẫn không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền Thơ Mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về Thơ Mới, không bênh vực Thơ Mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên trước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ.

Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở Thơ Mới hơn là đọc những bài thơ say. Nhà thơ Thế Lữ về thể cách mới không chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần, cho đến hết tiết tấu âm thanh. Đọc những câu như:

*Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già*
*Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi*
*Với khi thét khúc trường ca dữ dội*
*Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,*
*Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,*
*Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.*

thì không ai dám bĩu môi trước cuộc cách mệnh về thơ ca đương nổi dậy...

(Hoài Thanh, Hoài Chân - *Thi nhân Việt Nam,*
NXB Văn học, Hà Nội 2003)

# ÔNG ĐỒ

***Vũ Đình Liên***

## Vài nét về tác giả và tác phẩm

*Vũ Đình Liên (1913 – 1996) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ Mới. Thơ ông thường mang nặng lòng thương người, niềm hoài cổ.*

*Các tác phẩm chính: "Đôi mắt" (thơ, 1957); "Sơ thảo lịch sử văn hoá Việt Nam" (nghiên cứu, 1957); "Nguyễn Đình Chiểu" (nghiên cứu, 1957), "Thơ Bau de laire (dịch thuật, 1995). Nhà thơ tự bộc bạch: "Bản thân tôi được thừa kế tinh thần của người mẹ, mẹ tôi là con một ông đồ. Tuy ở phố Hàng Bạc – làm nghề thợ bạc, nhưng gia đình luôn giữ nền nếp gia phong. Ngày nhỏ tôi sống ở Hải Dương, bởi vậy cảnh sắc quê hương in đậm trong tâm trí, có tác động nhiều đến tâm tư, tình cảm...*

*Tuy sáng tác thơ không nhiều nhưng chỉ với bài "Ông đồ", Vũ Đình Liên đã có vị trí xứng đáng trong phong trào thơ mới.*

**1. Phân tích hình ảnh ông đồ ngồi viết chữ nho ngày Tết trong hai khổ thơ và hình ảnh của chính ông ở khổ 3, 4. Hãy so sánh để làm rõ sự khác nhau giữa hai hình ảnh đó. Sự khác nhau này gợi cho người đọc cảm xúc gì về tình cảnh của ông đồ.**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc cả bài thơ. Hình ảnh ông đồ được tác giả xây dựng trong khung cảnh như thế nào? Cả hai khổ thơ đều nói về một ông đồ song có gì khác nhau, tại sao lại có sự thay đổi như thế.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ là tiếng lòng cảm thương sâu sắc của Vũ Đình Liên với tình cảnh đáng thương của ông đồ. Chỉ qua vài nét phác hoạ nhưng tác giả đã làm hiện lên rõ nét hình ảnh ông đồ già và nghề "viết chữ thuê" bên phố:

*Mỗi năm hoa đào nở*
*Lại thấy ông đồ già*
*Bày mực tàu giấy đỏ*
*Bên phố đông người qua.*

Nghe trong câu thơ có cái vui của không khí xuân về, Tết đến, hoa đào rực rỡ khoe sắc; có cảnh đông vui nhộn nhịp của phố phường. Năm nào cũng vậy, đã thành lệ, cứ mỗi độ xuân về, người dân có thú chơi tao nhã treo chữ "thánh hiền" trong nhà. Ông đồ với tài "hoa tay thảo những nét – như phượng múa rồng bay" đã được nhiều người thuê viết. Ông đồ xuất hiện giữa phố xá đông đúc ấy, được mọi người chú ý. Có lẽ ông đồ cũng cảm thấy vui vì chữ của mình

còn được trân trọng, tài hoa của mình còn có ý nghĩa đối với cuộc sống của mọi người.

Nhưng xót xa thay, đó chỉ là hình ảnh "vang bóng một thời" (chữ của Nguyễn Tuân). Vẫn là ông đồ với nét bút tài hoa ấy, vẫn phố đông vui, tấp nập ấy, nhưng người thuê viết thì mỗi ngày một vắng. Hai khổ thơ đã dựng lên một nghịch cảnh: Xưa kia "bao nhiêu người thuê viết" đông vui, nhộn nhịp như vậy, thế mà: "người thuê viết nay đâu?". Câu hỏi như xoáy vào lòng người đọc một nỗi xót xa, tê tái. Dường như có một ánh mắt đang kiếm tìm, đang dõi theo dòng người tấp nập kia mong tìm thấy một người còn cần đến những nét phượng múa rồng bay. Nhưng kiếm tìm để rồi quay lại hiện thực với nỗi xót xa: "Ông đồ vẫn ngồi đấy/Qua đường không ai hay". Một sự đổi thay đến không ngờ, có gì đó lạnh lùng và tàn nhẫn quá chăng? Chỉ còn những "người bạn" quen thuộc vẫn gắn bó, như chia sẻ cùng nỗi sầu, nỗi tủi của ông:

*Giấy đỏ buồn không thắm*
*Mực đựng trong nghiên sầu...*
*Lá vàng rơi trên giấy*
*Ngoài trời mưa bụi bay.*

Những chiếc lá vàng lìa cành, những làn mưa bụi bay làm lòng người thêm tê tái, xót xa. Ông đồ vẫn ngồi đó, vẫn với nét bút tài hoa ấy nhưng dường như đã trở thành vô nghĩa đối với cuộc sống nơi phồn hoa này. Dòng người vẫn hối hả qua lại, nhộn nhịp trong không khí tươi vui ngày Tết, đâu biết rằng đang có những con người thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời. Từng câu thơ cứ lần lượt gieo vào lòng người đọc nỗi thương cảm, xót xa đến tê lòng.

**2. Tâm tư nhà thơ thể hiện qua bài thơ như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại khổ thơ một cách chậm rãi để cảm nhận được giọng điệu của bài thơ. Chú ý đến những hình ảnh, những thủ pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng (câu hỏi tu từ...) để nhận biết được cảm xúc của nhà thơ ẩn đằng sau câu chữ?

*b. Gợi ý trả lời*

Nhà thơ như người khách qua đường, lặng lẽ đứng ở một nơi nào đó ngắm cảnh người người tấp nập đến nhờ ông đồ viết chữ Nho. Đằng sau câu thơ như có một nụ cười, niềm vui khi thấy tài hoa của ông đồ được khen ngợi, trân trọng, giữ gìn. Nhưng nhà thơ chợt giật mình khi đến một ngày cảnh đông vui không còn nữa, thay vào đó là hình ảnh ông đồ: lẻ loi, trơ trọi bên lề của dòng người nhộn nhịp. Một câu hỏi ngơ ngác "Người thuê viết nay đâu". Có cảm giác như chính nhà thơ đang cố kiếm tìm, nhưng rồi cuối cùng cũng chỉ là "lòng tự hỏi lòng" mà thôi.

Trong câu thơ có nỗi lòng cảm thương, xót xa đến tái tê trước tình cảnh đáng thương của ông đồ.

Khép lại bài thơ là một nỗi niềm trống vắng, thương tiếc xót xa. Nhìn hoa đào nở mà lòng thương xót người xưa:

*Năm nay đào lại nở*
*Không thấy ông đồ xưa*
*Những người muôn năm cũ*
*Hồn ở đâu bây giờ?*

Nhịp thời gian vẫn điểm, vẫn tuần tự trôi. Hết đông, xuân sẽ đến, hoa đào lại nở. Nhưng chỉ có con người là đổi khác. Không còn thấy ông đồ già lặng lẽ, trơ trọi bên đường nữa. Trước hiện thực phũ phàng ấy, nhà thơ cất lên câu hỏi làm nhói lòng người đọc. Câu hỏi không bao giờ có câu trả lời nên càng ám ảnh khôn nguôi.

"Thơ hay là nói được tiếng lòng của người nghệ sĩ". Trong từng câu chữ thấm nỗi buồn man mác, niềm hoài cổ, xót thương cho một thời "quá khứ vàng son". Trước kia khi Nho học còn thịnh trị, mỗi dịp Tết đến, những nhà nho tài hoa thường được người thuê viết chữ trên những tờ giấy điệp thơm mang về treo ở chỗ trang nghiêm trong nhà. Nhưng từ khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ nho không còn được coi trọng, thì thú chơi tao nhã ấy mất dần, ông đồ chỉ còn là "cái di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn".

Thương ông đồ, cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào

quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hoá lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Nỗi buồn của Vũ Đình Liên vì thế có sức lay động rất nhiều thế hệ độc giả.

***c. Mở rộng kiến thức***

Trước sự đổi thay của thời cuộc, rất nhiều thi nhân đã thể hiện sự ngỡ ngàng đến xót xa. Tú Xương đã từng viết:

*Thôi có ra gì cái chữ Nho*
*Ông nghè, ông cống cũng nằm co.*

**3. Bài thơ hay ở những điểm nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Dựa vào những gợi ý của SGK Ngữ văn 7, trang 10 về cách dựng cảnh, sự so sánh, các chi tiết miêu tả đầy gợi cảm... để tìm ra cái hay, cái đẹp của bài thơ. Đồng thời, dựa vào cảm xúc của bản thân để thấy được sức biểu cảm của ngôn ngữ thơ.

***b. Gợi ý trả lời***

"*Ông đồ*" của Vũ Đình Liên là bài thơ ngũ ngôn bình dị mà cô đọng và gợi cảm. Chỉ bằng ba khổ thơ, tác giả đã dựng lên hai cảnh tượng hoàn toàn khác nhau: xưa đông vui, được trân trọng, còn nay thì lẻ loi, trơ trọi, bị gạt ra lề cuộc đời.

Bài thơ đã khắc hoạ sâu sắc tình cảnh đáng thương của "ông đồ", lớp nhà nho thất thế. Thủ pháp nghệ thuật tương phản được sử dụng rất thành công đã tạo nên những vần thơ đầy thương cảm, xót xa.

Giọng thơ có lúc trầm lặng, bùi ngùi: " Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sầu", có lúc lại bâng khuâng với những câu hỏi xoáy vào lòng người đọc: "Người thuê viết nay đâu?... Hồn ở đâu bây giờ?"

Tác giả đã sử dụng thủ pháp nhân hoá, ẩn dụ để tạo nên nhiều hình ảnh hết sức gợi cảm:

*Giấy đỏ buồn không thắm,*
*... Lá vàng rơi trên giấy;*
*Ngoài trời mưa bụi bay.*

Ở đây, giấy bút là những vật vô tri nhưng cũng biết buồn, biết tủi. Dưới ngòi bút của tác giả, nó như trở nên có hồn hơn, như một sinh linh biết buồn, tủi, đồng cảm cùng tâm trạng của ông đồ. "*Ông đồ*" là thi phẩm "từ cạn" mà "tứ sâu", nhạc điệu, giọng điệu chậm rãi, rả rích như mưa dầm canh khuya. Cái hay của thơ Vũ Đình Liên không phải ở những hình ảnh tân kì, ước lệ hay cổ điển mà chính là sự giản dị nhưng giàu chất biểu cảm. Tất cả đều xuất phát từ tâm hồn chứa chan tinh thần nhân đạo của thi nhân.

Hoài Thanh từng viết: "Theo được nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đã. Nghĩa là đủ lưu danh với người đời". Đó là những lời tốt đẹp nhất, trân trọng nhất mà tác giả "*Thi nhân Việt Nam*" đã dành cho Vũ Đình Liên với bài thơ kiệt tác "*Ông đồ*".

**4. Phân tích để làm rõ cái hay của những câu thơ sau:**

***- Giấy đỏ buồn không thắm;***
***Mực đọng trong nghiên sầu...***

***- Lá vàng rơi trên giấy;***
***Ngoài trời mưa bụi bay.***

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại hai khổ thơ (khổ 2 và 4) để hiểu những hình ảnh này xuất hiện trong bối cảnh nào, qua đó thấy được sức biểu cảm của hình ảnh. Phân tích từng câu (chỉ ra những từ hay, biện pháp nghệ thuật) để thấy được cái hay của câu thơ.

***b. Gợi ý trả lời***

Có thể nói đây là những câu thơ tuyệt bút diễn tả nỗi buồn, sầu tủi của con người qua cảnh vật.

Sau những câu thơ miêu tả tình cảnh lẻ loi của ông đồ, tác giả đặt một câu hỏi "Người thuê viết nay đâu?" đầy ngơ ngác, xót xa. Những người trước đây đã từng đến thuê ông viết chữ nay thưa dần, bỏ lại một mình ông lẻ loi, vắng lặng bên con phố. Còn đâu cái đen nhánh của mực tầu, sắc đỏ tươi của giấy và nét bút tài hoa của người viết chữ. Chỉ còn lại hiện thực:

*Giấy đỏ buồn không thắm*
*Mực đọng trong nghiên sầu*

Giấy, mực là những thứ gắn liền với "nghề", với cuộc sống hàng ngày của ông đồ. Nhưng lúc này nó không còn là những vật vô tri, vô giác nữa mà trở thành người bạn sẻ chia nỗi buồn đang trĩu nặng của ông đồ. Biện pháp nhân hoá (giấy biết buồn, mực biết sầu khiến hình ảnh đó trở nên có hồn hơn) đã lột tả nỗi lòng của con người. Bởi lúc này còn đâu nữa cảnh người đến tấp nập, giấy đỏ, nghiên kia cũng trở nên vô dụng. Dù câu thơ không có chữ nào tả về tâm trạng của ông đồ nhưng ta vẫn thấy nỗi buồn của ông như chiếu lên nghiên mực, thấm nặng trĩu tờ giấy đỏ - một nỗi buồn u ám, héo hon. Từ "đọng" kéo nỗi buồn ấy trĩu xuống và từ "sầu" kéo dài nỗi lòng của ông đồ, với ba dấu chấm lửng như lan toả, lắng đọng. Nhà thơ tả nỗi buồn đau bằng hai câu thơ tuyệt bút – thật khó có thể tả hay hơn. Ngòi bút tài ba của Vũ Đình Liên đã động đến nơi sâu thẳm của tâm hồn người đọc, khiến chúng ta cũng thấm nỗi đau của ông đồ già cô đơn, lỡ vận. Và nỗi buồn tê tái ấy như thấm vào cảnh vật, trời đất:

*Lá vàng rơi trên giấy*
*Ngoài trời mưa bụi bay.*

Đến đây nỗi đau đã đến tận cùng. Ông đồ già tài hoa ngày xưa thật sự đã bị lãng quên trước con mắt thờ ơ của người đời. Một vài chiếc lá vàng lìa cành hay chính là sự tàn lụi của nền Nho học đã qua thời hoàng kim. Còn làn mưa bụi đầu xuân hay chính là những giọt nước mắt xót xa, nuối tiếc. Lòng người cứ hối hả, thờ ơ, lạnh nhạt, họ chẳng hề ngó ngàng đến một ông đồ già vẫn ngồi đó trơ trọi, bẽ bàng, chỉ có trời đất, cỏ cây là cảm thông, xót xa cho tình cảnh của con người. Cái vàng của lá, cái nhạt nhoà của giấy, mưa bụi của trời đất hay chính là cái nhoà đi của đôi mắt và cơn mưa trong lòng người. Câu thơ làm lòng ta xót xa, thương cảm đến tái tê.

Thơ hay là tả ít mà gợi nhiều. Thơ Vũ Đình Liên là vậy. Chỉ bằng những hình ảnh giản dị,.tác giả cũng đủ gợi lên tình cảnh rất thảm thương của ông đồ và nỗi lòng buồn thương, thấm thía của nhà thơ.

**Tài liệu tham khảo**

Hoài Thanh, Hoài Chân trong *Thi nhân Việt Nam* đã viết về thơ Vũ Đình Liên:

"Có những nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ - tôi muốn nói một câu đáng gọi là thơ. Những người ấy hẳn là những người đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ, nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất, chịu để tan tành giấc mộng quý nhất và lớn nhất ở đời: giấc mộng thơ?

Hôm nay, trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến những người xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải là một người xấu số? Trong làng Thơ Mới, Vũ Đình Liên là một người cũ. Từ khi phong trào Thơ Mới ra đời, ta đã thấy có thơ Vũ Đình Liên trên các báo. Người cũng ca ngợi tình yêu như hầu hết mọi nhà thơ hồi bấy giờ. Nhưng hai nguồn thi cảm ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác "*Ông đồ*"... Ít khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như vậy. Tôi tưởng như đọc lời sám hối của cả bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đương đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mạt sát họ hủ lậu. Cái cảnh thương tâm của nền Nho học mạt vận chúng ta vô tình không lưu ý. Trong bọn chúng ta vẫn có một hai người ca tụng đạo Nho và các nhà nho. Nhưng chế giễu mạt sát thì không nên, mà ca tụng cũng không được. Phần đông các nhà Nho còn sót lại chỉ đáng thương. Không nghiên cứu, không lí luận, Vũ Đình Liên với một tấm lòng, dễ cảm nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lí hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của người có thể xem là một việc nghĩa cử.

(*Thi nhân Việt Nam,* NXB Văn học, Hà Nội, 2003)

# CÂU NGHI VẤN

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Khái niệm câu nghi vấn;

- Đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn

Câu nghi vấn là loại câu dùng để hỏi, nêu lên điều chưa rõ về sự vật, sự việc... và cần được giải đáp.

Câu nghi vấn thường sử dụng những từ nghi vấn *ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hả, chứ, (có)... không, (đã... chưa,...* ) hoặc có từ *hay* (nối các vế có quan hệ lựa chọn).

Ví dụ:

*Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha:*

- *Sáng ngày người ta đấm u* ***có*** *đau lắm* ***không****?* (Ngô Tất Tố)

*Em được thì cho anh xin*
***Hay*** *là em để làm tin trong nhà?* (Ca dao)

Ở dạng viết, câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Ở dạng nói, câu nghi vấn có ngữ điệu nghi vấn (thường lên giọng ở cuối câu).

### II. Chức năng của câu nghi vấn

Câu nghi vấn có chức năng chính là dùng để hỏi. Ngoài ra, câu nghi vấn còn dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc...

Ví dụ:

+ Câu nghi vấn dùng để cầu khiến.

*- Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!* (Ngô Tất Tố)

+ Câu nghi vấn dùng để bộc lộ tình cảm.

*Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sau mẹ đi lâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi của con mà con người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa! Mẹ xa con, mẹ có biết không?* (Nguyên Hồng)

+ Câu nghi vấn dùng để khẳng định.

*Chị Dậu run run:*

*- Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bê tiền sưu của nhà nước đâu? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khất...* (Ngô Tất Tố)

+ Câu nghi vấn dùng để phủ định.

*Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bặt, già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn.* (Nam Cao)

Đọc đoạn trích trong SGK trang 11 và trả lời câu hỏi.

a) Các câu nghi vấn trong đoạn trích:

*- Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?*

Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn trên: có các từ để hỏi: *có... không* và kết thúc bằng dấu chấm hỏi:

*- Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá?*

Đặc điểm hình thức của câu nghi vấn trên: có từ nghi vấn *làm sao,* từ *hay,* để nối các vế có quan hệ lựa chọn và các câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

b) Các câu nghi vấn trong đoạn trích trên có chức năng chính là dùng để hỏi.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này có hai yêu cầu:

- Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích ở SGK trang 11.

- Dựa vào những đặc điểm hình thức nào để biết đó là câu nghi vấn.

Để làm được bài tập này, các em cần:

- Đọc kĩ những đoạn trích trong SGK.

- Dựa vào những đặc điểm hình thức: có những từ nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

a) Đoạn trích (a) có một câu nghi vấn: *Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không?*

Đặc điểm hình thức để nhận biết đó là câu nghi vấn: Có từ nghi vấn: *phải không* và kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

b) Đoạn trích (b) có một câu nghi vấn: *Tại sao con người lại phải như thế?*

c) Đoạn trích (c) có hai câu nghi vấn: *Văn là gì? Chương là gì?*

Đặc điểm hình thức để nhận biết đó là câu nghi vấn: Câu có từ nghi vấn *gì* và được kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

d) Đoạn trích (d) có bốn câu nghi vấn:

- *Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?*

- *Đùa trò gì?*

- *Cái gì thế?*

- *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?*

Đặc điểm hình thức để nhận biết là các câu nghi vấn: Có các từ nghi vấn: *không, gì, hả, gì thế* và đều được kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Cơ sở để xác định những câu cho ở bài tập trong SGK trang 12 là câu nghi vấn.

- Có thể thay từ *hay* bằng từ *hoặc* trong những câu nghi vấn đó được không? Giải thích vì sao có thể thay được hay không thay được.

- Có thể xác định các câu đã cho trong bài tập là những câu nghi vấn, đặc điểm hình thức của các câu nghi vấn đó là đều có từ *hay* - nối các vế trong câu có quan hệ lựa chọn và và kết thúc câu bằng dấu chấm hỏi.

- Trong các câu trên, không thể thay từ *hay* bằng từ *hoặc* được vì *hoặc* dùng để biểu thị quan hệ giữa nhiều khả năng khác nhau, không khả năng này thì khả năng kia, ít nhất có một khả năng được thực hiện.

Ví dụ: ***Hoặc** anh **hoặc** tôi, một người phải ở lại.*

*Chiều nay **hoặc** sáng mai anh ấy sẽ đến.*

Từ *hay* biểu thị quan hệ lựa chọn giữa hai điều được nói đến, có điều này thì không có điều kia, và ngược lại. Câu ca dao là cách ướm duyên của chàng trai, vừa tình tứ vừa có chút băn khoăn. Còn trong câu văn của Nguyên Hồng, từ *hay* được dùng để thể hiện sự băn khoăn, ngạc nhiên và niềm hạnh phúc vô bờ của cậu bé Hồng về sự tươi trẻ của người mẹ sau bao ngày xa cách.

**3.** Bài tập này nêu hai yêu cầu:

- Xem xét những câu đã cho trong SGK trang 13 có phải là câu nghi vấn hay không?

- Có thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối những câu đó được không? Và giải thích vì sao?

Các câu đã cho trong bài tập đều có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn:

*Không* (câu a), *tại sao* (câu b), *nào* (câu c), *ai* (câu d) nhưng chúng không phải là từ nghi vấn và những câu này không có chức năng chính là để hỏi, hay để cầu khiến, khẳng định, phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... Do đó, không thể đặt dấu chấm hỏi ở cuối những câu ấy.

**4.** Bài tập này yêu cầu các em phân biệt hình thức và ý nghĩa của hai câu:

*a. Anh có khỏe không?*

*b. Anh đã khỏe chưa?*

Về hình thức, có thể nhận thấy hai câu trên là hai câu hỏi:

- Câu a: Có cặp từ nghi vấn ... *có... không* và kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

- Câu b: Có cặp từ nghi vấn ... *đã... chưa...* và kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

Nhưng về ý nghĩa, hai câu trên hoàn toàn khác nhau:

- Câu a: *Anh có khoẻ không?* Có thể hiểu là một lời chào, một lời hỏi thăm bình thường, không nhằm mục đích để biết tình trạng sức khoẻ của người được hỏi.

- Câu *Anh đã khoẻ chưa?* Có thể hiểu là một lời hỏi thăm sức khoẻ với mục đích muốn biết rõ tình trạng sức khoẻ của người được hỏi *khoẻ/chưa khoẻ*.

Có thể xác định câu trả lời thích hợp cho từng câu như sau:

*a) Anh có khoẻ không?*

*Tôi khỏe/ Dạo này tôi không được khoẻ cho lắm.*

*b) Anh đã khoẻ chưa?*

*Tôi đã khoẻ rồi/ Tôi vẫn chưa khoẻ.*

**5.** Bài tập này yêu cầu các em nêu sự khác nhau về hình thức và ý nghĩa của hai câu dẫn trong bài tập trang 13.

*a) Bao giờ anh đi Hà Nội?*

*b) Anh đi Hà Nội bao giờ?*

Về hình thức, đây đều là hai câu hỏi nhưng cách thức diễn đạt khác nhau. Ở đây (a) từ nghi vấn *bao giờ* được đặt ở đầu câu, nhưng ở câu (b) lại được đặt ở cuối câu.

- Trong câu (a), *bao giờ* dùng để hỏi về việc *anh đi Hà Nội*, sẽ diễn ra vào thời điểm nào. Câu này thường được dùng để hỏi về một sự việc sắp xảy ra.

- Trong câu (b), *bao giờ* để hỏi về việc *anh đi Hà Nội* là xảy ra vào lúc nào, ở đây người hỏi không biết cụ thể, ít nhiều ngạc nhiên. Câu này được hiểu là anh đã đi Hà Nội và đã trở về, và thường được dùng để hỏi về thời gian một sự việc đã xảy ra.

**6.** Bài tập này yêu cầu các em xác định trong hai câu nghi vấn dẫn ở bài tập là đúng hay sai? Giải thích vì sao?

*a) Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế?*

*b) Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế?*

*Gợi ý:*

Về mặt lô-gíc, ta có thể thấy: mặc dù không biết chính xác đồ vật, nhưng ta có thể cảm nhận vật đó nặng hay nhẹ (qua việc bưng vác, khuân...) nhưng khi ta không biết giá của một vật là bao nhiêu thì không thể kết luận vật đó rẻ hay đắt.

Trên cơ sở đó, các em có thể kết luận: câu (a) là đúng, câu (b) là sai.

# VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

Mục đích của bài học giúp các em biết cách viết một đoạn văn thuyết minh.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Khi làm bài văn thuyết minh, cần xác định các ý lớn, mỗi ý viết thành một đoạn văn. Trong mỗi đoạn văn, cần trình bày rõ ý chủ đề của đoạn, tránh lẫn ý của đoạn văn khác.

Các ý trong đoạn văn cần sắp xếp theo thứ tự cấu tạo của sự vật, thứ tự nhận thức (từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào trong, từ xa đến gần), thứ tự diễn biến sự việc trong thời gian trước sau hay theo thứ tự chính phụ (cái chính nói trước, cái phụ nói sau).

**I. Nhận dạng các đoạn văn thuyết minh**

Đoạn văn là bộ phận của bài văn. Viết tốt đoạn văn là điều kiện để làm tốt bài văn. Đoạn văn gồm hai câu trở lên, được sắp xếp theo thứ tự nhất định.

Đọc các đoạn văn thuyết minh, nêu cách sắp xếp các câu trong đoạn văn (câu chủ đề, từ ngữ chủ đề và các câu giải thích, bổ sung).

Trong đoạn trích (a), câu chủ đề đứng ở đầu đoạn: *Thế giới đang đứng trước nguy cơ thiếu nước sạch nghiêm trọng.* Trong đó, từ ngữ chủ đề là: *nước sạch*. Từ chủ đề này có ở các câu còn lại của văn bản với nhiệm vụ duy trì đề tài trong văn bản.

Sau câu chủ đề là câu giải thích bổ sung:

- Nước ngọt chỉ chiếm 3% tổng lượng nước trên trái đất.

- Lượng nước đó đang bị ô nhiễm bởi các chất thải công nghiệp.

- Ở các nước nghèo, hơn một tỉ người phải uống nước bị ô nhiễm.

- Đến 2005, 2/3 dân số thế giới sẽ thiếu nước.

Trong đoạn trích (c), câu chủ đề đứng ở đầu đoạn: *Phạm Văn Đồng (1906 - 2000): Nhà cách mạng nổi tiếng và nhà văn hóa lớn, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.* Trong đó, từ ngữ chủ đề là *Phạm Văn Đồng*. Từ chủ đề này ở các câu còn lại của văn bản được thế bằng đại từ nhân xưng *ông* có nhiệm vụ duy trì đề tài trong văn bản.

Sau câu chủ đề là các câu giải thích, bổ sung:

- Ông tham gia cách mạng từ năm 1925, giữ nhiều vị trí quan trọng trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, từng là Thủ tướng Chính phủ trên ba mươi năm.

- Ông là học trò và người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

## II. Sửa lại các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn

Đọc các đoạn văn trong SGK trang 14, nêu nhược điểm và cách sửa.

a) Đoạn văn (a) thuyết minh về bút bi nhưng lộn xộn và chưa mạch lạc.

Có thể sửa lại như sau: Trước tiên giới thiệu cấu tạo, vỏ bút, các loại bút (bút có nắp đậy và bút không có nắp đậy). Sau đó giới thiệu cách sử dụng bút bi không có nắp đậy: khi viết cần làm gì, khi thôi viết cần làm gì.

b. Đoạn văn (b) thuyết minh về chiếc đèn bàn nhưng lộn xộn và cũng thiếu mạch lạc.

Có thể sửa lại như sau: Giới thiệu đèn có ba phần: (1) đế đèn; (2) phần thân đèn gồm có ống thép, dây điện, công tắc, đui đèn, bóng đèn; (3) chao đèn gồm khung sắt và vải lụa.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn Mở bài và Kết bài cho đề bài: *Giới thiệu trường em.*

*Gợi ý:*

- *Mở bài:* cần nêu khái quát về ngôi trường em đang học: vị trí, đặc điểm bên ngoài, cấu trúc phòng học...

- *Kết bài:* cảm xúc về ngôi trường.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn văn thuyết minh với chủ đề: *Hồ Chí Minh lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam.*

*Gợi ý:* Các vấn đề cần trình bày: giới thiệu tóm tắt quê quán Hồ Chí Minh, năm Bác ra đi tìm đường cứu nước, sự lãnh đạo tài tình của Người trong hai cuộc kháng chiến đã đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi, những chức vụ quan trọng mà Người đã giữ...

**3.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn văn giới thiệu bố cục sách *Ngữ văn 8,* tập một.

*Gợi ý:*

Sách *Ngữ văn 8,* tập một gồm 17 bài học. Mỗi bài thường gồm có ba phần: Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn. Tuy nhiên không phải bài nào cũng có đủ ba phần, có bài chỉ có hai phần, có bài lại thêm cả phần Ôn tập và Kiểm tra. Trong đó, mỗi phần lại có cách trình bày phù hợp với đặc điểm riêng:

- Phần Văn, thường có các mục: văn bản, chú thích, đọc – hiểu văn bản, ghi nhớ, luyện tập.

- Phần Tiếng Việt, thường có các mục: bài tập hướng dẫn, ghi nhớ, luyện tập.

- Phần Tập làm văn thường có các mục: bài tập hướng dẫn, ghi nhớ, luyện tập.

BÀI 19

# QUÊ HƯƠNG

***Tế Hanh***

## Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Tế Hanh thuộc lớp nhà thơ cuối cùng của phong trào "Thơ Mới". Thi đề quen thuộc của ông trước cách mạng là tình yêu và cảnh sắc làng quê. Tình yêu được thần thánh hóa và không thoát ra khỏi nẻo đường nhỏ hẹp chán nản. Nhưng phần sâu đậm trong thơ ông lại dành cho quê hương đất nước.*

*Tế Hanh tâm sự: "...Tôi nghĩ người làm thơ phải xuất phát từ thực tế của cuộc đời và sự sống, phải có trách nhiệm với ngòi bút của mình. Tôi không tin vào những trường phái cho thơ là huyền bí, viết được là do những thần linh mộng ảo bên ngoài. Thơ phải gắn liền với dân tộc và đất nước. Trái tim của nhà thơ rung động theo những chuyển biến quan trọng của lịch sử. Nhưng nhà thơ không nên chạy theo thời sự hàng ngày và biến sáng tác của mình thành những bài báo thông thường"(*).*

## 1. Phân tích cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi (từ câu 3 đến câu 8) và cảnh đón thuyền cá về bến (8 câu tiếp theo). Hình ảnh người dân chài và cuộc sống làng chài được thể hiện trong hai cảnh này có nét gì nổi bật đáng chú ý?

### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc kĩ đoạn thơ từ "Khi trời trong..." đến "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Đoạn thơ này miêu tả về những cảnh tượng gì? Thông qua những hình ảnh và chi tiết nào? Cách lựa chọn chi tiết và cách sử dụng ngôn ngữ miêu tả đặc sắc ở chỗ nào. Cần chú ý đến những tính từ miêu tả con thuyền, cá, người dân đánh cá...

---

*Mã Giang Lân - *Tác phẩm văn học 1930-1975* - NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1990, trang 89.

*b. Gợi ý trả lời*

Bài thơ "*Quê hương*" là một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển miền Trung. Trong bức tranh ấy, nổi bật lên khung cảnh người dân tấp nập ra khơi đánh cá và đón thuyền trở về mang theo những "khoang cá đầy ghe".

Khung cảnh ra khơi đánh cá của dân làng chài được mở ra bằng một "buổi sớm mai hồng". Câu thơ có cái bao la của "trời trong" và dịu mát của gió nhẹ. Đó là một buổi bình minh thật đẹp, trời yên bể lặng mở ra một ngày mới đầy hứa hẹn. Các tính từ rất chọn lọc, tạo nên hình ảnh rất đẹp sáng trong và dịu mát. Giọng thơ nhỏ nhẹ, tâm tình, như có tiếng reo vui:

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*
*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá*

Trong khung cảnh đó, những chàng trai cường tráng, khỏe mạnh dong buồm ra khơi trong niềm vui phơi phới. Niềm vui đi chinh phục biển cả và khí thế ra khơi của bà con dân chài được thể hiện qua những hình ảnh so sánh rất mới mẻ và đầy ấn tượng. Chiếc thuyền bình dị trở thành "con tuấn mã" lướt sóng ra khơi. Câu thơ tạo nên một hình ảnh đẹp, khỏe khoắn, trẻ trung diễn tả được khí thế hăng hái, phấn khởi trong lúc lên đường. Một loạt động từ được nhà thơ sử dụng rất xác đáng: "hặng, phăng, vượt..." tạo thành vẻ đẹp của sự khoẻ khoắn, mạnh mẽ, hăng say, khiến ta liên tưởng mái chèo như những lưỡi kiếm khổng lồ chìm xuống nước dứt khoát và đầy dũng khí, đưa con thuyền "vượt trường giang". Dù nhà thơ không nói, không "tự khoe" nhưng chỉ thế thôi cũng đủ cho người đọc cảm nhận được vẻ đẹp khỏe khoắn, tinh thần phấn khởi, khí thế hào hứng lao động của những chàng trai dân biển. Khi con thuyền đã ra khơi thì hình ảnh nổi bật giữa bao la biển cả chính là "cánh buồm giương to như mảnh hồn làng". Cánh buồm ấy là thành quả lao động sáng tạo của người dân chài và cũng là biểu tượng của hồn quê dạt dào sức sống. Và cánh buồm ấy vẫn rướn thân mình để đón gió của biển cả bao la, tạo nên sức mạnh phi thường đưa con thuyền lướt sóng ra khơi xa. Trong câu thơ như có tiếng reo vui, đầy tự hào, con mắt ngưỡng mộ của nhà thơ trước khung cảnh ra khơi của dân làng.

Nhưng với Tế Hanh, nhớ nhất và yêu nhất chính là cảnh "dân làng tấp nập đón ghe về":

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*
*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*... Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

Nghe trong câu thơ có tiếng reo vui rộn rã của những người dân chài đón thành quả của một ngày đêm vất vả với sóng gió. Niềm vui sướng ấy như đang tràn ngập trong lòng người, lan tỏa cả không gian. Cảnh "đón ghe về" thực sự trở thành ngày hội lao động của bà con ngư dân. Sự vất vả trong suốt một ngày chinh phục biển cả của những chàng trai khỏe khoắn và dũng cảm đã được đền đáp một cách xứng đáng bằng "những con cá tươi ngon thân bạc trắng" xếp đầy ghe. Được mùa cá, vui sướng trong niềm vui ấm no, hạnh phúc, bà con làng chài khẽ thốt lên lời cảm tạ trời đất đã cho biển lặng, sóng êm, đoàn thuyền ra khơi trong yên bình và trở về đầy ắp cá. Sự cầu mong và niềm tin thánh thiện vào trời đất ấy đã biểu lộ tấm lòng mộc mạc, hồn hậu của những con người suốt đời gắn bó, thủy chung, vui sướng, hoạn nạn cùng với biển. Nhưng để có được thành quả ấy là sự lao động cần cù của những con người "làn da ngăm rám nắng. Cả thân hình nồng thở vị xa xăm". Câu thơ mộc mạc như một nét vẽ đơn sơ về hình ảnh những người dân chài khỏe khoắn và can trường. Trong cơ thể, trong tâm hồn của họ như mang cả hương vị của biển đậm đà và dân dã biết bao. Nghe trong câu thơ như có hơi thở nhẹ nhàng, khoan khoái, khi hoàn thành công việc trong niềm vui chiến thắng. Đến con thuyền mới hôm qua phải vươn mình ra với sóng cả hôm nay cũng trở về nghỉ ngơi trên bến:

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*
*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*

Tâm hồn nhà thơ thật tinh tế, nhạy cảm khi lắng "nghe" được sự gian lao, mệt mỏi của con thuyền sau một chuyến ra khơi. Chiếc thuyền được nhân hóa trở nên thân thương, gần gũi biết bao. Nhưng tài tình nhất là Tế Hanh "nghe" thấy cả "chất muối thấm dần trong thớ vỏ" của những con thuyền đang nghỉ ngơi trên bãi. Một sự chuyển đổi cảm giác đầy thi vị! Chắc chỉ Tế Hanh mới có! Bởi bến quê, cuộc sống lao động, vật lộn với sóng cả để mưu sinh của con

người nơi đây đã trở thành một mảnh tâm hồn của người con li hương. Vần thơ giản dị mà giàu cảm xúc, mang tính triết lí về lao động trong thanh bình.

Chỉ bằng một vài chi tiết chọn lọc, qua kí ức của nhà thơ, hình ảnh về làng chài với chiếc thuyền, cánh buồm, người dân khoẻ khoắn đã được tái hiện một cách sinh động và nồng ấm bởi cái vị mặn mòi của biển và cái nồng nàn trong trái tim nhà thơ.

**2. Phân tích các câu thơ**

***- Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng***
***Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...***
***- Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,***
***Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.***

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đây là yêu cầu phân tích các câu thơ cụ thể nên trước hết cần đọc kĩ những câu thơ đó. Tìm ra những cái hay trong ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của câu thơ. Liên hệ với những câu khác để thấy được sự sáng tạo của tác giả trong các câu thơ này. Bằng chính cảm xúc của mình hãy lắng nghe dư vị đằng sau câu chữ.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ được mở ra với khung cảnh rất đẹp của buổi ra khơi trong gió nhẹ, nắng hồng. Có cảm tưởng nhà thơ đang lặng ngắm đoàn thuyền hăng hái ra khơi và ánh mắt ấy như dõi theo mãi:

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*
*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

Hai câu thơ miêu tả rất cụ thể hình ảnh cánh buồm có màu sắc (trắng), có hình khối (to) và hoạt động (rướn). Cánh buồm là một vật hữu hình nhưng đã được nhà thơ ví với "mảnh hồn làng" là một khái niệm vô hình, trừu tượng thì quả là độc đáo. Câu thơ đã thể hiện nét tinh tế, sâu sắc trong hồn thơ Tế Hanh. Bởi với những cư dân làm nông nghiệp thì mái đình cổ kính, cây đa, rặng tre xanh hay những cánh đồng thẳng cánh cò bay chất chứa hồn quê, hồn làng của họ. Còn với những ngư dân của một vùng biển Trung Bộ, cuộc đời gắn với biển

cả thì cánh buồm, con thuyền chính là nơi gửi gắm hồn quê, tình người. Ở đây Tế Hanh đã cảm nhận rất rõ con thuyền ra khơi như mang theo tâm hồn của dân làng với những nỗi lo toan, niềm tin yêu và hi vọng. Động từ "rướn" được sử dụng rất đắc địa. Bởi đó là hoạt động chỉ có thể có ở con người hay động vật sống, và diễn tả sự cố gắng, sự phấn đấu để tiến lên. Với nghệ thuật so sánh và nhân hóa độc đáo đã khiến cánh buồm ấy trở nên có hồn hơn, gần gũi hơn với đời sống của người dân làng chài. Ẩn chứa đằng sau hình ảnh chính là sức sống, khí thế lao động và khát vọng về ấm no hạnh phúc, gợi lên một hình ảnh rất đẹp về một cánh buồm lớn như ôm trọn cả bầu trời bao la, căng gió biển khơi. Cánh buồm như thâu góp vào trong nó bao sức sống, tâm hồn của con người và sinh khí của biển cả bao la. Nó như mang theo tất cả niềm tin của người dân vào công cuộc chinh phục biển cả, luôn vươn mình về phía trước.

Tế Hanh yêu quê là yêu "mảnh hồn làng" thân thương ấy và yêu cả những con người ngày đêm vật lộn với gió to sóng cả trong công cuộc mưu sinh.

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*
*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.*

Nghe trong câu thơ có gì đó bình dị mà thân thương vô cùng. Một nét vẽ rất chân thực mà nồng nàn tình yêu quê của Tế Hạnh về những chàng trai của làng chài với "làn da ngăm rám nắng". Tế Hanh không cố tình ngợi khen nhưng người đọc cũng cảm nhận được vẻ đẹp của sự khoẻ mạnh, cường tráng của những con người đã được tôi luyện trong sóng gió đại dương, trong mưa nắng dãi dầu. Thì ra, đằng sau làn da rám màu thời gian của sương gió biển khơi ấy là cả sức sống, khí thế lao động của những người dân bình dị. Vị mặn mòi của biển cả như đã thấm cả vào làn da, thớ thịt, vào tâm hồn họ. Hai chữ "nồng thở" chân phương mà có sức gợi cảm biết bao về tình yêu, sự gắn bó của người và biển.

Trong hồn thơ của thi nhân thuộc lớp cuối cùng của phong trào Thơ Mới đã có cái bình dị, mộc mạc của cuộc sống lao động nhưng cũng không thể thiếu nét lãng mạn, bay bổng. Những câu thơ trên là minh chứng hết sức cụ thể.

**3. Hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với cảnh vật, cuộc sống và con người quê hương ông**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại bài thơ và chú ý đến cách miêu tả của tác giả về cảnh dân làng dong thuyền ra khơi, cảnh đón ghe về, về những con người chài lưới. Nhưng nói lên cụ thể tình cảm tha thiết của nhà thơ với quê hương là đoạn cuối. Có thể liên hệ với những kiến thức về hoàn cảnh sáng tác để hiểu đoạn thơ và tâm sự của tác giả.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ không hấp dẫn người đọc ở vẻ đẹp tân kì của những ngôn từ lấp lánh mà ở vị nồng nàn, đằm thắm của tình quê. Những câu thơ mới đọc nghe như lời giới thiệu đơn thuần về cuộc sống của một làng chài ven biển Trung Bộ nhưng thắm đượm trong đó là tình yêu, sự gắn bó của người con với "đất mẹ" thân yêu. Không có tình yêu, nỗi tự hào thì làm sao Tế Hanh có thể vẽ nên những hình ảnh đẹp, lãng mạn như thế về cuộc sống lao động và con người nơi đây. Và không gắn bó thì làm sao nhà thơ có thể cảm nhận được gian lao, mệt mỏi của cuộc sống lao động và tinh tế lắng nghe được chất muối mặn đang ngấm dần vào từng thớ vỏ:

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*
*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Và tình yêu ấy như cứ đẩy lên mãi khiến nhà thơ phải cất lên thành những lời thơ da diết:

*Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ*
*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*
*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*
*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*

Đang say sưa trong bức tranh quê về cuộc sống của dân làng chài, người đọc bỗng giật mình khi đọc câu thơ này. Thì ra đây chỉ là hình ảnh được gợi tả qua trí nhớ của nhà thơ mà sao sinh động, cụ thể đến thế. Một làng quê, một vạn chài mộc mạc mà sao lại có sức hút, sức gợi kì diệu khiến người con li hương ở một nơi nào đó, thời gian xa

cách, không gian mênh mông không định, mà hễ gặp một cánh buồm, màu nước xanh là hình ảnh quê lại dội về, thao thức. Điệp từ "nhớ", làm cho giọng thơ thiết tha, bồi hồi, sâu lắng. Khi xa quê nhà thơ nhớ về những gì thân thương, gần gũi nhất với cuộc sống của người dân miền biển: màu nước xanh của biển, những con cá bạc xếp đầy ghe. Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền rẽ sóng ra khơi đánh cá... Nhưng Tế Hanh còn nhớ cả đến "cái mùi nồng mặn" của biển, của quê hương thì thực sự làm người đọc bất ngờ. Bởi ông không chỉ nhớ về quê hương bằng tâm trí, mà mở rộng cả giác quan để cảm nhận, để thấm thía vị quê, hồn quê. Bởi không yêu, nhớ đến da diết, nồng nàn thì làm sao ông có thể cảm được cái vị quê dân dã mà đằm thắm ấy. Nỗi nhớ, tình cảm với quê hương của Tế Hanh dường như đã lan tỏa, thấm vào từng câu, từng chữ. Chợt nhớ đến hai câu thơ của Chế Lan Viên, ta bỗng thấy sao thấm thía:

*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*
*Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.*

Có lẽ đối với Tế Hanh, quê hương không chỉ là tên đất, tên làng mà đã trở thành "mảnh hồn" sâu kín, đằm thắm và nồng đượm nhất.

**4. Bài thơ có những nét đặc sắc nghệ thuật gì nổi bật? Theo em, bài thơ được viết theo phương thức miêu tả hay biểu cảm, tự sự hay trữ tình?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Để trả lời được câu hỏi này, cần chú ý vào những yếu tố tạo nên nghệ thuật của bài thơ: ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, biện pháp tu từ... Hãy chú ý đây là nhà thơ thuộc thế hệ cuối cùng của phong trào Thơ Mới, nên có thể vận dụng những kiến thức về các nhà thơ khác để so sánh.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ được viết theo thể thơ 8 chữ. Thể thơ này đến với Tế Hanh đã khá ổn định, cách bắt nhịp biến hóa, nhịp nhàng, âm thanh giàu sắc độ. Cách gieo vần cuối mỗi câu thơ làm cho nhịp thơ uyển chuyển (sông - hồng; cá - mã, giang - làng, gió - đỗ...), câu thơ như kéo dài mãi ra theo dòng cảm xúc. Cung bậc của âm thanh trong thơ hay cũng là

cung bậc của tâm trạng: có lúc reo vui, phấn khởi trong buổi ra khơi và tấp nập đón ghe về, có khi lại trầm lắng, yên tĩnh, thẳm sâu trong dáng nghỉ ngơi của con thuyền trên bãi.

Là một thành viên của "làng thơ Mới" trong thơ ông vẫn có cái lãng mạn trong một số nét vẽ, nhưng cái đẹp nhất ở thơ ông chính là sự giản dị, mộc mạc trong câu chữ. Từ lối vào đề giản dị như lời tâm sự: "Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới..." đến cách nói như mang hương vị của ca dao, dân ca: "Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe". Ta bắt gặp đâu đó trong ca dao Việt Nam niềm tin thánh thiện đó:

*- Ơn trời mưa nắng phải thì,*
*Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.*
*- Nhờ trời hạ kế sang đông,*
*Làm nghề cày cấy, vun trồng tốt tươi...*

Đọc *"Quê hương"* của Tế Hanh, ta không bắt gặp những hình ảnh mĩ lệ, câu chữ cầu kì, hiện đại của văn thơ phương Tây nhưng sao ta vẫn nhớ, vẫn yêu thơ ông đến thế. Có lẽ, sức hút kì diệu nhất chính là ở cái chân chất, mộc mạc của câu chữ và nồng đượm, ấm áp của tình yêu quê hương. Tế Hanh mang vị mặn mòi của biển, của chốn quê vào thơ và như truyền nó sang người đọc khiến ta bỗng thấy nhớ, thấy yêu một miền quê ngai ngái mùi cá, mặn chát mùi muối biển mà một lần nào đó ta đã đi qua.

**Tài liệu tham khảo**

**1.** "Chủ đề quen thuộc và thành công hơn cả của Tế Hanh là tình cảm với miền Nam quê hương, là ý chí đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Nhiều bài thơ của ông trong số những bài thơ tiêu biểu cho đề tài của thơ ca Việt Nam đương thời: *Nhớ con sông quê hương, Chiêm bao, Nói chuyện với sông Hiền Lương, Mặt quê hương...* Phong cảnh và con người quê hương thường được tái hiện với tình cảm khi lắng đọng, khi dào dạt, những điều thiết tha, chân thành trong những kỉ niệm tươi thắm. Đồng thời, Tế Hanh cũng viết về cuộc sống Xã hội chủ nghĩa mới của miền Bắc, ngợi ca những biến đổi cách mạng trong những biểu hiện bình thường của cuộc sống hàng ngày, ca ngợi hạnh phúc bình dị của cuộc sống mới.

Trong thơ Tế Hanh, cảm xúc chân thực thường được diễn đạt bằng lời thơ giản dị, tự nhiên, giàu hình ảnh. Tiếng nói nhỏ nhẹ, hiền hòa bình dị nhưng không kém phần tha thiết đã giúp cho thơ Tế Hanh dễ dàng đến được với người đọc.

(Nguyễn Văn Long *Từ điển văn học*, tập hai,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984)

**2.** "Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương", như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cả thế giới những tình cảm ta đã âm thầm cho cảnh vật: sự mỏi mệt, say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn, sầu tủi của một con đường. Tế Hanh luôn nói đến những con đường. Cũng phải, trên những con đường ngưng lại biết bao nhiêu bâng khuâng, hồi hộp!

(Hoài Thanh, Hoài Chân *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội 2003)

# KHI CON TU HÚ

***Tố Hữu***

## Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4-10-1920 tại làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong một gia đình nhà nho nghèo. Năm 13 tuổi, Tố Hữu vào trường Quốc học Huế. Lớn lên giữa lúc phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản*

*Đông Dương lãnh đạo đang phát triển mạnh mẽ, trong thời kì Mặt trận Dân chủ, Tố Hữu sớm giác ngộ. Tố Hữu đã từng bị giặc Pháp bắt và bị giam ở nhiều nhà lao các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. 3-1942, Tố Hữu vượt ngục Đắc Lay, trở về gây dựng cơ sở và hoạt động bí mật tại Thanh Hóa. Ông đã từng giữ nhiều chức vụ cao cấp trong Đảng và chính quyền.*

*Tố Hữu từ trần ngày 9-2-2002 tại Bệnh viện 108 - Hà Nội.*

*Tố Hữu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ngay từ năm 1936, ông bắt đầu có thơ đăng báo. Trong suốt những tháng ngày bị giam ở các nhà lao, Tố Hữu vừa rèn luyện ý chí vừa làm thơ cách mạng.*

*Đời thơ Tố Hữu luôn song hành với đời hoạt động cách mạng của ông.*

*Năm 1946, tập thơ đầu tay "Thơ" ra đời với 3 phần "Máu lửa", "Xiềng xích" và "Giải phóng", tương ứng với 3 chặng đường hoạt động của Tố Hữu từ 1937 - 1946. Sau này tập thơ được đổi tên thành "Từ ấy". Với "Từ ấy", Tố Hữu đã xây dựng được một lòng tin sắt đá vào Cách mạng và văn học cách mạng của cả nhà văn lẫn bạn đọc.*

*Thơ ông được tập hợp trong "Việt Bắc" (1947 - 1954). Chính ở đây, hình ảnh người dân thường yêu nước được khắc họa thành một "biểu tượng mĩ học cho cả một giai đoạn thơ ca".*

*Từ sau 1954, khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Tố Hữu đã thể hiện không khí phấn đấu của thời đại trong tập "Gió lộng" (1955 - 1961). Ngay sau đó là tập thơ kháng chiến chống Mỹ cứu nước "Ra trận" (1962 - 1971) và "Máu và Hoa" (1972 - 1977) với những tình cảm phổ quát, đề tài mang tính thời sự, chính trị sâu sắc và có tính biểu tượng cao. Phẩm chất nhân dân trong thơ Tố Hữu ngày càng nhuần nhuyễn.*

*Những năm còn lại của cuộc đời, Tố Hữu cho in tập "Một tiếng đờn" (1992) và "Ta với ta" (1999). Vẫn nguồn đề tài quen thuộc là đời sống cách mạng, đời sống nhân dân nhưng ở đây, giọng thơ chùng xuống, thâm trầm, đượm sắc chiêm nghiệm. Tuy vậy, đằng sau đó người ta vẫn đọc thấy một tấm lòng "mới bảy mươi sao đã gọi là già", vẫn trăn trở yêu thương cuộc đời này.*

*Những tập thơ ấy, với cả những bài đăng rải rác chưa được tập hợp lại, có thể gọi là những mốc biên niên sử cho cả cuộc đời thơ cũng như cuộc đời thực của Tố Hữu mà ở chặng nào cũng giống một lí tưởng, một ý nguyện cống hiến, dấn thân. Cho tới tận phút cuối cuộc đời, thơ ông vẫn thao thức một niềm xả thân vì nghĩa ấy:*

*Sống là cho mà chết cũng là cho*

**1. Nên hiểu nhan đề bài thơ như thế nào? Hãy viết một câu văn có bốn chữ đầu là "Khi con tu hú" để tóm tắt nội dung bài thơ. Vì sao tiếng tu hú kêu lại tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ như vậy?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc bài thơ và tìm sự liên quan giữa nhan đề và nội dung của cả bài thơ. Liên hệ đến hoàn cảnh sáng tác để hiểu được tại sao tác giả lại đặt cho bài thơ của mình nhan đề đó.

***b. Gợi ý trả lời***

Thi phẩm là "đứa con tinh thần" của nhà thơ sau những ngày "mang nặng đẻ đau", ấp ủ ý tứ. Chính vì thế không vô cớ, tùy tiện tác giả lại đặt một cái tên vô nghĩa cho đứa con của mình. Cũng có khi nhan đề chính là hình tượng, nội dung chính của tác phẩm... nhưng có khi chỉ đơn giản là "cái cớ" để gợi mở cảm hứng sáng tác của thi nhân. Nhan đề bài thơ của Tố Hữu thuộc loại thứ hai. Đơn giản thế nhưng không có nghĩa là thiếu thi vị và sức khái quát. *"Khi con tu hú"* đọc lên nghe có vẻ giản đơn quá chăng, thậm chí chưa đủ để làm một trạng ngữ nếu xét theo chức năng cú pháp. Nhưng đằng sau sự "tiết kiệm" ngôn từ ấy là cả một dụng ý nghệ thuật, một sự hàm chứa bao ý nghĩa sâu sắc. Bởi đó chính là âm thanh làm sống dậy trong lòng người tù cả một thế giới rộn ràng, sôi sục. Tiếng chim tu hú vọng qua song sắt nhà tù và cũng chính là tiếng gọi của cuộc sống, có sức thức tỉnh, thôi thúc mãnh liệt. Và chính vì thế mà tiếng chim tu hú đã có sức tác động mạnh mẽ đến tâm trạng của một người tù - chiến sĩ cách mạng luôn mang sẵn trong mình nhiệt huyết sục sôi.

Con tu hú cất tiếng gọi mùa hè, đã làm thức dậy trong lòng người tù đã thức dậy cả một thế giới sống động, rực rỡ và làm trào dâng nỗi nhớ, niềm uất ức, khát khao tự do đến cháy bỏng trong tâm hồn người chiến sĩ.

**2. Nhận xét về cảnh mùa hè miêu tả trong 6 câu đầu. Những chi tiết nào khiến em có nhận xét đó**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ sáu câu thơ từ đầu đến "...lộn nhào từng không". Dựa vào

những chi tiết, từ ngữ miêu tả: âm thanh, màu sắc, không gian... để đưa ra nhận xét. Cần lí giải tại sao tác giả lại sử dụng những hình ảnh đó.

***b. Gợi ý trả lời***

Mùa hè được phác họa bằng những câu thơ thật sống động, tươi vui. Nó được gợi mở bằng chính âm thanh rất đặc trưng:

*Khi con tu hú gọi bầy*

Chỉ là tiếng của con chim tu hú thôi mà sao lại có sức gợi, sức lay động đến thế. Ngay lập tức một mùa hè rực rỡ hiện ra trước mắt ta như một bức tranh. Bức tranh ấy có hương thơm ngọt ngào của lúa chiêm xuân đang chín, có vị ngọt của trái cây đang làm mật, có tiếng ve râm ran trong vòm cây, có màu vàng suộm của hạt bắp dưới cái nắng khô như lửa ở miền Trung. Nhịp sống của đồng quê thật rộn rã và tràn đầy sức sống, sự vật đang vận động tiến dần đến sự hoàn hảo, hoàn mĩ. Quả là một mùa hè tràn trề nhựa sống, đầy hương vị, rực rỡ màu sắc và rộn rã âm thanh. Tất cả đều bình dị, quen thuộc và gần gũi với đời sống của người nông dân. Một bức tranh được "vẽ" qua tâm tưởng bằng nỗi nhớ da diết. Có cảm giác trong thế giới tăm tối của chốn ngục tù, nhà thơ đã huy động tất cả giác quan để lắng nghe tiếng đời đang rạo rực - một mùa hè đang tràn trề nhựa sống ở ngoài kia. Bức tranh quê không chỉ mở ra với chiều rộng của vườn cây, của "đầy sân nắng đào", mà còn vươn xa mãi theo cánh diều bay trên bầu trời bao la:

*Trời xanh càng rộng càng cao*
*Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Trí tưởng tượng của nhà thơ đến đây được chắp cánh đến với không gian khoáng đạt của đất trời. Người họa sĩ - nhà thơ chắc phải là người gắn bó máu thịt với cuộc đời, phải từng sống hết mình với thiên nhiên mới có thể tạo ra những hình ảnh, những chi tiết sống động như vậy.

***c. Mở rộng kiến thức***

Trong thơ Tố Hữu ta thường bắt gặp những bức tranh "tươi sáng và sống động" như thế:

*Hồn tôi là một vườn hoa lá*

*Rất đậm hương và rộn tiếng chim*

Sau này trong bài *"Việt Bắc"* Tố Hữu viết:

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*
*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*
*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*
*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*
*Ve kêu rừng phách đổ vàng*
*Nhớ cô em gái hái măng một mình*
*Rừng thu trăng rọi hòa bình*
*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

**3. Phân tích tâm trạng người tù - chiến sĩ được thể hiện ở 4 câu thơ cuối. Mở đầu và kết thúc bài thơ đều có tiếng tu hú kêu, nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng tu hú thể hiện ở đoạn thơ đầu và ở đoạn cuối rất khác nhau**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ 4 câu thơ cuối "Ta nghe hè dậy... Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu". Chú ý những động từ, tính từ, kiểu câu trực tiếp miêu tả tâm trạng của tác giả. Giọng điệu thơ có gì thay đổi so với khổ thơ trên?

***b. Gợi ý trả lời***

Đang say sưa trong kí ức về mùa hè tự do, khoáng đạt, nhà thơ giật mình trở lại thực tại phũ phàng: bản thân đang bị giam cầm trong lao tù của lũ thực dân cướp nước. Giọng thơ từ tha thiết chuyển thành uất hận sục sôi:

*Ta nghe hè dậy bên lòng*

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

Nhịp sống trào dâng, mời gọi, thôi thúc tràn ngập vào tận ngõ ngách tăm tối của chốn ngục tù, len lỏi vào tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Lúc này không còn là mùa hè của đất trời, thiên nhiên mà trở thành mùa hè trong lòng người. Câu thơ là một lời tâm sự chân thành, thiết tha. Và âm vang của cuộc sống dội vào, âm thanh trong lòng người cứ dội lên từng đợt, từng đợt như sóng dậy khiến cho người chiến sĩ ấy không thể giữ kín được tâm trạng nữa:

*Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!*

*Ngột làm sao, chết uất thôi*

Không còn là ước muốn, khát khao mà đã bật lên thành tiếng kêu, thành hành động mạnh mẽ: "đạp tan phòng". Có cảm giác niềm khát khao bấy lâu nay bị kìm nén nay bỗng gặp tiếng chim tu hú đã bùng lên mãnh liệt. Không gian mà nhà thơ nói đến không chỉ bó hẹp trong một phòng giam nào cụ thể mà chính là chốn ngục tù, tối tăm, giam cầm những người chiến sĩ. Dường như cái nóng của mùa hè đang rừng rực cháy trong huyết quản của người thanh niên yêu nước. Sức sống ấy càng ngày càng thôi thúc mãnh liệt khiến người tù - người chiến sĩ ấy muốn phá tan tất cả sự giam hãm trở về với cuộc đời, với tự do để chiến đấu, để cống hiến cho Tổ quốc. Ngoài kia chim tu hú vẫn kêu, cứ gọi bầy nghe như thúc giục làm cho Tố Hữu càng cảm thấy uất ức vì cảnh giam cầm:

*Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu*

Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ. Âm hưởng đó xuyên suốt toàn bài, liên hồi, khắc khoải, da diết. Đó là tiếng gọi của đồng chí, tiếng gọi của cuộc sống, của lí tưởng cách mạng đối với người chiến sĩ. Câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của nhà tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng. Ý chí ấy, tinh thần ấy, không lâu sau ngày sáng tác bài thơ này, đáp lại tiếng gọi thôi thúc của đồng chí, của cách mạng, Tố Hữu đã vượt ngục để trở lại hoạt động (3 - 1942).

Tâm trạng của Tố Hữu trong bài thơ là tâm trạng của một thanh niên dạt dào tình yêu thiên nhiên yêu cuộc sống, tâm trạng của một chiến sĩ cách mạng với bầu nhiệt huyết đang sục sôi, khát khao được hoạt động, được cống hiến nhưng lại uất ức vì đang phải chịu cảnh giam cầm.

### c. Mở rộng kiến thức

Trong suốt thời gian bị giam cầm ở các nhà tù đế quốc, Tố Hữu vẫn luôn giữ vững tinh thần, ý chí kiên cường, vượt lên trên tất cả sự tù

đày, giam hãm để hướng về cuộc sống tự do. Trong bài "*Tâm tư trong tù*" ông đã viết:

*Cô đơn thay là cảnh thân tù*
*Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực*
*Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức*
*Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu.*

**Tài liệu tham khảo**

Nhà phê bình Trần Đình Sử viết về Tố Hữu: "Ta thường nói Tố Hữu là nhà thơ cách mạng, nhà thơ cộng sản. Nhưng trong sâu thẳm của những khẩu hiệu cách mạng, đằng sau ý tưởng chính trị tầm xa kia là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do, khát vọng đổi đời rất gần gũi và nóng bỏng của cả một dân tộc. Thơ Tố Hữu thực chất là tiếng reo vui của dân tộc trong ngày hội giải phóng, là tiếng hát ân tình, thủy chung của những người cùng chiến đấu, là ước nguyện của người chung lẽ sống, chung lí tưởng, là nỗi vui buồn của cuộc sống trong những bước đổi thay.

Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị. Nhưng khác với trữ tình chính trị thường thấy ở nhiều nơi, là hình ảnh trừu tượng, chất lãng mạn lên gân, giọng điệu cổ động ồn ào; thơ Tố Hữu trái lại đằm thắm một giọng trữ tình tha thiết; ấm áp đúng như ông nói, đó là "tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí". Lẽ dĩ nhiên, thơ trữ tình chính trị bao giờ cũng nặng về cái chung, cái toàn thể, mà nhẹ cái riêng, nặng vì sự thống nhất mà nhẹ về cái đa dạng. Những nhược điểm của thơ ca cách mạng sẽ được thơ ca các thời kì sau bù đắp, khắc phục. Thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu là con đẻ của thời đại lịch sử. Thời đại cần một tiếng ca chung, một tiếng nói quyền uy của ý chí độc lập, tự do, và thơ Tố Hữu ra đời".

# CÂU NGHI VẤN
## *(tiếp theo)*

Mục đích của bài học giúp các em hiểu rõ các chức năng khác của câu nghi vấn.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn không dùng để hỏi mà dùng để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời. Những trường hợp như thế, câu nghi vấn có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

Trong các văn bản nghệ thuật (thơ, văn), câu nghi vấn gọi là câu hỏi tu từ. Khi câu hỏi tu từ xuất hiện, giọng văn biến đổi, tạo ra một xung động nghệ thuật, một trường liên tưởng được mở ra...

Ví dụ:

*... Nếu tôi mệt... Nhưng Ê-min có mệt gì lắm* ***đâu****; em to khỏe; và sao em lại mệt được cơ chứ? Em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại làm sao em có thể chán được? Ở chốn nào em cũng có những thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc; em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi...* (Ruxô)

Xét những đoạn trích và trả lời câu hỏi.

Trong các đoạn trích dẫn trong SGK trang 21 có các câu nghi vấn:

a) *Những người muôn năm cũ*
*Hồn ở đâu bây giờ?*

b) *Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?*

c) *Có biết không?... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

d) *... há chẳng phải là chứng cớ cho cái mãnh lực lạ lùng của văn chương hay sao?*

e) *Con gái tôi vẽ đây ư? Chả lẽ lại đúng là nó, cái con Mèo hay lục lọi ấy!*

Các câu nghi vấn trên không dùng để hỏi: Câu nghi vấn trong đoạn trích (a) dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc; câu nghi vấn trong đoạn trích (b) dùng để đe dọa; câu nghi vấn trong đoạn trích (c) dùng để vừa đe dọa vừa cầu khiến, câu nghi vấn trong đoạn trích (d) dùng để khẳng định và câu nghi vấn trong đoạn trích (e) dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc và có đôi chút ngạc nhiên.

Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn: Hầu hết các câu nghi vấn trong những đoạn trích đều kết thúc bằng dấu hỏi. Tuy nhiên, không phải bao giờ câu nghi vấn cũng kết thúc bằng dấu hỏi mà có thể kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này gồm 2 yêu cầu:

- Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích trong sách giáo khoa trang 22, 23.

- Xác định những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì.

a) Trong đoạn trích của Nam Cao có một câu nghi vấn: *Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư?*

b) Trong đoạn trích của Thế Lữ có năm câu nghi vấn:

*- Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối*

*Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*- Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn*

*Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?*

*- Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,*

*Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?*

*- Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*

*Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt*

*Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

*- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

c) Trong đoạn trích của Khải Hưng có một câu nghi vấn: *Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn một chiếc lá nhẹ nhàng rơi?*

d) Trong đoạn trích của Hoàng Phủ Ngọc Trường có một câu nghi vấn: *Ôi! Nếu thế thì còn đâu là quả bóng bay!*

**2.** Bài tập này nêu 3 yêu cầu:

- Xác định câu nghi vấn trong những đoạn trích ở SGK trang 23. Đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn?

- Những câu nghi vấn đó được dùng để làm gì?

- Trong những câu nghi vấn đó, câu nào có thể thay thế được bằng một câu không phải là câu nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương? Hãy viết những câu có ý nghĩa tương đương đó.

* Khi đọc từng đoạn trích để tìm câu nghi vấn, các em chú ý các câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi và có các từ nghi vấn: *sao, gì, làm sao, ai*... Đó là các câu nghi vấn.

a) Trong đoạn trích của Nam Cao có ba câu nghi vấn:

- *Sao cụ lo xa quá thế?*

- *Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?*

- *Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?*

b)Trong đoạn trích truyện *Sọ Dừa* có một câu nghi vấn:

*Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao?*

c) Trong đoạn trích của Ngô Văn Phú có một câu nghi vấn: *Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?*

d) Trong đoạn trích trong truyện *Em bé thông minh* có 2 câu nghi vấn:

- *Thằng bé kia, mày có việc gì?*

- *Sao lại đến đây mà khóc?*

* Về chức năng, các câu nghi vấn trên được dùng để: hỏi, phủ định, khẳng định, bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại...

* Trong các câu nghi vấn tìm được, các câu ở đoạn trích (a), (b), (c), có thể được thay thế bằng câu không phải nghi vấn mà có ý nghĩa tương đương. Đó là các câu:

- *Cụ lo xa thế.*

- *Tiền có mà cụ phải nhịn đói.*

...

**3.** Bài tập này yêu cầu các em đặt hai câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để:

- Yêu cầu một người bạn kể lại nội dung của một bộ phim vừa được trình chiếu.

- Bộc lộ tình cảm, cảm xúc trước số phận của một nhân vật văn học.

Các em có thể tham khảo các ví dụ sau:

- *Cậu kể cho tớ nghe nội dung bộ phim "Thời xa vắng" mà cậu vừa xem được không?*

- *Cuộc đời của nàng Kiều sao mà chìm nổi đến thế?*

**4.** Trong giao tiếp, những câu nghi vấn như: "Anh ăn cơm chưa?", "Cậu đọc sách đấy à?, "Em đi đâu đấy?" không nhằm để hỏi mà được dùng để thay thế cho lời chào. Mối quan hệ giữa người nói và người nghe ở đây rất gần gũi, thân mật.

# THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP

## *(Cách làm)*

Mục đích của bài học giúp các em một phương pháp (cách làm) biết cách làm bài văn thuyết minh.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Yêu cầu đối với bài thuyết minh về một phương pháp (cách làm):

- Khi giới thiệu một phương pháp (cách làm) nào, người viết phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp (cách làm) đó.

- Khi thuyết minh, cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự... làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.

- Lời văn cần ngắn gọn, rõ ràng.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em tự chọn một đồ chơi, trò chơi quen thuộc và lập dàn bài thuyết minh cách làm, cách chơi trò chơi đó.

Yêu cầu trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Các em tự làm bài tập này.

**2.** Bài tập này nêu ra hai yêu cầu:

- Chỉ ra cách đặt vấn đề, các cách đọc và đặc biệt là nội dung và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh được nêu ra trong bài *Phương pháp đọc nhanh*.

- Các số liệu trong bài có ý nghĩa gì đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh.

*a) Đặt vấn đề*

Khẳng định vai trò của việc đọc:

- Nêu lên sự phát triển của khoa học kĩ thuật nhưng đồng thời cũng chỉ ra máy móc không thể thay thế được cho con người.

- Vấn đề được đặt ra là con người phải đọc như thế nào trước kho tàng tư liệu tri thức của loài người. Từ đó, tác giả hướng người đọc đến yêu cầu phải hình thành phương pháp đọc nhanh.

*b) Giải quyết vấn đề*

Trình bày nhiều cách đọc khác nhau:

- Đọc thành tiếng là khi đọc phải phát âm. Cách đọc này chậm và mất nhiều thời gian.

- Đọc thầm, gồm có hai loại: đọc theo dòng và đọc theo ý.

+ Đọc theo dòng là cách đọc thông thường, trung bình tốc độ đọc thường đạt 150 - 200 từ/phút. Cách đọc này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

+ Đọc theo ý hay còn gọi là đọc nhanh, với cách đọc như sau:

* Không đọc theo đường ngang mà đọc theo đường dọc từ trên xuống dưới. Cách đọc này làm cho cơ mắt ít mỏi.

* Không bám sát các từ mà nắm chắc các ý.

* Trong thời gian ngắn có thể đọc toàn bộ bài viết và tiếp thu toàn bộ nội dung.

* Phương pháp này đòi hỏi phải tập trung cao, có ý chí.

*c) Kết thúc vấn đề*

- Có nhiều tấm gương đọc nhanh: Na-pô-nê-ông (2.000 từ / phút), Ban-dắc (4.000 từ/phút), Mác-xim Go-rơ-ki (đọc mỗi trang chỉ vài giây)...

- Ở các nước tiên tiến (như Nga, Mĩ) đã mở các lớp dạy đọc nhanh. Sau khi tham dự các lớp này, người đọc có thể đạt tốc độ 1.500 từ/phút, thậm chí có thể đạt 12.000 từ/phút.

Các số liệu đưa ra trong bài có ý nghĩa quan trọng và tạo ra sức thuyết phục lớn khi nói đến hiệu quả của phương pháp đọc nhanh.

BÀI 20

# TỨC CẢNH PÁC BÓ

*Hồ Chí Minh*

*Hồ Chí Minh (1890 – 1969) tên gọi thời thiếu niên là Nguyễn Sinh Cung; thời kì đầu hoạt động cách mạng mang tên Nguyễn Ái Quốc.*

*Hồ Chí Minh là nhà văn lớn, nhà thơ lớn của dân tộc. Người đã để lại cho nhân dân ta một sự nghiệp văn chương lớn, phong phú về thể loại và một phong cách nghệ thuật đặc sắc. Sự nghiệp văn học của Người ở ba lĩnh vực chính: văn chính luận, truyện và kí, thơ ca. Ở mỗi lĩnh vực Người đều có những đóng góp lớn, song riêng ở lĩnh vực thơ ca lại chiếm một khối lượng lớn và mang giá trị văn chương nổi bật.*

*Ba tập thơ lớn của Người: "Nhật kí trong tù" gồm 133 bài thơ. "Thơ Hồ Chí Minh" (1967) gồm 86 bài thơ và "Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh" (1990) gồm 36 bài.*

*"Nhật kí trong tù" là tập thơ phản ánh tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong những ngày bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ. Tập thơ vừa mang giá trị nghệ thuật cao, vừa chứa chan tình cảm nhân đạo.*

*Những bài thơ Bác sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp (Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Đi thuyền trên sông Đáy...) vừa chan chứa tình yêu nước, vừa thể hiện tâm hồn cao đẹp, yêu mến thiên nhiên và một phong thái ung dung lạc quan yêu đời.*

*Thơ Bác là sự kết hợp hài hòa giữa phương Đông và phương Tây, giữa cổ điển và hiện đại. Nhiều bài thơ của Người hàm súc, uyên thâm đạt chuẩn mực cao về nghệ thuật: Cảnh khuya, Rằm tháng giêng... Mộ, Cảnh chiều hôm (Nhật kí trong tù), Lên núi... "Thơ Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng không phô diễn mà như cố khép lại đường nét để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái phần ý ở ngoài lời" (Rôgiê Đơnuy – Pháp).*

*Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản văn hóa quý giá của dân tộc ta, cho thế hệ hôm nay và mai sau.*

1. Bài thơ thuộc thể thơ gì? Hãy kể tên một số bài thơ cùng thể thơ này mà em đã học

*a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Căn cứ vào số câu trong bài, số chữ trong dòng thơ để nhận diện thể thơ. Sau đó, cần chỉ ra những dấu hiệu về hình thức, cụ thể trong bài thơ. Nhớ lại những tác phẩm đã học (ở cả chương trình Ngữ văn 7) để nêu tên một số bài thơ cùng thể.

*b. Gợi ý trả lời*

Bài thơ "*Tức cảnh Pác Bó*" gồm 4 câu thơ , mỗi câu có 7 chữ. Như vậy có thể nói bài thơ được sáng tác theo thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

Vì cách gieo vần: chữ cuối của các câu 1, 2, 3, 4 hoặc 2, 4 phải vần với nhau. Ở bài thơ này, cuối các câu 1, 2, 3, 4 đều gieo vần "ang": *hang, sàng, sang.*

Về luật bằng - trắc (B-T): chữ thứ hai, thứ tư, thứ sáu ở trong các câu trong bài phải đối thanh:

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Sáng | ra | bờ | suối | tối | vào | hang |
| T | B | B | T | T | B | B |
| Cháo | bẹ | rau | măng | vẫn | sẵn | sàng |
| T | T | B | B | T | T | B |
| Bàn | đá | chông | chênh | dịch | sử | Đảng |
| B | T | B | B | T | T | T |
| Cuộc | đời | cách | mạng | thật | là | sang |
| T | B | T | T | T | B | B |

Dựa trên những dấu hiệu thể thơ trên đây và thống kê những tác phẩm đã học, có thể kể tên một số bài thơ cũng thuộc thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật:

*Nam quốc sơn hà, Thiên trường vãn vọng, Vọng Lư Sơn bộc bố, Tĩnh dạ tứ, Hồi tưởng ngẫu thư, Bánh trôi nước, Cảnh khuya, Nguyên tiêu, Vọng nguyệt.*

**2. Nhận xét về giọng điệu chung của bài thơ. Tâm trạng của Bác Hồ ở Pác Bó được thể hiện như thế nào qua bài thơ? Vì sao Bác lại cảm thấy cuộc sống gian khổ đó "thật là sang"?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ toàn bộ bài thơ. Muốn nhận xét về giọng điệu của bài thơ cần căn cứ trên những dấu hiệu cụ thể về nội dung và hình thức: Bác viết về vấn đề gì? Cách viết ra sao? Cách ngắt nhịp, gieo vần, tạo âm hưởng như thế nào? Đồng thời qua hình thức đó thể hiện tâm trạng gì của người viết? Muốn lí giải được câu hỏi "Vì sao", cần đặt ba từ đó trong bối cảnh cụ thể và hiểu rõ nội dung của nó.

***b. Gợi ý trả lời***

"*Tức cảnh Pác Bó*" là một trong những bài thơ tứ tuyệt hay nhất, tiêu biểu nhất thuộc loại cảm hứng trữ tình của Hồ Chủ tịch. Bài thơ hay không phải vì những ngôn từ lấp lánh, hình ảnh ước lệ, cổ điển mang đậm phong vị Đường thi, mà chính là ở những lời thơ dung dị mang tải cả tâm thế, tinh thần của thi nhân. Vì thế, bao trùm cả bài thơ là giọng điệu vui tươi, thanh thoát, thể hiện một niềm tin mãnh liệt, sự lạc quan, yêu đời và cả nghị lực phi thường của con người trước thử thách của hoàn cảnh.

Giọng điệu dí dỏm, vui tươi là nét nổi bật trong những thi phẩm của Người. Nhưng để hiểu được cái hay, cái độc đáo của giọng điệu ấy trong bài thơ này cần phải hiểu hoàn cảnh ra đời bài thơ ta mới thấy hết được ý nghĩa của nụ cười hóm hỉnh ấy.

Cuối năm 1940, tình thế cách mạng thế giới có những chuyển biến hết sức mau lẹ, đặt ra nhiều thời cơ mới thúc đẩy phong trào đấu tranh của các nước thuộc địa, Bác Hồ khi đó đang ở Côn Ninh (Vân Nam, Trung Quốc) đã quyết định về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Giây phút Bác trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba thật thiêng liêng, xúc động:

*Bác đã về đây, Tổ quốc ơi*
*Nhớ thương hòn đất ấm hơi Người*
*Ba mươi năm ấy chân không mỏi*
*Mà đến bây giờ mới tới nơi (Theo chân Bác -* Tố Hữu)

hay:

*Hỡi sáng xuân nay xuân 41*
*Trắng rừng biên giới nở hoa mơ*
*Bác về im lặng con chim hót*
*Thánh thót bờ lau, vui ngẩn ngơ*

Pác Bó là nơi Bác dừng chân đầu tiên khi trở lại Tổ quốc thân yêu và hang Pác Bó (thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng) được chọn làm nơi Bác làm việc. Điều kiện sống vô cùng khó khăn, gian khổ: chỗ ở là một cái hang nhỏ, ẩm thấp; ăn cũng thiếu thốn kham khổ, phần lớn là cháo bẹ, rau rừng, "phòng làm việc" chỉ là một cái bàn đá tự nhiên, thô ráp. Ấy vậy mà, từ trong gian khổ, thiếu thốn ấy lại toát lên một hồn thơ vui tươi, lạc quan, tràn trề tin tưởng.

Với giọng điệu vui tươi ấy, cách kể của Người thật tự nhiên, hóm hỉnh:

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang*
*Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*
*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*

Ba câu thơ ngắn gọn, súc tích, dung dị như lời tâm sự vì cảnh sống và công việc của Bác. Không gian cũng chỉ vẻn vẹn từ suối đến hang, từ hang ra suối; và hành động chỉ hết ra lại vào, vào rồi lại ra. Sự thật trần trụi, và có vẻ tầm thường là thế, tất cả cứ diễn ra đều đặn hàng ngày theo nhịp của thời gian. Cùng với sự ổn định của nhịp thơ 4/3, 2/2/3 đã gợi lên cái đều đặn, khoan thai; đơn giản, quen thuộc mà bền vững, ung dung của vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Sự giản dị trong cuộc sống của Bác giữa chốn rừng núi hoang vu không chỉ có thế mà ngay cả bữa cơm, nơi làm việc cũng đạm bạc, đơn sơ đến nghèo nàn. Bữa cơm hàng ngày chỉ là cháo ngô và măng rừng, thế nhưng lại vui vì sự giàu có và đầy đủ "vẫn sẵn sàng". Chỉ có ba chữ ngắn gọn ấy nhưng có nhiều lớp nghĩa mang giá trị biểu đạt, biểu cảm cao. "Vẫn sẵn sàng" nghĩa là những thứ đó luôn luôn sẵn có. Câu thơ nhắc ta liên tưởng đến cuộc sống thanh đạm và cao khiết của Người.

Xưa: *Thu ăn măng trúc, đông ăn giá* (Nguyễn Bỉnh Khiêm)

hoặc: *Trúc biếc, nước trong ta sẵn có* (Nguyễn Trãi)

Chỉ với một cách nói, sự thiếu thốn đã chuyển thành phong lưu, giàu có. Xưa chỉ là tượng trưng, nay hoàn toàn là sự thật. Câu thơ thực mà vẫn đầy ý vị.

Nhưng ý vị nhất là ở giọng điệu, ở tinh thần ẩn chứa đằng sau ba chữ "vẫn sẵn sàng" ấy. Dù cuộc sống có thiếu thốn, gian khổ nhưng Người vẫn sẵn sàng chịu đựng, sẵn sàng chấp nhận để vươn tới một mục tiêu tối cao: giải phóng dân tộc. Có lẽ chỉ với mục tiêu tối cao đó, với "ham muốn tột bậc" đó, Người mới có thể ung dung chấp nhận mọi hoàn cảnh, dù là gian khổ, hiểm nguy. Câu thơ tả thực mà toát lên ý chí, tinh thần của một con người coi thường gian khổ.

Nếu ở những câu thơ đầu, niềm vui, niềm lạc quan, tự hào còn ẩn chứa bên trong thì đến câu thơ kết, nó đã hiển hiện rõ ràng qua từ ngữ, tiết tấu và âm hưởng. Ý thơ tăng tiến dần, cái nghèo đã biến thành cái phong lưu, giàu có, Bác khẳng định:

*Cuộc đời cách mạng thật là sang!*

Nếu điểm sáng của hai câu thơ đầu là thái độ "vẫn sẵn sàng" thì sức nặng của bài thơ được dồn vào câu kết, đặc biệt với cụm từ "thật là sang". Đây là cách nói rất vui, rất hài hước về cuộc sống khó khăn, gian khổ, không gian sống, từ suối lại vào hang không hề tù túng, chật hẹp mà vẫn phóng khoáng, rộng mở, giúp Người hoà nhập với thiên nhiên. Cuộc sống nghèo nàn, gian khổ nhưng đã được bù lại, tăng lên thành cái sẵn sàng, đầy đủ. Ngay bàn làm việc "chông chênh" ấy cũng vẫn trở thành một cái thế vững chắc của tiến trình cách mạng giữa gian nguy. Trong ba từ đầy sắc thái biểu cảm "thật là sang!" chứa chất một niềm vui, niềm phấn khởi, tin tưởng của một con người sẵn sàng chấp nhận mọi hoàn cảnh để phục vụ cho mục đích cách mạng cao cả: giải phóng dân tộc. Đối với Người, cuộc sống dù có gian khổ, nguy hiểm đến mấy, nếu được chiến đấu vì dân tộc, vì đồng bào thì cuộc sống ấy vẫn "sang" lắm, ý nghĩa lắm.

Chỉ với cách nói hài hước, vui đùa nhưng đã toát lên một tinh thần lạc quan, yêu đời; một ý chí kiên cường, bất khuất vượt lên trên mọi

thử thách của cuộc đời cách mạng đầy hiểm nguy. Bài thơ bừng sáng vì chất thơ thấm trong từng câu chữ, hình ảnh và cũng vì chất thép trong tâm hồn vị lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh.

**3. Qua bài thơ, có thể thấy rõ Bác Hồ cảm thấy vui thích, thoải mái khi sống giữa thiên nhiên. Nguyễn Trãi cũng từng ca ngợi "thú lâm tuyền" (niềm vui thú được sống với rừng, suối) trong bài Côn Sơn ca. Hãy cho biết "thú lâm tuyền" ở Nguyễn Trãi và ở Bác Hồ có gì giống và khác nhau?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ lại bài thơ và tham khảo bài "Côn Sơn ca" của Nguyễn Trãi, trong sách *Ngữ văn 7*, tập một. "Thú lâm tuyền" được nhắc đến trong hai bài thơ có nội dung gì giống và khác nhau? Hãy chú ý đến hoàn cảnh sáng tác hai bài thơ này này và những thông tin về hai tác giả sẽ thấy nét khác biệt rất rõ trong nội dung, tâm trạng ở hai bài thơ đó.

***b. Gợi ý trả lời***

"*Tức cảnh Pác Bó*" là câu chuyện, là những lời tâm sự hài hước của Hồ Chủ tịch về cuộc sống, nơi rừng núi tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống nghèo nàn, thiếu thốn vật chất mà vẫn phong lưu, đầy đủ về tinh thần ấy khiến ta dễ dàng liên tưởng đến "thú lâm tuyền" của người xưa.

Nguyễn Trãi đã từng viết về những ngày tháng ở ẩn của mình nơi núi rừng Côn Sơn:

*Côn Sơn suối chảy rì rầm*
*Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai*
*Côn Sơn có đá rêu phơi*
*Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm*
*Trong rừng thông mọc như nêm*
*Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm*
*Trong rừng có bóng trúc râm*
*Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.*

Cả hai bài thơ đều vẽ lên hình ảnh của hai thi sĩ với "vẻ ung dung, tự do, tự tại giữa chốn rừng núi nên thơ". Một cuộc sống chan hòa giữa sự đãi ngộ của thiên nhiên bằng núi, rừng, cây lá, suối trong. Và hai thi sĩ ấy dù cách xa nhau gần 5 thế kỉ nhưng vẫn gặp gỡ ở phong thái

ung dung, lạc quan, và trên hết là tinh thần, ý chí của con người không bao giờ khuất phục trước hoàn cảnh khó khăn.

Nhưng dù có những điểm tương đồng, ở hai bài thơ vẫn có sự khác biệt rất rõ từ thi liệu đến tâm thế của nhà thơ. Vẫn là "thú lâm tuyền" với suối, rừng, thông, trúc, nhưng thiên nhiên đã được thi vị hóa đến thơ mộng, huyền ảo. Còn Hồ Chí Minh vẫn mang vào thơ cái thi liệu chân thật đến trần trụi. Đó là cách nhìn nhận của một con người sẵn sàng đối mặt với khó khăn, sẵn sàng vượt lên trên hoàn cảnh khó khăn ấy.

Nguyễn Trãi đời xưa vì "bất đắc chí, chán ngán với cảnh bon chen lợi lộc chốn quan trường nên lánh đời, ở ẩn, trở về với "thú lâm tuyền" như là một lối thoát, một cách xử thế trong lẽ "xuất xứ hành tàng". Còn Hồ Chí Minh về với núi rừng Pác Bó là do "bất đắc dĩ" trước hoàn cảnh khó khăn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Vì thế, đây không phải là tâm thế nhàn nhã của một ẩn sĩ mà là cái ung dung, tự tại của một vị lãnh tụ. Giữa cái khoáng đạt của không gian rừng núi ,Nguyễn Trãi "ngâm thơ nhàn" còn vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta lại miệt mài "dịch sử Đảng", chuẩn bị về mặt tư tưởng, lí luận cho sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong nước. Chính vì thế, trong cái ung dung khoan thai của Người ẩn chứa không khí khẩn trương, mau lẹ của cuộc kháng chiến.

Chế Lan Viên đã từng viết: "Trong khung cảnh hang suối ấy, người xưa san thi, định kinh, kinh dịch chấm son mài"... và ngày nay Bác ngồi dịch sử Đảng. Nhưng khác nhau một trời một vực.

Thơ Bác gặp gỡ thơ Nguyễn Trãi ở thi liệu, ở tình yêu thiên nhiên, yêu cỏ cây, hoa lá, ở niềm vui chan hoà với núi rừng, cảnh vật. Song trong thơ Bác, điểm nổi bật khác với người xưa là phong thái ung dung, niềm lạc quan yêu đời mang cốt cách của người chiến sĩ cách mạng. Vì vậy, thơ Bác luôn là sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp cổ điển và hiện tại.

**Tài liệu tham khảo**

**1.** Để hiểu thêm tư thế ung dung, tự tại, niềm lạc quan, yêu đời và tinh thần thép của Bác trong bài thơ này, xin trích dẫn bài viết của

Đại tướng Võ Nguyên Giáp về nơi ở và điều kiện sinh hoạt làm việc của Bác khi mới về nước:

"Nơi ở đầu tiên của Bác tại Pác Bó tuy ẩm lạnh nhưng vẫn là nơi tốt nhất. Địa điểm thứ hai là một hốc núi nhỏ ở rất cao và sâu trong rừng, bên ngoài chỉ rấp ít cành lau. Những khi trời mưa to, rắn rết chui cả vào chỗ nằm. Có buổi sáng, Bác thức dậy thấy một con rắn rất lớn nằm khoanh tròn ngay cạnh Người (...). Sức khoẻ của Bác có phần giảm sút. Bác sốt rét luôn. Thuốc men gần như không có gì ngoài ít lá rừng lấy về sắc uống theo cách chữa bệnh của đồng bào địa phương. Thức ăn cũng rất thiếu (...). Có thời gian, cơ quan chuyển vào vùng núi đá trên khu đồng bào Mán Trắng, gạo cũng không có, Bác cũng như các anh khác phải ăn toàn cháo bẹ hàng tháng ròng. Ở bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào, tôi cũng thấy Bác thích nghi một cách rất tự nhiên. Chẳng hiểu Bác được rèn luyện từ bao giờ, như thế nào, mà mọi biến cố đều không mảy may chuyển lay được...".

**2.** Điều kiện sống gian khổ, khắc nghiệt vẫn không làm giảm niềm vui, lạc quan, chất hài trong tâm hồn nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh. Người có lần đã viết về cảnh rừng núi Pác Bó trong bài "*Pác Bó hùng vĩ*" như sau:

*Non xa xa, nước xa xa*
*Nào phải thênh thang mới gọi là*
*Đây suối Lê-nin, kia núi Mác*
*Hai tay xây dựng một sơn hà.*

# CÂU CẦU KHIẾN

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Đặc điểm hình thức của câu cầu khiến;

- Chức năng của câu cầu khiến.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU

### *I. Đặc điểm hình thức của câu cầu khiến*

Câu cầu khiến là những câu có những từ cầu khiến như: *hãy, đừng, nên, chứ... đi, thôi, nào,...* hay ngữ điệu cầu khiến.

Ví dụ:

*Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:*

*- Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.* (Tắt đèn - Ngô Tất Tố)

### *II. Đặc điểm hình thức của câu cầu khiến*

Câu cầu khiến thường sử dụng các từ cầu khiến:

+ *Hãy, đừng, chớ, nên, phải, không, được, đề nghị, yêu cầu...* trước vị ngữ của câu.

Ví dụ:

*__Hãy__ quên đi mọi lo âu, mẹ nhé!*
*__Đừng__ buồn phiền quá đỗi về con.*
*Mẹ __chớ__ đi đi lại lại trên đường*
*Khoác tấm áo choàng xưa cũ nát.* (Ê-xê-nin)

+ *Đi, thôi, kêu, lên, nào, với, nhé...* ở cuối câu.

Ví dụ:

*Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,*
*Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!* (Hồ Chí Minh)

Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.

Ví dụ:

*- Lằng nhằng mãi. Chia ra! - Mẹ tôi quát và giận dữ đi về phía chồng.* (Khánh Hoài)

## II. Chức năng của câu cầu khiến

Câu cầu khiến dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...

Ví dụ:

*Dân không đủ muối, Đảng phải lo. Dân không có gạo ăn đủ no, dân không có vải mặc đủ ấm, Đảng phải lo. Các cháu bé không có trường học, Đảng phải lo. Tất cả mọi việc, Đảng phải lo.* (Hồ Chí Minh)

**1.** Đọc những đoạn trích dẫn trong SGK trang 30 và trả lời câu hỏi.

Những câu cầu khiến trong các đoạn trích là:

*a. **Thôi đừng** lo lắng. Cứ về **đi**.*

*b. Đi **thôi** con.*

Đặc điểm hình thức cho biết đó là câu cầu khiến là: câu có từ cầu khiến: *thôi, đừng... đi* (câu a), *thôi* (câu b).

Câu cầu khiến trong những đoạn trích dùng để:

- Khuyên bảo câu: *Thôi đừng lo lắng*.
- Bày tỏ lời đề nghị câu: *Cứ về đi*.
- Thể hiện một mệnh lệnh câu: *Đi thôi con*.

**2.** Đọc những câu dẫn trong SGK trang 30, 31 và trả lời câu hỏi.

Cách đọc câu *Mở cửa*! trong câu (b) khác với cách đọc câu *Mở cửa* trong câu (a).

* Câu *Mở cửa*! trong câu (b) dùng để yêu cầu, do đó sẽ được đọc to và nhanh. Câu *Mở cửa* trong (a) là câu trả lời (cho câu hỏi), do đó cách đọc nhẹ và chậm hơn.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Đặc điểm hình thức nhận diện câu cầu khiến:
- Nhận xét về chủ ngữ cho những câu trên: Thử thêm, bớt hoặc thay đổi chủ ngữ xem ý nghĩa của các câu trên thay đổi như thế nào?

Đặc điểm hình thức để nhận biết đó là các câu cầu khiến là: câu có từ cầu khiến:

a) ***hãy***

b) ***... đi***

c) ***đừng***

Nhận xét về chủ ngữ trong những câu trên.

- Chủ ngữ trong ba câu đều chỉ người đối thoại (người tiếp nhận câu nói), nhưng có điểm khác nhau:

+ Câu (a): vắng chủ ngữ.

+ Câu (b): chủ ngữ là *ông giáo* - ngôi thứ hai số ít.

+ Câu (c): chủ ngữ là: *chúng ta* - ngôi thứ nhất số nhiều.

- Thử thêm, bớt hoặc thay đổi chủ ngữ xem ý nghĩa của các câu thay đổi như thế nào.

+ Câu (a): *Con hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương.* Việc thêm chủ ngữ *con* không làm thay đổi ý nghĩa của câu mà chỉ làm cho đối tượng tiếp nhận được thể hiện cụ thể hơn, lời yêu cầu nhẹ hơn.

+ Câu (b): *Hút trước đi.* Việc bớt chủ ngữ *ông giáo* khiến cho lời yêu cầu đưa ra dường như mạnh hơn và thiếu lịch sự.

+ Câu (c): *Nay các anh đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không?* Việc thay đổi chủ ngữ *chúng ta, các anh* đã làm thay đổi ý nghĩa của câu. *Chúng ta* bao gồm cả người nói và những người tham gia đối thoại, còn *các anh* không bao gồm người nói, chỉ bao gồm những người tham gia đối thoại.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Xác định câu cầu khiến trong những đoạn trích trong SGK trang 32.

- Nhận xét sự khác nhau về hình thức biểu hiện ý nghĩa cầu khiến của những câu đó.

Những câu cầu khiến có trong các đoạn trích:

a) *Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.*

b) - *Các em đừng khóc.*

c) - *Đưa tay cho tôi mau!*

- *Cầm lấy tay tôi này!*

* Nhận xét sự khác nhau về hình thức biểu hiện ý nghĩa cầu khiến giữa những câu đó:

- Câu (a) có từ cầu khiến *đi*, nhưng vắng chủ ngữ.

- Câu (b) có từ cầu khiến *đừng*; có chủ ngữ *các em*, ngôi thứ hai số nhiều.

- Câu (c) không có từ cầu khiến, chỉ có ngữ điệu cầu khiến; vắng chủ ngữ.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em so sánh hình thức và ý nghĩa của hai câu cầu khiến.

- Câu *Hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột!* là câu cầu khiến, không có chủ ngữ, biểu lộ thái độ thương cảm, xót thương.

- Câu *Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột* cũng là câu cầu khiến, có chủ ngữ *thầy em,* khiến cho mức độ cầu khiến nhẹ hơn, tình cảm của người nói đối với người nghe được bộc lộ rõ hơn.

**4.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Dế Choắt nói với Dế Mèn câu trong SGK trang 32 nhằm mục đích gì?

- Giải thích vì sao trong lời nói với Dế Mèn, Dế Choắt không dùng câu như trong câu trong SGK trang 33.

Câu nói của Dế Choắt với Dế Mèn có mục đích cầu khiến, nhưng ý cầu khiến rất nhẹ, thể hiện sự trông cậy, che chở ở Dế Mèn.

Sở dĩ Dế Choắt nói *Anh đã nghĩ thương... thì em chạy sang* (mà không chọn cách nói *Anh hãy đào giúp em một cái ngách sang bên*

*nhà anh*! (vì đây lời yêu cầu) hay cách nói *Đào ngay giúp em một cái ngách!* (vì đây như một lời mệnh lệnh bắt buộc phải làm và hết sức khiếm nhã) là vì Dế Choắt tự coi mình là vai dưới, có vị trí thấp hơn so với Dế Mèn và đồng thời nó cũng phù hợp với tính cách của Dế Choắt: yếu đuối, nhút nhát.

**5.** Bài tập này yêu cầu các em xem câu: "*Đi đi con!*" ở trong đoạn trích dẫn ở bài tập trang 33 và câu "*Đi thôi con*" trong đoạn trích ở mục I.1.b trong SGK trang 30 có thay thế cho nhau được không? Giải thích lí do.

Câu "*Đi đi con*" trong đoạn trích dẫn ở trong bài tập trang 33 và câu "*Đi thôi con*" trong đoạn trích ở mục I.1.b có sự khác nhau. Nếu câu *Đi đi con* chỉ có người con đi, thì câu *Đi thôi con* là cả người con và người mẹ cùng đi. Do đó hai câu này không thể thay thế được cho nhau vì mục đích giao tiếp và đối tượng được nói đến khác nhau.

# THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

Mục đích của bài học giúp các em:

- Biết cách quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh;

- Biết cách viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU

### I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh

Muốn viết bài giới thiệu về một danh lam thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy để có được những kiến thức đáng tin cậy.

Bài giới thiệu nên có bố cục ba phần. Lời giới thiệu ít nhiều có kèm theo miêu tả, bình luận thì sẽ hấp dẫn hơn. Tuy nhiên, bài giới thiệu phải dựa trên cơ sở kiến thức đáng tin cậy và có phương pháp thích hợp.

Lời văn cần chính xác và biểu cảm.

## II. Đọc hiểu

Đọc bài văn *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* và trả lời câu hỏi:

**1.** Bài giới thiệu đã giúp cho người đọc hiểu biết về:

- Lịch sử hồ Hoàn Kiếm: là một đoạn của sông Hồng, sự tích Lê Lợi trả gươm, và lí giải các tên gọi khác nhau: hồ Hoàn Kiếm, Hồ Gươm, hồ Thủy Quân.

- Lịch sử kiến trúc của đền Ngọc Sơn và những kiến trúc khác: Đài Nghiên, Tháp Bút, Tháp Rùa.

**2.** Muốn viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh, trước hết nên có quan sát trực tiếp. Ngoài ra, có thể tìm hiểu các thông tin qua sách vở, báo chí hay qua các truyện dân gian. Nếu kết hợp được hai điều này thì bài viết vừa sinh động, vừa có chiều sâu.

**3.** Để có kiến thức về một danh lam thắng cảnh, tốt nhất nên đến nơi thăm thú, quan sát. Khi đi thăm, nên đi theo đoàn, nghe thuyết minh của hướng dẫn viên và đặc biệt là các em nên ghi chép những thông tin đã nghe giới thiệu hoặc tự quan sát. Ngoài ra, có thể tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy.

**4.** Bài viết *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* được sắp xếp theo bố cục ba phần. Tác giả giới thiệu hồ, giới thiệu đền và kết thúc khẳng định Bờ Hồ là nơi sinh hoạt chung của nhân dân thủ đô. Xét về toàn cục thì bài viết sắp xếp như thế là không hợp lí.

**5.** Phương pháp thuyết minh trong bài viết là phân loại, phân tích, liệt kê.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em lập lại bố cục bài, giới thiệu *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn.*

Bố cục bài giới thiệu hồ *Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* có thể lập lại như sau:

- Mở bài: Giới thiệu chung về hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn.

- Thân bài:

+ Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.

+ Giới thiệu về đền Ngọc Sơn.

- Kết bài: Khẳng định hồ Hoàn Kiếm là nơi sinh hoạt chung của nhân dân thủ đô.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em giới thiệu hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn theo trình tự từ xa đến gần, từ ngoài vào trong.

Muốn giới thiệu hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, có thể sắp xếp thứ tự giới thiệu như sau:

- Quang cảnh xung quanh hồ:

+ Các phố bao quanh hồ: Đinh Tiên Hoàng, Bờ Hồ, Lê Thái Tổ, Hàng Khay.

+ Các công trình ven hồ: Trung tâm thương mại Tràng Tiền Plaza, Bưu điện Thành phố, Ủy ban Nhân dân Thành phố, Quảng trường và tượng đài Lý Thái Tổ, đền Bà Kiệu, tượng đài Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, Nhà hát múa rối, nhà hàng Thủy Tạ...

+ Các công trình kiến trúc xưa: Đài Nghiên, Tháp Bút, Tháp Rùa và đền Ngọc Sơn.

- Giới thiệu về đền Ngọc Sơn:

+ Lịch sử đền.

+ Quang cảnh đền (theo thứ tự từ ngoài vào trong): cầu Thê Húc dẫn vào đền, trước mặt đền là Trấn Ba Đình (đình chắn sóng). Đền có ba nếp, nếp ngoài là bái đường, nếp giữa là nơi thờ Văn Xương và nếp sau thờ Trần Hưng Đạo.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em nếu viết lại bài *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* theo bố cục ba phần thì em sẽ chọn những chi tiết tiêu biểu nào để làm nổi bật giá trị lịch sử và văn hóa của di tích, thắng cảnh.

Đó là:

- Quang cảnh xung quanh hồ.

- Lịch sử hồ.

- Kiến trúc đền Ngọc Sơn...

Với các em không có điều kiện quan sát trực tiếp, có thể đọc bài giới thiệu trong SGK để tham khảo.

**4.** Một nhà thơ nước ngoài gọi Hồ Gươm là *chiếc lẵng hoa xinh đẹp giữa lòng Hà Nội.* Ta có thể sử dụng câu nói trên vào phần Mở bài giới thiệu chung về Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn. Hay cũng có thể sử dụng ở phần Thân bài, phần giới thiệu về Hồ Gươm.

# ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

Mục đích của bài ôn tập giúp các em hệ thống được kiến thức về văn bản thuyết minh.

## A- HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ÔN TẬP

### I. Ôn tập lí thuyết

**1.** Văn bản thuyết minh có vai trò và tác dụng trong đời sống:

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính

chất, nguyên nhân... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương pháp trình bày, giới thiệu, giải thích.

Chúng ta dùng kiểu văn bản này để thuyết minh cho cấu tạo, cách bảo quản, cách sử dụng một chiếc máy nổ, một chiếc máy bơm, hoặc một cái quạt, một chiếc xe máy. Chúng ta cũng có thể dùng kiểu văn bản này để thuyết minh cho một sản phẩm mới, một sáng kiến mới được áp dụng, hoặc để giới thiệu với mọi người về đặc sản quê hương, về danh lam thắng cảnh của đất nước với bạn bè năm châu.

Qua việc đọc hoặc nghe văn bản thuyết minh, người đọc làm giàu vốn tri thức của mình bằng những hiểu biết về sự vật, hiện tượng một cách chính xác, trung thực.

**2.** Văn bản thuyết minh có những tính chất khác với văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận:

- Văn bản thuyết minh trình bày trung thành với những đặc điểm cơ bản của đối tượng, phản ánh một cách khách quan, bảo đảm tính chính xác, khoa học, đơn nghĩa, nhằm giúp người đọc hiểu được đối tượng một cách đúng đắn, chi tiết, đầy đủ. Nội dung của văn bản thuyết minh không phải là nội dung hư cấu, tưởng tượng mà cần phải phản ánh đúng đắn nhất, chân thực nhất về đối tượng. Văn bản thuyết minh thường được viết theo một khuôn mẫu nhất định.

- Văn bản tự sự chủ yếu trình bày sự việc: diễn biến hành động, nhân vật trong thời gian, không gian, có hư cấu tưởng tượng. Trong cách viết văn bản tự sự, chấp nhận cách viết đa nghĩa không mang tính khuôn mẫu.

- Văn bản miêu tả chủ yếu là trình bày tỉ mỉ, chi tiết sự vật, hiện tượng tồn tại trong thực tiễn, có hư cấu, tưởng tượng, không bắt buộc phải phản ánh một cách tuyệt đối chính xác, khoa học. Trong cách viết, văn bản miêu tả chấp nhận cách viết đa nghĩa, không mang tính khuôn mẫu.

- Văn bản nghị luận chủ yếu là lí lẽ, luận điểm, là những suy luận mang dấu ấn của người viết nhằm giúp người đọc hiểu được vấn đề.

**3.** Muốn làm tốt văn bản thuyết minh, người viết cần phải có vốn hiểu biết về đối tượng thuyết minh.

Hiểu biết càng sâu sắc, thấu đáo thì nội dung văn bản thuyết minh càng hàm súc, mạch lạc và rõ ràng. Người viết phải quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh, nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng, tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, quan trọng.

**4.** Những phương pháp thuyết minh thường được chú ý vận dụng:

- *Phương pháp định nghĩa, giải thích:* là phương pháp được viết theo cấu trúc của một phán đoán: S là P.

- *Phương pháp liệt kê:* là phương pháp kể ra, đưa ra một loạt tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm khẳng định hay nhấn mạnh cho một điều gì đó, một đặc tính nào đó cần thuyết minh, làm rõ.

- *Phương pháp nêu ví dụ:* là phương pháp dẫn ra, đưa ra những dẫn chứng lấy từ sách báo, từ đời sống thực tiễn để làm sáng tỏ cho điều mình trình bày.

- *Phương pháp dùng số liệu:* là phương pháp đưa vào văn bản những con số mang tính chất định lượng chính xác để giải thích, chứng minh hay giới thiệu về một sự vật, hiện tượng nào đó.

- *Phương pháp so sánh:* là phương pháp đem so sánh, đối chiếu sự vật, hiện tượng nào đó chưa thật gần gũi, còn mới mẻ với mọi người, với những sự vật, hiện tượng thông thường, dễ gặp, dễ thấy để giúp người đọc hiểu biết về sự vật, hiện tượng đó một cách cụ thể, dễ dàng hơn.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em nêu cách lập ý và lập dàn bài cho các đề trong SGK. Để làm được bài này, các em nên tham khảo các bài hướng dẫn trong SGK. Ví dụ, giới thiệu một đồ dùng học tập, em có thể xem lại đoạn văn mà một bạn học sinh đã làm (SGK tr.14), hay giới thiệu về một danh lam thắng cảnh ở quê hương em, có thể dùng lại dàn ý bài *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn,* hoặc có thể dựa theo mẫu đó lập lại dàn ý mới.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn văn theo các đề bài nêu trong SGK trang 36.

**Tài liệu tham khảo**

# CHIẾC NÓN

Chiếc nón có tự bao giờ? Mỗi lần thấy bà, thấy mẹ đội nón, tôi cứ bâng khuâng về câu hỏi đó.

Cái nón quê kiểng bình dị thật ưa nhìn. Xương nón làm bằng tre, nứa, được vót tròn óng chuốt, được kết thành những vòng tròn có đường kính khác nhau theo khuôn nón. Cái chóp nón lúc nào cũng hướng về trời cao. Lá lợp nón là sản phẩm của núi rừng. Việt Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên, U Minh... là nguồn vô tận về lá nón. Lá cọ, lá kè cũng để làm nón. Chiếc nón mới làm ra lại được quết một lớp mỏng dầu rái (thảo mộc), óng ánh, vừa bền vừa đẹp.

Dáng hình chiếc nón cũng nhiều vẻ. Nón ba tầm quai thao của các cô gái Kinh Bắc trong lễ hội mùa xuân: hội Lim, hội chùa Dâu, hát quan họ. Lại có chiếc nón của các bà, các cô đội lúc làm đồng, vừa chắc bền, vừa tiện lợi: che nắng mưa, làm quạt... Các cô thôn nữ làm duyên sau vành nón ấy. Chiếc nón thanh nhẹ còn che chở cho đôi má hồng, má lúm đồng tiền thêm xinh, thêm dòn.

Ai đã sáng tạo ra chiếc nón bài thơ xứ Huế? Lá nón trắng nõn nà; bài thơ mờ tỏ, ẩn hiện. Chiếc quai nón bằng lụa thanh tao. Vành nón nghiêng nghiêng, dịu dàng, e lệ, thầm kín của cô gái miền núi Ngự, sông Hương. Chả thế mà du khách, các cậu khóa ngẩn ngơ:

*Học trò xứ Quảng ra thi,*
*Thấy cô gái Huế bước đi không đành.*

Còn có chiếc nón dấu anh lính thời xưa, mà khi xem phim ta mới biết:

*Ngang lưng thì thắt bao vàng,*
*Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài.*

Chiếc nón là vật dụng thân thiết của mọi người, nhất là nhà nông, vừa rẻ, vừa tiện lợi, nhẹ nhàng dễ mang theo. Có nhiều làng nghề thủ công làm nón nổi tiếng xưa nay từng được truyền tụng qua ca dao, dân ca:

*Muốn ăn cơm trắng, cá mè,*
*Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông.*

Hay

*Hỡi cô đội nón ba tầm,*
*Có về Yên Phụ hôm rằm lại sang.*
*Phiên rằm chợ chính Yên Quang,*
*Yên Hoa anh đợi hoa nàng mới mua.*

Chiếc nón làng Găng, chiếc nón bài thơ xứ Huế đã trở thành món quà lưu niệm của khách phương xa. Nghe nói trong phòng khách của nhà thơ Xi-mô-nốp (Nga) có chiếc điếu cày và chiếc nón bài thơ mà ông đã mang từ Việt Nam về? Và trong chúng ta, ai đã từng được xem điệu múa nón, tưởng như đàn bướm sặc sỡ đang rập rờn bay trong ngàn hoa? Hình ảnh cô nữ sinh Huế ngày xưa tưởng như gặp trong mộng.

*Những nàng thiếu nữ sông Hương,*
*Da thơm là phấn, má hồng là son.*
*Tựu trường chân sát thon thon,*
*Lao xao nón mới màu son sáng ngời.*

(*Tựu trường* – Nguyễn Bính)

Ngày nay, ở các đô thị, hầu như không thấy học sinh đội nón đến trường, mà chỉ thấy những chiếc mũ vải đủ màu sắc xinh xinh. Nhưng trên đường làng, giữa các phiên chợ miền quê, chiếc nón lá màu trắng thanh nhẹ vẫn thấy nhiều. Các bà, các mẹ, các cô thôn nữ... làm sao rời được chiếc nón quê hương?

Trên con đường phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta ngày một phong phú hơn, sang trọng hơn. Nhưng giậu cúc tần, lũy tre xanh, đồng lúa chín, con trâu hiền lành, tiếng sáo diều... và chiếc nón ba tầm, chiếc nón bài thơ sẽ còn mãi trong tâm hồn nhân dân ta. Những câu hát bài ca về chiếc nón bình dị, quê kiểng ấy vẫn là sợi nhớ, sợi thương giăng mắc trong hồn người, man mác và bâng khuâng có bao giờ vơi...

(Dẫn theo Tạ Đức Hiền, *Nâng cao Ngữ văn 8*,
NXB Hà Nội)

BÀI 21

# NGẮM TRĂNG

## *(Vọng nguyệt)*

***Hồ Chí Minh***

*Bài thơ trích trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh, được sáng tác vào thời kì Người bị giam cầm trong nhà lao Tưởng Giới Thạch.*

*Tháng 5-1960, Viện Văn học cho xuất bản tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chủ tịch. Lần đầu tiên xuất bản do Nam Trân và một số người khác cùng dịch, giới thiệu 114 bài. Năm 1983, nhân dịp kỉ niệm 40 năm "Nhật kí trong tù", Viện Văn học và NXB Văn học đã giao cho một tiểu ban chỉnh lí lại bản dịch cũ và cho xuất bản lần thứ ba, giới thiệu 127 bài tính cả lời đề từ bài "Mới ra tù tập leo núi". Năm 1990, nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Văn học giới thiệu trọn vẹn 133 bài của "Nhật kí trong tù". Đây là một tập nhật kí bằng thơ được viết bằng chữ Hán trong thời kì Người bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ và trải qua 13 nhà tù ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) thời gian từ 29-8-1942 đến 10-9-1943.*

*"Nhật kí trong tù" là một sự kiện văn học trọng đại, trong những năm qua gây một tiếng vang rộng lớn trong và ngoài nước. Tập thơ đã được dịch và xuất bản ở Liên Xô, Cuba, Bungari, Hungari, Tiệp Khắc, Trung Quốc, Pháp, Mĩ... và nhiều nước khác. Các họa sĩ, thi sĩ đã lấy cảm hứng từ "Nhật kí trong tù" sáng tạo nên những tác phẩm nổi tiếng. Nhiều nhà phê bình văn học đã khẳng định giá trị to lớn về mặt lịch sử, tư tưởng và nghệ thuật của tập thơ. Tập "Nhật kí trong tù" đã "cắm một mốc lớn trên tiến trình văn học, góp phần xác nhận rõ nét một bản sắc thơ độc đáo, trong đó sự hài hòa tinh tế mọi thi pháp của thơ phương Đông cổ điển với những dòng chảy của thi ca hiện đại; có nhật kí, tư liệu, miêu tả, quyện làm một với chứa chan thi hứng; có thâm trầm, hài hước, phẫn nộ, triết lí, nhưng trên hết là cảm xúc và tư duy cách mạng được nâng lên thành vẻ đẹp của thơ [1].*

---

(1) Hồ Chí Minh, *Nhật kí trong tù*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, trang 16-17.

**1. Nhận xét về các câu thơ dịch**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ văn bản cả phiên âm tiếng Hán, dịch nghĩa và dịch thơ để hiểu từng câu, từng chữ của bài thơ. Sau đó đối chiếu giữa văn bản phiên âm và dịch thơ về cả hình thức câu chữ, yếu tố nghệ thuật và tứ thơ để có sự nhận xét.

***b. Gợi ý trả lời***

*Ngắm trăng (Vọng nguyệt)* là một trong những bài thơ tuyệt bút của Bác được sáng tác theo thể Đường luật thất ngôn tứ tuyệt. Ngôn ngữ thơ rất hàm súc, cách gieo vần, tạo thanh tuân thủ chặt chẽ quy tắc của thơ Đường luật. Sẽ là một thách thức rất lớn cho nhiều học giả tiến hành dịch thơ nếu muốn đảm bảo giữ đúng những yếu tố nghệ thuật lại làm nổi bật được ý thơ của nguyên tác. Rất nhiều trường hợp bản dịch giữ đúng hình thức thì đánh mất cái hay của nội dung và ngược lại.

Nhưng trong bản dịch này, tác giả Nam Trân đã cơ bản giữ được ý, tứ, cái hồn của bài thơ. Tuy nhiên, mặt hình thức không tạo ra sự gieo vần ở cuối dòng thơ (1, 2, 4) như trong nguyên tác và một số chỗ không dịch hết cái hay của ngôn từ. Nhất là ở câu thơ thứ 2, trong nguyên tác là ba chữ "nại nhược hà": bao day dứt băn khoăn, sang bản dịch là "khó hững hờ" nghe nhẹ nhàng hơn rất nhiều. Đó cũng là hiện tượng bình thường trong khi dịch thơ chữ Hán. Bản dịch của Nam Trân vẫn giữ được thần thái của bài thơ. Và đó là một thành công, một đóng góp lớn.

**2. Ở bài thơ này, Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh như thế nào? Vì sao Bác lại nói đến cảnh "Trong tù không rượu cũng không hoa"? Qua hai câu đầu, em thấy Bác có tâm trạng ra sao trước cảnh trăng đẹp ngoài trời?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ hai câu thơ (nhất là trong bản phiên âm tiếng Hán) để hiểu được nội dung của câu thơ. Chú ý liên hệ kiến thức về hoàn cảnh sáng tác. Câu thơ thứ hai có gì đặc sắc về nghệ thuật và thể hiện tâm trạng gì của tác giả.

*b. Gợi ý trả lời*

Ngay câu thơ đầu đã bộc lộ một cảnh ngộ: "*Trong tù không rượu, cũng không hoa*". Đó là một thực tế. Bởi đây là những năm tháng Bác bị giam cầm trong nhà ngục của Tưởng Giới Thạch. Trong chốn tù ngục ấy, Người đã phải trải qua bao cảnh thiếu thốn, đầy ải đến cùng cực, bốn tháng mà cơm không được no, áo không đủ ấm, nước uống phải chia nhau từng giọt, cảnh sống tăm tối, bẩn thỉu. Đáng lẽ ra, trong hoàn cảnh ấy người tù phải nghĩ đến cơm ăn, áo mặc, nước uống hàng ngày. Còn nói đến những thứ hoa, rượu có vẻ không hợp lí và cao sang quá chăng?

Thực ra câu thơ không phải là một lời van xin về hoàn cảnh thiếu thốn (vì đó cũng là chuyện bình thường, tất yếu của chốn tù ngục) mà chỉ là cách nói vui đùa của một tâm hồn thi nhân phóng khoáng, vượt lên mọi thử thách khắc nghiệt của thực tại. Hơn thế nữa, cách nói ấy thể hiện một tâm hồn thi sĩ nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Trong hoàn cảnh bị giam cầm sau song sắt nhà tù mà Bác lại nhắc đến hoa, rượu có phải là một sự "xa xỉ" quá chăng? Thực ra, với một thi nhân nó lại rất giản dị và đạm bạc. Bởi nâng chén, ngắm hoa và thưởng trăng là thú chơi tao nhã của tao nhân mặc khách. Nguyễn Trãi đã từng uống rượu dưới trăng:

*"Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén"*

Nguyễn Du có lần nói đến thú vui "Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên". Thế mà với Bác lúc này chẳng có ngay cả những thứ đạm bạc ấy. Ba chữ "không" được lặp lại ba lần trong câu thơ rất lạnh lùng, khắc sâu thêm sự thiếu thốn vô cùng của Bác. Vốn yêu trăng, yêu thiên nhiên nên trước cảnh đẹp đêm thu Người thấy lòng mình bối rối:

* *Đối thử lương tiêu nại nhược hà?*

Câu thơ là một câu hỏi tu từ, ba chữ "nại nhược hà?" vang lên đầy day dứt. Bởi trước cảnh đẹp thiên nhiên đang trải ra để đãi ngộ mà Bác lại chẳng có gì để đáp lại thì thật là thiếu sót. Nỗi băn khoăn của Bác thể hiện tấm lòng thiết tha yêu thiên nhiên, tinh tế, nhạy cảm như nhận thấy cái tình của cảnh vật. Ánh trăng thanh khiết vời vợi kia như thúc giục, như mời gọi thi nhân hãy thưởng ngoạn, giao hoà,

chia sẻ. Câu thơ chưa hề nhắc đến trăng, tả về trăng nhưng ta đã cảm thấy như ánh trăng đã chan hoà, bao trùm cảnh vật.

Trong hai câu thơ có cái lạnh lẽo của hiện thực khắc nghiệt chốn lao tù, nhưng vượt lên tất cả chính là tâm hồn của thi nhân đang thao thức, đang trải rộng tấm lòng mình để đón nhận, để chan hoà cùng cảnh vật.

**3. Trong hai câu thơ cuối của bài thơ chữ Hán, sự sắp xếp vị trí các từ "nhân (và thi gia), song, nguyệt (và minh nguyệt)" có gì đáng chú ý? Sự sắp xếp như vậy và việc đặt hai câu thơ dưới dạng đối nhau có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Khi đọc hai câu thơ cuối bài thơ, cần chú ý đến cách sắp xếp của tác giả: việc đặt chữ "nhân" lên trước mang dụng ý gì?

***b. Gợi ý trả lời***

Hai câu thơ cuối miêu tả cuộc ngắm trăng rất đặc biệt. Người chiến sĩ cách mạng được chiêm ngưỡng vầng trăng trong khung cảnh đối nguyệt. Trong văn bản chữ Hán, hai câu thơ có một cấu trúc bình đối rất chặt chẽ.

*Nhân hướng / song tiền / khán / minh nguyệt*
*Nguyệt tòng / song khích / khán / thi gia*

Điều đó cho thấy ở đây không phải chỉ có người tù – người thi sĩ say sưa ngắm trăng mà trăng như cũng hiểu được cái tình của con người. Chỉ qua khe cửa nhỏ, trăng và nhà thơ, hai gương mặt trong sáng, hai tâm hồn thanh cao như đối diện với nhau, gần gũi và ân tình. Sự đối diện ấy làm cho cả hai cùng đẹp hơn, thanh cao hơn: "nhân" đã trở thành "thi gia" và "nguyệt" cũng thành "minh nguyệt". Cảnh ngắm trăng tuy có thể chỉ diễn ra trong giây phút, nhưng tràn đầy cảm hứng, người ngắm trăng, trăng ngắm người. Vầng trăng lúc này tuy là vầng trăng của mọi nhà nhưng người tù lại cảm thấy như là vầng trăng của riêng mình, tri kỉ và tri âm. Người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ bộc lộ tư thế rất ung dung, chủ động, thanh thản để ngắm trăng (nên chữ "nhân" đã được tác giả đặt lên đầu câu). Cảnh ngắm

trăng diễn ra thật đặc biệt khiến nhiều người nghĩ rằng đây không phải cảnh ngắm trăng trong tù mà ở một lầu vọng nguyệt nào đó. Thái độ ung dung, chủ động của người tù – người thi sĩ ấy là một cuộc "vượt ngục tinh thần", biểu lộ chất thép của tâm hồn. Không có một nghị lực vững chắc, một ý chí kiên cường, làm sao có thể vượt lên trên tất cả sự tối tăm, gian khổ của tù đày để đến với thiên nhiên tuyệt đẹp trong tư thế đó.

Nghệ thuật đối trong thơ Đường được Hồ Chí Minh sử dụng một cách thành công, tạo nên vẻ đẹp và cái hấp dẫn của câu thơ và thể hiện rõ nhất sự giao hòa, đồng cảm giữa con người và thiên nhiên, bất chấp thử thách nghiệt ngã chốn tù ngục.

**4. Qua bài thơ, em thấy hình ảnh Bác Hồ hiện ra như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại cả bài thơ, chú ý đến những từ ngữ chỉ cảm xúc, tâm trạng của tác giả. Có thể liên hệ với hoàn cảnh sáng tác và những kiến thức về thơ Hồ Chủ tịch để có những nhận xét sâu sắc về tâm hồn, tình cảm của nhà thơ.

***b. Gợi ý trả lời***

Chỉ với một bài thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc, nhưng từng câu, từng chữ thấm đượm tình yêu tha thiết của nhà thơ đối với thiên nhiên, cảnh vật. Trong hoàn cảnh tù đày, phải chịu đựng bao gian khổ, đày ải những người chiến sĩ cách mạng vẫn cảm được cái tình của thiên nhiên. Chính vì thế, Người cảm thấy day dứt, băn khoăn khi không lấy gì để đáp lại sự đãi ngộ đó. Chỉ còn một cách là trải hồn mình để chan hoà cùng thiên nhiên qua cảnh ngắm trăng rất đặc biệt: qua song sắt nhà tù. Thái độ ung dung, tự tại không chỉ biểu lộ chất thép trong tâm hồn mà còn cho thấy tình yêu của Người dành cho thiên nhiên. Những cảm xúc rất tự nhiên, chân thành của Bác trước vẻ đẹp của đêm trăng sáng càng nói lên sự kết hợp hài hoà giữa chấp thép với chất thơ đầy thi vị trong tâm hồn người chiến sĩ. Tất cả giúp cho người chiến sĩ ấy vượt lên trên sự giam hãm, khổ đau để vươn tới một khung trời tự do, một vầng trăng trong sáng. Bài thơ thể hiện một tâm thế "*Thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao*".

**5.** Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét: "Thơ Bác đầy trăng". Hãy chép lại những bài thơ Bác viết về trăng mà em biết. (Ghi rõ thời điểm sáng tác mỗi bài). Cuộc ngắm trăng trong bài "Vọng nguyệt" và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác có gì đáng chú ý?

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Có thể dựa vào bài viết về "*Nhật kí trong tù*" và SGK Ngữ văn 7, tập 2, để tìm ra các bài thơ có viết về trăng của Bác. Căn cứ vào hoàn cảnh sáng tác và cách miêu tả để nhận xét về sự khác nhau ở các bài thơ đó.

***b. Gợi ý trả lời***

Trong "*Nhật kí trong tù*" sáng tác năm 1942 – 1943, Bác có tới bảy bài thơ nói đến trăng. Một thế giới trăng hữu tình và chứa chan thi vị:

*Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt*
*Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.* (Trung thu)
*Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh*
*Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.* (Đêm lạnh)
*Trên trời trăng lướt giữa làn mây."* (Đêm thu)

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), khi ở chiến khu Việt Bắc, Bác có 3 bài thơ viết về trăng: *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tin thắng trận*. Trăng trong thơ Bác mang nhiều vẻ khác nhau. Nhưng dù trăng được cảm nhận từ chốn lao tù hay giữa cảnh trời nước bao la, dù là khi thư nhàn hay đang bận bịu trăm công nghìn việc, với tâm hồn luôn hướng tới cái đẹp của Bác, trăng bao giờ cũng hiện lên như một tri âm, tri kỉ.

# ĐI ĐƯỜNG

## *(Tẩu lộ)*

*Hồ Chí Minh*

**1. Tìm hiểu kết cấu bài thơ**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ bài thơ. Căn cứ vào số câu trong bài, số chữ trong mỗi dòng thơ để nhận diện thể thơ. Từ đó nhận xét về kết cấu của bài.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ gồm 4 câu 28 chữ, thể hiện rõ kết cấu của bài thất ngôn tứ tuyệt. Câu đầu – khai (mở ra) *Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan* nói đến sự gian lao của người đi đường: *Có đi đường mới biết đường đi khó*, câu thơ mang một sự trải nghiệm của người đang trên hành trình gian nan.

Câu thơ thứ 2 – câu thừa *Trùng san chi ngoại hựu trùng san*. Câu thừa có vai trò mở rộng, triển khai, cụ thể hoá ý ở câu khai: Khó khăn, gian nan của người đi đường được cụ thể hoá bằng hình ảnh lớp núi hiểm trở trên con đường mà người tù đi phải vượt qua. "Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác".

Câu 3 – câu chuyển (chuyển ý, chuyển cảm xúc) *Trùng san đăng đáo cao phong hậu*. Câu chuyển rất quan trọng trong việc bộc lộ tứ thơ, gây nên bất ngờ: Khi vượt lên các lớp núi thì lên đến đỉnh cao chót vót.

Câu 4 – câu hợp (tổng hợp) quan hệ chặt chẽ với câu chuyển tóm lại ý của toàn bài thơ: *Vạn lý dư đồ cố miện gian* (Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt).

**2. Việc sử dụng điệp ngữ trong bài thơ (ở bản chữ Hán và bản dịch thơ) có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ bài thơ cả văn bản chữ Hán và bản dịch, chú ý đến phần giải nghĩa chữ Hán trong SGK và các điệp ngữ được dùng trong mỗi câu thơ. Cần nắm được ý nghĩa của phép điệp ngữ để vận dụng vào bài học.

***b. Gợi ý trả lời***

"*Tẩu lộ*" nguyên tác là thể thất ngôn tứ tuyệt, bản dịch thơ theo thể lục bát. Ở bản dịch, lời thơ ý thơ tự nhiên, không gò ép khi chuyển ý tứ bài thơ, song nhạc điệu của thể lục bát có phần làm giảm đi giọng điệu cứng cỏi, khoẻ khoắn.

Hệ thống điệp ngữ được sử dụng ở câu 1 và 2, 3 "Tẩu lộ", "trùng san".

*Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan*
*Trùng san chi ngoại hựu trùng san*
*Trùng san đăng đáo cao phong hậu...*

Điệp ngữ "tẩu lộ" điệp lại 2 lần ở câu khai có tác dụng nhấn mạnh đến hành trình đi đường.

Câu dịch "Đi đường mới biết gian lao" đã bỏ mất một chữ "tẩu lộ".

Điệp ngữ "trùng san" trong câu thơ thứ 2 (câu thừa) là nhiều lớp núi cao chồng lên nhau, câu thơ dịch là "núi cao" chưa sát ý, chưa chuyển tải được hết ý của nguyên tác.

Điệp ngữ "trùng san" trong câu 2 hàm ý tô đậm sự gian nan, khó nhọc trên con đường người đi phải trải qua, và "trùng san" được lặp lại ở câu thơ thứ 3 vừa chuyển ý thơ, vừa tạo nên âm hưởng, nhạc điệu cho bài thơ.

Bản dịch thể lục bát vẫn giữ nguyên điệp ngữ câu 2 và 3.

*Núi cao rồi lại núi cao trập trùng*
*Núi cao lên đến tận cùng.*

Tuy dịch "trùng san" thành "núi cao" chưa thật sát với nguyên tác, nhưng câu thơ dịch thật hay và giàu tính nhạc, tạo nên âm điệu chung cho bài thơ.

**3. Phân tích câu 2 và 4 để làm rõ nỗi gian lao của người đi đường núi và niềm vui sướng của người đứng trên cao ngắm cảnh. Hai câu thơ này, ngoài ý miêu tả, còn ngụ ý gì nữa không?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Nắm được kết cấu của thể thất ngôn tứ tuyệt (khai, thừa, chuyển, hợp) để phân tích câu 2, 4. Ngoài ra, cần hiểu được đặc trưng thơ Đường luật: cô đọng, hàm súc, lời ít, ý nhiều "ý ở ngoài lời".

***b. Gợi ý trả lời***

Nếu câu đầu mở ra ý bài thơ "*Đi đường mới biết gian lao*" là lời chiêm nghiệm của người từng trải, đi nhiều biết nhiều thì câu thơ thứ hai triển khai cụ thể hoá câu thứ nhất.

*Trùng san chi ngoại hựu trùng san*

(Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác)

Ý thơ diễn tả sự gian khó, vất vả cho người đi phải vượt qua những ngọn núi cao, "trùng san" điệp lại hai lần trong câu thơ thứ 2 nói lên khó khăn chồng chất khó khăn, gian lao chồng chất gian lao. Đi hết lớp núi này lại đến lớp núi khác, không biết đâu là con đường bằng phẳng phía trước, con người dường như vô cùng bé nhỏ trước các lớp núi chồng chất hùng vĩ. Song trong thơ Bác, mạch thơ luôn vận động từ bóng tối ra ánh sáng, từ khó khăn gian khổ đến sự tươi sáng và tương lai huy hoàng.

Câu thơ cuối cùng làm bừng sáng cả bài thơ:

*Vạn lý dư đồ cố miện gian*

(Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong tầm mắt)

Người đi đường sau một cuộc hành trình vô cùng gian khó, đã đến được đích cuối cùng. Núi cao không thể cao mãi, cũng như khó khăn cũng có lúc phải kết thúc. Câu thơ mở ra một thiên nhiên bao la rộng

lớn. Người đi núi đang đứng ở tư thế cao nhất với niềm vui sướng, tự hào, thu vào tầm mắt một không gian khoáng đạt, cao rộng.

Câu kết vừa tự nhiên, vừa bất ngờ, mở ra một tầng sâu ý nghĩa khiến người đọc phải suy ngẫm. Con đường đi phía trước đầy chông gai, có lớp lớp núi cao, cản trở con người tưởng chừng bị lẩn khuất vào thiên nhiên rộng lớn... Nhưng cuối cùng, con người đã làm chủ thiên nhiên. Trên đỉnh cao chót vót của tầng núi cao nhất, con người thâu tóm toàn bộ giới tự nhiên vào trong tầm mắt. Đó cũng là một quy luật rất tự nhiên: đứng cao, nhìn xa. Nước non dù muôn dặm vẫn có thể bị thu vào tầm mắt của con người.

Hai câu thơ trên ngoài nghĩa miêu tả còn mang ý nghĩa khái quát sâu sắc. Con đường đi tuy có nhiều khó khăn, thử thách, nhưng nếu người đi có ý chí, có tinh thần kiên trì vượt gian khó thì nhất định sẽ đến đích của thành công, đỉnh cao của vinh quang.

*c. Mở rộng kiến thức*

Trong thơ Hồ Chí Minh, có nhiều bài thơ viết về chuyện đi đường gian khó, càng ở chặng cuối cùng thì càng khó khăn, con người càng phải nỗ lực phấn đấu ở chặng cuối cùng để đi đến đích:

*Thuốc đắng cạn liều càng thấy đắng*
*Đường gay cuối chặng lại thêm gay*

(Giam lâu không được chuyển)

Kinh nghiệm của người cho thấy, có khi khó khăn, không phải ở núi cao, đường khó mà ở ngay con đường bằng phẳng nhất:

*Đi khắp đèo cao khắp núi cao*
*Ngờ đây đường phẳng lại gian lao*
*Núi cao gặp hổ mà vô sự*
*Đường phẳng gặp người bị tống lao*

Có khi khó khăn nhất là lúc khởi đầu:

*Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa*
*Biết bao nhiêu là sự khó khăn*
*Chỉ đìu hiu một mảy gió xuân*
*Cũng lo sợ có khi tắt mất...*

(Nhóm lửa)

Những bài thơ của Bác thường giản dị nhưng bao giờ cũng mang một tầng triết lí, một bài học nhân sinh. Từ những chuyện nhỏ bé đời thường như: đi đường, giã gạo, nhóm lửa..., Bác đều khái quát thành một bài học lớn mang nhiều ý nghĩa trong cuộc sống.

Những bài thơ ấy trở thành lời khuyên, lời động viên cổ vũ tinh thần giúp chúng ta vững bước trên đường đời gian khó.

**4. Đây có phải là bài thơ tả cảnh, kể chuyện không? Vì sao? Nêu vắn tắt nội dung, ý nghĩa bài thơ.**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Cần nắm được đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật: ngắn gọn, súc tích. "Tẩu lộ" là bài thơ đa nghĩa và có tính triết lí cao. Trên cơ sở nghĩa thực, suy nghĩ về lớp nghĩa sâu xa của bài thơ.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài thơ không đơn thuần là tả cảnh, kể chuyện mà mang một triết lí sâu xa, một bài học đường đời. Từ sự trải nghiệm của bản thân về đường đời gian nan, Bác đã viết thành bài thơ "*Đi đường*". Đường đời đầy gian nan thử thách, người đi đường phải kiên trì, bền chí mới vượt qua được các trở ngại đó. Đường đời đã khó là vậy, con đường cách mạng còn nhiều chông gai, nhiều khó khăn hơn, phải quyết tâm sắt đá mới đi đến đích của chiến thắng, đến đỉnh cao của vinh quang.

Bài thơ cũng không chỉ dừng lại ở mức tự khuyên mình mà đã trở thành một bài học có ý nghĩa giáo dục lớn, cổ vũ mọi người bền gan vượt gian khó để đạt được lí tưởng cao đẹp trong cuộc sống.

Đọc *Nhật kí trong tù*, ta thấy nhiều bài thơ Bác viết để tự khuyên mình, gũi vững ý chí, chịu đựng gian khổ và có bài thơ nói đến việc đời thường là "giã gạo" nhưng lại mang tính triết lí cao:

*Ví không có cảnh đông tàn*
*Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân*
*Nghĩ mình trong bước gian truân.*
*Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

(Tự khuyên mình)

Và từ việc giã gạo, Bác cũng đúc kết thành một chân lí trong cuộc sống: việc rèn luyện bản thân mỗi người là cần thiết, là điều kiện để thực hiện mục đích cao đẹp.

*Gạo đem vào giã bao đau đớn*
*Gạo giã xong rồi trắng tựa bông*
*Sống ở trên đời người cũng vậy*
*Gian nan rèn luyện mới thành công.*

(Nghe tiếng giã gạo)

**Tài liệu tham khảo**

Nhà thơ Hoàng Trung Thông cảm nhận về bài "*Đi đường*" của Bác và "*Lên lầu Quan Tước*" của Vương Chi Hoán - Trung Quốc rất xác đáng. Dưới đây xin được trích dẫn bài viết của nhà thơ Hoàng Trung Thông.

"Bài thơ tất nhiên là dịch chưa thật hay so với nguyên văn. Nhưng ngay trên bản dịch này, ta cũng thấy được bước khó khăn của người đi đường: hết núi cao này lại đến núi cao khác rồi lại núi cao nữa. Nhưng khi đến đỉnh cao nhất thì sẽ thu được muôn trùng núi sông vào trong tầm mắt của mình.

Đem so sánh bài thơ đó với bài thơ *Lên lầu Quan Tước* của Vương Chi Hoán (Trung Quốc):

*Mặt trời tắt sau núi*
*Sông Hoàng vào biển sâu*
*Muốn nhìn xa vạn dặm*
*Lên nữa một tầng lầu.*

Mà các nhà thơ nhiều thời đại khen ngợi là tuyệt vời thì ta thấy tư tưởng khác nhau một trời một vực. Một bên là leo mãi cho lên đến muôn trùng núi thì sẽ thu vào tầm mắt tất cả núi sông. Một bên là muốn thấy ngàn dặm thì bước lên một tầng nữa. Người phải đi khắp núi non mới đạt được mục đích, người chỉ cần bước lên một tầng lầu. Một người là phấn đấu, một người là hưởng thụ.

Bài thơ "*Đi đường*" chính là bằng nghệ thuật thơ tuyệt diệu đã biểu hiện tư tưởng của Bác: "Cách mạng phải lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lời". Mục tiêu là thu lại non sông vào trong tầm mắt nhưng phải qua hết chặng đường gian khổ này đến chặng đường gian khổ khác.

(Hoàng Trung Thông
*Bác Hồ là thơ và thơ của Bác* - Báo Văn nghệ số 35 - 1976)

# CÂU CẢM THÁN

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Đặc điểm hình thức của câu cảm thán.

- Chức năng của câu trần thuật.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm hình thức của câu cảm thán

Câu cảm thán thường sử dụng các từ ngữ cảm thán như: *ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi (ơi), trời ơi; thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào...*

*Đẹp vô cùng Tổ quốc ta **ơi**!*
*Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt.* (Tố Hữu)

*Ta hân hoan **biết bao** khi về gần đến nhà! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế! Ta thích thú **biết bao** khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc **biết bao** trong một cái giường tồi tàn!* (Ru-xô)

Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than. Khi nói, câu cảm thán có ngữ điệu cảm thán (nhấn giọng ở các từ ngữ cảm thán, có giọng thay đổi phù hợp với cảm xúc).

### II. Chức năng của câu cảm thán

Câu cảm thán dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói

(người viết), xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương.

Đọc những đoạn trích và trả lời câu hỏi:

a. Trong đoạn trích của Nam Cao có một câu cảm thán: *Hỡi ôi lão Hạc!*

b. Trong đoạn trích của Tế Hanh có một câu cảm thán *Than ôi!*

Những đặc điểm hình thức cho biết các câu trên là câu cảm thán: có các từ cảm thán: *hỡi ơi (a), than ôi (b)* và đều kết thúc bằng dấu chấm than.

Những câu cảm thán dùng để bộc lộ sự xót thương của ông giáo đối với lão Hạc (a) và thể hiện sự tiếc nuối của chúa tể sơn lâm về những ngày tháng huy hoàng đã qua (b).

Khi viết đơn, biên bản, hợp đồng hay trình bày kết quả một bài toán... không thể dùng câu cảm thán vì đây là các văn bản khoa học, mang tính khách quan, đòi hỏi sự chính xác cao; do đó không được bộc lộ tình cảm, cảm xúc mang tính chủ quan.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Xác định câu cảm thán trong những đoạn trích trong SGK trang 44.

- Giải thích vì sao các câu đó là câu cảm thán.

Những câu cảm thán trong các đoạn trích là những câu có các từ cảm thán: *than ôi, thay* (a); *hỡi ơi* (b); *chao ôi* (c). Các câu này thường kết thúc bằng dấu chấm than, riêng câu trong đoạn trích (c) kết thúc bằng dấu chấm.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Phân tích tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong những câu trong SGK trang 44, 45.

- Xếp các kiểu câu này vào câu cảm thán không? Vì sao?

Tất cả những câu dẫn trong SGK trang 44, 45 đều là những câu bộc lộ tình cảm, cảm xúc: *lời than thở* (a), *tâm trạng bế tắc* (b), *sự ân cần* (c). Tuy nhiên, đó không phải là những câu cảm thán vì không có những đặc điểm hình thức của câu cảm thán, từ ngữ cảm thán hay dấu chấm than khi kết thúc câu.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em đặt hai câu cảm thán để bộc lộ cảm xúc:

a) Trước tình cảm của một người thân dành cho mình.

b) Khi nhìn thấy mặt trời mọc.

Ví dụ: *Mẹ ơi, con yêu mẹ biết chừng nào!*

**4.** Bài tập này yêu cầu các em nhắc lại đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán.

| Đặc điểm / Câu | Hình thức | Chức năng |
|---|---|---|
| Nghi vấn | - Có những từ nghi vấn ***ai, nào, gì, tại sao, bao giờ***...hoặc từ ***hay*** để nối các vế có quan hệ lựa chon,<br>- Khi viết, thường kết thúc bằng câu hỏi | Dùng để hỏi |
| Cầu khiến | - Có những từ cầu khiến: ***hãy, đừng, chớ...***<br>- Khi viết, thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng có khi kết thúc bằng dấu chấm | Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo. |
| Cảm thán | - Có những từ cảm thán: ***ôi, than ôi, thay, biết bao,...***<br>- Khi viết, thường kết thúc bằng dấu chấm than. | Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, người viết. |

# CÂU TRẦN THUẬT

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Đặc điểm hình thức của câu trần thuật;

- Chức năng của câu trần thuật.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm hình thức của câu trần thuật

Câu trần thuật là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.

Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức như các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.

Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

Ví dụ:

*Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng dân tộc, chúng ta đã rửa mối "hận nghìn năm" của Nguyễn Trãi!* (Phạm Văn Đồng)

### II. Chức năng của câu trần thuật

Câu trần thuật thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả...

Ngoài những chức năng chính trên, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng của những kiểu câu khác).

Ví dụ:

*Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mởn nhớ đi, nhớ từ*

*tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông Đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt cả bầu trời lên, nhớ nhãn Hưng Yên, vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bố Hạ, đào Sapa, mà nhớ xuống.*(Vũ Bằng)

Đọc các đoạn trích và trả lời câu hỏi.

Tất cả những câu trong các đoạn trích dẫn ở SGK trang 45, 46 đều không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến hoặc câu cảm thán (trừ câu *Ôi Tào Khê!*).

Những câu đó được dùng để kể (a), thông báo (b), miêu tả (c) và để bộc lộ tình cảm, cảm xúc (d).

Trong các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và trần thuật thì kiểu câu trần thuật được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp vì nó là kiểu câu cơ bản và thực hiện được nhiều chức năng.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Xác định kiểu câu trong những câu dẫn ở SGK trang 47, 48.

- Xác định chức năng của các kiểu câu đó.

a) *Thế rồi Dế Choắt tắt thở* --> Kiểu câu trần thuật, được dùng để kể.

- *Tôi thương lắm* --> Kiểu câu trần thuật, được dùng để bộc lộ cảm xúc.

- *Vừa thương vừa ăn năn tội mình* --> Kiểu câu trần thuật, được dùng để bộc lộ cảm xúc.

b) *Mã Lương nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, em sung sướng reo lên* --> Kiểu câu trần thuật, được dùng để kể.

- *Cây bút đẹp quá!* --> Kiểu câu cảm thán, dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- *Cháu cảm ơn ông!* --> Kiểu câu trần thuật, dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- *Cảm ơn ông!* --> Kiểu câu trần thuật, dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em nhận xét về kiểu câu và ý nghĩa của hai câu: câu dịch nghĩa *Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?* và câu trong phần dịch thơ *Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ* trong bài thơ *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh:

- Về kiểu câu: Câu thứ nhất có từ nghi vấn *thế nào* và dấu chấm hỏi kết thúc câu nên là câu nghi vấn. Câu thứ hai là câu trần thuật.

- Về ý nghĩa: Hai câu này đều được dịch từ một câu trong văn bản gốc, do đó về cơ bản hai câu này giống nhau về ý: Nhà thơ xúc động mãnh liệt trước cảnh đẹp của đêm trăng sáng.

**3.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Xác định ba câu trong bài tập trang 47 thuộc câu nào và được sử dụng để làm gì.

- Nhận xét sự khác biệt về ý nghĩa của những câu này.

Dựa vào những dấu hiệu hình thức có thể nhận biết được kiểu câu của ba câu này: câu (a) là câu cầu khiến (có từ cầu khiến *đi*), câu (b) là câu nghi vấn (có cặp từ nghi vấn ... *có... không?*), câu (c) là câu trần thuật.

- Về mục đích sử dụng: đều hướng tới một mục đích: *đề nghị tắt thuốc lá*.

- Về ý nghĩa: Những câu này có sự khác nhau chủ yếu về sắc thái biểu cảm: Câu (a) là câu cầu khiến nên có sắc thái mạnh mẽ, cương quyết; câu (b) là câu nghi vấn và câu (c) là câu trần thuật, đèu được dùng để yêu cầu, đề nghị, để nhắc nhở nên có sắc thái nhẹ nhàng, lịch sự.

**4.** Bài tập này có 2 yêu cầu:

- Xác định những câu dẫn trong bài tập trang 47 có phải là câu trần thuật không?

- Những câu này dùng để làm gì?

a) *Đêm nay... đến sáng thì về* là câu trần thuật, dùng để cầu khiến.

b) *Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi* là câu trần thuật, dùng để kể.

- *Em muốn cả anh cũng đi nhận giải* là câu trần thuật, dùng để cầu khiến.

**5.** Bài tập này yêu cầu các em đặt câu trần thuật dùng để hứa hẹn, xin lỗi, cảm ơn, chúc mừng, cam đoan.

- *Bạn đừng lo, anh ấy hẹn mai sẽ đến.*

- *Tôi xin lỗi vì đã đến muộn.*

- *Mình cảm ơn bạn rất nhiều.*

- *Chúc (mừng) cậu sinh nhật vui vẻ.*

- *Tôi xin cam đoan những điều trên là sự thật.*

**6.** Bài tập này yêu cầu các em viết một đoạn đối thoại ngắn có sử dụng cả bốn kiểu câu đã đọc.

Đoạn đối thoại có thể giữa thầy (cô) giáo với học sinh, giữa bạn bè, giữa bố mẹ với con cái...

(Bài này các em tự làm)

BÀI 22

# CHIẾU DỜI ĐÔ

## *(Thiên đô chiếu)*

*Lý Công Uẩn*

### Vài nét về tác giả và tác phẩm

*Trước khi tìm hiểu tác phẩm, cần xem kĩ những chú thích của SGK Ngữ văn 8, tập II, trang 50 để hiểu rõ về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.*

*Lý Công Uẩn sinh (974 - 1028) người hương Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay thuộc Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh). Ngay khi mới 3 tuổi, ông đã được đưa vào chùa Lục Tổ để nuôi dạy. Ông là người rất thông minh, có chí lớn và đã lập nhiều chiến công. Lý Công Uẩn được cử làm Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ đời Lê Trang Tông (1005), tứ sương quân phó chỉ huy sứ rồi Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ đời Lê Ngoạ Triều (1005 - 1009). Sau khi Ngoạ Triều Lê Long Đĩnh mất, triều thần suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua, sáng lập ra vương triều Lý (1009 - 1225).*

*Sau khi lên ngôi, vua Lý Thái Tổ đưa ra một quyết định vô cùng quan trọng là dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên thành Thăng Long (rồng bay lên) vào năm 1010.*

*Để thuyết phục dân chúng, nói rõ mưu tính nghiệp lớn của mình trong quyết định này, Lý Công Uẩn đã soạn "Chiếu dời đô", ban bố rộng rãi trong dân chúng.*

### 1. Sự viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về các vua đời xưa bên Trung Quốc cũng từng có những cuộc dời đô nhằm có mục đích gì?

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc kĩ đoạn văn "Xưa nhà Thương... phong tục phồn thịnh" và các chú thích trong SGK, trang 50 để hiểu nội dung của đoạn văn. Có thể liên hệ kiến thức về nhà Chu, Thương ở Trung Quốc để giải thích tại sao tác giả lại dẫn những cứ liệu đó.

*b. Gợi ý tìm hiểu*

"*Chiếu dời đô*" là bản chiếu do vua Lý Công Uẩn ban bố về việc dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La. Tính thuyết phục được tác giả đặc biệt chú ý. Để có tính thuyết phục thì người viết phải sử dụng nhiều cứ liệu có tính xác thực cao, tạo niềm tin cho người đọc, người nghe.

Ngay đầu tác phẩm, Lý Công Uẩn đã viện dẫn cứ liệu từ chính lịch sử của Trung Quốc và việc các vua nhà Thương, Chu đã từng dời đô. Mà không phải chỉ có một lần.

Thời nhà Thương từ vua đầu tiên là Thang đến vua thứ mười bảy (Bàn Canh) đã có tới năm lần dời đô, nhà Chu đến vua Thành Vương phải dời đô ba lần.

Chính vì thế, việc dời đô cũng chỉ vì "quốc mạnh dân yên". Đó là những chứng cứ lịch sử rất cụ thể, có thực trong lịch sử của chính quốc gia láng giềng. Như vậy, việc dời đô không còn là chuyện hi hữu, mà đó là kinh nghiệm lịch sử, phản ánh xu thế phát triển lịch sử của từng quốc gia, từng thời đại. Sự viện dẫn đó chính là cơ sở để vua Lý Công Uẩn đưa ý kiến dời đô của mình và muốn dân chúng hiểu sự thay đổi đó là hoàn toàn có cơ sở.

**2. Theo Lý Công Uẩn, kinh đô cũ ở vùng núi Hoa Lư (Ninh Bình) của hai triều Đinh, Lê là không còn thích hợp, vì sao?**

*a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc đoạn văn: "Thế mà... không thì không dời được" và xem chú thích (8) SGK trang 50 để hiểu về việc hai nhà Đinh, Lê đóng đô ở Hoa Lư. Chú ý đến đoạn văn thể hiện thái độ của vua Lý Công Uẩn.

*b. Gợi ý trả lời*

Theo Lý Công Uẩn, việc hai nhà Đinh, Lê trước đây chọn Hoa Lư làm kinh đô hiện nay đã không còn phù hợp nữa. Bởi trước đây khi thế và lực của một quốc gia còn non trẻ, mới giành được độc lập sau gần một nghìn năm Bắc thuộc nên vẫn còn chưa mạnh. Thêm vào đó, lại phải liên tục chống lại sự xâm chiếm của ngoại bang, nên các vua Đinh, Tiền Lê vẫn phải lựa chọn nơi núi non hiểm trở, tận dụng được

ưu thế về địa hình tự nhiên là nơi đóng đô. Và đó là việc làm theo "ý riêng mình khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, là hậu quả tất yếu là "triều đại không được lâu bền, số phận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi".

Như vậy, chứng tỏ nhận xét của Lý Công Uẩn có phần xác đáng và có căn cứ. Ông không chỉ lấy lịch sử Trung Quốc làm quy chuẩn để nhận xét mà còn căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước, đời sống của nhân dân. Đất nước không được phồn thịnh, dân chúng không yên ổn không chỉ làm người đứng đầu quốc gia phải suy nghĩ mà cảm thấy "rất đau xót".

Sau tất cả những phân tích, sự viện dẫn cứ liệu lịch sử, tác giả khẳng định chắc chắn: "Không thể không dời đô".

**3. Theo tác giả, địa thế thành Đại La có những thuận lợi gì để có thể chọn làm nơi đóng đô?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Dựa trên tất cả những phân tích của Lý Công Uẩn thì dời đô là việc không thể tránh khỏi, một tất yếu. Nhưng điều quan trọng là đâu sẽ là nơi để dựng kinh đô mới? Một câu hỏi không dễ có lời đáp. Nhưng bằng con mắt nhìn xa trông rộng, tài "hoạch định" của mình, Lý Công Uẩn quyết định chọn thành Đại La làm nơi dựng đô. Vào thời điểm đó, nhà Lí vừa mới được thành lập, làm sao để thuyết phục dân chúng thuận lòng chọn một vùng đất mới, trong khi Hoa Lư đã là kinh đô của hai triều đại. Chính vì thế, trong bài *Chiếu*, Lý Công Uẩn đã đưa ra nhiều dẫn chứng rất cụ thể:

Trước hết, thành Đại La vốn là kinh đô của Cao Vương. Theo chính sử có chép: khi được vua Đường cử giữ chức Đô hộ sứ Giao Châu (tên nước ta thời đó), Cao Biền đã chọn thành Đại La làm nơi đóng đô, thủ phủ của chính quyền thống trị. Chính vì thế, ngay từ cuối thế kỉ IX, vị thế của vùng đất này đã được chú ý đến.

Thêm vào đó, thành Đại La còn có được địa thế, điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi, là nơi trung tâm trời đất, rồng cuộn hổ ngồi, hướng nhìn sông dựa núi. Vùng đất này tập trung các mặt thuận lợi của

chốn địa linh: "rộng mà bằng, cao mà thoáng", người dân yên tâm an cư lập nghiệp, không sợ thiên tai, lũ lụt.

Tóm lại, Đại La là "thắng cảnh", là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, và quốc phòng. Đó là nơi xứng đáng được gọi là "kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời". Những "dẫn chứng" này cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lý Công Uẩn về Đại La, nơi sẽ dời đô đến. Một cái nhìn toàn diện, sâu sắc, chính xác về các mặt vị trí địa lí, địa thế nhân văn. Sau một nghìn năm, Hà Nội đã trở thành Thủ đô Hoà bình của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta càng thấy Lý Công Uẩn trong việc dời đô từ Hoa Lư lên thành Đại La là vô cùng sáng suốt. Đó thực sự là một kì công, một cống hiến vô cùng vĩ đại "mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu", thể hiện tầm nhìn chiến lược, sáng suốt của vua Lý Công Uẩn.

**4. Chứng minh *Chiếu dời đô* có sức thuyết phục lớn bởi có sự kết hợp giữa lí và tình**

*Chiếu dời đô* trước hết là một văn bản hành chính có kết cấu hết sức chặt chẽ với hệ thống lí lẽ. Mở đầu bản chiếu, Lý Công Uẩn đưa ra dẫn chứng cứ rất cụ thể (từ thực tế lịch sử Trung Quốc) về việc dời đô. Sau đó soi chiếu vào lịch sử nước ta hai triều Đinh, tiền Lê, không thuận theo lẽ đó nên khiến cho dân chúng phải hao tổn mà đất nước không thể cường thịnh lên được. Từ hai viện dẫn đó, Lý Công Uẩn đưa ra sự khẳng định chắc chắn cho việc dời đô của mình là hoàn toàn hợp lí và có căn cứ.

Tiếp theo là một loạt dẫn chứng về ưu thế của vùng đất mới được chọn làm kinh đô nước Đại Việt độc lập. Các lí lẽ đưa ra rất toàn diện về vị trí, địa thế, nhân văn của mảnh đất trọng yếu này.

Như vậy, có thể thấy hệ thống lí lẽ được Lý Công Uẩn sắp xếp theo một trình tự rất chặt chẽ tạo nên hiệu quả thuyết phục rất cao đối với người nghe.

Nhưng thêm vào đó, tính thuyết phục còn được tạo nên bởi những từ ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và có sức biểu cảm. Thay vào những câu mệnh lệnh, tuyên bố là lời những lời văn rất giàu cảm xúc thể hiện tình cảm tha thiết của người viết: "Trẫm vô cùng đau xót..."

Tất cả những yếu tố trên được kết hợp một cách nhuần nhuyễn, làm nên thành công của bài văn. Nó có hiệu quả thuyết phục trực tiếp đối với người nghe vì đáp lại câu hỏi của Lý Công Uẩn: *Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?*, bầy tôi đều nói: *Bệ hạ nhờ thiên hạ mà lập kế dài lâu, ...Việc lợi như thế, ai dám không theo.* (Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 1, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2004, trang 259)

Và sau gần 10 thế kỉ, chúng ta vẫn cảm thấy một sức thuyết phục kì lạ từ những lời lẽ của bài văn này.

**5. Tại sao nói việc *Chiếu dời đô* ra đời phản ánh ý chí độc lập, tự cường và sự phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt?**

Sự ra đời của *Chiếu dời đô* đánh dấu một mốc son mở đầu cho trang sử vẻ vang của mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn hiến. Trong những ngôn từ rất trang trọng, mang khẩu khí của bậc đế vương như phản ánh ý chí độc lập, tự cường của dân tộc ta. Bởi ở đây có nói đến vai trò của một kinh đô đối với nền thịnh trị của triều đại và phồn thịnh của đất nước. Lý Công Uẩn muốn chọn một nơi đất "thánh địa" không phải chỉ để "phát nghiệp đế vương", củng cố sự trị vì của triều đại mà còn vì xây dựng một quốc gia độc lập, thịnh trị.

Việc dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La cũng chứng tỏ sự lớn mạnh về cả thế và lực của nước ta khi đó bởi những triều đại Đinh, Lê dù đã giành được độc lập sau gần 1000 năm thống trị của phong kiến phương Bắc nhưng vẫn còn hết sức non trẻ, nên khi xây dựng kinh đô vẫn phải chọn Hoa Lư, dù rất "chật hẹp ẩm thấp", cốt dựa vào sông sâu núi cao, địa thế hiểm trở để đóng đô và phòng thủ. Nhưng bước sang thế kỉ XI, thế nước đã thay đổi, Đại Việt đã bước vào thời kì độc lập, tự chủ, phồn thịnh. Vì thế, tiếp tục đóng đô ở Hoa Lư không còn phù hợp nữa. Quyết định dời đô ra Thăng Long là một sáng kiến rất táo bạo của vua Lý Công Uẩn và cũng là kết quả tất yếu của lịch sử khi đất nước bước vào thời kì phát triển.

**Tài liệu tham khảo**

*Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn đã được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá rất cao. Dưới đây xin trích dẫn bài viết của PGS Nguyễn Văn Hồng;

# CHIẾU DỜI ĐÔ - NHẬN THỨC VỀ SỰ HƯNG THỊNH CỦA MỘT TRIỀU ĐẠI VÀ TẦM VÓC PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

***(Kỉ niệm 990 năm Thăng Long)***

Trong lịch sử Việt Nam, triều Lý bắt đầu một thời kì phát triển của dân tộc. Biểu trưng của triều đại này thật đậm dấu ấn, thật đầy sức thuyết phục về khát vọng dân tộc. Đó là việc định vị đất nước một thủ đô Thăng Long - Rồng lên.

Nhà Lý đã thay thế nhà Tiền Lê một cách lí trí vì quyền lợi dân tộc và sự nhận thức phát triển đất nước. Như chúng ta biết, người có công lớn lao phát hiện ra thủ đô Thăng Long mà suốt gần ngàn năm vẫn trẻ trung, đầy xung lực đi lên là một nhân vật lịch sử xuất thân từ tầng lớp xã hội bình thường; nhân dân, lịch sử đã phải tô vẽ huyền thoại hóa về cuộc đời của nhân vật này.

Lý Công Uẩn đã mở đầu bằng một triều đại dài hơn hai thế kỉ (1009 - 1225). Ông đã xây dựng một triều đại có nhiều đóng góp về công cuộc phát triển ý thức dân tộc. Đó là một triều đại có nhiều đóng góp lịch sử, thời gian tồn tại dài hơn bất kì triều đại nào trước đó; hơn nữa, về tầm vóc thì nó đã vượt xa các triều đại trước đó. Phải chăng Lý Công Uẩn đã nhận thức được đầy đủ về vận nước, về quy luật mà pháp sư Đỗ Pháp Thuận nổi tiếng đã trả lời vua Lê Đại Hành trong bài vận nước "*Quốc tộ*".

*Vô vi cư điện các*
*Xứ xứ tức đao binh.*

Đó là nhận thức triết học tư tưởng Việt Nam về quản lí đất. Nội dung bốn câu thơ trên có thể hiểu là: Sự phát triển của đất nước có quy luật của nó (dây cuốn), muốn đất nước thịnh trị thái bình, nhà vua phải quản lí đất nước theo quy luật (lẽ tự nhiên), khắp đất nước sẽ hết họa đao binh.

Bài thơ *Quốc tộ* như phản ánh nhận thức quản lí quốc gia mà những người nắm quyền lực phải tuân theo nếu muốn đất nước an bình. Ta biết kẻ kế tục Lê Đại Hành là Lê Ngoạ Triều đã không nhận thức được điều đó. Hành động tàn bạo, ngược lại ý dân, hoang dâm vô

đạo đã làm cho chính sự đổ nát, nhân dân điêu linh. Nhưng Lý Công Uẩn trước cảnh một nền chính trị đổ nát, đất nước trước cơn nguy khốn, đã nhận thức được lịch sử, làm được một công việc phi thường, hòa bình, thay thế một vương triều bất lực, và mở ra một triều đại phát triển kéo dài hơn 200 năm.

Những chuyện ghi chép về việc mở triều Lý, dời đô có bao nhiêu là huyền thoại, bao nhiêu là thêu dệt sấm truyền, mê tín để tạo nên sức mạnh niềm tin. Nhưng vẫn còn có đó cái lõi thực của nhận thức lịch sử. Việc dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra La Thành (Hà Nội ngày nay) là việc thực thi có ý nghĩa phát triển kì diệu của Lý Công Uẩn với triều Lý và đất nước.

*Chiếu dời đô* do Lý Công Uẩn tự tay thảo đã chứng tỏ tài năng, nhận định sáng suốt của một ông vua thời đại, đồng thời *Chiếu dời đô* cũng đã phản ánh tầm lớn lên của quốc gia dân tộc. Phân tích nội dung *Chiếu dời đô,* ta sẽ thấy nhận thức và lí lẽ đầy sự thuyết phục trong 214 chữ của *Chiếu dời đô.*

a) Bắt đầu *Chiếu dời đô* phải nói đến quy luật thiên đô trong lịch sử Trung Quốc, một nước lớn, đã từng phát triển trước Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Lịch sử Trung Quốc về các triều đại lại rất quen thuộc với tầng lớp trí thức, tầng lớp quản lí chính trị lúc bấy giờ. *Chiếu dời đô* đã nêu dẫn chứng từ nhà Thương đến Bàn Canh có 5 lần dời đô. Nhà Chu đến Thành Vương 3 lần dời đô. Điều dẫn giải về lí do thiên đô nói rõ là đều tuân theo quy luật: tìm một đất trung tâm "đô đại trạch trung" và mục đích là: tính kế phát triển lâu dài cho con cháu "vị ức vạn thế tôn chi kế". Dời đô phải được ý trời (cẩn thiên mệnh), căn cứ theo ý chí của cư dân (nhân dân chí); và điều quan trọng là thế phát triển của quốc gia (quốc tộ diên cương), chữ "quốc tộ" ở đây được xem như nghĩa mở ra triển vọng phát triển đất nước cường thịnh, tạo nên một nền văn hóa phong phú (phong tục phú phụ).

Như vậy, đoạn mở đầu chiếu dời đô với 65 chữ ngắn ngủi, đã hàm chứa một nội dung sâu sắc về lí do bài học lịch sử và mục đích của việc dời đô. Chỉ trong 65 chữ, đoạn đầu chiếu dời đô đã hàm sức một nội dung rộng lớn và đầy sức thuyết phục về công việc sắp phải làm có liên quan đến vận mệnh triều đại đất nước.

b) *Chiếu dời đô* đi vào cụ thể trả lời việc nhà Đinh, Tiền Lê đã hành động trái với lịch sử, trái với quy luật. Cả hai triều đại này tự giam mình ở một vùng đất trũng hẹp. Ngày nay ai cũng thấy Hoa Lư là vùng đất thấp hẹp, làm thế nào phát triển lâu dài được. Cuộc sống của nhân dân thiếu thốn nghèo đói, sản vật nghèo nàn "Bách tính hao tổn, vạn vật thất nghi". Ngày nay, ta nghiên cứu vùng đất này càng thấy rõ vị trí tù túng của Hoa Lư.

Với con mắt nhìn xa con đường phát triển của triều đại, quốc gia dân tộc, đất Hoa Lư không còn đủ sức cho tầm vóc mới của dân tộc. Vua Lý Công Uẩn đã khẳng định việc phải dời đô để đáp ứng hợp ý trời, thuận lòng dân mở đường hướng tới tương lai.

c) Lý Công Uẩn đã phát hiện đất La Thành với cái thế vươn xa phát triển, như rồng đang cuốn mình bay xa, hổ đang thu mình lấy thế "Long bàn hổ cứ". Đó là vùng đất "Trạch thiên địa chi trung", đất trung tâm, có thể phát triển ra bốn phía "chính Nam Bắc Đông Tây chi vị". Đó là vùng thuận lợi cho thế tựa núi, rộng mở nhìn hướng sông. Đất rộng bằng phẳng, cao mà thoáng đãng. Dân cư tránh được sự khốn khó như Hoa Lư. Khác với Hoa Lư, La Thành vạn vật tốt tươi, sản vật phong phú. *Chiếu dời đô* đi đến kết luận: khắp nước Nam là nơi thắng địa, chính là chỗ tụ hội của bốn phương, chính là thượng đô muôn đời đế vương. "Các khanh nghĩ sao? (Khanh đẳng như hà). Còn gì phải nghĩ nữa. Câu hỏi cuối *Chiếu dời đô* như nhắc nhở quần chúng hãy đồng lòng nhất trí, cái lí dời đô đã rõ ràng.

*Chiếu dời đô* với 214 chữ ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, chứng thực cụ thể, nhà vua chẳng đã khẳng định sự dời đô là việc tất yếu lịch sử? Một điềm lành "huyền thoại" đã xuất hiện, thêm một "điềm trời", như thế dựa uy linh của trời, La Thành - Thăng Long như một thủ đô mở ra một triều đại thực thụ, bắt đầu tạo nên "Quốc tộ diên trường" - vận nước lâu dài hơn hai trăm năm. Nhà Lý bắt đầu từ Lý Công Uẩn đã tạo dựng một thời kì lịch sử đáng tự hào của dân tộc.

Cuộc thiên đô của Lý Công Uẩn như một huyền thoại đẹp trong lịch sử. Ngày nay, mỗi khi chúng ta tưởng lại như mường tượng thấy ngày thuyền rồng vua Lý Thái Tổ nhà Lý vào Hà Nội. Trên trời muôn màu mây ngũ sắc bay lượn. Với trí tưởng tượng mơ ước điềm lành

"Rồng lên", báo trước triều địa hưng thịnh, một thời kì đất nước phát triển toàn diện.

Triều Lý đã tồn tại 216 năm, đã tạo nên một thời kì mà vua đi cày ruộng làm gương cho nhân dân. Hãy nghe lời vua phản bác khi các quan lại can ngăn việc vua đi cày: "Đó là công việc của nông phu bệ hạ cần gì làm thế". "Trẫm không tự cày thì lấy gì làm xôi cúng, lại lấy gì cho thiên hạ noi theo". Vua còn bắt dân dệt vải, định ra luật. Về văn hóa giáo dục mở khoa thi vào năm 1075, sau khi nhà Lý lập nghiệp được 65 năm. Về đối ngoại, thi hành chính sách ngoại giao có nguyên tắc độc lập, bảo vệ quyền lãnh thổ thiêng liêng.

Lý Thường Kiệt trong cuộc chống Tống 1076 với quyết tâm toàn dân tộc đã chiến thắng giặc ngoại xâm, nêu cao ý chí dân tộc.

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*
*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...*

Ý chí cư dân định vị cương vực quốc gia. Điều này đã phản ánh việc đấu tranh ngoại giao 1079 thắng lợi, vua Tống đem trả đất Quảng Nguyên. Việc bàn bạc biên giới đã thắng lợi, xác định cương giới, ở Hội nghị ngoại giao Vĩnh Bình, Lê Văn Thịnh đã cùng "Người Tống bàn bạc cương giới"... "định biên giới Nhà Tống trả lại cho ta 6 huyện, 3 động".

Sự thay thế tồn tại và phát triển của triều Lý cùng đất nước sau khi vua Lý dời đô ra La Thành - Thăng Long (Hà Nội ngày nay) đã chứng minh nhận thức thiên tài của Lý Công Uẩn.

Chiếu dời đô như phản ánh dự liệu, tầm nhìn chuẩn xác của vua khai sáng triều Lý về một triều đại, về thế phát triển lâu dài của một Trung tâm của đất nước, dân tộc. Ngày nay, Hà Nội với truyền thống ngàn năm lịch sử vẫn trẻ trung đầy xung lực trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng chứng minh tầm nhìn sắc sảo của cha ông. Thăng Long - Hà Nội mãi phản ánh khát vọng của dân tộc về một thủ đô Rồng lên.

Nguyễn Văn Hồng
Kỷ yếu hội thảo khoa học "*Lý Công Uẩn và vương triều Lý*"
NXB ĐHQG Hà Nội, 2001

# CÂU PHỦ ĐỊNH

Mục đích bài học giúp các em nắm được:

- Đặc điểm hình thức của câu phủ định;

- Chức năng của câu phủ định

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm hình thức của câu phủ định

Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: *không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...*

Ví dụ:

*Chàng đi chuyến này, thiếp* ***chẳng dám*** *mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.* (Nguyễn Dữ)

***Chẳng*** *thơm cũng thể hoa nhài,*
*Dẫu* ***không*** *thanh lịch cũng người Tràng An.*

(Ca dao)

### II. Chức năng của câu phủ định

Câu phủ định thường dùng để:

- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó, còn gọi là câu phủ định miêu tả.

Ví dụ:

*Tôi* ***chưa*** *hề biết trên đời này lại có những chuyện mới lạ như vậy: bên bờ biển có những vỏ sò đủ màu sắc như thế kia, và có được quả dưa hấu ăn cũng phải trải qua bao nhiêu là nguy hiểm.* (Lỗ Tấn)

- Phản bác một ý kiến, một nhận định, còn gọi là câu phủ định bác bỏ.

Ví dụ:

*- Sao thế? bác ta mỉm cười bảo – ai mà chẳng có bố.*

*Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những tiếng nấc buồn tủi:*

*- Cháu... cháu* ***không*** *có bố.* (G.đơ Mô-pát- xăng)

Câu phủ định bác bỏ bao giờ cũng xuất hiện sau một ý kiến, một nhận xét nào đó đã được đưa ra từ trước.

Do đó, câu phủ định bác bỏ không bao giờ đứng ở vị trí mở đầu đoạn văn.

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ nhiều khi không được thể hiện ra một cách rõ ràng qua dấu hiệu hình thức. Trong những trường hợp như vậy, cần dựa vào hoàn cảnh để xác định đâu là câu phủ định miêu tả hay là câu phủ định bác bỏ.

*Chú ý:* Ngoài hai dạng câu phủ định nói trên, còn có câu phủ định của phủ định, sẽ cho ta ý nghĩa khẳng định.

Ví dụ: *Không phải là tôi không biết chuyện ấy* (Tôi biết chuyện ấy).

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em xác định câu phủ định bác bỏ trong các câu cho ở bài tập trang 53. Và giải thích vì sao đó là câu phủ định bác bỏ. Những câu phủ định bác bỏ trong các câu văn:

a) Trong đoạn văn này không có câu phủ định bác bỏ, chỉ có câu 2 là câu phủ định miêu tả.

b) *Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu!*

Đây là câu của ông giáo bác bỏ ý kiến của lão Hạc nhận xét về con chó đã đưa ra trước đó.

c) *Không, chúng con không đói nữa đâu.*

Đây là câu nói của cái Tí bác bỏ lại điều chị Dậu nghĩ đã đưa ra ở phần văn bản trước đó.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Những câu dẫn trong bài tập trang 54 có ý nghĩa phủ định không? Vì sao?

- Đặt câu không có từ ngữ phủ định mà có ý nghĩa tương đương bởi những câu đã cho. So sánh những câu mới đặt với các câu đã cho và cho biết có phải ý nghĩa của chúng hoàn toàn giống nhau không?

Những câu trong đoạn trích là những câu phủ định nhưng lại mang ý nghĩa khẳng định, vì đó là dạng câu phủ định của phủ định.

Có thể đặt những câu không có từ phủ định mà vẫn có ý nghĩa tương đương với những câu dẫn trong bài tập:

+ (Câu (a) dùng cách nói phủ định của phủ định: *không phải là không có*): *Câu chuyện có lẽ chỉ là một chuyện hoang đường, song vẫn có ý nghĩa.*

+ (Câu (b) dùng cách nói phủ định của phủ định: *không ai không*): *Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, ai cũng đã từng ăn trong Tết Trung thu, ăn nó như ăn cả mùa thu vào lòng vào dạ.*

+ (Câu (c) dùng từ nghi vấn kết hợp với từ phủ định: *ai chẳng*): *từng một lần nghển cổ nhìn lên tán lá cao vút mà ngắm nghía một cách ước ao chùm sấu non xanh hay thích thú chia nhau nhấm nháp món sấu dầm bán trước cổng trường.*

**3.** Xét câu văn và trả lời câu hỏi

Nếu Tô Hoài thay từ phủ định *không* bằng *chưa* thì phải bỏ từ *nữa*. Khi đó sẽ là:

*Choắt chưa dậy được, nằm thoi thóp.*

Việc thay thế như vậy làm ý nghĩa của câu văn thay đổi.

+ Từ phủ định *không* trong câu được hiểu là: *Choắt không còn khả năng đứng dậy*. Đây là câu *phủ định vĩnh viễn.*

+ Từ phủ định *chưa* thay thế được hiểu là: *Choắt vẫn còn khả năng đứng dậy được*. Đây là câu *phủ định tạm thời*.

Do đó, câu *Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp* dùng ở đây là phù hợp với câu chuyện hơn vì sau đó Choắt đã chết.

**4.** Bài tập này nêu 3 yêu cầu:

- Xác định câu phủ định trong các câu dẫn ra trong bài tập trang 54 SGK.

- Những câu phủ định đó dùng để làm gì?

- Đặt những câu có ý nghĩa tương đương.

Các câu dẫn ra trong SGK không phải là các câu phủ định vì không có từ phủ định. Tuy nhiên, những câu này được dùng với ý nghĩa phủ định, bác bỏ lại ý kiến đã đưa ra.

Đặt những câu có ý nghĩa tương đương.

a) *Không đẹp.*

b) *Không có chuyện đó.*

c) *Bài thơ này không hay.*

d) *Tôi không sung sướng hơn cụ đâu.*

**5.** Bài tập này yêu cầu các em đọc đoạn trích dẫn trong SGK trang 54 và cho biết: Có thể thay *quên* bằng *không*, *chưa* bằng *chẳng* được không? Giải thích lí do?

Trong đoạn trích dẫn trong SGK, không thể thay *quên* bằng *không*, *chưa* bằng *chẳng được,* vì sắc thái ý nghĩa của các từ này là hoàn toàn khác nhau:

- *Quên*: không nghĩ đến, không để tâm đến. Từ này không phải là từ phủ định.

- *Không:* biểu thị ý nghĩa phủ định.

- *Chưa:* biểu thị ý phủ định đối với điều mà cho đến lúc nói không có hoặc không xảy ra nhưng tương lai có thể xảy ra.

- *Chẳng:* biểu thị ý nghĩa phủ định được nhấn mạnh.

Nếu thay từ như trên thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi: không thể hiện được lòng căm thù giặc và quyết tâm giết giặc của Trần Quốc Tuấn.

**6.** Bài tập này yêu cầu các em viết một đoạn đối thoại ngắn, trong đó có dùng câu phủ định miêu tả và câu phủ định bác bỏ.

Bài tập này các em tự làm.

BÀI 23

# HỊCH TƯỚNG SĨ

*Trần Quốc Tuấn*

## Vài nét về tác giả và tác phẩm

*Trần Quốc Tuấn (1231 - 1300), với cương vị Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương của vương triều Trần đã đi vào lịch sử dân tộc và đi vào lòng dân như một anh hùng dân tộc vĩ đại, một nhà quân sự thiên tài với công lao ba lần đánh bại quân xâm lược Mông - Nguyên, và đi vào đời sống tâm linh của nhân dân như một vị Thánh bất tử. Phan Bội Châu cho rằng Hưng Đạo Vương "lập được công lớn, dẹp yên được giặc mạnh, trở thành "vị anh hùng bậc nhất chống ngoại xâm thành công" là "nhờ có ba điều: Thứ nhất là lòng nhiệt thành, thứ hai là có kiến thức cao và thứ ba là nhân cách cao thượng". Tuy là một đại quý tộc tôn thất, quyền cao chức trọng vào bậc nhất của vương triều, nhưng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn rất gần gũi với dân chúng và trọng dụng nhiều người xuất thân bách tính, thậm chí nô tì. Chính vì thế trong bài Hịch kêu gọi tướng sĩ đồng lòng đứng lên đánh giặc, cứu nước, Trần Quốc Tuấn đã sử dụng những lời lẽ hết sức thống thiết, chân thành.*

*"Hịch tướng sĩ" được nhiều học giả xưa nay đánh giá là áng "Thiên cổ hùng văn", với tư cách là nhà quân sự đại tài ông còn là tác giả của cuốn "Binh thư yếu lược" (sách tóm tắt những điều cốt yếu vì binh pháp) để dạy các tướng sĩ thời đó về nghệ thuật đánh giặc. Ngoài ra ông còn viết (Vạn Kiếp Tông bí truyền thư). Rất tiếc đến nay hai bộ binh thư của Trần Quốc Tuấn đã bị thất truyền.*

*Ngày nay chúng ta trân trọng suy tôn ông là một vị đại anh hùng dân tộc, một nhà quân sự thiên tài, một nhà văn hoá lớn. Còn nhân dân thì suy tôn ông làm Đức Thánh Trần, lập đền thờ ở nhiều nơi.*

### 1. Bài hịch có thể chia làm mấy đoạn? Nêu ý chính của từng đoạn

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc toàn bộ văn bản và các chú thích để hiểu nội dung của bài hịch. Căn cứ vào các dấu hiệu ngữ pháp (xuống dòng...) và điểm chung của

các câu văn trong từng đoạn để phân chia bài hịch thành từng phần khác nhau.

***b. Gợi ý trả lời***

Bài hịch của Trần Quốc Tuấn có thể chia thành 4 phần:

Đoạn 1: "Ta thường nghe... đến nay còn lưu tiếng tốt". Nêu gương các trung thần nghĩa sĩ trong lịch sử đã xả thân để cứu nước cứu vua, để kích thích tinh thần trung dũng của các tướng sĩ.

Đoạn 2: "Huống chi... vui lòng": Lòng căm thù giặc sục sôi và quyết tâm chiến đấu trước âm mưu và tội ác tàn bạo của kẻ thù.

Đoạn 3: "Các ngươi cùng ta... phỏng có được không": nhắc lại ân tình của chủ soái và tướng sĩ, phê phán tinh thần mất cảnh giác, cầu an hưởng lạc đồng thời nêu ra viễn cảnh đau xót nếu như không quyết tâm chống giặc.

Đoạn 4: "Nay ta chọn ... để các người biết bụng ta": Nêu yêu cầu cụ thể cho các tướng sĩ hãy ra sức học tập binh thư để giữ trọn đạo thân chủ.

**2. Sự ngang ngược và tội ác của giặc được lột tả như thế nào? Đoạn văn tố cáo tội ác giặc đã khơi gợi được điều gì ở tướng sĩ?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ đoạn văn "Huống chi ta cùng... về sau" và xem các chú thích của SGK. Đoạn văn đã kể ra những tội ác nào của giặc, các từ ngữ mà tác giả sử dụng có gì đặc sắc, có thể liên hệ kiến thức lịch sử thời kì đó để hiểu tại sao tác giả lại viết như thế.

***b. Gợi ý trả lời***

Ngay sau khi nêu gương các anh hùng nghĩa sĩ đã xả thân vì đất nước trong những thời kì loạn lạc, tác giả đã viết những lời hết sức tâm huyết kể tội ác của giặc. Bằng cái nhìn sáng suốt, sâu rộng và cảnh giác của vị Tiết chế thống lĩnh, Trần Quốc Tuấn đã vạch trần tà tâm và bộ mặt tham lam, tàn bạo của quân xâm lược phương Bắc qua hình ảnh của những tên sứ giặc. Sau thất bại thảm hại lần thứ nhất (năm 1258), cậy thế "Thiên triều" đế quốc Nguyên – Mông liên tiếp cử

sứ giả sang nước ta sách nhiễu, đòi của cống nạp. Qua ngòi bút của Trần Quốc Tuấn, bọn sứ giả đó hiện lên thống nhất từ vẻ ngoài hung hăng đến bản chất tàn bạo. Một loạt hành động được liệt kê liên tiếp: *nghênh ngang đi lại ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ*. Chúng coi khinh tất cả, từ người dân lành vô tội đến cả vua tôi nhà Trần. Đối với chúng, Đại Việt và kinh thành Thăng Long như là quận huyện của chúng nên tha hồ hoành hành. "Lưỡi cú diều", "thân dê chó" là hai hình ảnh ẩn dụ rất đặc sắc để lột tả hết bộ mặt tham tàn của bọn nguỵ sứ. Không những thế, chúng còn tìm đủ trăm phương nghìn kế để tha hồ vơ vét của cải của dân ta để thoả lòng tham vô đáy. Nghệ thuật đối ngẫu được vận dụng một cách sắc bén làm nổi bật hành động và dã tâm của bọn sứ giặc. Chúng không còn là những sứ giả nữa mà đã mang bản chất của bọn cướp nước. Những hình ảnh so sánh đã cho thấy ngòi bút sắc sảo, cái nhìn sáng suốt và lòng căm thù giặc sôi sục của tác giả. Tất cả khẳng định một quyết tâm trước sau như một: tội ác của chúng không chỉ xúc phạm đến quốc thể và lòng tự tôn dân tộc mà còn phương hại đến cuộc sống của nhân dân. Vì thế, không thể khoan nhượng, không thể tiếp tục khoanh tay ngồi nhìn chúng hoành hành ngỗ ngược như thế.

Một trong những yêu cầu của văn hịch là vạch trần tính chất phi nghĩa, dã man của đối phương để khơi gợi lòng căm thù chống giặc của toàn thể nhân dân. Đoạn văn trên đây với cách lập luận sắc bén, cách đưa dẫn chứng, với nghệ thuật sáng tạo hình ảnh ẩn dụ, cấu trúc các vế câu biền ngẫu đối xứng... đã tạo nên một giọng điệu đanh thép, hùng hồn, đạt hiệu quả cao, tác động rất mạnh đến người đọc.

### 3. Phân tích lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn qua đoạn văn tác giả tự nói lên nỗi lòng mình

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc kĩ đoạn văn viết về tâm trạng của tác giả: "Ta thường tới bữa quên ăn... ta cũng vui lòng". Chú ý liệt kê các từ ngữ tác giả đã sử dụng để thể hiện các sắc thái tâm trạng, tình cảm khác nhau. Cách diễn đạt ở đoạn văn này có gì đáng chú ý?

*b. Gợi ý trả lời*

Đoạn văn nói về nỗi lòng, tâm trạng của Trần Quốc Tuấn trước tội ác của giặc được đánh giá là đoạn đặc sắc, hay nhất của bài hịch. Tác giả đã sử dụng những lời văn hết sức thống thiết, cách nói thậm xưng để diễn tả nỗi đau, sự uất hận của một vị tướng lĩnh phải chứng kiến cảnh quốc thể bị sỉ nhục, nhân dân bị chà đạp. Nỗi đau ấy luôn thường trực, kéo dài dằng dặc theo dòng chảy thời gian (ngày, nửa đêm...) thấu vào tận xương tuỷ: "như dao cắt, nước mắt đầm đìa". Càng đau xót càng uất hận, căm thù lên đến tột đỉnh biến thành mong muốn mạnh mẽ: "xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù". Tác giả đã sử dụng cách nói cụ thể đầy ấn tượng để biểu thị một thái độ kiên quyết không dung tha lũ giặc cướp nước. Câu văn chia thành nhiều vế đối nhau tạo cho giọng văn sự đanh thép, hùng hồn, mạnh mẽ. Tiếng hịch cất lên như lời thề quyết chiến. Người anh hùng thuở "Bình Nguyên" sẵn sàng xả thân trên chiến địa để trả nợ non sông, diệt thù, cứu nước. Dù biết "trăm thân, nghìn xác" chỉ là cách nói thậm xưng nhưng người đọc vẫn cảm nhận được khí phách anh hùng, tư thế chiến đấu lẫm liệt vô song của một vị thống lĩnh. Thật cảm động và khâm phục biết bao ý chí, quyết tâm hi sinh dù cho "thân phơi ngoài nội cỏ, xác gói trong da ngựa". Bốn chữ "ta cũng vui lòng" thể hiện một niềm hạnh phúc to lớn của người anh hùng thời loạn được hiến dâng xương máu cho độc lập, tự do của dân tộc Đại Việt. Lí tưởng ấy như thấm vào máu, hơi thở của bao thế hệ người Việt Nam sau này. Chính vì thế "Cuộc đời đẹp nhất là trên trận chiến đánh quân thù". Hay những gương mặt phơi phới xông pha vào trận chiến chống Mỹ cứu nước gian nan, ác liệt:

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*
*Mà lòng phơi phới dậy tương lai*

**4. Sau khi nêu mối ân tình giữa chủ soái và tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ, đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm là có dụng ý gì? Khi phê phán hay khẳng định, tác giả tập trung vào vấn đề gì? Tại sao phải như vậy?**

*a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc kĩ đoạn văn "Các ngươi ở cùng ta coi... phỏng có được không?". Tác giả đề cập đến vấn đề gì trong đoạn văn này? Ngôn từ và thủ pháp nghệ thuật có gì đặc sắc, có tác dụng làm nổi bật nội dung...

*b. Gợi ý trả lời*

Là một vị thống lĩnh, Trần Quốc Tuấn không thể yên lòng khi chứng kiến thái độ thờ ơ của tướng sĩ trước thảm hoạ mất nước. Với thái độ nghiêm khắc, Trần Quốc Tuấn thẳng thắn phê phán. Trong khi quốc thể, sự tôn kính của dân tộc bị xúc phạm nhục nhã bị hạ thấp (nhạc Thái thường để đãi nguỵ sứ), triều đình phải phục tùng, cống nạp cho giặc một cách hết sức phi lí, là tướng sĩ ăn bổng lộc của triều đình mà vẫn không thấy nhục. Đó là sự thờ ơ, vô trách nhiệm với vận mệnh của dân tộc. Không những thế, là những trai tráng thời loạn lạc mà có thể chìm đắm trong những thú vui tầm thường: chơi chọi gà... vì lo toan vị kỉ mà quên đi sứ mệnh thiêng liêng của mình là phải chiến đấu vì Tổ quốc. Và hậu quả tất yếu của những thái độ thờ ơ ấy là thế yếu lực suy. Là một tướng lĩnh quân sự đại tài, Trần Quốc Tuấn nhận thức được rằng biết mình biết ta trăm trận trăm thắng, không thể lấy trứng mà chọi với đá, thất bại là điều chắc chắn.

Tác giả cũng chỉ ra một sự thật dù phũ phàng song rất hiển nhiên, tất yếu: Tiền không mua được đầu giặc, chó săn không đuổi được quân thù, rượu ngon không thể làm cho giặc say chết... Và người phải chịu hậu quả đau xót không chỉ là triều đình, là tướng lĩnh mà chính là bản thân người lính và những người thân yêu của họ. Cấu trúc: "Chẳng những ... mà" được lặp lại rất nhiều lần, với những vế câu biền ngẫu liên tiếp tăng thêm tính quyết liệt cho khẳng định và thôi thúc, dồn dập trong giọng điệu lời hịch. Cách viết ấy thể hiện rõ nhất mối quan hệ mật thiết, gắn bó về quyền lợi giữa chủ soái và quân sĩ.

Tác giả vẽ ra viễn cảnh hết sức bi thương sẽ xảy ra với những điều thiêng liêng, tôn kính nhất của mỗi con người: gia quyến bị tan, phần mộ cha mẹ bị quật lên, tiếng dơ khôn rửa... Còn gì đau xót hơn? Đoạn văn được tạo thành từ những câu văn dài gồm nhiều vế liên tiếp theo các cấu trúc "nhìn, thấy", "mà không" được lặp đi lặp lại rất nhiều lần làm cho giọng văn dồn dập, tác động rất mạnh mẽ. Lời văn có khi rất nghiêm khắc, có khi lại mềm mỏng, thuyết phục. Những chứng cứ đưa ra rất xác thực, gần gũi, liên quan mật thiết đến mỗi tướng sĩ nên tạo ra hiệu quả cao. Đoạn văn có những lời lẽ phê phán rất thẳng thắn của một vị thủ lĩnh với quân sĩ, nhưng phần nhiều là thái độ chân tình của người cùng cảnh ngộ, cùng phải chịu đau thương khi nước mất nhà tan.

**5. Giọng văn là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền hay là lời người cùng cảnh ngộ? Lời khuyên răn này tỏ thiệt hơn hay là lời nghiêm khắc cảnh cáo? Cách viết của tác giả có tác động tới tướng sĩ như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại các đoạn văn từ "Huống chi ta cùng..." đến hết. Khi đọc cần chú ý những ngôn từ thể hiện trực tiếp thái độ của người viết, các loại câu được tác giả sử dụng: câu kể, câu hỏi, câu cảm thán. Việc xen kẽ các kiểu câu đó cũng thể hiện trạng thái tâm trạng và thái độ của người viết.

***b) Gợi ý trả lời***

"*Hịch tướng sĩ*" là một bài hịch kêu gọi tinh thần đồng lòng chống giặc cứu nước của toàn thể tướng sĩ. Chính vì thế để tạo hiệu quả cao, tác giả phải sử dụng linh hoạt các giọng điệu, các thủ pháp nghệ thuật. Tác giả là một vị thống lĩnh, lại trong một văn bản chính luận, không thể tránh khỏi những lời lẽ khẳng khái, nghiêm khắc phê phán khi nói về thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của nhiều tướng sĩ trước vận mệnh đất nước "không biết lo, mà không biết thẹn, không biết tức..." Nhiều lúc sắc thái đó còn được tăng lên thành những lời khẳng định một chân lí duy nhất, không thể khác: "Nếu các ngươi ... thì mới phải; nhược bằng khinh bỏ... tức là kẻ nghịch thù". Đối với Trần Quốc Tuấn, đó cũng là tư tưởng chung của hệ ý thức phong kiến "ái quốc", thống nhất với "trung quân". Thiết nghĩ, trung thành với một triều đại thân dân, có những vị tướng kiệt xuất, hết lòng vì giang sơn xã tắc thì cũng là thuận ý trời, hợp lòng dân. Như vậy, lời lẽ và thái độ của Trần Quốc Tuấn cũng là hết sức hợp lí.

Nhưng có nhiều khi muốn bày tỏ sự ân tình hay khuyên răn thiệt hơn, tác giả lấy giọng gần gũi, chân tình của người cùng chung cảnh ngộ: "Các ngươi ở cùng ta...", "lúc bấy giờ ta cùng các ngươi sẽ bị đau xót biết chừng nào...", "chẳng những... mà".

Đặc biệt là đoạn văn miêu tả tâm trạng xót xa, uất hận đến tột cùng của vị thống lĩnh đã tạo cho bài hịch có sắc thái chân tình, gần gũi, thắm thiết.

Dù khuyên răn, bày tỏ thiệt hơn hay là lời phê bình cảnh cáo nghiêm khắc thì cũng đều nhằm khơi dậy ý thức về trách nhiệm, bổn phận của tướng sĩ đối với giang sơn xã tắc, đều hướng tới cái đích kêu gọi đồng tâm hiệp lực tiêu diệt quân thù.

**6. Hãy nêu một số đặc sắc nghệ thuật đã tạo nên sức thuyết phục người đọc bằng cả nhận thức và tình cảm ở bài "Hịch tướng sĩ"**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Dựa vào sự phân tích ở những câu trên, chọn lọc các ý nói đến nghệ thuật của bài hịch. Có thể căn cứ vào những gợi ý trong SGK về tác phẩm.

***b. Gợi ý trả lời***

"*Hịch tướng sĩ*" là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

***c. Mở rộng kiến thức***

... Để diễn đạt nội dung vừa có tính thuyết phục, vừa có tính cách phê phán, tác giả đã lập luận rất chặt chẽ như chúng ta đã thấy ở phần kết cấu và bố cục - lời lẽ có tình, có lí, khi thì thiết tha, khi thì đanh thép, chuyển từ đầu đến cuối một cách lô-gíc.

Để phân rõ lẽ phải trái, đường chính tà, tác giả đi từ xa đến gần, từ vấn đề chung đến vấn đề cụ thể trước mắt. Mở đầu, tác giả dẫn chứng trong sử sách đời xưa để nói khả năng của tướng sĩ đời nay, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Tác giả chuyển xuống phân tích nỗi giặc tàn ác như thế nào, nỗi mình thâm giao như thế nào, tiếp đó tác giả vạch ra hai viễn cảnh trái ngược, rồi kết thúc bằng lời kêu gọi đanh thép; hoặc theo ta, hoặc theo giặc, hoặc là bạn, hoặc là thù, hoặc là danh thơm muôn thuở, hoặc là tên xấu nghìn thu. Phương pháp tương phản, đi đôi với lối văn biền ngẫu trong bài này thật là "*đắc dụng*".

Ở đây chẳng những ý từng đoạn đối nhau, mà ý từng câu đối nhau, từng chữ đối nhau. Chúng ta đọc đến đâu là lẽ phải, trái nổi bật đến đấy: "*Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục*

*mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức. Nghe nhạc Thái thường đãi yến ngụy sứ mà không biết căm"...*

Rõ ràng chữ đạp nhau, đối nhau chan chát, ai là người không nhận rõ lẽ chính tà?

Tác giả lại biết phối hợp phương pháp điệp ngữ, điệp ý để làm tăng thêm tính thiết tha, tính bi tráng của câu văn. Để đập vào tư tưởng an hưởng thái bình trong tướng sĩ lúc đó, tác giả viết: *hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con, hoặc... hoặc...* Tác giả nêu lên hình tượng cựa gà trống bên áo giáp, mẹo cờ bạc bên quân mưu. Sự vật có vẻ hài hước, nhưng ý nghĩa thật nghiêm trang. Bằng phương pháp tương phản kết hợp với phương pháp so sánh, tác giả nêu ra 2 viễn cảnh:

| | |
|---|---|
| Thái ấp của ta | + bổng lộc các ngươi |
| Gia quyến của ta | + vợ con các ngươi |
| Xã tắc tổ tông của ta | + mồ mả cha mẹ các ngươi |
| ***Viễn cảnh u ám*** | ***Viễn cảnh huy hoàng*** |
| - Không còn + cũng mất | - mãi mãi vững bền + đời đời hưởng thụ |
| - bị tan + cũng khốn | - yên ấm gối chăn + bách niên giai lão |
| - Bị giày xéo + bị quật lên | - muôn đời tế lễ + thờ cúng quanh năm |

Để làm tăng thêm tính quan trọng của vấn đề, tác giả nhắc lại ý nghĩa đối với quần chúng nhân dân lúc bấy giờ và sự thanh nghị của người đời sau trong sử sách. Sau đó, tác giả đặt một mệnh đề nghi vấn nhưng lại rất khẳng định:

Trong cảnh u ám *"Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui chơi phỏng có được không?"*

Trong cảnh huy hoàng: *"Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui chơi phỏng có được không?"*.

Đây là một đoạn văn hùng biện tài tình, khích lệ cao độ lòng căm thù, chí phấn đấu. Nhà văn Đặng Thai Mai có nhận xét về đoạn văn này: *"Văn thể đoạn này lời lẽ một bài thuyết pháp. Đập từng chữ, dằn từng câu, Hưng Đạo Vương đánh mạnh vào tình cảm của bộ hạ, để cho họ biết chán, biết ghét, biết khinh bỉ cái đời hưởng thụ và vô ích của bọn tín đồ chủ nghĩa khoái lạc"*(1).

*Đặc điểm bài văn này còn ở chỗ tác giả biết cấu tạo hình tượng sinh động, sử dụng lời văn thích đáng. Để nêu những gương hi sinh trong sử sách, tác giả đã nêu những hình tượng "đem mình chết thay", "chìa lưng chịu giáo", "nuốt than" "chặt tay"* v.v... Đối với giặc, tác giả dùng những hình tượng *"uốn lưỡi cú diều", "đem thân dê chó"*. Chỉ mấy chữ đó cũng nói lên được bản chất của giặc là xảo quyệt và hèn hạ. Như vậy, lòng căm thù mới đến độ: bêu đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rữa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai. Hình tượng *"bên đầu", "làm rữa thịt"* nói lên được cái uất hận trào lên của mọi người, của tướng sĩ và chính bản thân Trần Quốc Tuấn... Những hình tượng *"quên ăn", "vỗ gối", "ruột đau", "nước mắt đầm đìa"* chứa đựng một nội dung, một tấm lòng: cùng quân thù không đội trời chung. *Xả thịt, lột da, uống máu quân thù*, tám chữ nhưng chỉ một tấm lòng yêu nước, căm thù giặc cao độ. Cả đoạn sau nói về điều phải trái đều được tác giả diễn đạt qua hình tượng; tác giả không dùng lí luận trừu tượng chung chung. Chính những hình tượng về thái ấp, về bổng lộc, về gia quyến vợ con, về xã tắc, về phần mộ đã có tác dụng khắc sâu lòng yêu nước, chí căm thù vào tim gan tướng sĩ, có tác dụng đánh bại tư tưởng an hưởng thái bình trong đầu óc tướng sĩ.

Để là nổi bật các hình tượng, tác giả chú ý sử dụng lời văn. Ngoài cách chọn chữ, chọn lời của tác giả rất thích đáng, còn có cách sử dụng tiếng đưa đẩy (hư từ) rất tài tình. Thí dụ: *"... chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các ngươi cũng mất..."*. Những chữ *"chẳng những", "mà"* được lặp lại nhiều lần, làm tăng vẻ thiết tha, bi tráng, hùng biện của bài văn, có khi chỉ là một ý (như ở đoạn trên đả phá tư tưởng hưởng lạc...). Nhưng tác giả hết sức chú ý diễn xuôi đảo ngược,

(1) *Tri tân* số 17 (1941).

nói đi nói lại, lời lẽ tình ý, thấm từng giọt vào đường gân thớ thịt, vào kẽ tóc chân tơ... Trần Quốc Tuấn không chỉ có đi vào trí tuệ, nhận định của thời cuộc, phân tích tình hình giặc và ta, mà ông đã chú ý đi vào tình cảm. Đọc kĩ bài hịch, chúng ta thấy đó là một bài văn có tình, chứ không phải bài văn đầy lí luận... Có phê phán tướng sĩ, có tác dụng đánh bại tư tưởng an hưởng thái bình trong đầu óc tướng sĩ.

Để làm nổi bật các hình tượng, tác giả chú ý sử dụng lời văn. Ngoài cách chọn chữ, chọn lời của tác giả rất thích đáng, để cách sử dụng tiếng đưa đẩy (hư từ) rất tài tình. Thí dụ: "... *Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng mất...*". Những chữ "*Chẳng những*", "*mà*" được lặp lại nhiều lần, làm tăng vẻ thiết tha, bi tráng, hùng biện của bài văn, có khi là một ý (như ở đoạn trên đả phá tư tưởng hưởng lạc...). Nhưng tác giả hết sức chú ý diễn xuôi đảo ngược, nói đi nói lại, lời lẽ tình ý, thấm từng giọt vào đường gân thớ thịt, vào kẽ tóc chân tơ... Trần Quốc Tuấn không chỉ có đi vào trí tuệ, nhận định thời cuộc, phân tích tình hình giặc và ta, mà ông đã không chú ý đi vào tình cảm. Đọc kĩ bài *Hịch*, chúng ta thấy đó là một bài văn có tình, chứ không phải là một bài văn đầy lí luận... Có phê phán tướng sĩ, có nhận định tình hình nhưng Trần Quốc Tuấn đã có một ưu điểm nổi bật: Bộc lộ lòng mình, lòng yêu non sông đất nước thắm thiết của mình, và từ đó lời nói tâm can của ông mới thấm lòng người, lòng tướng sĩ và khích lệ được lòng yêu nước của mọi người, của tướng sĩ. Giá trị thuyết phục của bài *Hịch* chính là ở chỗ đã kết hợp được ở mức độ cao 2 yếu tố tình cảm và lí tính.

Gs. Bùi Văn Nguyên

(Trích "*Giảng văn*", tập 1 - ĐHSP Hà Nội)

**7. Khích lệ nhiều mặt để tập trung vào một hướng, đó là cách triển khai lập luận của Hịch tướng sĩ. Hãy làm sáng tỏ điều này bằng một lược đồ về kết cấu của bài hịch.**

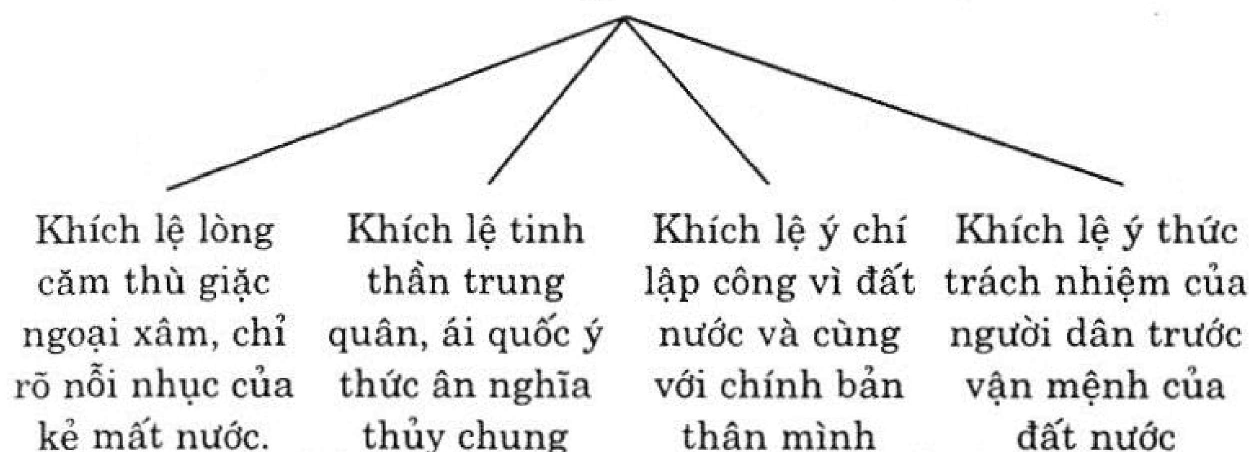
***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Tìm ý chính, nội dung chính của bài hịch và dựa vào từng đoạn để tìm ra kết cấu của bài hịch.

Cấu trúc câu văn trùng điệp, tăng tiến, cảm xúc dào dạt, chữ dùng đanh thép, các biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh và thậm xưng được vận dụng một cách hiệu quả, gây chấn động mạnh. Câu văn xuôi cổ, biến ngẫu có nhiều vế cân xứng, hô ứng góp phần diễn tả lòng yêu nước và căm thù giặc của tướng sĩ đời Trần. Từ ngữ giàu sức biểu cảm cũng là yếu tố quan trọng tạo nên sức thuyết phục của bài *Hịch*.

***b. Gợi ý trả lời***

Dựa vào nội dung của từng đoạn, có thể lập sơ đồ và kết cấu của bài *Hịch* như sau:




# HÀNH ĐỘNG NÓI

Mục đích của bài học, giúp các em nắm được:

- Khái niệm thế nào là hành động nói;

- Một số kiểu hành động nói thường gặp.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Hành động nói là gì?

*Hành động nói* là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định. Ví dụ:

*Dần buông chị ra, đi con! Dần ngoan lắm nhỉ! U van Dần, u lạy Dần! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị con có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ! Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông Lí vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần vào đấy.* (Tắt đèn)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi.

**1.** Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích là cướp công giết trăn tinh của Thạch Sanh. Câu thể hiện rõ nhất mục đích ấy là: *Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu.*

**2.** Lí Thông đã đạt được mục đích của mình. Chi tiết nói lên điều đó là: *Thạch Sanh lại thật thà tin ngay. Chàng vội vã từ giã mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân.*

**3.** Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng lời nói.

**4.** Nếu hiểu hành động là "việc làm cụ thể của con người nhằm một mục đích nhất định" thì việc làm của Lí Thông có thể coi là một hành động nói vì Lí Thông thực hiện được mục đích của mình: *cướp công của Thạch Sanh.*

### II. Một số kiểu hành động nói thường gặp

Việc phân chia thành các kiểu hành động nói chủ yếu dựa vào mục đích của hành động nói. Tên gọi của các kiểu hành động nói được đặt tên theo mục đích của hành động nói đó.

Những kiểu hành động nói thường gặp là *hỏi, trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán,...), điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức,...), hứa hẹn, bộc lộ, cảm xúc.*

- *Hành động hỏi* là hành động của người hỏi muốn người nghe cung cấp tin hoặc biểu thị thái độ.

Ví dụ:

*Thầy quay mặt vào, lại hỏi thầy đề:*

*- Thầy bốc quân gì thế?* (Phạm Duy Tốn)

- *Hành động điều khiển* là hành động mà người nói muốn người nghe làm một việc nào đó.

Ví dụ:

*Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi:*

*- Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.* (Thanh Tịnh)

- *Hành động hứa hẹn* là hành động mà người nói tự ràng buộc mình vào trách nhiệm làm một việc gì đó.

Ví dụ:

*Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão.* ***Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn:*** *"Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào..."*. (Nam Cao)

- *Hành động trình bày* là hành động mà người nói biểu lộ ý nghĩ, lí lẽ của mình cho người nghe hiểu và tin. Ví dụ:

*Thơ là cái đẹp của muôn đời. Là hương, là sắc của hoa. Là chất dẻo thơm của lúa phải "một nắng hai sương mới có". Là cái cao xanh của bầu trời, cái bát ngát của dòng sông, cái mênh mông của biển cả. Là chất ngọt của trái cây, là cánh én mùa xuân, là tiếng gà gáy sáng. Trong thơ còn có nụ cười của em thơ, tiếng thở dài của mẹ già, tiếng hát của chàng trai, ánh mắt biếc của thiếu nữ. Thơ là vàng ngọc của tình người, là trí tuệ và phẩm giá, là sự thanh cao...*

*Kẻ học vấn thô thiển, nhân cách tầm thường, xin đừng lạm bàn về*

*thơ, đừng múa bút làm thơ. Ai đã nói: "Thơ là nữ hoàng của nghệ thuật" nhỉ? (Dẫn theo* Tạ Đức Hiền*).*

- *Hành động bộc lộ cảm xúc* là hành động bày tỏ, bộc lộ thái độ, tâm trạng về một sự vật, một sự việc. Buồn, vui, giận, yêu thương, lo âu, hi vọng... là những cảm xúc thường được biểu hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ. Ví dụ:

*Tôi yêu Sài Gòn da diết như người đàn ông vẫn ôm ấp bóng dáng mối tình đầu chứa nhiều ngang trái. Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió thương nhớ, dưới những cây mưa nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chứng với trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thuỷ tinh. Tôi yêu cả đêm khuya thưa thớt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm. Yêu cả cái tĩnh lặng của buổi sáng tinh sương với làn không khí mát dịu, thanh sạch trên một số đường còn nhiều cây xanh che chở.* (Minh Hương)

**1.** Trong đoạn trích ở mục I trong SGK trang 62, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói đưa ra của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định. Đó là các mục đích sau:

- *Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết:* Lí Thông đe dọa Thạch Sanh.

- *Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn đi ngay đi:* Lí thông yêu cầu Thạch Sanh phải trốn ngay.

- *Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu:* Lí Thông hứa với Thạch Sach mọi chuyện mình sẽ lo liệu.

**2.** Các hành động nói trong đoạn trích từ tác phẩm *Tắt đèn* và mục đích của mỗi hành động:

- *Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?* Đây là hành động hỏi và mục đích của hành động hỏi này là cái Tí muốn chị Dậu cho nó biết bữa sau nó sẽ ăn ở đâu.

- *Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài*. Đây là hành động trình bày và mục đích của hành động trình bày là chị Dậu báo tin cho cái Tí biết bữa sau nó sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

- *U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư?* - Đây là hành động hỏi và mục đích của hành hỏi này là cái Tí muốn chị Dậu trả lời cho nó việc nó bị bán.

- *Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi!* Đây là hành động bộc lộ cảm xúc và mục đích của hành động này là cái Tí tự cảm thương xót chính mình khi bị bán đi, khi phải xa gia đình.

**3.** Liệt kê các kiểu hành động nói (các em xem lại phần trên).

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Cho biết Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích gì?

- Xác định mục đích của hành động nói thể hiện một một câu trong bài hịch và vai trò của câu ấy đối với việc thực hiện mục đích chung.

Trần Quốc Tuấn viết *Hịch tướng sĩ* nhằm mục đích:

- Khích lệ lòng yêu nước của các tướng sĩ.

- Động viên tướng sĩ tích cực học *Binh thư yếu lược* do ông soạn thảo.

Mục đích của hành động nói *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù* là Trần Quốc Tuấn trình bày nỗi đau của ông trước cảnh nước mất, nhà tan và đồng thời bày tỏ lòng yêu nước, căm thù giặc của ông.

Qua câu văn *Ta thường tới bữa quên ăn... uống máu quân thù*, hình tượng người anh hùng yêu nước đã được khắc họa rõ nét. Câu văn này có vai trò rất lớn đối với việc thể hiện mục đích chung của toàn bài *Hịch tướng sĩ*: những lời tâm huyết, gan ruột của vị tướng có sức lay động mạnh mẽ, truyền cho tướng sĩ tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em chỉ ra các hành động nói và mục đích của mỗi hành động nói trong những đoạn trích dẫn ở SGK.

a) Đoạn trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố

- *Bác trai đã khá rồi chứ?* (hành động hỏi)

- *Cảm ơn cụ... mỏi mệt lắm.* (hành động trình bày)

- *Này, bảo bác ấy... cho hoàn hồn.* (hành động điều khiển)

- *Vâng, cháu cũng... tới giờ còn gì.* (hành động hứa hẹn)

- *Thế thì... kéo vào rồi đấy!* (hành động điều khiển)

b) Đoạn trích trong truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm*:

- *Đây là Trời có ý phó thác cho mình công làm việc lớn.* (hành động trình bày)

- *Chúng tôi nguyện đem... để báo đền Tổ quốc!* (hành động hứa hẹn)

c) Đoạn trích trong tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao:

- *Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!* (hành động trình bày)

- *Cụ bán rồi?* (hành động hỏi)

- *Bán rồi! Họ vừa bắt xong.* (hành động trình bày)

- *Thế nó cho bắt à?* (hành động hỏi)

- *Khốn nạn... dốc ngược nó lên.* (hành động bộc lộ cảm xúc xen lẫn hành động trình bày)

**3.** Bài tập này yêu cầu các em xác định kiểu hành động nói được thực hiện trong mỗi câu có chứa từ *hứa*.

Đoạn trích trong tác phẩm *Cuộc chia tay của những con búp bê* có ba hành động nói sử dụng từ *hứa* nhưng mục đích khác nhau:

- *Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau.* (hành động điều khiển)

- *Anh hứa đi.* (hành động điều khiển)

- *Anh xin hứa.* (hành động hứa hẹn)

BÀI 24

# NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

## (Trích *Bình Ngô đại cáo*)

***Nguyễn Trãi***

### Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Nguyễn Trãi (1380-1442) là nhà văn, nhà chính trị nhà tư tưởng Việt Nam kiệt xuất. Ông lấy hiệu là Ức Trai, quê gốc ở Hải Dương nhưng sinh sống ở xã Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, lộ Đông Đô, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây. Nguyễn Trãi là con của Nguyễn Ứng Long và bà Trần Thị Thái, con gái của tể tướng Trần Nguyên Đán. Phụ thân của ông đỗ tiến sĩ năm 1374 dưới triều Trần nhưng lại ra làm quan cho nhà Hồ. Năm 1400, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh và cũng ra làm quan (chức ngự sử đài chánh trưởng). Khi giặc Minh xâm lược nước ta, Nguyễn Trãi đã tham gia phong trào khởi nghĩa Lam Sơn. Với cương vị là Tuyên phụng đại phu Hàn Lâm thừa chỉ của nghĩa quân, ông giúp Lê Lợi lãnh đạo nhân dân ta làm nên chiến thắng giặc Minh. Nhưng chỉ vài năm sau khi chiến tranh kết thúc, triều đình nhà Lê rơi vào khủng khoảng mâu thuẫn. Các khai quốc công thần người bị giết hại (Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo), người bị bãi miễn (trong đó có Nguyễn Trãi). Năm 1430, Nguyễn Trãi xin cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn. Nhưng 1442, một thảm kịch đã xảy đến, ông bị khép vào tội âm mưu giết vua. Chịu án tầy trời: tru di tam tộc chỉ vì "vua bị cảm mà qua đời" tại Lệ Chi Viên trên đường về kinh thành, sau khi ghé thăm Nguyễn Trãi ở Côn Sơn. Phải đến hai mươi năm sau (1464), Lê Thánh Tông mới xuống chiếu rửa oan cho Nguyễn Trãi, truy phong ông chức Đặc tiến kim tử Vinh lộc đại phu, tước Tán trù bá, cất nhắc người con trai còn lại duy nhất của ông là Nguyễn Anh Võ làm tri huyện. Nhà vua cũng ra lệnh sưu tầm di cảo thơ văn của ông. Nhờ đó, một phần tác phẩm quý giá của ông còn giữ lại được đến bây giờ.*

*Nguyễn Trãi để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ, phong phú, trong đó có "Bình Ngô đại cáo", "Lam Sơn thực lục", "Dư địa chí", "Ức Trai thi tập", "Quốc âm thi tập", "Quân trung từ mệnh tập"... Thơ văn Nguyễn Trãi trước hết là lòng yêu nước, thương dân, kết hợp với lòng yêu đời làm một.*

**1. Đoạn trích là phần mở đầu "Bình Ngô đại cáo". Đoạn này có ý nghĩa nêu tiền đề cho toàn bài. Khi nêu tiền đề, tác giả đã khẳng định những chân lí nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ toàn bộ đoạn trích. Chú ý đến vị trí của đoạn đối với toàn bài. Chú ý đến các câu nói đến độc lập chủ quyền của một dân tộc.

***b. Gợi ý trả lời***

Đoạn trích là phần mở đầu của bài "*Bình Ngô đại cáo*", nêu tiền đề cho toàn bài. Câu mở đầu, tác giả nêu cao tư tưởng nhân nghĩa "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", *nhân nghĩa* là đánh đuổi quân xâm lược mang lại cho nhân dân cuộc sống yên ổn, ấm no, hạnh phúc. Đồng thời, tác giả khẳng định nước ta là nước có chủ quyền, có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có thuần phong mĩ tục, có lịch sử độc lập trải qua nhiều triều đại khác nhau, và thời nào cũng có nhân tài hào kiệt.

*Như nước Đại Việt ta từ trước*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*
*Núi sông bờ cõi đã chia,*
*Phong tục Bắc Nam cũng khác*
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,*
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

Nguyễn Trãi đã đưa ra một chân lí khách quan không thể phủ nhận và đã phát biểu một cách hoàn chỉnh quan niệm của mình về quốc gia, dân tộc. "*Bình Ngô đại cáo*" được xem là tuyên ngôn độc lập thứ hai viết bằng thơ sau "*Nam quốc sơn hà*".

**2. Qua hai câu "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân – Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là gì? Người dân mà tác giả nói đến là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ phần chú thích trong SGK về các từ: "nhân nghĩa", "điếu phạt" để hiểu được nguồn gốc "nhân nghĩa" và tư tưởng của Nguyễn Trãi về nhân nghĩa. Từ đó xác định đối tượng hướng tới của tác giả qua hai câu thơ đầu.

*b. Gợi ý trả lời*

Mở đầu bài cáo, Nguyễn Trãi đã nêu nguyên lí nhân nghĩa để làm cơ sở triển khai toàn bộ nội dung bài cáo. Phạm trù nhân nghĩa vốn là khái niệm đạo đức của Nho giáo, nói về đạo lí, cách ứng xử và tình thương của con người trong xã hội với con người. Nguyễn Trãi đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo hướng lấy lợi ích nhân dân, dân tộc làm gốc.

Theo quan niệm của tác giả, "nhân nghĩa" là làm cho dân được yên ổn, là đánh đuổi quân xâm lược, trừ bạo ngược, đem lại cuộc sống yên bình cho nhân dân. Người dân mà tác giả nói đến "cốt ở yên dân" là toàn thể nhân dân nước Đại Việt ta. "Yên dân" là đem lại cuộc sống yên ổn cho nhân dân "yên dân", "điếu phạt", "trừ bạo" là cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, tất cả đều hướng về con người, về nhân dân. "Trừ bạo" là tiêu diệt những kẻ tàn ác, bạo ngược để bảo vệ dân lành. Kẻ bạo ngược ở đây chính là giặc Minh xâm lược.

Vì vậy, cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của chúng ta là cuộc kháng chiến chính nghĩa, đánh đuổi quân phi nghĩa.

Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi đề cập đến là yên dân, trừ bạo, cứu nhân dân thoát khỏi lầm than. Tư tưởng nhân nghĩa này vô cùng cao đẹp: lấy dân làm gốc. Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi để lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc xâm lược Pháp, Mỹ:

*Khó trăm lần không dân cũng chịu.*
*Khó vạn lần dân liệu cũng xong?*

(Hồ Chí Minh)

Trong "*Bình Ngô đại cáo*", tư tưởng nhân nghĩa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bài. Sức mạnh nhân nghĩa của quân và dân ta đã đánh bại 15 vạn quân giặc, đem lại nền độc lập thái bình cho dân tộc:

*Lưu Cung tham công nên thất bại*
*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong*
*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô*
*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

Ta cũng lấy nhân nghĩa để tha cho quân giặc khi chúng đầu hàng, cung cấp lương thực, thuyền bè cho chúng về nước.

*Mã Kì, Phương Chính cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc...*

Nguyễn Trãi đã đứng trên đỉnh cao của thời đại, với niềm tự hào dân tộc, đại diện cho chính nghĩa tuyên bố về nền độc lập của đất nước, khẳng định sức mạnh của nhân dân Đại Việt. Và tư tưởng nhân nghĩa một lần nữa lại được vang lên:

*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn*
*Lấy chí nhân để thay cường bạo*

*(Bình Ngô đại cáo)*

**3. Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố nào?**

**Nhiều ý kiến cho rằng ý thức dân tộc ở đoạn trích "Nước Đại Việt" là sự tiếp nối và phát triển ý thức được ở bài "Sông núi nước Nam" (đã học ở lớp 7),vì sao? Để trả lời câu hỏi này, tìm hiểu xem những yếu tố nào đã được nói tới trong "Sông núi nước Nam" và những yếu tố nào mới được bổ sung trong "Nước Đại Việt ta".**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại bài "Sông núi nước Nam" (*Ngữ văn 7*, tập 1) và "Nước Đại Việt ta". Đối chiếu hai bài, tìm ra các yếu tố nói đến chủ quyền độc lập dân tộc. Từ đó so sánh sự giống nhau và khác nhau về việc khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc của hai tác phẩm.

***b. Gợi ý trả lời***

*Sông núi nước Nam* được viết vào thế kỉ XI, khi quân và dân ta chiến thắng quân Tống xâm lược và được xem là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta. Sau đó bốn thế kỉ, Nguyễn Trãi viết *Bình*

*Ngô đại cáo* tuyên bố về chiến công oanh liệt của 10 năm kháng chiến chống giặc Minh và khẳng định nền độc lập của dân tộc. *Bình Ngô đại cáo* được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta sau bài *Nam quốc sơn hà*.

Để khẳng định nền độc lập dân tộc, trong bài cáo, Nguyễn Trãi đã tự hào khẳng định nước Đại Việt ta có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục tập quán riêng, và thời nào cũng có có nền độc lập trải qua các thời đại khác nhau, có nhân tài hào kiệt:

*Như nước Đại Việt ta từ trước*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,*
*Núi sông bờ cõi đã chia,*
*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập*
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

Trong *Nam quốc sơn hà*, tác giả bài viết khẳng định nền độc lập chủ yếu trên hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền.

*"Sông núi nước Nam vua Nam ở*
*Vằng vặc sách trời chia xứ sở"*

*Nam quốc sơn hà* đã đưa ra một chân lí khách quan, nước Nam thuộc chủ quyền của người Nam, có "Nam đế" trị vì: Giới phận của nước Nam đã được sách trời ghi rõ không thể chối cãi được. Đến *Bình Ngô đại cáo,* Nguyễn Trãi vẫn tiếp tục khẳng định nền độc lập về lãnh thổ: *Núi sông bờ cõi đã chia*, độc lập và chủ quyền *Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*

Song, đến "*Bình Ngô đại cáo*", ngoài hai yếu tố về lãnh thổ, chủ quyền, Nguyễn Trãi đã bổ sung thêm ba yếu tố: văn hiến; phong tục tập quán và lịch sử các triều đại. Trong đó, Nguyễn Trãi đã đưa yếu tố "văn hiến" lên hàng đầu, là hạt nhân để khẳng định nền độc lập.

Ngay phần mở đầu, tác giả đã khẳng định dứt khoát:

*Như nước Đại Việt ta từ trước*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*

Không phải ngẫu nhiên, tác giả lại đưa ra yếu tố "văn hiến" lên hàng đầu. Bởi lẽ thực tế, khi quân Minh sang xâm lược nước ta, việc đầu tiên chúng muốn làm là đồng hóa dân tộc ta, xóa bỏ nền văn hiến nước ta, nhưng âm mưu của chúng đã bị đập tan. Vì nền văn hiến nước ta - những truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp được hình thành từ nghìn đời, gắn với lịch sử của dân tộc không dễ dàng bị xóa bỏ.

Nếu *Nam quốc sơn hà* khẳng định nền độc lập dân tộc đưa vào "sách trời" thì *Bình Ngô đại cáo* đã chứng minh bằng lịch sử:

*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*

Lịch sử các triều đại nước ta đều sánh ngang với triều đại Trung Quốc, mỗi một triều đại đều xưng "Đế". Trong "*Nam quốc sơn hà*", tác giả ý thức sâu sắc khi nói "Nam đế" sánh ngang với "Bắc đế" của Trung Quốc. Trong "*Bình Ngô đại cáo*", Nguyễn Trãi tiếp tục phát triển niềm tự hào ấy "mỗi bên xưng đế một phương".

Sau "*Nam quốc sơn hà*" 4 thế kỉ, Nguyễn Trãi đã đứng trên đỉnh cao của thời đại, tuyên bố về chiến công oanh liệt của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đồng thời bổ sung, phát triển và hoàn thiện về khái niệm chủ quyền của quốc gia, dân tộc. So với "*Nam quốc sơn hà*" thì "*Bình Ngô đại cáo*" đã nói về chủ quyền dân tộc đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn.

**4. Hãy chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích và phân tích tác dụng của chúng**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

"*Bình Ngô đại cáo*" là bài cáo thể văn nghị luận cổ. Chú ý đọc phần viết về thể loại này trong SGK để hiểu về cách dùng câu, biện pháp nghệ thuật đặc trưng.

***b. Gợi ý trả lời***

"Đoạn trích là phần mở đầu của "*Bình Ngô đại cáo*" - một tác phẩm có giá trị đặc sắc về nghệ thuật và nội dung tư tưởng. Đoạn trích khẳng định nền độc lập tự chủ của dân tộc trên nhiều phương diện: văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử. Lời văn đanh thép, hùng hồn và dứt khoát. Đồng thời, Nguyễn Trãi đã chứng minh sự thất bại của

kẻ thù xâm lược của vua Hán, nhà Tống, nhà Nguyên và những chiến thắng lừng lẫy của Ngô Quyền, chiến thắng quân Tống của nhà Lý, chiến thắng quân Nguyên của nhà Trần đã được sử sách ghi rõ. Tác giả sử dụng các câu văn biền ngẫu tự do, dài ngắn khác nhau làm cho mạch thơ tự nhiên và dào dạt cảm xúc tự hào. Lối so sánh, liệt kê giữa các triều đại Triệu, Đinh, Lý, Trần sánh ngang với Hán, Đường, Tống, Nguyên của Trung Quốc và khẳng định sức mạnh dân tộc qua các triều đại, các chiến thắng vang dội được lịch sử ghi nhận.

**5. Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn. Qua đoạn trích trên, hãy chứng minh**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại đoạn trích, chú ý đến cách lập luận đưa ra vấn đề của tác giả và các lí lẽ, dẫn chứng trong bài.

***b. Gợi ý trả lời***

Đoạn trích "*Nước Đại Việt ta*" có sức thuyết phục lớn của một bản tuyên ngôn độc lập. Với lí lẽ, dẫn chứng xác thực của văn chính luận, tác giả đã khẳng định sức mạnh của nhân nghĩa, khẳng định lẽ phải thuộc về nước Đại Việt ta; giặc Minh là kẻ địch bạo ngược, kẻ xâm lược phản nhân nghĩa, ắt sẽ thất bại. Và sức mạnh của nhân nghĩa đã chiếu sáng toàn bài cáo, chính là sức mạnh tinh thần làm nên chiến thắng vang dội của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Minh chứng về sự độc lập tự cường của đất nước, Nguyễn Trãi đã đưa ra nhiều phương diện khác nhau, có sử sách ghi rõ: Nước ta có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có bề dày lịch sử.

*Như nước Đại Việt ta từ trước*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*
*Núi sông bờ cõi đã chia*
*Phong tục Bắc, Nam cũng khác*
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*

Năm yếu tố này biểu hiện đầy đủ, toàn diện về một quốc gia, dân tộc độc lập. Lời văn đanh thép, hùng hồn và dứt khoát khẳng định chân lí bất di bất dịch, kẻ thù không thể phủ nhận.

Về thực tiễn, tác giả đưa dẫn chứng về sự thất bại của những kẻ làm điều bạo ngược, mang quân xâm lược nước ta: Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Ô Mã bị giết tươi, Toa Đô bị bắt sống.

Kẻ xâm lược liên tiếp gặp phải thất bại thảm hại. Những cuộc xâm lược của triều đại nhà Hán, đến Tống, Mông – Nguyên đều bị dân tộc ta đánh cho tan tác. Những sự kiện ấy đã được lịch sử ghi lại trong sử sách không thể chối cãi:

*Lưu Cung tham công nên thất bại,*
*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong,*
*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô*
*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.*

Đoạn văn ngắn gọn, đanh thép vừa chứng minh cho sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của dân tộc, vừa thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

**6. Thử khái quát trình tự lập luận của đoạn trích "Nước Đại Việt" ta bằng một sơ đồ.**



Qua việc trả lời 5 câu hỏi trong SGK, và đặc biệt là câu 5 chứng minh sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn, ta có khái quát trình tự lập luận của đoạn trích theo sơ đồ dưới đây:

**Tài liệu tham khảo**

Tham khảo bài viết dưới đây để bổ sung cho kiến thức về bài học *Nước Đại Việt ta.*

Đoạn văn 8 câu, 16 vế, ngắn gọn, chứa đựng bao điều lớn lao. Nó vang lên sang sảng như tiếng vàng, tiếng thép, rắn mà trong. Nó dõng dạc, nghiêm nghị như hồi trống, hồi chiêng gióng lên trước hương khói của một bàn thờ Tổ quốc... Nó như lời phán quyết trước lịch sử, bất di bất dịch.

Chân lí lớn lao mà giản dị. Hai mệnh đề nhân nghĩa chỉ có 16 chữ chữ trong nguyên văn, 14 chữ trong bản dịch, đều là những chữ thông thường, kể cả những chữ mượn trong sách ngày xưa:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*
*(Nhân nghĩa chi cử, vụ tại an dân*
*Điếu phạt chi sư, mạc thiên khử bạo)*
*- Như nước Đại Việt ta từ trước,*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*
*(Duy ngã Đại Việt chi quốc*
*Thực vi văn hiến chi bang)*

Phép đối trong văn biền ngẫu phát huy tác dụng tích cực của nó. Việc sắp song song 2 vế đối nhau, 1 vế nói về ta, 1 vế nói về Trung Quốc cũng tăng thêm ý nghĩa bình đẳng, ngang hàng giữa hai bên.

*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,*
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*

Đối chọi nhau trong một vế - giữa một bên là ta và một bên là Trung Quốc, không hẳn đối chữ mà ngụ trong ý:

*Núi sông bờ cõi đã chia*
*Phong tục Bắc Nam cũng khác*

Hai vế đối nhau nhưng vế sau bổ sung cho vế trước cũng là nhấn mạnh thêm. Nhấn mạnh thêm nền văn hiến nước ta ở sự có mặt luôn luôn của những người tài giỏi:

*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

Nhấn mạnh thêm sự thất bại tất yếu của bọn tham tàn không chịu tôn trọng nền văn hiến ấy. Không phải là một lần mà bốn lần:

*Lưu Cung tham công nên thất bại*
*Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong*
*Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,*
*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.*

Không phải thất bại giống nhau, mà tên thì thất bại, tên thì tiêu vong, tên bị bắt sống, tên bị giết tươi (nguyên văn: bại: thua, vong: mất, cầm: bắt sống; ế: chết). Cũng không thể bỏ qua việc gọi xách mé tên vua Nam Hán là Lưu Cung. Cũng là cách xứng đáng dành cho tên xâm lược. Nhưng không gì đẹp bằng hai vế nhân nghĩa căng ngang trên đầu như một câu khẩu thiêng liêng, cao cả, bằng chữ vàng chói lọi, lồng lộn giữa trời cao, muôn đời sáng chói, và hai vế cuối đoạn khẳng định chânlí chủ quyền, độc lập, chân lí sức mạnh văn hiến, như một lời gạch chân, tô đậm. Cả 4 vế của hai câu mở đầu, kết thúc đoạn văn như đóng thành một cái khung hoành tráng cho các tư tưởng lớn mãi mãi chói ngời.

*(Theo* Lê Trí Viễn, trích *Những bài giảng văn ở đại học*
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1982*)*

# HÀNH ĐỘNG NÓI
## *(tiếp theo)*

Mục đích của bài học giúp các em nắm được cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

### A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Mỗi hành động nói có thể thực hiện bằng kiểu câu có chức năng phù hợp với hành động đó. Ta gọi đó là trường hợp kiểu câu được dùng theo lối trực tiếp.

+ Câu trần thuật được dùng để thực hiện hành động trình bày. Ví dụ:

*Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn.* (Trần Quốc Tuấn).

+ Câu cầu khiến dùng để thực hiện hành động điều khiển.

Ví dụ:

*- Em để nó ở lại - Giọng em ráo hoảnh - Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa? Anh hứa đi.* (Khánh Hoài)

+ Câu cảm thán dùng để thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ:

*Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế đấy.* (Nam Cao)

Tuy nhiên, có những trường hợp kiểu câu được dùng không tương ứng với hành động nói. Ta gọi đó là kiểu câu được dùng theo lối gián tiếp. Ví dụ:

+ Dùng câu nghi vấn để thực hiện hành động điều khiển.

*Đê vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cắt cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không?... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?* (Phạm Duy Tốn)

+ Dùng câu nghi vấn để thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc.

*Mẹ ơi! Mẹ có biết rằng con yêu mẹ nhất trên đời không?*

**1.** Xác định mục đích nói của các câu trong đoạn trích dẫn ở SGK trang 70.

| Câu / Mục đích | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---|---|---|---|---|---|
| Hỏi | - | - | - | - | - |
| Trình bày | + | + | + | - | - |
| Điều khiển | - | - | - | - | + |
| Hứa hẹn | - | - | - | + | - |
| Bộc lộ cảm xúc | - | - | - | - | - |

**2.** Dựa vào bảng tổng kết ở bài tập trên, lập bảng trình bày quan hệ giữa các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói. (Xem lại phần *Hướng dẫn tìm hiểu bài*).

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu 3 yêu cầu:

- Xác định các câu nghi vấn trong bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

- Cho biết những câu đó được dùng làm gì.

- Vị trí của mỗi câu nghi vấn trong từng đoạn văn có liên quan như thế nào đến mục đích nói của nó.

Các câu nghi vấn trong bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và mục đích nói của từng câu.

- *Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?*

Mục đích nói: Khẳng định không thể vui vẻ được.

- *Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui vẻ phỏng có được không?*

Mục đích nói: Khẳng định vui vẻ được.

- *Vì sao vậy?*

Mục đích nói: Nêu vấn đề để giải thích.

- *Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc giã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa?*

Mục đích nói: Khẳng định sự nhục nhã, đớn hèn của những kẻ không biết rửa nhục, không biết trừ hung, giơ tay không mà chịu thua giặc.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Tìm những câu trần thuật có mục đích cầu khiến trong các đoạn trích dẫn ở SGK trong 71, 72.

- Hình thức diễn đạt ấy có tác dụng như thế nào trong việc động viên quân chúng.

Những câu trần thuật có mục đích cầu khiến trong các đoạn trích của chủ tịch Hồ Chí Minh là:

a) *Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng... hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

- *Hễ còn một tên xâm lược... quét sạch nó đi.*

- *Quân và dân miền Bắc... miền Nam ruột thịt.*

Tác dụng:

- Nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng giành lại độc lập.

- Cổ vũ, động viên quần chúng đứng lên bảo vệ độc lập Tổ quốc.

- Thể hiện sự gần gũi giữa lãnh tụ với quần chúng nhân dân.

b) Điều mong muốn cuối cùng... sự nghiệp cách mạng thế giới.

Tác dụng:

- Là lời bộc lộ tâm sự, mong ước cuối cùng của Hồ Chủ tịch đối với Đảng, với nhân dân.

- Thể hiện sự quan tâm lo lắng của Người đối với Đảng, với nhân dân trước lúc Người ra đi.

**3.** Bài tập này nêu ra hai yêu cầu:

- Xác định các câu có mục đích cầu khiến trong đoạn trích dẫn ở bài tập trang 72.

- Mỗi câu ấy thể hiện quan hệ giữa các nhân vật và tính cách nhân vật như thế nào?

Các câu có mục đích cầu khiến trong đoạn trích là:

- *Song anh cho phép em mới dám nói...*

Lời nói trên là của Dế Choắt nên khiêm nhường, nhã nhặn và có phần sợ sệt.

- *Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.*

Lời nói trên của Dế Mèn nên hống hách, bề trên.

- *Anh đã nghĩ thương em như thế này thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh...*

Đây là lời đề nghị của Dế Choắt với Dế Mèn nên nhã nhặn, lịch sự.

- *Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.*

Lời mắng nhiếc của Dế Mèn với Dế Choắt mang tính hống hách, kẻ cả.

**4.** Bài tập này yêu cầu các em chọn cách hỏi đường người lớn thích hợp trong các cách dẫn ở SGK trang 72.

Khi hỏi đường, em nên chú ý:

- Khi hỏi người nhiều tuổi hơn, phải lễ phép, lịch sự.
- Phải nêu rõ mục đích của câu hỏi.

Vì vậy, em có thể chọn những cách hỏi đường sau:

- *Bác làm ơn chỉ giùm cháu bưu điện ở đâu ạ?*
- *Bác có thể chỉ giúp cháu bưu điện ở đâu không ạ?*

**5.** Bài tập này yêu cầu các em chọn hành động thích hợp trong các hành động dẫn ở SGK trang 73.

Trong quán ăn, khi một người đề nghị người bên cạnh: "*Anh có thể chuyển giúp tôi lọ gia vị không ạ?*", nên chọn cách trả lời sau:

Đưa lọ gia vị cho người đề nghị và nói: "*Mời anh*" (hoặc "*Mời chị*", "*Mời bác*"...).

# ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM

Mục đích của bài ôn tập giúp các em nắm được:

- Khái niệm luận điểm;
- Quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết;
- Quan hệ giữa các luận điểm trong một bài văn nghị luận.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Khái niệm luận điểm

**1.** Câu trả lời đúng là (c). Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.

**2.** a) *Bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh có những luận điểm sau:

- Lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân ta là một truyền thống quý báu.

- Lịch sử nhân dân ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại.

- Ngày nay, đồng bào ta cũng có lòng yêu nước nồng nàn.

- Nhiệm vụ của Đảng là làm cho tinh thần yêu nước được phát huy mạnh mẽ.

Luận điểm chính của bài là: Dân ta có lòng yêu nước nồng nàn.

b) Một bạn cho rằng bài *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn gồm hai luận điểm:

- Luận điểm 1: Lí do cần phải dời đô.

- Luận điểm 2: Lí do có thể coi thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Cách xác định luận điểm như vậy là chưa đúng vì đó mới chỉ là các vấn đề mà chưa phải là luận điểm. Có thể lập lại như sau:

- Luận điểm 1: Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô.

- Luận điểm 2: Việc không dời đô của hai nhà Đinh, Lê là sai lầm.

- Luận điểm 3: Việc dời đô về Đại La là hoàn toàn đúng đắn.

### II. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận

**1.** a) Vấn đề được đặt ra trong bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* xuất phát từ chính tiêu đề bài viết. Không thể làm sáng tỏ vấn đề được nêu trong bài văn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đưa ra luận điểm: "Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn".

b) Trong *Chiếu dời đô*, nếu Lý Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm: "Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô" thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu không thể đạt được. Vì đây chỉ là một lí do mang tính đơn lẻ và như vậy chưa thuyết phục.

**2.** Từ đó có thể rút ra mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận: nếu chỉ có một luận điểm riêng lẻ thì không giải quyết được vấn đề. Vì vậy, cần phải có một hệ thống luận điểm liên quan đến nhau mới làm nổi bật được vấn đề cần giải quyết.

### III. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận

**1.** Để viết bài tập làm văn theo đề bài: "Hãy trình bày rõ vì sao chúng ta cần đổi mới phương pháp học tập", nên chọn hệ thống luận điểm số (1):

(a) Phương pháp học tập có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập.

(b) Cần thay đổi phương pháp học tập cũ vì nó không phù hợp với yêu cầu học tập, không đem lại kết quả tốt.

(c) Cần theo phương pháp học tập mới vì nó phù hợp với yêu cầu của học tập, đưa lại kết quả tốt.

**2.** Từ đó, có thể rút ra kết luận về luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.

- Các luận điểm trong bài văn vừa cần liên kết chặt chẽ, lại vừa cần có sự phân biệt với nhau.

- Các luận điểm cần phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau, còn luận điểm nêu sau dẫn đến luận điểm kết luận.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Đoạn văn nêu lên luận điểm chính là "*Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc*" và luận điểm phụ "*Nguyễn Trãi như một ông tiên ở trong tòa ngọc*". Việc sắp xếp luận điểm như vậy là hợp lí. Từ đó, tác giả làm nổi bật vấn đề: *Nguyễn Trãi là người Việt Nam chân chính, người anh hùng dân tộc.*

2. Nếu phải viết một bài tập làm văn để giải thích vì sao có thể nói "giáo dục là chìa khóa của tương lai":

a) Các luận điểm cần nêu ra là:

- Giáo dục có tác dụng điều chỉnh độ gia tăng dân số.

- Giáo dục giải phóng con người, giúp con người thoát khỏi áp bức và sự lệ thuộc vào quyền lực của người khác để đạt được sự phát triển chính trị và tiến bộ xã hội.

- Giáo dục đào tạo thế hệ người sẽ xây dựng xã hội tương lai.

- Giáo dục tạo cơ sở cho sự tăng trưởng kinh tế.

- Giáo dục góp phần bảo vệ môi trường.

b) Có thể sắp xếp các luận điểm đã chọn và sửa lại theo trình tự như sau:

- Giáo dục luôn gắn liền với các vấn đề xã hội.

- Giáo dục có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tương lai của đất nước.

- Giáo dục đào tạo những chủ nhân tương lai của đất nước.

- Giáo dục tạo sự phát triển của kinh tế, điều chỉnh độ gia tăng dân số, góp phần bảo vệ môi trường...

- Giáo dục là chìa khóa tương lai.

BÀI 25

# BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC

## *(Luận học pháp)*

***La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp***

### Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Nguyễn Thiếp (1723 – 1804), danh sĩ cuối đời Hậu Lê. Tên húy của ông là Minh, tự là Quang Thiếp, sau vì kiêng húy vua chúa nên gọi là Nguyễn Thiếp. Ông có rất nhiều tên hiệu, vừa là do ông tự đặt, vừa do người đời xưng tặng như Khai Xuyên, Hạnh Am, Lạp Phong cư sĩ, La Giang phu tử, La Sơn phu tử.*

*Tác phẩm chính của Nguyễn Thiếp gồm "Lạp Phong văn cao", "La Sơn thi tập", "Hạnh Am thi cảo" và trên 100 bài thơ chữ Hán và một số bài từ. Thơ Nôm của ông chỉ còn truyền tụng mấy bài.*

*Bài "Luận học pháp" là phân tích từ bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung vào tháng 8-1791.*

### 1. Phần đầu tác giả nêu khái quát mục đích chân chính của việc học. Mục đích đó là gì?

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc đoạn: "Ngọc không mài... tệ hại ấy", chú ý những chú thích trong SGK (thất truyền, tam cương, ngũ thường...).

***b. Gợi ý trả lời***

Ngay từ những dòng đầu tiên của bài văn, tác giả nêu khái quát mục đích chân chính của việc học. Việc học, việc tu dưỡng là để biết rõ đạo. "Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người". Như vậy, học ở đây là học cách làm người, học cách xử sự, cách sống sao cho có văn hóa, đúng chuẩn mực.

Điều đáng nói ở đây là Nguyễn Thiếp có một quan niệm rất tiến bộ về mục đích của việc học. Như chúng ta đã biết, trong xã hội phong

kiến xưa, học hành là để thi cử, để được bước vào chốn quan trường. Tác giả cho rằng đó không phải là mục đích chính yếu, cuối cùng của việc học.

Ông nêu ra những mặt tiêu cực trong xã hội đương thời do việc học bị "thất truyền". Điều đó còn khẳng định rằng mục đích của việc học không chỉ để làm điều tốt, có ích mà còn để tránh điều xấu, trừ cái xấu trong cuộc đời.

**2. Tác giả đã phê phán những lối học lệch lạc, sai trái nào? Tác hại của lối học ấy là gì?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Xác định nội dung này trong phần đầu văn bản (đoạn "Ngọc không mài... tệ hại ấy"). Chú ý giọng điệu, ngôn ngữ được sử dụng.

***b. Gợi ý trả lời***

Nguyễn Thiếp đã không ngần ngại nhìn thẳng vào thực tế mà nêu lên và phê phán "lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường". Đó là kiểu học hời hợt, không nhằm mục đích "biết rõ đạo" mà chỉ mong tiến thân, thi đỗ để bước vào chốn quan trường bổng lộc. Tác giả cũng không hề né tránh, chỉ ra tác hại của lối học sai trái đó: "Chúa tầm thường, thần nịnh hót"; "Nước mất, nhà tan". Hậu quả của lối học cầu danh thật khôn lường. Nó khiến triều đình mục ruỗng, chỉ toàn bọn nịnh thần giả dối, tham quan vô lại, không biết đến cả những phép tắc thông thường nhất. Một xã hội hỏng từ trên xuống dưới như thế không thể tránh khỏi bại vong. Nguyễn Thiếp đã thẳng thắn chỉ ra kết quả cay đắng tất yếu ấy như một lời cảnh báo.

**3. Để khuyến khích việc học, Nguyễn Thiếp khuyên vua Quang Trung thực hiện những chính sách gì?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại đoạn: "Cúi xin... đi học".

Lưu ý giọng điệu của tác giả khi hướng tới vua Quang Trung để tấu trình. Mặc dù là giọng cung kính, cúi xin, thực chất đây vẫn là những lời khuyên, lời đề nghị.

*b. Gợi ý trả lời*

Tác giả đã khuyên vua Quang Trung đề ra những chính sách nhằm thúc đẩy việc học. Đó là sự phổ biến rộng rãi việc học cho đông đảo các tầng lớp nhân dân: "Cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đâu tiện đấy mà học". Như vậy, việc học cần phải được triển khai sâu rộng, thành hệ thống, khiến ai ai cũng được học, theo đó, việc xây dựng trường học, ban hành các chính sách khuyến khích là vô cùng cần thiết.

**4. Bài tấu có đoạn bàn về "phép học". Đó là những "phép học" nào? Tác dụng, ý nghĩa của những "phép học" ấy? Từ thực tế việc học của bản thân, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất? Vì sao?**

*a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Xem đoạn "Phép dạy... bỏ qua". Đặc biệt đọc kĩ các chú thích về "Tứ thư, Ngũ kinh, Chu sử". Có thể tham khảo các tài liệu viết về nền giáo dục Nho giáo để hiểu hơn cách học mà Nguyễn Thiếp nói đến.

*b. Gợi ý trả lời*

Nguyễn Thiếp đề cập đến trình tự học và cách học. Ông cho rằng học phải theo trình tự từ thấp đến cao: "Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên". Theo ông, học là cần phải biết chọn lọc cái tinh túy, phải biết rút ra điều hay, cái cần thiết nhất trong những kiến thức mình tiếp cận: "Học rộng rồi tóm lược cho gọn". Như vậy là "vừa phải học rộng, vừa phải biết sâu" và quan trọng nhất, ông khẳng định học phải đi đôi với thực hành: "theo điều học mà làm". Ngay sau khi nêu ra các phương pháp học, tác giả nêu lên tác dụng ý nghĩa của nó: có học như thế mới nên người tài, người tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Việc dẫn ra kịp thời ý nghĩa tác dụng này khiến bài văn thêm phần thuyết phục.

Trong thực tế, có thể thấy quan điểm "học đi đôi với hành" của Nguyễn Thiếp đã nêu lên phương pháp quan trọng, tiến bộ nhất mà mọi thời đại đều công nhận. Nếu chỉ học lí thuyết không thì vô ích. Lí thuyết cần có thực tế để soi chiếu và chứng minh tính đúng đắn của nó đồng thời áp dụng vào thực tế để đạt kết quả, có ích cho đời. Nhờ

có lí thuyết, chúng ta có thể rút ngắn con đường thực nghiệm, đạt được hiệu quả nhanh nhất.

Tuy nhiên, Nguyễn Thiếp vẫn còn bị hạn chế bởi tư duy thời đại, điều kiện lịch sử. Việc học ông nói đến ở đây mới chỉ là học theo sách thánh hiền: Tứ thư, Ngũ kinh. Đó là những bộ sách kinh điển của Nho giáo Trung Quốc du nhập vào nước ta. Bên cạnh những mặt tiến bộ như đề cao nhân, nghĩa, lí, trí, tín..., Nho giáo còn có nhiều hạn chế như quá cực đoan, câu nệ với hệ thống lễ giáo nghiêm ngặt, hà khắc. Nguyễn Thiếp cũng chưa đặt ra được vấn đề chú trọng đến khoa học tự nhiên.

***c. Mở rộng kiến thức***

Những quan niệm của Nguyễn Thiếp về việc học đã được ông cha ta đúc kết trong câu tục ngữ:

- "Học đi đôi với hành".

Hay đại thi hào Giô-han Vôn-gang Gớt cũng đã từng phát biểu: "Mọi lí thuyết chỉ là màu xám. Còn cây đời mãi mãi xanh tươi".

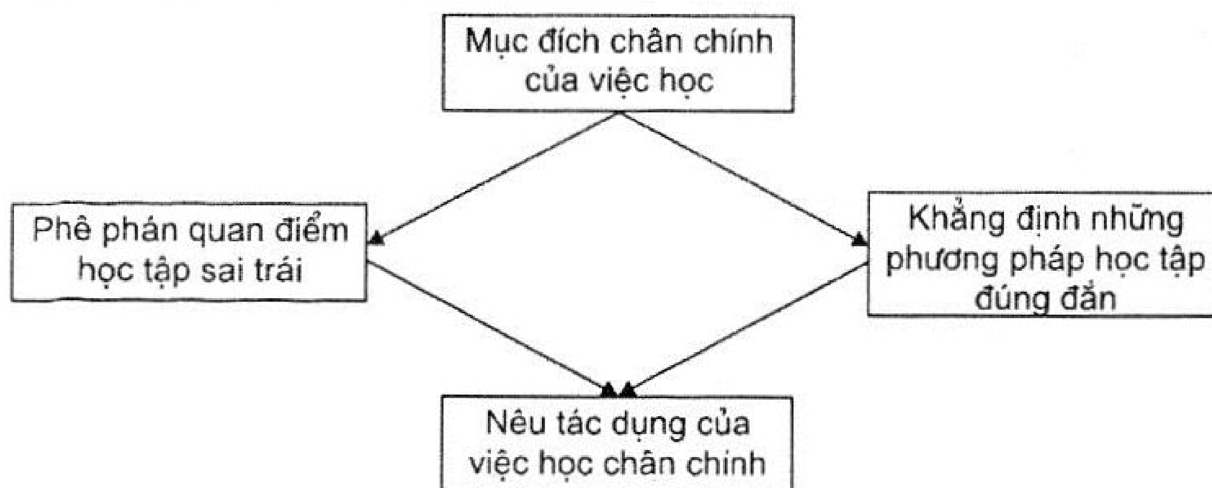
**5. Xác định trình tự lập luận của đoạn văn bằng một sơ đồ**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Nên xác định ý nghĩa của mỗi đoạn văn. Liệt kê ra giấy các ý này. Tìm mối liên hệ giữa chúng, sau đó mới hình thành một sơ đồ thể hiện trình tự lập luận của bài văn.

***b. Gợi ý trả lời***

Sơ đồ lập luận của bài văn



Bằng những đoạn văn súc tích với cách diễn đạt sáng rõ, gãy gọn, dễ hiểu; những lời trích dẫn; tạo lập mối liên kết giữa các ý theo mối quan hệ nhân – quả, tác giả đã tạo nên sức thuyết phục mạnh mẽ cho đoạn văn. Ngay từ đầu ông trích dẫn lời khẳng định "Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo" (Ngọc bất trác bất thành khí, Nhân bất học, bất tri lí – *Tam tự kinh*) như một sự đảm bảo tính đúng đắn cho những lập luận của mình.

Ngay sau khi nêu cách học sai trái, ông chỉ ra tác hại của nó. Đồng thời, ngay sau khi đưa ra quan điểm về phương pháp học đúng đắn, ông đưa ra tác dụng to lớn của nó. Cuối cùng tác giả tóm tắt lại các luận điểm, khẳng định một lần nữa ý nghĩa việc học chân chính. Đây chính là đặc điểm bút pháp Nguyễn Thiếp đã thể hiện rõ rệt trong văn bản nghị luận này.

# VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

Mục đích của bài học giúp các em:

- Biết cách trình bày luận điểm trong đoạn văn diễn dịch;

- Biết cách trình bày luận điểm trong đoạn văn quy nạp.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận

Khi trình bày luận điểm trong văn nghị luận, cần chú ý:

- Nên thể hiện nội dung luận điểm trong câu chủ đề:

+ Thể hiện rõ ràng, chính xác.

+ Câu chủ đề thường được đặt ở vị trí đầu tiên (đối với đoạn văn diễn dịch) hoặc cuối cùng (đối với đoạn quy nạp).

- Để luận điểm nổi bật, có sức thuyết phục, cần phải:

+ Tìm đủ các luận cứ cần thiết.

+ Tổ chức lập luận theo một trật tự hợp lí.

- Cần phải diễn đạt trong sáng, hấp dẫn để sự trình bày luận điểm có sức thuyết phục.

## II. Đọc - hiểu

**1.** Đọc các đoạn văn dẫn trong SGK trang 79, 80 và trả lời câu hỏi.

* Câu chủ đề:

a) *Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*

b) *Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.*

* Câu chủ đề đoạn (a) nằm ở cuối đoạn văn. Câu chủ đề đoạn (b) nằm ở đầu đoạn văn.

* Đoạn (a) viết theo lối quy nạp được triển khai theo các ý như sau:

- Là nơi trung tâm của đất trời.

- Địa thế phù hợp với dân cư và muôn loài.

- Khắp nước Việt Nam không có nơi nào bằng.

Luận điểm chính: là nơi trọng yếu... đế vương muôn đời.

* Đoạn (b) viết theo lối diễn dịch được triển khai theo các ý sau:

- Luận điểm chính: Đồng bào ta... tổ tiên ta ngày trước.

- Tất cả các tầng lớp nhân dân đều một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc.

- Tất cả các tầng lớp nhân dân đều ra sức bảo vệ đất nước.

- Tất cả các tầng lớp nhân dân đều ra sức xây dựng đất nước.

**2.** Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

a) Lập luận là đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng nhằm dẫn dắt người đọc đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận mà người viết muốn đạt tới.

Trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 80, Nguyễn Tuân đã làm nổi bật ý nghĩa tư tưởng trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố: bản chất "chó đểu" của giai cấp thống trị. Đó chính là luận điểm chính của đoạn văn.

Nguyễn Tuân đã sử dụng phép tương phản khi miêu tả lại hai thái độ hoàn toàn trái ngược của vợ chồng Nghị Quế: yêu quý chiều chuộng đàn chó, còn đối với mẹ con chị Dậu thì chúng giở giọng *chó má*. Qua đó càng làm nổi bật bản chất *chó đểu* của bọn giai cấp thống trị.

b) Cách lập luận trong đoạn văn trên đã làm nổi bật, sáng tỏ luận điểm chung. Đó là cách lập luận độc đáo, chính xác và có sức thuyết phục mạnh mẽ.

c) Việc sắp xếp các ý trong đoạn văn trên là hợp lí, đã làm nổi bật được luận điểm chính. Tác giả đã trình bày việc vợ chồng Nghị Quế quan tâm, chăm sóc đối với đàn chó, khiến người đọc ngỡ rằng chúng sẽ đối xử tử tế với người nuôi chó. Nào ngờ... Cách dẫn dắt của Nguyễn Tuân đã tạo ra được tính bất ngờ và càng làm tăng hiệu quả trong việc thể hiện luận điểm chính.

Nếu tác giả đưa nhận xét Nghị Quế "đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu" lên trên và đưa nhận xét "vợ chồng địa chủ cũng... thích chó, yêu gia súc" xuống dưới thì hiệu quả của đoạn văn sẽ giảm đi rất nhiều, không tạo được tính bất ngờ cho người đọc.

d) Trong đoạn văn, những cụm từ *chuyện chó má, giọng chó má, thằng nhà giàu rước chó vào nhà, chất chó đểu của giai cấp nó* được xếp cạnh nhau đã giúp cho việc trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn, làm nổi bật được bản chất "chó đểu" của giai cấp thống trị. Qua đó, tạo được giọng điệu rất riêng, rất ấn tượng.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em đọc hai câu văn dẫn trong SGK trang 81 và diễn đạt ý mỗi câu thành một luận điểm ngắn gọn.

a) Cần phải viết ngắn gọn, rõ ràng.

b) Nguyên Hồng không chỉ ham viết mà còn muốn truyền nghề cho bạn trẻ.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Đoạn văn dẫn trong SGK trang 82 trình bày theo luận điểm gì và ử dụng các luận cứ nào?

- Nhận xét về cách sắp xếp luận cứ và cách diễn đạt của đoạn văn.

- Luận điểm của đoạn văn: *Tôi thấy Tế Hanh là người tinh lắm.*

- Đoạn văn sử dụng các luận cứ:

+ Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.

+ Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới gần gũi.

- Hai luận cứ trên được sắp xếp một cách hợp lí. Tác giả xuất phát từ những cảm nhận chính xác về Tế Hanh *(nghe thấy những điều không thần sắc, không thanh âm)* đến những nhận xét tinh tế về thơ Tế Hanh *(đưa ta vào một thế giới gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ)*. Hai luận cứ có sự gắn bó mật thiết với nhau tạo cho đoạn văn sự hợp lí và lô-gíc.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn văn ngắn triển khai các luận điểm:

- Học phải kết hợp làm bài tập thì mới hiểu bài.

- Học vẹt không phát triển được năng lực suy nghĩ. .

Đối với các luận điểm đã được đưa ra trước, các em phải xây dựng các luận cứ một cách lô-gíc và hợp lí. Khi đưa ra các luận cứ, các em cần đưa ra các dẫn chứng để chứng minh.

a) *Học phải kết hợp làm bài tập thì mới hiểu bài.*

- Việc học là rất quan trọng, giúp ta nắm bắt các tri thức. Tuy nhiên, củng cố tri thức cũng rất quan trọng.

- Việc làm bài tập đều đặn, thường xuyên sẽ giúp cho tri thức luôn luôn được củng cố.

Mở rộng: liên hệ một số câu có ý nghĩa tương tự: *Học đi đôi với hành...*

b) *Học vẹt không phát triển được năng lực suy nghĩ.*

- Giải thích rõ nghĩa "học vẹt": Học vẹt là nói như con vẹt mà không hiểu mình đang nói gì. Học vẹt thường chỉ những người cố học thuộc lòng nhưng không hiểu được ý của bài học, không nắm được bản chất của vấn đề.

- Học vẹt làm cho trí não trở nên lười biếng, không phát triển được năng lực suy nghĩ: trí não không được rèn luyện thường xuyên, không có khả năng phân tích hay khái quát nên khi gặp thực tế họ thường gặp nhiều khó khăn.

**4.** Để làm sáng tỏ luận điểm "*Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu*", các luận cứ cần được đưa ra là:

- Mục đích của văn giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ vấn đề.

- Do đó, cần phải viết rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu tránh dùng từ ngữ cầu kì, cấu trúc câu phức tạp để người đọc dễ dàng tiếp nhận được vấn đề mà người viết muốn trình bày.

- Khi viết cần chú ý đến đối tượng tiếp nhận để lựa chọn cách trình bày và từ ngữ thích hợp thì mới đạt hiệu quả cao.

# LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

Mục đích của bài học giúp các em:

- Biết cách sắp xếp các luận điểm trong bài văn nghị luận.

- Có kĩ năng trình bày luận điểm trong bài văn nghị luận.

## I. Chuẩn bị ở nhà

Đề bài: *Hãy viết một bài báo tường để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn.*

Các em cần phải xác định rõ thể loại bài viết (văn nghị luận), đối tượng tiếp nhận (các bạn cùng lớp) và cách thức thể hiện bài viết (bài báo tường) để lựa chọn cách viết cho phù hợp.

## II. Luyện tập trên lớp

### *1. Xây dựng hệ thống luận điểm*

Hệ thống luận điểm đưa ra được sắp xếp không hợp lí và lô-gíc, các câu không ăn nhập với nhau. Có thể sắp xếp lại như sau:

a) Lớp ta có nhiều bạn học giỏi, lao động tốt, làm vui lòng thầy cô, cha mẹ, xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

b) Thế mà một số bạn trong lớp còn tỏ ra chểnh mảng trong học tập.

c) Các bạn ấy chưa thấy rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.

d) Các thầy, cô giáo và nhiều bậc phụ huynh của lớp ta đang rất lo buồn.

e) Vậy thì ngay từ lúc này, các bạn hãy chuyên cần học tập hơn.

### *2. Trình bày luận điểm*

a) Trong số các câu được đưa ra, câu (3) có thể dùng để giới thiệu luận điểm (e) và là câu hay hơn cả: *Nhưng các bạn có nên cứ chểnh mảng trong học tập như thế hay không? Xin hãy nhớ rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.*

b) Các luận cứ được đưa ra đã thể hiện tính lô-gíc, hợp lí:

- Câu (1): nêu ra các vấn đề của tương lai: thời đại khoa học – kĩ thuật, văn hóa – nghệ thuật ngày một nâng cao.

- Câu (2): xác định vai trò của tri thức trong xã hội đó.

- Câu (3): yêu cầu đặt ra đối với các bạn học sinh: phải chăm chỉ học tập.

- Câu (4): kết luận có tính tất yếu, giàu sức thuyết phục.

c) Cách kết thúc như vậy không hợp lí, mang tính suồng sã, không thích hợp trong giao tiếp bạn bè. Và do đó đã làm giảm tính thuyết phục của đoạn văn.

Để kết thúc đoạn văn này, có nhiều cách kết thúc khác nhau nhưng điều quan trọng là phải tạo ra được sự nhất quán trong toàn bài viết, thể hiện thái độ, tình cảm thích hợp trong quan hệ bạn bè và thể hiện rõ mong muốn chân thành cho sự tiến bộ của các bạn cũng như của cả lớp.

d) Đoạn văn viết theo cách trên là đoạn văn viết theo lối quy nạp vì các ý đưa ra được nêu trước, câu kết luận được trình bày sau cùng.

Có thể biến đổi đoạn văn trên thành đoạn diễn dịch như sau:

*Người học sinh hôm nay càng ham chơi, không chăm học thì ngày mai càng khó có thể làm được việc gì có ý nghĩa, và do đó, càng khó có được niềm vui trong cuộc sống. Bởi vì, cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học – kĩ thuật, văn hóa – xã hội thì cũng đòi hỏi con người phải được trang bị hệ thống tri thức tiên tiến. Muốn vậy, ngay từ lúc này, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, các bạn cần phải chăm chỉ học tập...*

***3.*** Phát biểu luận điểm mà em đã chuẩn bị trước tổ (trước lớp) và lắng nghe sự góp ý của thầy, cô giáo và bạn bè.

Bài tập này các em tự làm.

***4.*** Bài tập ở nhà: Trình bày luận điểm "Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích, vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống".

Bài tập này các em tự làm.

BÀI 26

# THUẾ MÁU

## (Trích *Bản án chế độ thực dân Pháp*)

*Nguyễn Ái Quốc*

### Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Nguyễn Ái Quốc (tên gọi của Hồ Chủ tịch những năm sống ở Pháp) tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, sinh năm 1890 tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1911, Nguyễn Tất Thành (tên gọi thời thanh niên của Người) đã lên chiếc tàu của người Pháp để đi đến "các đất tự do, những trời nô lệ", tìm ra con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của thực dân phong kiến. Người đã bôn ba ở rất nhiều quốc gia. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), Nguyễn Ái Quốc đã sống và hoạt động cách mạng ở Pháp. Người từng viết truyện, kí, phóng sự, báo bằng tiếng Pháp đăng trên báo "Người cùng khổ" và "Nhân đạo".*

*Năm 1924, tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" ra đời đã tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp đối với nhân dân Đông Dương và kêu gọi, thức tỉnh ý thức dân tộc và quyết tâm đứng lên chống giặc cứu nước. Đoạn trích trong SGK là chương 1 của tác phẩm. Về đoạn trích, xin đọc kĩ ghi chú của SGK Ngữ văn, tập 2 trang 90.*

### 1. Nhận xét về cách đặt tên chương, tên các phần trong văn bản

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc tên và nội dung của các phần trong chương 1. Sau đó nhận xét về mối liên hệ giữa nội dung và tên các phần có sự phù hợp hay không, có làm nổi bật nội dung chính của phần hay không?

#### *b. Gợi ý trả lời*

Cách đặt tên chương, tên phần đã tạo nên tính lô-gíc, sự chặt chẽ và hợp lí cho bố cục của chương. Đồng thời nó cũng giúp người đọc có thể tóm lược được nội dung chính của từng phần, làm nổi bật lên chủ

đề chính của toàn chương: tố cáo bộ mặt thực dân Pháp, làm rõ bản chất dã man của thứ thuế mà thực dân đánh vào người dân thuộc địa: *thuế máu*.

Phần 1: Chỉ rõ bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của thực dân Pháp bắt người dân thuộc địa làm bia đỡ đạn cho bọn xâm lược ở các chiến trường và sau đó phải chấp nhận những tình cảnh rất thảm thương.

Phần 2: Tác giả lên án, tố cáo cái gọi là "Chế độ lính tình nguyện" mà bọn thực dân tiến hành ở các nước thuộc địa.

Phần 3: Nói về kết quả của sự hi sinh của người dân Đông Dương và vạch trần bản chất dã man của bọn thực dân thống trị.

Cả ba phần đều đưa ra những cứ liệu chính xác để minh chứng cho từng nội dung đó, góp phần tố cáo đanh thép sự dã man, tàn bạo của thực dân.

**2. So sánh thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân ở hai thời điểm: trước và sau khi chiến tranh xảy ra. Số phận thảm thương của người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa được miêu tả như thế nào?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ đoạn văn thuộc phần 1: "Chiến tranh với người bản xứ". Chú ý những ngôn từ thể hiện thái độ của "nhà cầm quyền" đối với những người dân thuộc địa. So sánh sự khác nhau ở hai thời điểm, cần chú ý đến những ngôn từ độc lập.

***b. Gợi ý trả lời***

Thái độ của quan cai trị thực dân đối với người dân bản xứ trước và sau chiến tranh có sự thay đổi đột ngột, khiến người ta không khỏi nghi ngờ. Trước cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) thì những thanh niên bản xứ chỉ là những "tên da đen bẩn thỉu", 'những tên An-nam-mit". Trong mắt những kẻ tự cho mình là "những người văn minh" có sứ mệnh đi khai hóa các nước "lạc hậu" thì người dân thuộc địa chỉ biết làm nghề hầu hạ người khác (culi), thậm chí nhục nhã đến mức chỉ biết "ăn đòn của các quan cai trị da trắng". Nhưng

"kì lạ" thay chỉ sau đó không lâu, khi chiến tranh nổ ra, thân phận của họ đã thay đổi hẳn. Bọn thực dân xảo quyệt dùng mọi thủ đoạn lừa bịp để biến những "kẻ bẩn thỉu" ấy thành "con yêu", "bạn hiền" của các quan cai trị "phụ mẫu nhân hậu", của các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé. Sự đối lập trong thái độ đó được tác giả thể hiện ngay trong từng câu chữ, ngay những ngôn từ miệng chúng nói ra cũng đối nhau chan chát: Trước, bọn thực dân gọi họ bằng những từ miệt thị, mạt hạng nhất: da đen bẩn thỉu, "An-nam-mit"; còn ngay sau đó lại là những từ thân yêu gần gũi nhất: "con yêu", "bạn hiền". Thậm chí "hạnh phúc nhất là được chính quốc phong cho vinh dự chót vót: "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do". Thật là không thể tưởng tượng được thái độ của quan cai trị lại thay đổi nhanh đến thế. Nhưng dù biện pháp, thái độ có thay đổi đi chăng nữa thì cũng chỉ là hình thức bề ngoài còn bản chất của chúng vẫn còn nguyên vẹn. Đó là sự bịp bợm, xảo trá, dã man khi bắt người bản xứ phải làm bia đỡ đạn cho chúng. Như vậy, thân phận họ có gì thay đổi: trước đây là kẻ nô lệ, phục dịch cho các quan cai trị thì sau khi chiến tranh bùng nổ cũng chỉ là "vật thế mạng" mà thôi.

**3. Nêu rõ các thủ đoạn, mánh khoé bắt lính của bọn thực dân. Người dân thuộc địa có thực "tình nguyện" hiến dâng xương máu như lời bịp bợm của bọn cầm quyền không?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ đoạn văn "Chế độ lính tình nguyện" và các chú thích của SGK (trang 90 – 91) để hiểu nội dung và các từ khó. Chú ý đến từ ngữ tác giả sử dụng để miêu tả về chế độ đó: *lùng ráp, bắt, nhốt, vật liệu...*

***b. Gợi ý trả lời***

Hình ảnh những tên thực dân quỷ quyệt, ghê tởm đã bị tác giả vạch trần và lên án qua cảnh bắt lính. Với cách đưa dẫn chứng rất khéo léo và khách quan tác giả đã chỉ ra thủ đoạn bóc lột của thực dân bằng "mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch". Người dân Đông Dương bị cưỡng bức mua những thứ đầu độc (rượu và thuốc phiện) với giá cắt cổ trong khi cơm chẳng đủ ăn. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Ngòi bút của tác giả càng lúc càng sắc sảo khi miêu tả cảnh bắt dân Đông Dương đi làm lính chiến đấu ở các chiến trường hoang vu. Chúng bất chấp

mọi thủ đoạn, mọi biện pháp tàn bạo, ghê tởm nhất, cốt sao gom đủ số người cho những cuộc chiến tranh vô nghĩa. Những cuộc vây ráp lớn diễn ra trên toàn cõi Đông Dương và không trừ bất cứ một thành phần nào. Hàng vạn người đã bị bắt đều bị nhốt vào các trại lính, từ những người nghèo khổ thì đành phải chấp nhận, còn những kẻ nhà giàu cũng không thể thoát được nếu như chưa "xì tiền ra". Bỉ ổi nhất là chúng còn dùng đến biện pháp bắt bớ, hành hạ cả người thân của họ. Thì ra, đằng sau hai chữ "tình nguyện" đầy mỉa mai ấy là những thủ đoạn, những biện pháp cưỡng bức của bọn thực dân cai trị khiến cho người dân chỉ còn biết chọn một trong hai con đường: đi lính hay là chết.

Bằng một loạt dẫn chứng, tác giả đã vạch trần luận điệu bịp bợm của bọn quan cai trị. Chúng ra sức rêu rao là người dân Đông Dương tình nguyện đón nhận "hạnh phúc và vinh dự" ấy. Nhưng thực tình thì họ tìm mọi cách để trốn tránh, thậm chí chấp nhận cả những biện pháp tự hành hạ mình rất đau đớn. Một loạt câu hỏi được tác giả đặt ra liên tiếp như những lời chất vất đanh thép nhằm thẳng vào kẻ thù, và những trò lừa bịp của chúng đến đây không thể che giấu được nữa.

Đoạn văn đã thể hiện sự sắc sảo, đanh thép trong ngòi bút châm biếm của tác giả. Bằng nghệ thuật tương phản, cách nhắc lại các từ ngữ được phát ngôn từ chính miệng những kẻ thực dân (thường để trong dấu ngoặc kép) tác giả đã vạch trần bản chất xảo quyệt, trơ tráo, tàn bạo trong những thủ đoạn bắt lính. Càng đọc ta càng thấy ghê tởm cái chế độ gọi là "đi lính tình nguyện" ấy bởi nó đã khiến bao thanh niên Đông Dương phải bỏ xác nơi chiến trường xa xôi, chết mà vẫn không biết mình chết vì cái gì.

**4. Kết quả sự hi sinh của người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh như thế nào? Nhận xét về cách đối xử của chính quyền thực dân đối với họ sau khi đã bóc lột hết "thuế máu" của họ**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ đoạn văn trong phần "Kết quả của sự hi sinh" và các chú thích để hiểu nội dung, các từ khó trong đoạn văn. Bằng phương pháp

liệt kê, hãy tìm ra những chi tiết mà tác giả đã viết về kết quả sự hi sinh của những người lính An-nam.

*b. Gợi ý trả lời*

Đến đoạn văn này thì bản chất của bọn thực dân đã bị vạch trần một cách đầy đủ nhất, không còn gì có thể che giấu được nữa. Ngòi bút của tác giả không ngần ngại chỉ ra số phận thảm thương của những người lính "cao quý" sau khi đã bị nhà cầm quyền bóc lột hết thuế máu. Kết quả của sự hi sinh xương máu (người thì mất mạng, người thì bỏ lại chiến trường một phần thân thể) là một con số không, thậm chí còn tàn tạ, nhục nhã hơn. Một sự đối lập được tác giả vạch trần. Trước đây khi cần đến họ thì bọn quan cai trị nịnh bợ, tâng bốc họ bằng những lời lẽ hoa mĩ "con yêu", "bạn hiền", "người lính bảo vệ công lí"... Còn khi chiến tranh kết thúc thì ngay lập tức họ bị "đối xử như súc vật", bị đuổi đi một cách trắng trợn: "Cút đi!". Thực ra cũng không có gì khó hiểu. Bởi trước sau bọn thực dân vẫn chỉ coi họ là "thứ vật liệu" biết nói khi không còn tác dụng nữa thì bị quăng ra ngoài đường một cách không thương tiếc.

Nhưng vẫn chưa dừng ở đó, với bản chất xảo quyệt, chúng đã cố "vớt vát" hòng tiếp tục lừa bịp người dân Đông Dương khi "quan tâm" đến người thân của các cựu binh bằng những món quà "bẩn thỉu và nhơ nhớp". Bởi chính món quà mà nhà cầm quyền ban tặng cho vợ con, gia đình họ, trả ơn vì sự hi sinh xương máu lại là thứ đầu độc chết người: thuốc phiện. Tác giả rất có lí và công bằng khi kết án đó là một tội lỗi dã man đối với nhân loại bởi cái "ân huệ" đó đã gieo rắc tai họa cho bao thế hệ. Người đọc thấy chua chát, xót xa khi nhận ra đằng sau sự hi sinh của "những người chiến đấu vì công lí và tự do" ấy không gì ngoài sự tàn bạo về thể xác và tinh thần. Sau những trận chiến đấu phục vụ cuộc chiến tranh vô nghĩa của bọn đế quốc họ lại trở về với thân phận của mình là "những tên nô lệ bẩn thỉu".

Bằng hàng loạt chứng cứ hết sức xác thực, cụ thể, liên tiếp những câu hỏi như chất vấn, tác giả đã bóc trần tất cả bản chất tráo trở, dã man của bọn thực dân "ăn cướp". Chúng không chỉ vơ vét của cải mà còn bóc lột cả xương máu của người dân các nước thuộc địa ở Đông Dương. Tội ác man rợ ấy không thể không lên án!

**5. Nhận xét về trình tự bố cục các phần trong chương. Phân tích nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, tài tình của tác giả thể hiện qua cách xây dựng hình ảnh, qua giọng điệu**

*a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Dựa trên những phần trả lời cho các câu hỏi trên và đọc lại tiêu đề của các phần để tóm lược nội dung chính của chương trình này. Đồng thời nhớ lại nội dung của từng phần để thấy tác giả đã bám theo trình tự nào để triển khai nội dung. Nghệ thuật châm biếm, đả kích trước hết thể hiện qua các yếu tố: ngôn ngữ, giọng điệu... Chính vì thế cần căn cứ vào từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng để nêu bật lên nghệ thuật của đoạn trích.

*b. Gợi ý trả lời*

Chương 1 được cấu trúc làm ba phần. Mỗi phần đều nói về một nội dung cụ thể, được triển khai theo trình tự sau:

Thái độ của quan cai trị đối với người dân Đông Dương trướcvà sau khi chiến tranh nổ ra.

Tiếp đó là cảnh bắt bớ lính để phục vụ cho chiến tranh.

Sau cùng là thân phận của những người lính sau khi đã hi sinh xương máu của mình cho các cuộc chiến đó.

Nhưng tất cả đều nhằm nêu bật bản chất bịp bợm, xảo trá và dã man của bọn thực dân. Trình tự sắp xếp ấy của tác giả đã đưa người đọc từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, càng ngày càng nhìn thấyrõ hơn bộ mặt ghê tởm của thực dân và tay sai của chúng. Sự lừa bịp của bọn thống trị đã bị vạch trần một cách chân thực và không thương tiếc bởi chính sự mâu thuẫn giữa những lời tuyên bố to tát và hoa mĩ với những việc mà chúng đã làm. Người bản xứ thực chất đã phải chấp nhận một cái chết thê thảm trong những cuộc chiến tranh "huynh đệ tương tàn" mà họ đâu có tình nguyện, sẵn lòng như bọn thực dân đã rêu rao. Họ đã bị cưỡng bức phải đi lính và sau chiến tranh họ lại trở về với vị trí hèn mọn, bị ngược đãi, bị đối xử như súc vật. Như vậy, kết quả sự hi sinh xương máu của họ là một con số không.

Tác giả đã dùng giọng văn châm biếm, mỉa mai hết sức sâu cay, dùng các hình ảnh so sánh *(cho họ ăn như cho lợn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm...)*, qua những từ ngữ mỉa mai để vạch trần sự lừa bịp, tráo trở của bọn quan lại thực dân. Bằng những tư liệu hết sức khách quan *(một bạn đồng nghiệp nói, hay một bản bố cáo của toàn quyền Đông Dương)*... cùng với tình hình thực tế ở các nước châu Phi, châu Âu, châu Á... Nguyễn Ái Quốc đã phơi bày số phận thảm thương của người dân Đông Dương và bản chất dã man, xảo quyệt đến ghê tởm của bọn thực dân cai trị. Tất cả như một bản cáo trạng đanh thép về tội ác tày trời của chế độ thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa.

### 6. Nhận xét về yếu tố biểu cảm trong đoạn trích

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc lại từng phần của chương 1 để tìm ra những yếu tố thể hiện tính biểu cảm: ngôn từ, hình ảnh, cách tạo câu văn... Từ đó, cho biết tác giả muốn thể hiện tình cảm, tâm trạng gì qua những yếu tố đó.

#### *b. Gợi ý trả lời*

"*Bản án chế độ thực dân Pháp*" và đoạn trích được học trước hết là một văn bản chính luận, nhưng rất giàu tính biểu cảm.

Yếu tố biểu cảm thể hiện ngay trong thái độ mỉa mai, châm biếm, đả kích kẻ thù. Để tạo ra giọng điệu đó, tác giả đã sử dụng một cách tài tình và hiệu quả các từ ngữ có tính chất đối lập sâu sắc với thực tế mà nó miêu tả. Chiến tranh hết sức tàn khốc thì được gọi là "chiến tranh vui tươi", cảnh chết chìm tàu thảm thương vì tàu bị trúng ngư lôi được gọi là "cảnh kì diệu của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi", những bãi chiến trường hoang vu cũng thành "thơ mộng", những tên quan cai trị khét tiếng tàn ác được gọi là "quan phụ mẫu nhân hậu"... Chính những từ ngữ đó tự nó cũng đã thể hiện rất rõ giọng điệu mỉa mai, đả kích hết sức sâu cay, sắc sảo của tác giả.

Tính biểu cảm của tác phẩm có khi lại biểu hiện ở những từ mang tính khẩu ngữ: *đùng một cái, đấy, ấy thế mà*. Những từ đó được đặt ngay sau những lời lẽ ba hoa, lừa bịp của những tên quan lại thực dân đã làm cho chúng bị hạ nhục một cách đau đớn.

Trong đoạn trích, đặc biệt là ở phần 3 có rất nhiều câu hỏi được đặt ra liên tiếp: "Để ghi nhớ công lao... đó sao?", "Chẳng phải... đó sao?" diễn tả tâm trạng bức bối và căm giận của Nguyễn Ái Quốc trước sự đối xử tráo trở, tàn nhẫn và vô nhân đạo của bọn thực dân cai trị đối với sự hi sinh của người dân Đông Dương. Khi vạch trần đến tận cùng sự thật ghê tởm về bản chất của bọn thống trị, tác giả đã không giữ được sự khách quan của người đứng ngoài để phản ánh, ghi chép nữa mà đã trực tiếp bộc lộ thái độ của mình bằng những câu khẳng định rất dứt khoát: "Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà"; "Chúng tôi cũng tin chắc rằng...". Đó cũng là cách để tác giả thể hiện lập trường vững chắc của mình trong việc tố cáo, lên án tội ác dã man của chế độ cai trị thực dân đối với người dân các nước thuộc địa.

Yếu tố biểu cảm đã làm cho bài văn có sức tố cáo và thức tỉnh mạnh mẽ, thuyết phục không chỉ đối với công chúng các nước thuộc địa mà ngay cả những người dân ở nước Pháp và các đế quốc cũng không thể làm ngơ trước tội ác của thực dân đối với nhân dân các nước Đông Dương.

**Tài liệu tham khảo**

"Tác phẩm mang tính chiến đấu mãnh liệt. Nó mở ra thời đại văn học chống chủ nghĩa thực dân. Trong tác phẩm, tác giả phê phán kịch liệt những "bài diễn thuyết" vàng "những cây bút đạo đức", "những ngài chuyên nghề khoác lác" nói về thuộc địa. Chủ nghĩa thực dân đã đào tạo được hàng loạt bồi bút hạng bét chuyên nghề ca ngợi bọn thực dân "khai hóa", ca ngợi việc chinh phục thuộc địa như "một sứ mệnh văn minh và nhân đạo", phỉ báng, xuyên tạc những dân tộc bị áp bức chỉ là "giống người hèn hạ", "Chúa sinh ra để đời đời làm nô lệ". Đó là một thứ sản phẩm bẩn thỉu bậc nhất của chủ nghĩa đế quốc. Hàng trăm tác phẩm, nào hồi kí, nào thơ, nào tiểu thuyết, nào lịch sử, đã nói lên những điều vô liêm sỉ ấy. Một bọn nhà văn như Clốt Pha-re (Claude Franere) muốn xây dựng những "bản anh hùng ca" đẫm máu của chiến tranh xâm lược thuộc địa [...]

Năm 1925, *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Hồ Chí Minh đánh dấu bước ngoặt quyết định của văn học chống chủ nghĩa thực dân. "Văn học thuộc địa" bị một đòn đích đáng. Những ảo tưởng tiểu tư sản

về "sự thâm nhập hòa bình và thân ái" vào các nước thuộc địa tiêu tan. *Bản án chế độ thực dân Pháp* vạch cho mọi người thấy một thế giới hiện thực vô cùng tàn bạo. Từng bước, tác phẩm lật cái màn dối trá và hoa mĩ, phơi bày một cách bình tĩnh, khoa học, chính xác những sự việc, những tài liệu chân thực của toàn bộ chế bộ thực dân, lột trần cái bản chất thối tha của nó. Tất cả bọn thực dân gớm ghiếc, từ tên tổng trưởng thuộc địa, đến những tên toàn quyền, thống sứ, viên chức thực dân... lần lượt diễn trên sân khấu, đóng đủ mọi vai trò: khi là một con quỷ ghê tởm, khi là một thằng hề đáng khinh bỉ, khi là một kẻ đạo đức giả, một tên hung bạo, đứa côn đồ... Tóm lại, cái "tâm hồn thực dân" biểu hiện dưới con mắt nhân loại, cụ thể, chính xác, rất thực với bản chất của nó. [...]

Bản án chế độ thực dân Pháp là một tác phẩm văn học mang tính khoa học chính xác, đanh thép, khách quan. Đó là những tài liệu lấy trong hồ sơ của bọn thống trị, đó là những con số, những bản thống kê, những sự việc được báo chí tư bản thú nhận. Tóm lại, bằng chứng bằng chứng cụ thể, chỉ rõ tên tuổi bọn "khai hóa" đầu sỏ trong lịch sử nhục nhã của chế độ thực dân Pháp, với niên hiệu rành rọt, nơi chốn rõ ràng, tác giả đã phân tích, tổng hợp những tài liệu, rút ra những kết luận khái quát, tạo thành một "bản án" kết tội hùng hồn và kịch liệt.

Bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật, tác giả *Bản án*... vẽ nên một bức tranh địa ngục đầy rẫy những cảnh bất nhân, bất nghĩa, những cảnh bất công phi lí, đầy phẫn nộ, những bức họa vẽ bằng máu và nước mắt của người dân mất nước. Những tên thực dân khát máu chỉ biết có đốt phá, chém giết, đầu độc, vơ vét. Gần suốt tác phẩm, ta nghe thấy những tiếng hò hét man rợ của chúng, tiếng roi vọt tàn nhẫn, tiếng bom đạn. Tác giả gọi những tên thực dân ấy là "bọn côn đồ", "bọn gian phi", "những tên bạo ngược", "bọn chó má", "quân ngu xuẩn và đểu cáng", "được điểm trang bằng những cái huy chương mục nát: Bác ái, Bình đẳng".

Hiểu rõ giai cấp công nhân, Bác Hồ biết tất cả nỗi khổ cực và sức mạnh của họ, những người duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Xuất thân từ một gia đình yêu nước, Bác thông cảm sâu sắc với nông dân. Hình ảnh người nông dân thuộc địa chiếm

vai trò lớn trong tác phẩm *Bản án*...[...] Đề bạt người nông dân như một người bạn chiến đấu dũng cảm của giai cấp công nhân, đó là một sáng tạo trong văn học lúc bấy giờ. Qua hình tượng người nông dân trong tác phẩm, Hồ Chủ tịch chỉ rõ rằng vấn đề thuộc địa thực chất là vấn đề nông dân.

Nói đến họ, lời văn *Bản án*... bao giờ cũng đầm ấm, thiết tha, Bác hiểu tấm lòng thương yêu quê hương đất nước của họ. Đàn cừu, mảnh vườn đối với họ là những gì thân thiết nhất: "Họ phải đột ngột lìa vợ, lìa con, bỏ đàn cừu, bỏ mảnh vườn để vượt đại dương, đem xương phơi trên các bãi chiến trường châu Âu". Dù có sống sót, họ cũng chỉ lê "tấm thân tàn ma dại" trở về sống kiếp trâu ngựa dưới cái chế độ "không hề biết gì đến công lí và chính nghĩa".

(Theo Đỗ Đức Hiểu, *Tạp chí Văn học,* số 4-1971)

# HỘI THOẠI

Mục đích của bài học giúp các em:

- Phân biệt vai xã hội trong hội thoại.

- Xác định thái độ đúng đắn trong quan hệ giao tiếp.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Khái niệm hội thoại

Hội thoại là nói chuyện với nhau, trao đổi ý kiến với nhau trong giao tiếp, trong hội họp hàng ngày.

Cần phân biệt các khái niệm: hội thảo, đối thoại, trao đổi, tranh luận...

### II. Vai xã hội trong hội thoại

*Vai xã hội* là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.

- Việc xác định vai xã hội có sự tham gia của nhiều yếu tố:

+ Do truyền thống lịch sử, văn hóa.

+ Do thói quen.

+ Do đặc điểm tâm lí xã hội, tâm lí dân tộc.

+ Do những ước định mang tính thời đại.

- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:

+ Quan hệ trên – dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội).

+ Quan hệ thân – sơ (theo mức độ quen biết, thân tình).

Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp về:

+ Nội dung;

+ Xưng hô;

+ Cách nói;

+ Thái độ.

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

**1.** Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích là quan hệ cô - cháu (quan hệ trên – dưới).

**2.** Cách xử sự của người cô đáng chê trách là đã khoét sâu vào nỗi nhớ mẹ, nỗi tủi hờn của cậu bé Hồng đang phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng.

**3.** Những chi tiết cho thấy nhân vật bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ cho được thái độ lễ phép.

*- Nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp.*

*Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:*

*- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.*

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em những chi tiết trong bài *Hịch tướng sĩ* thể hiện thái độ vừa nghiêm khắc vừa khoan dung của Trần Quốc Tuấn đối với binh sĩ dưới quyền.

Những chi tiết trong bài "*Hịch tướng sĩ*" thể hiện thái độ đó của Trần Quốc Tuấn:

- *Huống chi ta cùng các người sinh vào thời loạn lạc... để vét của kho có hạn.*

- *Nay các ngươi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn... Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!*

- *Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung... há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa?*

**2.** Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi.

a) Xác định vai xã hội của hai nhân vật tham gia cuộc thoại:

- Lão Hạc: địa vị xã hội thấp nhưng tuổi tác cao hơn ông giáo.

- Ông giáo: địa vị cao nhưng tuổi tác ít hơn lão Hạc.

b) Những chi tiết trong lời thoại của nhân vật và lời miêu tả của nhà văn cho thấy thái độ vừa kính trọng, vừa chân tình của nhân vật ông giáo đối với lão Hạc:

*... Bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào...*

c) Những chi tiết trong lời thoại của lão Hạc và lời miêu tả của nhà văn nói lên thái độ vừa quý trọng vừa thân tình của lão Hạc đối với ông giáo: *(Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng).*

Chi tiết thể hiện tâm trạng không vui và sự giữ ý của lão Hạc: *(Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác).*

3. Bài tập này nêu ra hai yêu cầu:

- Thuật lại một cuộc trò chuyện mà em đã được đọc, đã chứng kiến hoặc tham gia.

- Phân tích vai xã hội của những người tham gia cuộc thoại.

Các em tự làm bài tập này.

# TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Vai trò của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

- Cách đưa ra các yếu tố biểu cảm vào trong bài văn nghị luận.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

Văn nghị luận rất cần yếu tố biểu cảm. Yếu tố biểu cảm giúp cho văn nghị luận có hiệu quả thuyết phục cao hơn, vì nó có tác động mạnh mẽ tới tình cảm của người đọc (người nghe).

Để bài văn nghị luận có sức biểu cảm cao, người làm văn phải thực sự có cảm xúc trước những vấn đề mình trình bày. Văn nghị luận chỉ có thể tác động đến tình cảm của người đọc bằng chính những rung cảm thực sự và không được phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.

Người viết phải có năng lực sử dụng từ ngữ, câu chữ, hình ảnh để có thể thể hiện sinh động trạng thái tình cảm, cảm xúc của mình. Có như vậy, bài văn nghị luận mới có sức thuyết phục cao, tác động mạnh mẽ đến tình cảm của người đọc.

**II. Đọc - hiểu**

**1.** Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

a) Những từ ngữ biểu lộ tình cảm mãnh liệt của tác giả là: *muốn hòa bình, phải nhân nhượng, càng lấn tới, quyết tâm cướp nước ta, thà hi sinh, nhất định không chịu, phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.*

Những câu cảm thán trong văn bản là:

- *Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.*

- *Hỡi đồng bào!*

- *Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!*

Việc sử dụng từ ngữ và đặt câu có tính chất biểu cảm trong văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chí Minh giống với việc sử dụng từ ngữ trong văn bản *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.

b) Tuy nhiên, hai văn bản trên vẫn được coi là những văn bản nghị luận, không phải là văn bản biểu cảm vì cả hai được viết ra không nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc mà nhằm mục đích tác động tới lí trí của người đọc, nhằm xác lập ở người đọc tư tưởng, tình cảm nào đó. Yếu tố biểu cảm được dùng trong hai văn bản này chỉ có tác dụng tăng thêm sức thuyết phục cho những ý kiến nêu ra.

c) Theo dõi bảng đối chiếu, có thể thấy những câu ở cột (2) hay hơn những câu ở cột (1) vì những câu ở cột (2) có những từ ngữ bộc lộ tình cảm, thái độ của người viết, vì thế giàu chất văn, giàu cảm xúc hơn.

**2.** Thông qua việc tìm hiểu các văn bản *Hịch tướng sĩ* và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến,* ta thấy:

Để phát huy hết tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận, người viết cần phải thật sự có cảm xúc trước những điều mình đề cập và phải biết diễn tả cảm xúc đó bằng những từ ngữ, những câu văn có sức truyền cảm.

Tuy nhiên nếu chỉ có cảm xúc không thôi là chưa đủ, bởi lẽ đây là văn bản nghị luận, nên yếu tố quan trọng nhất là lí lẽ. Người viết

không chỉ cần suy nghĩ về việc xây dựng luận điểm và lập luận mà cần có sự xúc cảm, rung cảm.

Không phải bài văn nghị luận nào càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, càng đặt nhiều câu cảm thán thì mới có giá trị biểu cảm cao, vì:

- Muốn có giá trị biểu cảm thì yếu tố biểu cảm cần phải dùng đúng lúc, đúng chỗ.

- Biểu cảm chỉ có giá trị khi đó là những rung cảm, những cảm xúc thật sự chứ không phải là những cảm xúc giả tạo.

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 3 yêu cầu:

- Chỉ ra các yếu tố biểu cảm trong phần I - Chiến tranh và người bản xứ (ở văn bản *Thuế máu*).

- Tác giả đã sử dụng những biện pháp gì để biểu cảm.

- Tác dụng biểu cảm.

Các yếu tố biểu cảm trong phần I - Chiến tranh và "người bản xứ" (ở văn bản *Thuế máu)* được thể hiện bằng hệ thống những từ ngữ mang tính mỉa mai, châm biếm, có sự đối lập nhau:

*- Những tên da đen bẩn thỉu, những tên "An-nam-mit bẩn thỉu >< những đứa "con yêu", những người "bạn hiền", "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do".*

*- Cuộc chiến tranh vui tươi, vinh dự đột ngột >< đột ngột xa lìa vợ con, phơi thây trên các chiến trường, bỏ xác lại những miền hoang vu thơ mộng, anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát.*

*- Trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi >< bảo vệ tổ quốc của các loại thủy quái.*

*- Lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế, lấy xương mình chạm trên những chiếc gậy.*

*- Khạc ra từng miếng phổi.*

Tác dụng của những yếu tố biểu cảm: giúp người đọc thấy rõ bản chất thâm độc, âm mưu quỷ quyệt của thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa như những bia đỡ đạn, những vật thay thế cho chúng trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa. Chính những từ ngữ biểu cảm đó tự nó đã thể hiện rõ giọng điệu mỉa mai, đả kích hết sức sâu cay của tác giả.

**2.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Những cảm xúc gì đã được biểu hiện qua đoạn văn?

- Tác giả đã làm thế nào để những đoạn văn đó không chỉ có sức thuyết phục lí trí mà còn gợi cảm?

Những cảm xúc được thể hiện trong đoạn văn:

- Nỗi buồn, "nỗi khổ tâm" của một nhà giáo tâm huyết trước tình trạng học tủ, học vẹt của học sinh.

- Những trăn trở của tác giả trước thực tế đáng buồn diễn ra trong nền giáo dục nước ta.

Đoạn trích không chỉ có sức thuyết phục lí trí mà còn gợi cảm vì:

- Đề cập tới một vấn đề có tính chất thời sự tồn tại trong nền giáo dục nước ta trước đây.

- Đoạn văn tràn đầy tâm huyết, nỗi trăn trở của một người hết lòng vì cái "nghiệp" dạy học, dạy người.

- Đoạn văn được viết dưới dạng câu hỏi tu từ, mang tính chất bộc lộ và thể hiện nỗi đau của tác giả một cách thầm kín.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em viết đoạn văn nghị luận để trình bày luận điểm: *Chúng ta không nên học vẹt và học tủ.*

Dựa vào các ý đã được lập ở bài trước và có bổ sung để viết thành một đoạn văn nghị luận. Yêu cầu, các lí lẽ đưa ra phải chặt chẽ và có sức thuyết phục.

Bài tập này các em tự làm.

BÀI 27

# ĐI BỘ NGAO DU

## (Trích *Ê-min hay Về giáo dục*)

*Ru-xô*

### Vài nét về tác giả, tác phẩm

*Giăng Giắc Ru-xô là nhà văn, nhà triết học nhà hoạt động xã hội Pháp ở thế kỉ XVIII (thế kỉ Ánh sáng).*

*Ông sinh năm 1712 tại Thụy Sĩ và mất năm 1778 tại Pháp. Lúc đầu gia đình ông sống tại Pháp, vì theo đạo Tin lành nên trong thời kì xung đột tôn giáo phải trốn sang Thụy Sĩ. Năm 16 tuổi, Ru-xô trở về Pháp và từ bỏ đạo Tin lành, đổi theo đạo Cơ đốc. Tuổi thanh niên của ông lận đận, trải qua nhiều đắng cay, lang thang kiếm sống, làm đủ các nghề dạy nhạc, đầy tớ, gia sư... Năm 20 ông tuổi lấy một phụ nữ quý tộc hơn ông 12 tuổi tên là Đơ-va-ren. Từ đó, Ru-xô bước chân vào giới thượng lưu và bắt đầu sáng tác văn học.*

*Năm 34 tuổi, Ru-xô yêu rồi lấy cô hầu phòng là Tê-rê-dơ-va-xơ và chung sống với cô đến hết đời.*

*Năm 1750, Ru-xô được giải thưởng của Viện Hàn lâm khoa học Đi-giông với tác phẩm "Luận về khoa học và nghệ thuật".*

*Năm 1752, ông viết vở nhạc kịch "Thầy bói nông thôn" và bắt đầu nổi tiếng. Sau đó, Ru-xô cho ra đời nhiều tác phẩm: "Nàng Hê-lôi-dơ mới", "Khế ước xã hội", "Ê-min hay Về giáo dục", "Những bức thư từ trên núi"...*

*Quan điểm triết học của Ru-xô là đề cao con người tự nhiên, chống lại con người xã hội, đấu tranh cho một nền giáo dục dân chủ. Ông lên án xã hội đương thời nô dịch, làm tha hóa con người.*

*Tư tưởng này được thể hiện rõ nhất qua tác phẩm "Ê-min hay Về giáo dục". Đoạn trích "Đi bộ ngao du" được trích trong quyển V, quyển cuối cùng của tác phẩm "Ê-min hay Về giáo dục". Đoạn trích đã nói lên tình cảm yêu mến thiên nhiên, quý trọng tự do của Ru-xô.*

*Song chính vì tư tưởng tôn giáo và quan điểm xã hội tiến bộ này, ông đã bị chính quyền và nhà thờ truy bức, săn lùng, phải trốn sang Thụy Sĩ.*

*Năm 1778, Ru-xô qua đời, hơn 10 năm sau, thi hài ông được đưa về điện Păng-tê-ông – nơi dành cho các danh nhân vĩ đại của nước Pháp.*

**1. Tóm tắt ngắn gọn ba luận điểm chính mà Ru-xô đã trình bày thành ba đoạn văn bản để thuyết phục mọi người nếu muốn ngao du thì nên đi bộ**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ văn bản. Trong văn bản, tác giả đã trình bày rất rõ 3 đoạn. Chú ý đến từng đoạn văn bản để tìm luận điểm chính. Ngoài ra, cần đọc các chú thích trong SGK, các mục (1) ... (18) để hiểu chính xác cách dùng từ, ngữ của người viết.

***b. Gợi ý trả lời***

Đoạn trích "*Đi bộ ngao du*" được chia làm 3 đoạn, mỗi đoạn là một luận điểm. Luận điểm ở đoạn thứ nhất: *Đi bộ ngao du rất thoải mái, tự do và chủ động*: "Tôi chỉ quan niệm... nghỉ ngơi". Luận điểm 2: *Đi bộ ngao du rất có ích và học hỏi được nhiều điều* ("Đi bộ ngao du là đi như Ta-lét... làm tốt hơn"). Đoạn cuối, tác giả đưa ra luận điểm: *Đi bộ ngao du rất thú vị, làm cho con người khoẻ cả về vật chất lẫn tinh thần* ("biết bao hứng thú khác nhau ... thì cần phải đi bộ".

**2. Trật tự sắp xếp ba luận điểm chính có hợp lí không? Vì sao?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ từng đoạn văn, chú ý cách lập luận, đưa dẫn chứng chứng minh cho từng luận điểm trong 3 đoạn. Các lí lẽ, dẫn chứng đưa ra có sức thuyết phục không?

***b. Gợi ý trả lời***

Trong "*Đi bộ ngao du*", tác giả đã chứng minh muốn ngao du thì cần phải đi bộ. Đoạn trích gồm 3 đoạn văn, mỗi đoạn tương ứng với một luận điểm. Để chứng minh các luận điểm đã nêu, Ru-xô lập luận

hợp lí và chặt chẽ. Mỗi luận điểm được lập luận chặt chẽ kết hợp giữa lí lẽ và thực tế từng trải của tác giả nên bài văn vừa sinh động, vừa có sức thuyết phục cao.

Đoạn 1 chứng minh cho luận điểm: Đi bộ ngao du thoải mái, chủ động và tự do, tác giả đã đưa ra dẫn chứng thuyết phục: "Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy...". Ta cũng có thể tự do quan sát khắp nơi, quay phải, quay trái, xem xét tất cả những gì ta muốn: một dòng sông, một khu rừng, một hang động hay dưới bóng cây. Ta ưa thích ở đâu thì ta dừng lại ở đó, hoặc nếu chán, ta có thể bỏ đi mà không hề phụ thuộc vào con ngựa hay người điều khiển xe ngựa.

Còn nếu thời tiết xấu, hay thấy chán đi bộ, thì lúc đó ta lại đi ngựa. Nhưng Ê-min lại to khoẻ và chẳng hề vội vã nên em vẫn có thể tiếp tục ngao du. Và nếu tiếp tục ngao du thì bất cứ đâu em đều có thể giải thích, làm việc, vận động cánh tay cho đôi bàn chân nghỉ ngơi.

Chúng ta đều biết rằng ở Pháp và Tây Âu vào thế kỉ XVIII, đi ngựa là sang trọng và văn minh, nhưng Ru-xô đã so sánh giữa đi bộ và đi ngựa, đưa ra các dẫn chứng lí lẽ thuyết phục để chứng minh đi bộ là thú vị và có nhiều lợi ích cho con người.

Trong luận điểm 2: Đi bộ ngao du rất có ích, tác giả đã đưa ra ví dụ về các nhà triết học nổi tiếng Hi Lạp: Pla-tông và Ta-lét, Pi-ta-go vừa là nhà triết học vừa là nhà toán học. Họ là những mẫu mực trong sự quan sát, nghiền ngẫm lúc đi dạo chơi.

Đi bộ ngao du còn tạo dựng hứng thú với tự nhiên, xem xét một khoảnh đất, một lèn đá, hoa lá, hóa thạch. *Đi bộ ngao du* còn giúp con người nhận biết được tài nguyên, các đặc sản nông nghiệp và biết cách thức trồng trọt các đặc sản ấy.

Ru-xô đã so sánh phòng sưu tập của Ê-min với phòng sưu tập của "những triết gia phòng khách" và phòng sưu tập của các vua chúa. Từ đó, tác giả khẳng định, phòng sưu tập Ê-min là "phòng sưu tập của trái đất", "phong phú hơn các phòng sưu tập của vua chúa" và nhà tự nhiên học nổi tiếng Đô-băng-tông chắc cũng "không thể làm tốt hơn".

Cuối cùng, Ru-xô đã khẳng định: Đi bộ ngao du rất thú vị, làm con người khoẻ về vật chất lẫn tinh thần. Chứng minh luận điểm này, tác giả đã so sánh, những kẻ ngồi trên xe ngựa tốt thì "mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh, hoặc đau khổ"; những người đi bộ luôn luôn, "vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả"; ăn ngon miệng hơn, dù đó là "bữa ăn đạm bạc", ngủ ngon giấc hơn, dù là "cái giường tồi tàn". Con người vẫn cần có những lúc đi bằng xe ngựa khi có việc cần, nhưng muốn ngao du thì cần phải đi bộ.

Qua cách lập luận của tác giả, ta thấy Ru-xô yêu mến thiên nhiên, đề cao con người tự nhiên. Bằng cách lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn đời sống, Ru-xô đã chứng minh lợi ích của môi trường tự nhiên đối với con người, giúp con người mở mang kiến thức, phát triển nhân cách.

**3. Theo dõi các đại từ nhân xưng khi thì "ta", khi thì "tôi" trong bài để chứng minh rằng thực tiễn cuộc sống từng trải của bản thân Ru-xô luôn bổ sung sinh động cho các lí lẽ của ông khi ông lập luận**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Khi đọc văn bản, chú ý đến cách xưng hô "tôi", "ta" của người viết. Cần phân biệt được sắc thái khác nhau của cách xưng hô này. Nếu người viết chỉ dùng một cách xưng hô là "tôi" hoặc là "ta" thì đoạn trích sẽ thay đổi như thế nào?

***b. Gợi ý trả lời***

Qua đoạn trích "*Đi bộ ngao du*" ta thấy cách viết của Ru-xô thâm trầm, giản dị nhưng vô cùng sâu sắc. Giọng văn thay đổi rất phong phú, lúc thì tranh biện, lúc thì nhẹ nhàng như lời tâm sự, khi dùng các ngôi "tôi", "ta", "Ê-min". Các ngôi này đan xen với nhau một cách hài hòa. Nhà văn dùng đại từ nhân xưng "tôi" khi trực tiếp nói về những thí nghiệm sinh động của riêng mình: "Tôi chỉ quan niệm được một cách đi ngao du thú vị hơn đi ngựa"... "Tôi nhìn thấy một dòng sông... tôi xem các khoáng sản... Tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem..."

Ngay sau đó, tác giả dùng ngôi xưng "ta" để đưa ra một khái quát, một nhận định chung và hướng về nhiều đối tượng khác nhau: "Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng... ta quan sát khắp nơi".

Tác giả kết hợp ngôi xưng "tôi" và "ta", những khái quát, nhận định chung được bổ sung bằng thực tiễn từng trải của bản thân, tác giả đã làm cho giọng văn tự nhiên và sinh động, phong phú, có sức thuyết phục cao đối với người đọc.

Có khi, tác giả lại xưng là "Ê-min" – nhân vật chính của văn bản nghị luận "*Đi bộ ngao du*", song đó cũng là sự hóa thân của chính tác giả vào nhân vật.

Sự đan cài giữa các ngôi nhân xưng như vậy làm cho đoạn văn không xơ cứng, đơn điệu mà phong phú và giàu sức thuyết phục bởi tính chủ quan, khách quan và những luận điểm chung của mọi người. Các lí lẽ, cách lập luận của Ru-xô mạch lạc, và khúc chiết, đều là sự thật trong đời sống, trong thiên nhiên. Có lúc, tác giả đã dùng những câu văn so sánh, lấy các triết gia, các nhà toán học nổi tiếng như Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go thời Hi Lạp cổ đại - những tấm gương thiên tài về quan sát, trau đồi kiến thức từ tự nhiên khi đi bộ ngao du.

Cách lập luận, nêu dẫn chứng như vậy dễ đi vào lòng người và được mọi người chấp nhận.

**4. Ta hiểu gì về con người và tư tưởng, tình cảm của Ru-xô qua bài này?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Tác phẩm văn học nào cũng chứa đựng tình cảm, cảm xúc của người viết. Cần nhớ lại kiến thức về văn biểu cảm (Ngữ văn 7, tập 1, 2 dòng đầu của phần *Ghi nhớ* về đặc điểm văn biểu cảm trang (86) để vận dụng vào câu trả lời này.

***b. Gợi ý trả lời***

Qua bài văn, ta thấy một nhà văn thâm trầm, giản dị, yêu mến tự nhiên, thích tự do phóng khoáng, không muốn phụ thuộc vào bất kì điều gì. Tác giả đã cho thấy tầm quan trọng và lợi ích của việc đi bộ:

mở mang kiến thức, mở rộng tầm mắt, phát triển nhân cách và thể lực, làm cho cuộc sống luôn tươi vui, thú vị.

Đằng sau đó là tình cảm gắn bó với thế giới tự nhiên và ước muốn khám phá những chân trời tri thức mới lạ của nhà văn.

# HỘI THOẠI
## *(tiếp theo)*

Mục đích của bài học giúp các em:

- Hiểu biết về lượt lời;

- Cách dùng lượt lời.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.

Lượt lời cần phải được luân phiên đúng lúc. Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác. Hành động cướp lời, cắt lời bị coi là hành vi kém văn hóa, thiếu tôn trọng người khác.

Nhiều khi im lặng khi đến lượt mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

Cần chú ý: Trong khi giao tiếp, không nên để cuộc giao tiếp ngừng lại quá lâu mà chưa có ai nói. Việc luân phiên lượt lời cần diễn ra sao cho nhịp nhàng để cuộc giao tiếp diễn ra liên tục, tự nhiên.

Đọc đoạn văn miêu tả cuộc trò chuyện giữa nhân vật chú bé Hồng với người cô dẫn ở SGK trang 92 - 93 và trả lời câu hỏi.

**1.** Trong cuộc hội thoại đó, người cô nói 5 lượt; chú bé Hồng nói 2 lượt.

**2.** Đáng lẽ trong cuộc hội thoại đó, chú bé Hồng được nói 3 lượt nữa nhưng Hồng không nói. Sự im lặng của Hồng cho thấy thái độ lễ phép, nhẫn nhịn của cậu bé trước những lời nói cay độc của người cô. Đồng thời cũng thể hiện sự tủi hổ, xót xa khi người cô nói về người mẹ mà Hồng hết lòng quý trọng.

**3.** Sở dĩ Hồng không cắt lời người cô khi bà nói những điều mà Hồng không muốn nghe vì:

- Thể hiện thái độ lễ phép của Hồng trước người lớn.

- Hoàn cảnh khó khăn của Hồng: bố mất, mẹ bỏ đi xa, cậu phải sống nhờ họ hàng. Vì thế mà cậu phải nhẫn nhịn trước những điều không muốn nghe,

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này yêu cầu các em nhận xét về tính cách của nhân vật: cai lệ, người nhà lí trưởng, chị Dậu, anh Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*.

Qua cách miêu tả cuộc thoại giữa các nhân vật cai lệ, người nhà lí trưởng, chị Dậu và anh Dậu trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ,* ta thấy tính cách của mỗi nhân vật được thể hiện như sau:

- Cai lệ: hống hách, luôn ra oai.

Ví dụ:

*+ Thằng kia! ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!*

*+ Không hơi đâu nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!*

– Người nhà lí trưởng: xum xoe, khúm núm trước cai lệ nhưng tỏ ra hống hách với chị Dậu.

Ví dụ:

*- Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho!*

- Chị Dậu: là người thương chồng thương con, nhẫn nhịn, nín chịu nhưng khi cần thiết chị trở nên mạnh mẽ, quyết liệt lạ thường.

Ví dụ:

- *Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.*

- *Cháu van ông, nhà cháu mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*

- *Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!*

- Anh Dậu là người cam chịu, sợ sệt.

Ví dụ:

- *U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.*

**2.** Bài tập này nêu 3 yêu cầu:

- Sự chủ động tham gia cuộc thoại của chị Dậu và các từ phát triển ngược chiều nhau như thế nào?

- Tác giả miêu tả diễn biến cuộc thoại như vậy có hợp với tâm lí nhân vật không? Vì sao?

- Việc tác giả tô đậm sự hồn nhiên và hiếu thảo của cái Tí qua phần đầu cuộc hội thoại làm tăng kịch tính câu chuyện như thế nào?

a) Sự chủ động tham gia cuộc thoại của chị Dậu và cái Tí phát triển ngược chiều nhau như sau:

- Khi thấy mẹ về, cái Tí đon đả ra đón, vồn vã hỏi chuyện mẹ về tình hình của bố, về việc mẹ bị cai lệ đánh. Nhưng lúc đó, trong tâm trạng đau khổ vì đã bán cái Tí, sắp phải đưa con sang nhà cụ Nghị, và thấy xót xa trước tấm lòng hiếu thảo của cái Tí, chị Dậu đã không nói được với con một lời.

- Sau khi biết mình bị bán sang nhà cụ Nghị, cái Tí từ chỗ hốt hoảng khóc lóc van xin đến chỗ hiểu được những nỗi đau của mẹ đã cắn răng chấp nhận. Trong khi đó, chị Dậu tìm hết lời này đến lời khác để an ủi, vỗ về để cái Tí hiểu được việc làm của chị và để cái Tí nghe chị sang ở nhà cụ Nghị.

b) Tác giả miêu tả diễn biến cuộc thoại như vậy là phù hợp với diễn biến tâm trạng của từng nhân vật.

c) Việc tác giả tô đậm sự hồn nhiên và hiếu thảo của cái Tí qua phần đầu cuộc thoại càng làm tăng kịch tính của câu chuyện. Vì cái Tí càng hồn nhiên, ngây thơ, và hiếu thảo bao nhiêu thì càng xoáy sâu nỗi đau đớn trong lòng người mẹ rất mực yêu con bấy nhiêu.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em cho biết sự im lặng của nhân vật *tôi* biểu thị ý gì.

Sự im lặng của nhân vật "tôi" trong đoạn trích trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* biểu thị:

- Sự ngỡ ngàng của nhân vật "tôi" trước cái nhìn đầy yêu thương của người em đối với mình.

- Sự xấu hổ không dám nói ra thành lời vì trong con mắt của người em, nhân vật "tôi" là một người rất đẹp, trong khi đó trong con mắt của nhân vật "tôi" lại chỉ thấy những cái xấu của em gái.

**4.** Bài tập này yêu cầu các em cho biết mỗi nhận xét trong các câu thơ của Tố Hữu đúng trong những trường hợp nào.

Việc im lặng hay cất lên thành lời như thế nào là hợp lí tùy thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh và thời điểm giao tiếp.

Nếu khi nói mà đem lại những điều không tốt cho bản thân và cho mọi người thì khi đó *Im lặng là vàng*.

- Nhưng nếu những lúc đáng nói mà không nói, phải nói mà không dám nói, vì sự cầu an cho bản thân thì khi đó ta cảm thấy *Và dại khờ là những người câm*.

# LUYỆN ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Mục đích của bài luyện tập giúp các em nắm chắc hơn cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

## I. Chuẩn bị ở nhà

Đề bài: *Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh.*

## II. Luyện tập trên lớp

**1.** Cách sắp xếp các luận điểm theo trình tự đưa ra trong SGK trang 108 còn lộn xộn, chưa hợp lí. Đây mới chỉ là liệt kê các ý trong bài, chứ chưa phải là các luận điểm, và do đó không chỉ ra được đâu là ý chính, đâu là ý phụ. Ta có thể sắp xếp lại như sau:

- *Giúp mở rộng tầm hiểu biết:*

+ Hiểu cụ thể hơn, sâu hơn những điều được học trong nhà trường.

+ Mang lại nhiều bài học có thể chưa có trong sách vở.

- *Là hình thức vui chơi giải trí bổ ích:*

+ Là hình thức vui chơi, giải trí đem lại nhiều niềm vui.

+ Giảm căng thẳng sau những ngày học vất vả.

+ Giúp mọi người trong lớp gần gũi nhau hơn, hiểu nhau hơn.

+ Đồng thời còn giúp tăng cường sức khoẻ.

- *Bồi dưỡng tình cảm:*

+ Thêm yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, của quê hương, đất nước.

+ Có ý thức trong việc bảo vệ và giữ gìn các danh lam thắng cảnh của quê hương, đất nước.

**2.** Trình bày các luận điểm:

a) Tham khảo đoạn văn và tìm những gợi ý về việc đưa yếu tố biểu

cảm vào trong bài văn nghị luận: Tăng cường sức khoẻ, tính khí trở nên vui vẻ.

+ Những kẻ ngồi trong các cỗ xe thường hay buồn bã, cáu kỉnh, hoặc đau khổ.

+ Những người đi bộ luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả: hân hoan khi về đến nhà, thích thú khi ngồi vào bàn ăn, ngủ ngon giấc...

b) Khi trình bày luận điểm "Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui":

- Luận điểm trên gợi cảm xúc: hân hoan, vui sướng...

- Đoạn nghị luận được đưa ra chưa thể hiện rõ cảm xúc trên, mới chỉ trình bày lại những diễn biến mà chưa nêu bật được cảm xúc đó.

- Để đoạn văn có giá trị biểu cảm cao, có thể thêm một số từ ngữ biểu cảm. Tuy nhiên, cần sử dụng các từ ngữ biểu cảm một cách hợp lí và đúng chỗ. Em cũng có thể thay đổi một số câu để đoạn văn thêm sức biểu cảm.

Viết lại đoạn văn rồi trình bày trước tổ (lớp).

**3.** Bài tập này yêu cầu các em đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn được viết theo đề bài: "Chứng minh rằng nhiều bài thơ em đã học như *Cảnh khuya* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Khi con tu hú* của Tố Hữu, *Quê hương* của Tế Hanh,... đều biểu hiện rõ tình cảm tha thiết của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước".

Các em tự làm bài tập này.

BÀI 28

# LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

Mục đích của bài học giúp các em:

- Nắm được tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ trong câu;

- Có ý thức lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Nhận xét chung

Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói (người viết) cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp. Ví dụ:

*- Họ lại cấm chợ ngăn sông một cách tùy tiện, coi thường nhân dân quá đáng!*

*- Cấm chợ ngăn sông, họ cậy quyền, cậy thế coi thường nhân dân một cách quá đáng.*

*- Coi thường nhân dân và cậy quyền, cậy thế, họ đã ra sức cấm chợ ngăn sông.*

Cách sắp xếp trật tự từ trong câu trước hết là một phương thức ngữ pháp dùng để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp. Ngoài ra, nó còn dùng để biểu thị những dụng ý khác của người sử dụng. Vì vậy, việc sắp xếp trật tự từ theo mỗi cách khác nhau sẽ đem đến hiệu quả diễn đạt riêng. Do đó, khi nói hoặc viết, cần phải biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu sử dụng để làm tăng hiệu quả diễn đạt.

* Đọc đoạn trích dẫn ở SGK trang 111 và trả lời câu hỏi.

**1.** Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm ở SGK trang 111 mà không làm thay đổi ý nghĩa cơ bản của câu theo các cách như sau:

*- Cai lệ gõ đầu gậy xuống đất và thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ.*

*- Bằng cái giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ, cai lệ gõ đầu gậy xuống đất và thét lên.*

**2.** Sở dĩ tác giả chọn trật tự từ như trong đoạn trích vì:

- Nêu được đúng trình tự của hành động,

- Làm nổi rõ bản chất hách dịch, hống hách của cai lệ.

**3.** Trong văn bản nghệ thuật, nhất là trong thơ, trật tự từ rất đa dạng, biến hóa.

***Cậy sức*** *cây đu nhiều chị nhún*
***Tham tiền*** *cột mỡ lắm anh leo.*

(Tú Xương)

***Sột soạt*** *gió trêu tà áo biếc*
*Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.*

(Hàn Mặc Tử)

## II. Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ

Việc sắp xếp trật tự từ có một số tác dụng sau:

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm... được nêu ra trong câu văn.

Ví dụ:

*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm những cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.* (Hồ Chí Minh)

- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ:

***Thẻ của nó,*** *người ta giữ.* ***Hình của nó,*** *người ta đã chụp rồi.* (Nam Cao)

- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản. Ví dụ:

*Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.*

***Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.*** (Nguyễn Công Hoan)

- Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói. Ví dụ:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,*
***Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.***
***Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,***
*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

(Ca dao)

**1.** Tác dụng của trật tự từ trong những bộ phận câu in đậm trong những câu trích ở SGK trang 111:

a) *Cai lệ **giật phắt lấy cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu*** --> thể hiện đúng trình tự của các hành động diễn ra liên tiếp nhau.

- *Chị Dậu **xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn*** --> thể hiện đúng thứ tự trước sau của hành động. Qua đó thấy được sự biến đổi tâm lí diễn ra rất nhanh ở chị Dậu và sự phản kháng của chị.

b) ***Cai lệ và người nhà lí trưởng*** --> trình bày thứ bậc quan trọng của sự vật.

- ***Roi song, tay thước và dây thừng*** --> nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật.

**2.** So sánh tác dụng của những cách xếp trật tự từ trong các bộ phận câu in đậm dẫn ở SGK trang 112.

Cách sắp xếp các từ in đậm trong câu a: *Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín* tạo cho câu văn sự hài hòa về ngữ âm, đồng thời thể hiện rõ chủ đích của tác giả: nói lên tác dụng và sự gắn bó của cây tre với đời sống người dân. Tác giả đã đi từ cái trừu tượng khái quát (*giữ làng, giữ nước*), đến cái cụ thể, gần gũi (*giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín*). Điều đó tạo ra sự thống nhất cho toàn văn bản.

Nếu thay đổi trật tự từ như cách (b) và (c), câu văn sẽ mất ý nghĩa và không thể hiện rõ chủ đích của tác giả.

**3.** Từ những điều đã phân tích, rút ra nhận xét về tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu. (Các em xem lại phần bài học).

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Bài tập này yêu cầu các em giải thích lí do sắp xếp trật tự từ trong những bộ phận câu in được dẫn ở SGK trang 112.

Cụ thể:

a) *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại* ***Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung****... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.* (Hồ Chí Minh)

Trật tự từ trong bộ phận câu *Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Lợi, Quang Trung*... được xếp theo trình tự thời gian, trình tự lịch sử trước sau.

b) ***Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!***
*Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt*
*Nắng chói sông Lô,* ***hò ô tiếng hát***
*Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca..*

(Tố Hữu)

*Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!* là câu đảo trật tự từ. Việc đảo trật tự từ trong câu này nhằm nhấn mạnh tình cảm của tác giả trước vẻ đẹp của non sông đất nước.

Trật tự từ trong bộ phận câu *hò ô tiếng hát* chính là việc bắt vần giữa *Lô* và *ô* tạo nên âm hưởng ngân nga, không dứt của tiếng hò. Việc bắt vần như vậy chính là để đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm trong câu thơ.

c) *Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn.*

- *Mật thám tôi cũng chẳng sợ, đội con gái tôi cũng chả cần.*

(Nguyễn Công Hoan)

Trật tự từ trong câu *Mật thám tôi cũng chẳng sợ, đội con gái tôi cũng chả cần* được xắp xếp theo cách liên kết câu trước với câu sau trong văn bản.

# TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Mục đích của bài học giúp các em:

- Nắm được vai trò của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận;

- Biết cách đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận

Bài văn nghị luận thường cũng cần phải có các yếu tố tự sự và miêu tả. Hai yếu tố này giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài viết được rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn và do đó, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.

Cùng với yếu tố biểu cảm, các yếu tố tự sự và miêu tả giúp cho văn bản nghị luận trở nên cụ thể, dễ hiểu và có sức thuyết phục hơn.

Tuy nhiên, trong bài văn nghị luận, các yếu tố tự sự và miêu tả chỉ là những yếu tố phụ. Vì vậy, việc dùng các yếu tố này cũng cần phải đúng lúc, đúng chỗ mới tạo được sức thuyết phục và không phá vỡ mạch lạc nghị luận của bài văn.

### II. Đọc - hiểu

**1.** Đọc các đoạn văn dẫn ở SGK trang 113 - 114 và trả lời câu hỏi.

- Đoạn trích (a) có yếu tố tự sự nhưng không phải là văn bản tự sự, đoạn trích (b) có yếu tố miêu tả nhưng không phải là văn bản miêu tả vì:

+ Mục đích của văn bản không nhằm kể, dựng lại hoặc miêu tả cảnh bắt lính tình nguyện của bọn thực dân.

+ Đọc đoạn trích đã vạch trần sự tàn bạo, quỷ quyệt của bọn thực dân trong việc bắt lính đi tình nguyện.

- Yếu tố tự sự trong đoạn trích (a) là:

+ *Vị "Chúa tỉnh"... ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn phải nộp đủ số người nhất định.*

+ *Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ...*

+ *Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu...*

- Yếu tố miêu tả trong đoạn trích (b) là:

+ *Các bạn đã **tấp nập** đầu quân, các bạn đã **không ngần ngại** rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến cánh tay lao động của mình như lính thợ.*

+ *[...] Tại sao lại có cảnh tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn!*

Nhận xét:

Các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn bản chỉ là những yếu tố phụ trợ, giúp cho việc bàn luận vấn đề được sáng rõ và có tính thuyết phục hơn. Tuy nhiên, nếu không có những yếu tố này thì các luận chứng đưa ra kém thuyết phục và sinh động. Giả sử đoạn trích (a) không có những chi tiết cụ thể kể lại một kiểu bắt lính kì quặc và tàn ác thì ta khó có thể lường hết được việc mộ lính "*tình nguyện*" đã gây ra sự nhũng lạm trắng trợn như thế nào. Cũng như vậy, ở đoạn trích (b) nếu thiếu những dòng miêu tả sinh động về những người lính Việt Nam bị xích tay, hay bị nhốt trong trường học, thì ta khó có thể hình

dung rõ sự giả dối, lừa gạt trong lời rêu rao về *"lòng sốt sắng đầu quân tấp nập và không ngần ngại"*.

**2.** Đọc đoạn văn dẫn ở SGK trang 115 và trả lời câu hỏi.

a) Yếu tố tự sự trong đoạn văn là:

+ Kể chuyện mẹ chàng Trăng nằm mơ, đẻ ra chàng và chuyện chàng giết tên bạo chúa và biến vào mặt trăng.

+ Kể chuyện nàng Han đánh giặc ngoại xâm và sau đó nàng hóa thành tiên lên trời.

- Yếu tố miêu tả trong đoạn văn là:

+ mơ thấy con thỏ trắng nhảy qua ngực;

+ chàng không nói, không cười, chỉ thích chơi khiên đao;

+ chàng cưỡi ngựa đá khổng lồ;

+ đêm đêm soi xuống dòng sông Pông-gơ-nhi những vầng sáng bạc;

+ cờ lệnh dệt bằng chăn dệt chỉ ngũ sắc;

+ những vũng, những ao chi chít nối tiếp nhau là vết chân voi ngựa của quân nàng Han.

b) Tác giả đã không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ hai chuyện "Chàng Trăng" và "Nàng Han" mà chỉ tả cụ thể một số hình ảnh và kể kĩ một số chi tiết trong những câu chuyện ấy vì:

- Kể và tả chỉ đóng vai trò phụ trợ, không phải là mục đích chính của văn bản, có tác dụng góp phần làm nổi bật luận điểm chính của văn bản.

- Mục đích chính của văn bản là: *các dân tộc anh em trên đất nước chúng ta đã sáng tạo ra muôn vàn truyện anh hùng đẹp*.

**3.** Nhưng chú ý khi đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận (Xem phần *Hướng dẫn tìm hiểu bài*).

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 116.

- Cho biết tác dụng của chúng.

Những yếu tố tự sự và miêu tả trong đoạn văn nghị luận ở SGK trang 116 là:

- Yếu tố tự sự:

+ Sắp Trung thu.

+ Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ.

+ Mười mấy ngày qua... bộ mặt nhà giam.

+ Đêm nay rất đẹp.

Tác dụng của các yếu tố tự sự là giúp người đọc hiểu rõ hơn về hoàn cảnh sáng tác và tâm trạng của nhà thơ trong đêm trăng.

- Yếu tố miêu tả:

+ Bỗng đêm nay trăng sáng quá chừng trong suốt, bao la, huyền ảo, vỗ về. Ngay bên cửa sổ, lồng trong bóng cây.

+ Nó ăm ắp tình tứ, nó rạo rực, nó muốn yêu, muốn thưởng thức, muốn chan hòa, muốn giãi bày, bộc lộ.

Tác dụng của các yếu tố miêu tả là giúp người đọc hình dung được vẻ đẹp của khung cảnh đêm trăng và hiểu được tâm trạng phơi phới, yêu thiên nhiên, chan hòa với thiên nhiên của nhà thơ.

**2.** Nếu viết bài tập làm văn theo đề tài "Nêu ý kiến của em về vẻ đẹp của bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen* thì em nên vận dụng các yếu tố tự sự và miêu tả trong khi làm bài vì như vậy sẽ giúp cho bài văn của em giàu hình ảnh và có sức truyền cảm hơn.

BÀI 29

# ÔNG GUỐC-ĐANH MẶC LỄ PHỤC

***Mô-li-e***

## Vài nét về tác giả, tác phẩm

*A. Jăng-bap-ti-xtơ Pô-cơ-lanh (Mô-li-e) sinh tại Pa-ri, trong một gia đình tư sản hầu cận nhà vua.*

*Cha ông hướng cho ông ngành luật để thừa kế chức vụ hầu cận nhà vua trong cung đình, nhưng Mô-li-e lại yêu thích văn chương và đi theo con đường sân khấu. Sân khấu vào thời đó là một nghề thấp hèn trong xã hội. Mô-li-e có 15 năm (1643 – 1658) cùng các bạn đồng nghiệp lang thang khắp nước Pháp đi diễn nhiều nơi. 15 năm khó khăn, thiếu thốn và lưu lạc giang hồ chính là mốc thời gian quan trọng chuẩn bị cho ông một sự nghiệp sáng tác lớn. Mô-li-e vừa là diễn viên, vừa người đạo diễn, người sáng tác kịch bản... Mô-li-e trở thành một tên tuổi lớn của chủ nghĩa cổ điển Pháp, và là người sáng lập ra hài kịch cổ điển Pháp. Ông đã đưa hài kịch đạt tới một trình độ cao, ngang hàng với các thể loại khác. Chỉ từ Mô-li-e trở đi, hài kịch Pháp mới trở thành công cụ đấu tranh sắc bén, có ý nghĩa xã hội rộng lớn tiềm ẩn bên trong những cái cười thâm thúy.*

*Nhân vật hài kịch của Mô-li-e vừa sống động, vừa đa dạng với đủ mọi hạng người: bọn quý tộc phong kiến với lối sống dối trá, kì quái, với nền học thuật trống rỗng; bọn thầy tu có những âm mưu, thủ đoạn độc ác; bọn tư sản lớp trên tham lam, ích kỉ, độc đoán... làm nổi bật lên bộ mặt tinh thần của xã hội Pháp giả dối, trái tự nhiên lúc đương thời. Mô-li-e rất xuất sắc trong việc miêu tả thói đạo đức giả của bọn quý tộc và thói đua đòi hư danh của bọn nhà giàu có.*

*Trên 30 năm sáng tác, Mô-li-e để lại khoảng 40 vở hài kịch, và những vở hài kịch trở thành kiệt tác, được nhiều người biết đến là: "Đông Juăng", "Anh ghét đời", "Lão hà tiện", "Trưởng giả học làm sang"...*

*Đoạn trích "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" được trích trong vở hài kịch nổi tiếng "Trưởng giả học làm sang".*

*Bằng nghệ thuật châm biếm bậc thầy, Mô-li-e đã tạo nên những trận cười thoải mái cho khán giả, qua đó đoạn trích đả kích sự ngu dốt, ngờ nghệch, thói háo danh lố bịch của bọn trưởng giả học đòi quý tộc. Vì vậy, tiếng cười trong hài kịch Mô-li-e mang giá trị phê phán và có ý nghĩa xã hội sâu sắc.*

**1. Căn cứ vào các chỉ dẫn (những chữ in nghiêng trong văn bản), cho biết lớp kịch gồm mấy cảnh. Xem số lượng nhân vật tham gia ở mỗi cảnh và các loại động tác, âm thanh trên sân khấu để chứng minh rằng càng về sau kịch càng sôi động**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc kĩ văn bản, căn cứ vào nội dung văn bản và chỉ dẫn (những chữ in nghiêng) để chia văn bản ra làm mấy cảnh. Từ đó dựa vào sự khác nhau về số lượng nhân vật, động tác, âm thanh ở mỗi cảnh để xác định cảnh kịch nào sôi động hơn.

***b. Gợi ý trả lời***

Đoạn trích *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* được chia làm 2 cảnh. Cảnh thứ nhất là màn đối thoại của 2 nhân vật: ông Giuốc-đanh và bác phó may. Cảnh này gồm bốn nhân vật là trưởng giả Giuốc-đanh – nhân vật chính và phó may, thợ phụ may lễ phục và gia nhân.

Cảnh thứ hai là lời đối thoại của Giuốc-đanh và bốn tay thợ phụ. Cảnh này động tác, âm thanh đều nhộn nhịp. Bốn thợ phụ nhộn nhịp cởi quần áo cũ, mặc lễ phục mới may cho ông Giuốc-đanh, có cả âm nhạc, vũ điệu phụ họa. Ở cảnh thứ nhất, hoạt động nhân vật rất ít chỉ là những cử chỉ, động tác đi kèm với lời thoại của hai nhân vật. Cảnh thứ hai không khí sôi động hơn, náo nhiệt hơn bởi sự xuất hiện của các nhân vật và kịch tính trong màn đối thoại moi tiền của bốn tay thợ phụ.

**2. Ở cảnh đầu, tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh thể hiện như thế nào và bị lợi dụng ra sao?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Dựa vào sự phân chia hai cảnh trong văn bản của câu 1, đọc lại cảnh 1, chú ý lời thoại giữa Giuốc-đanh và phó may, cách đưa lí lẽ của phó may mỗi khi thuyết phục ông trưởng giả.

*b. Gợi ý trả lời*

Trong cảnh đầu, tính cách của ông Giuốc-đanh được bộc lộ qua lời đối thoại với phó may. Giuốc-đanh vốn là tên trưởng giả giàu có, muốn học đòi làm sang nên đã tung ra nhiều tiền để mua những bộ lễ phục sang trọng như các nhà quý tộc đương thời. Song, Giuốc-đanh lại là kẻ ngờ nghệch, ngốc nghếch nên đã bị phó may lừa bịp, thợ phụ phỉnh nịnh để moi tiền. Câu chuyện về Giuốc-đanh xoay quanh bộ lễ phục mới cắt của ông ta. Từ chuyện đôi bít tất chật, chuyện bộ tóc giả, lông đính mũ, những bông hoa may ngược đều là sự gây cười cho người đọc. Giuốc-đanh đã phát hiện ra các sự cố này "*đôi bít tất chật quá... đứt mất hai mắt*". Phó may đưa ra lí lẽ thuyết phục "*Rồi nó dãn ra thì lại rộng quá ấy chứ*". Giuốc-đanh trả lời một câu rất ngờ nghệch "*Nếu tôi cứ làm đứt mãi các mắt thì sẽ rộng thật*".

Sau đó là chuyện đôi giày chật làm đau chân. Ông Giuốc-đanh phàn nàn về đôi giày quá chật thì bị nhân vật phó may lập tức thuyết phục rằng: do Giuốc-đanh tưởng tượng: "*Ngài cứ tưởng tượng ra thế*". Song Giuốc-đanh không hề phân biệt được cảm giác đau chân thật và tưởng tượng khác nhau thế nào.

Đến việc bộ lễ phục, ta không thể không nở những trận cười vì sự học đòi kệch cỡm của nhân vật. Bộ lễ phục của Giuốc-đanh được gọi là "*lễ phục đẹp nhất triều đình*" lại bị "*may hoa ngược mất rồi*". Gã phó may chống chế bằng cách nói "*ngài có bảo là ngài muốn may hoa xuôi đâu*" và "*những người quý phái đều mặc như thế này cả*". Thế là Giuốc-đanh hoàn toàn bị khuất phục trước sự láu cá của gã phó may. Giuốc-đanh nhất định không chịu may hoa xuôi lại.

Khi nhân vật phát hiện ra gã phó may ăn bớt vải của mình, cất lời trách móc thì phó may đánh trống lảng sang việc thử bộ lễ phục. Vậy là Giuốc-đanh quên mất chuyện bị ăn bớt vải.

Qua hàng loạt các chi tiết về bộ lễ phục, ta thấy lão trưởng giả không chỉ dốt nát, ngờ nghệch, dễ bị lừa bịp mà còn là kẻ lố bịch, kệch cỡm trong cách dùng y phục. Hành động mặc lễ phục "đúng thể thức", theo "nhịp điệu", "theo cách thức của nhà quý phái", "phô áo mới", "đi đi lại lại giữa đám thợ" thật lố bịch, thật đáng cười, ta thấy càng lố bịch hơn khi nhân vật "cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói, tất cả đều theo nhịp của dàn nhạc".

Cảnh 1 gồm 32 lời thoại giữa Giuốc-đanh và phó may cho người đọc thấy được bộ mặt ngờ nghệch, dốt nát của lão trưởng giả và tay nghề khó hiểu của gã phó may, từ đó bật ra những tiếng cười sảng khoái.

### 3. Tính cách đó của Giuốc-đanh thể hiện như thế nào và bị lợi dụng ra sao ở cảnh sau

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Đọc lại cảnh sau, chú ý đến lời tung hô của thợ phụ và thái độ, sự thay đổi cảm xúc của Giuốc-đanh.

#### *b. Gợi ý trả lời*

Sau cảnh Giuốc-đanh mặc lễ phục là cảnh xin tiền, moi tiền của những tay thợ phụ. Cảnh này gồm 10 lời thoại. Tác giả đã giễu cợt, châm biếm thói háo danh, ưa phỉnh nịnh của lão trưởng giả. Sau khi mặc lễ phục, Giuốc-đanh hả dạ trở thành kẻ hào phóng "ta thưởng về tiếng "ông lớn" đây này". Những tên thợ phụ ranh ma nắm được tâm lí háo danh của nhân vật đã liên tiếp tung hô bằng các từ "Bẩm cụ lớn"... "Đức ông". Những tiếng sang trọng này được phát ra đúng lúc lão trưởng giả mặc lễ phục và ảo tưởng với cảm giác quý phái nên không tiếc tiền thưởng. Mặc dù nhân vật đã nhận ra "*của đáng tội, nếu nó tôn ta lên bậc tướng công, thì nó sẽ được cả núi tiền mất*", nhưng vì sự háo danh với mộng quý phái đã làm lão trưởng giả thấy hả hê, vinh dự đến mức không tiếc tiền.

Cảnh đám thợ phụ tôn vinh lão trưởng giả từ "ông lớn" lên "cụ lớn" rồi "đức ông" và hành động đáp tiền thưởng cho trò phỉnh nịnh đó đã làm nổ ra những trận cười châm biếm giòn giã. Mô-li-e đã châm biếm, đả kích thói hợm hĩnh, háo danh, ưa phỉnh nịnh, thích được tâng bốc của bọn trưởng giả lỗi thời, ngu dốt lại thích học đòi.

### 4. Lớp kịch gây cười cho khán giả ở những khía cạnh nào?

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Để trả lời câu hỏi này, cần có một sự tổng hợp kiến thức của toàn bài. Chú ý đến các tình tiết, các yếu tố gây cười trong cảnh trước và cảnh sau, từ đó khái quát chung về các tình tiết, các yếu tố này.

*b. Gợi ý trả lời*

Hài kịch "*Trưởng giả học làm sang*" là một trong những tác phẩm độc đáo của Mô-li-e. Tác giả đã xây dựng hai cảnh giàu kịch tính, càng về sau kịch tính càng phát triển cao. Tiếng cười được tạo ra từ các tình tiết gây cười, từ cái nghịch lí của cuộc sống, của tính cách nhân vật. Ở lớp kịch này, Mô-li-e đã xây dựng nhân vật hài kịch sống động khi nhà văn tạo ra mâu thuẫn giữa ước muốn và thực tại, sự mất cân xứng giữa bên trong và bên ngoài, giữa nội dung và hình thức.

Giuốc-đanh là tên trưởng giả lắm tiền muốn học đòi làm sang, muốn trở thành quý phái sang trọng, nhưng thực chất hắn là một kẻ ngu dốt, ngờ nghệch nên ước muốn của hắn được thực hiện trong một chuỗi hành động kệch cỡm, lố lăng.

Sau đó, tác giả đã đưa ra một loạt tình tiết gây cười từ đôi bít tất chật bị đứt mắt đến đôi giày quá nhỏ làm đau chân, và tính kịch cao nhất là bộ lễ phục sang trọng nhất triều đình bị may hoa ngược, nhưng Giuốc-đanh nhất định không chịu may lại hoa xuôi...

Qua những tình tiết đó, Giuốc-đanh hiện ra chỉ là một con rối, một thằng hề gây ra những trận cười hả hê cho khán giả.

***Tài liệu tham khảo***

Để bổ sung thêm kiến thức cho bài học, học sinh có thể tham khảo bài viết dưới đây về Mô-li-e và hài kịch.

Cuộc đời Mô-li-e là cuộc đời chiến đấu của một nghệ sĩ dũng cảm. Ông luôn luôn đứng về phía nhân dân chống lại những lực lượng phản động như nhà thờ, quý tộc, tầng lớp tư sản lạc hậu chỉ muốn kìm hãm xã hội trong ngu dốt, nô lệ. Mô-li-e chiếm một vị trí lớn trong lịch sử văn học Pháp. Ông là cha đẻ của hài kịch Pháp, ông đưa hài kịch vui nhộn ngoại lai kiểu hài kịch Ý thế kỉ XVI lên một nền hài kịch mang tính tư tưởng sâu sắc, dựa trên truyền thống dân tộc. Kịch Mô-li-e thấm nhuần tư tưởng tiến bộ lúc bấy giờ (...)

Mô-li-e phản ánh những vấn đề xã hội lớn của thế kỉ ông. Ông là một nhà văn gắn chặt với thời đại mình và biểu hiện thời đại ấy bằng nghệ thuật sân khấu. Ông phê phán thứ văn hóa cầu kì của quý tộc,

những lề thói sống giả dối, hèn hạ của bọn quý tộc lớn nhỏ nơi cung đình; ông công kích chính sách ngu dân của nhà thờ. Ông chế giễu những đầu óc hẹp hòi gia trưởng, lạc hậu, bảo thủ, không chịu tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của khoa học xã hội. Hài kịch của Mô-li-e mang tính hiện thực sâu sắc; nó linh hoạt, sôi nổi, là bức tranh rộng lớn của cung đình và thành thị lúc bấy giờ. Nhân vật của ông có những nét chung của thời đại, đồng thời có những nét cá thể đậm sắc. Tài năng diễn viên Mô-li-e làm cho sân khấu Pa-ri sôi động với một nghệ thuật hài hước linh hoạt. Mô-li-e là một người hề vĩ đại. Cái cười của Mô-li-e có đủ cung bậc: vui, nhộn, dí dỏm, chế giễu, chua chát, cay độc. Ông sáng tạo cái cười có tính bi kịch, mang ý nghĩa xã hội lớn (...)

(Đỗ Đức Hiểu, trong *Từ điển văn học,* tập 1)

# LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

## *(Luyện tập)*

Mục đích của bài luyện tập giúp các em:

- Phân tích được tác dụng của một số cách sắp xếp trật tự từ;

- Viết được một đoạn văn với trật tự từ thích hợp.

**Dưới đây là những hướng dẫn luyện tập:**

**1.** Bài tập này yêu cầu các em cho biết trật tự các từ và cụm từ in đậm dẫn trong SGK trang 122 thể hiện mối quan hệ giữa những hoạt động và trạng thái mà chúng biểu thị như thế nào?

Cụ thể:

*a) [...] Nghĩa là phải ra sức **giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.***

Trật tự các từ trong câu thể hiện:

- Trật tự trước sau của các việc cần phải làm

- Tầm quan trọng của sự việc.

*b) [...] Trong đó nghe đâu mẹ tôi* ***đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa****.*

Trật tự các từ trong câu thể hiện:

- Việc làm thường xuyên, là việc chính và được xếp trước: *bán bóng đèn.*

- Việc làm không thường xuyên, là việc phụ và được xếp sau: *Bán cả vàng hương*

**2.** Bài tập yêu cầu các em hãy giải thích vì sao các cụm từ in đậm được dẫn ở SGK trang 112, 113, được đặt ở đầu câu?

*Gợi ý:*

Các cụm từ in đậm được đặt ở đầu câu trong những đoạn trích dẫn ở SGK trang 122 - 123 chỉ chủ ý là nhằm mục đích tạo phép lặp để liên kết với những câu trước trong văn bản. Ngoài ra, nó còn có tác dụng nhấn mạnh điều cần nói tới: *ở từ (*câu a), *vốn từ vựng ấy* (câu b), *còn một trâu và một thúng gạo* (câu c), *trong mười năm ấy* và *trong sự thắng lợi ấy* (câu d).

**3.** Bài tập yêu cầu phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong những câu in đậm dẫn ở SGK trang 123.

Để làm được bài tập này, các em cần:

- Xem xét trật tự từ của những câu in đậm được sắp xếp như thế nào: theo trật tự trước sau, dựa theo đặc điểm, tính chất của sự vật hay là đảo trật tự từ.

- Trên cơ sở đó, các em sẽ phân tích hiệu quả của các trật tự từ đó (được sử dụng như một biện pháp tu từ).

a) *Lom khom dưới núi tiều vài chú*
*Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

*Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc,*
*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Hiệu quả diễn đạt của việc sắp xếp trật tự từ của đoạn thơ trên là:

- Nhấn mạnh, tô đậm hình ảnh hay trạng thái của người và cảnh vật: *lom khom, lác đác.*

- Nhấn mạnh tâm trạng của nhà thơ: *nhớ nước, thương nhà.*

b. *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều*

Hiệu quả diễn đạt của việc sắp xếp trật tự từ của câu thơ trên là làm nổi bật vẻ đẹp rực rỡ, tươi sáng của hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong nắng chiều của núi rừng Tây Bắc.

**4.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Chỉ ra sự khác nhau giữa hai câu dẫn ở SGK trang 123.

- Chọn câu thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 124.

Có thể nhận thấy, ở cả hai câu, phụ ngữ của động từ *thấy* đều là cụm C-V. Trong câu (a), cụm C-V này có chủ ngữ đứng trước. Trong câu (b), cấu tạo của cụm C-V có sự ngược lại, vị ngữ được đảo lên trước, đồng thời từ *trịnh trọng* (chỉ cách thức tiến hành hoạt động nêu ở động từ) lại đặt trước động từ.

Trên cơ sở phân tích đó, ta thấy:

- Câu (a) được sắp xếp theo một trình tự nhất định và là câu kể về một sự việc đã được chứng kiến, không nhấn mạnh một chi tiết nào.

- Câu (b) có sự đảo về trật tự giữa các từ so với câu (a) nhằm nhấn mạnh đến thái độ, dáng điệu của đối tượng sắp xuất hiện trong lời kể.

Sau khi phân tích sự khác nhau giữa hai câu (a) và câu (b), các em có thể điền vào chỗ trống trong đoạn trích như sau:

*Bỗng mấy chú Châu Chấu Ma đang nhảy nhót khoe tài quanh các nàng Cào Cào, vội né giạt về một bên. Rồi trong cửa hàng chợt im*

*tiếng ồn ào.* ***Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh Bọ Ngựa.*** *Người ngợm anh Bọ Ngựa này cũng bình thường thôi, nhưng chẳng hiểu sao anh làm ra lối quan dạng đến thế, anh đi cứ chân nhấc từng bước cao ngang đầu gối kiểu bước chân ngỗng, cách thức rất ta đây kẻ và hách dịch.*

**5.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Liệt kê các khả năng sắp xếp trật tự từ trong bộ phận câu in đậm (đoạn kết bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới) dẫn ở SGK trang 124.

- Đối chiếu đoạn kết với dàn ý của bài văn và lí giải tại sao tác giả lựa chọn trật tự từ như vậy.

Câu in đậm trong đoạn kết bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới là (*Cây tre* ***xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm***).

Với năm tính từ *xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm,* sẽ có rất nhiều cách sắp xếp trật tự từ:

- Cây tre nhũn nhặn, xanh, ngay thẳng, thủy chung, can đảm.

- Cây tre nhũn nhặn, ngay thẳng, xanh, thủy chung, can đảm.

- Cây tre nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, xanh, can đảm.

- Cây tre nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, xanh, can đảm.

- Cây tre ngay thẳng, xanh, nhũn nhặn, thủy chung, can đảm.

- Cây tre ngay thẳng, nhũn nhặn, thuỷ chung, xanh, xan đảm

- Cây tre ngay thẳng, nhũn nhặn, thuỷ chung, can đảm, xanh...

Tác giả lựa chọn trật tự từ *Cây tre xanh, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm* là vì:

- Trình bày được những phẩm chất đáng quý của cây tre theo đúng trình tự tác giả đã viết trong văn bản.

- Các phẩm chất được trình bày theo thứ tự: đi từ phẩm chất bên ngoài, dễ thấy đến những phẩm chất tốt đẹp bên trong, khó thấy.

**6.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Viết một đoạn văn ngắn về một trong các đề tài sau:

a) Lợi ích của đi bộ đối với sức khoẻ.

b) Lợi ích của đi bộ đối với mở rộng hiểu biết thực tế.

- Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu trong đoạn văn đã viết.

Để viết đoạn văn với yêu cầu trên, các em có thể dựa vào ý trong bài *Đi bộ ngao du* của Ru-xô và hiểu biết thực tế của mình. Chú ý khi viết cần sắp xếp trật tự từ hợp lí.

# LUYỆN TẬP ĐƯA CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

## I. CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Đề bài: *Trang phục và văn hóa.*

## II. LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

**1.** Định hướng làm bài

Có thể dựa vào tình huống cụ thể như trong SGK đã nêu:

Một số bạn đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh của gia đình. Em hãy viết một bài văn nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn.

**2.** Xác lập và sắp xếp luận điểm

Trong số các luận điểm dẫn ở SGK trang 125, có một số luận điểm không phù hợp, cần lược bỏ. Đồng thời các luận điểm đó chưa được sắp xếp một cách hợp lí. Các em có thể sắp xếp các luận điểm theo trình tự như sau:

- Luận điểm 1: Gần đây cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị, lành mạnh như trước nữa.

- Luận điểm 2: Các bạn lầm tưởng rằng ăn mặc như vậy sẽ làm mình trở thành người "văn minh" "sành điệu".

- Luận điểm 3: Việc chạy theo mốt như vậy có nhiều tác hại:

+ Làm mất thời gian;

+ Ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập;

+ Gây tốn kém cho cha mẹ.

- Luận điểm 4: Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc, với lứa tuổi và hoàn cảnh sống.

**3.** Vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả

Khi viết bài văn nghị luận, các em nên đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào trong quá trình lập luận của mình, vì như vậy sẽ giúp bài văn giàu hình ảnh và có sức thuyết phục hơn.

Các em có thể tham khảo hai đoạn trích trong SGK trang 125 - 126.

**4.** Viết đoạn văn nghị luận có yếu tố tự sự và miêu tả, sau đó trình bày trước tổ (trước lớp). Cần lắng nghe sự góp ý ở thầy, cô giáo và của các bạn để sửa chữa đoạn văn cho hay hơn.

**Bài đọc tham khảo**

Đến với núi cao, sông dài, biển rộng là để hiểu biết cái hùng vĩ của vũ trụ vô cùng. Đến với cỏ nội hoa ngàn, trăng thanh gió mát, là mới cảm nhận được cái kì diệu của hóa công, đo được cái trong của hồn mình, bày tỏ được cái chí của đời mình. Khắc đá đề thơ vào vách động, lưu bút đến ngàn năm sau, phải là bậc danh sĩ cao khiết ở đời. Tựa như trăng sao vằng vặc vậy. Còn như đúc chuông, tạc tượng, xây chùa, dựng am, trồng tháp là sự bài tỏ cái lòng thành ở bậc chân nhân, vĩ nhân. Lo cho dân cày thêm ruộng cấy, trâu cày, kẻ bần hàn

có cơm no áo ấm, được sống yên bình giữa bốn cõi, là cái tài, cái tâm của bậc đống lương, kinh bang tế thế xưa nay.

Lòng vui khi nghe suối reo chim hút. Rơi lệ trước nỗi đau của kẻ nghèo hèn, thao thức vì tiếng khóc của cô nhi quả phụ, hân hoan khi nghe trẻ thơ ca hát vui cười. Đau cái đau của người, vui cái vui của thiên hạ. Ăn một miếng ngon, mặc cái áo đẹp, nơi ở là lâu đài, du ngoạn có xe tứ mã, thế là sang. Nếu thiếu đi một tâm hồn trong sáng, một đời sống tinh thần phong phú, thì chưa hẳn đã hạnh phúc.

Đến với một chân trời xa lạ, một ngọn núi dòng sông, một đảo xe biển biếc,... là được sống thêm một phần cuộc đời tốt đẹp. Gặp gỡ thêm một người bạn hiền tựa như sông suối thêm nguồn, như đứng trên núi cao ngắm trăng, ông chỉ cảm được "thanh phong minh nguyệt" mà còn thấy được cái sáng của lòng mình, cái trong của hồn mình, cái thành thực của tình bằng hữu. Tình bốn phương cao nhã là vậy.

(Lê Phan Quỳnh)

BÀI 30

# CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT

## *(lỗi lô-gíc)*

Mục đích của bài học giúp các em:

- Nhận diện một số loại lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc.

- Biết sửa chữa các lỗi đó.

**1.** Bài tập này yêu cầu các em tìm và chữa những lỗi diễn đạt liên quan đến lô-gíc trong các câu dẫn ở SGK trang 127, 128.

a) *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập khác.*

Trong câu này, các sự vật được liệt kê không cùng nhóm sự vật, hiện tượng với nhau: *quần áo, giày dép* là đồ dùng sinh hoạt, không cùng nhóm với *đồ dùng học tập (khác).* "Khác" thường dùng để liệt kê các sự vật cùng loại với nhau.

Khi viết một câu có kiểu kết hợp *A và B khác* thì A và B phải cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ có nghĩa hẹp.

Có thể sửa lại như sau:

- *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập.*

- *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng sinh hoạt khác.*

b) *Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.*

Khi viết một câu có kiểu kết hợp *A nói chung và B nói riêng* thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn B.

Trong câu này *thanh niên* và *bóng đá* là hai đối tượng được nói đến nhưng không cùng loại, *thanh niên* không bao hàm *bóng đá*. Do đó không đúng với mô hình *A nói chung và B nói riêng.*

Có thể sửa lại như sau:

*Trong thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.*

c) *"Lão Hạc", "Bước đường cùng" và "Ngô Tất Tố" đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

Khi viết một câu có kiểu kết hợp A, B và C (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A, B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng biểu thị những khái niệm thuộc cùng phạm trù.

Trong câu này, *"Lão Hạc", "Bước đường cùng"* là tên tác phẩm, không cùng phạm trù với *Ngô Tất Tố* là tên tác giả.

Có thể sửa lại như sau;

- *"Lão Hạc", "Bước đường cùng" và "Tắt đèn" đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

- *Các tác phẩm của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

d) *Em muốn trở thành một người trí thức hay một bác sĩ?*

Trong câu hỏi lựa chọn *A hay B* thì A và B không thể là những từ ngữ có quan hệ nghĩa rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và B cũng không bao hàm A. Hay thường dùng để biểu thị qua hệ lựa chọn giữa hai điều được nói đến.

Có thể sử lại như sau:

- *Em muốn trở thành một người trí thức hay một người nông dân?*

- *Em muốn trở thành giáo viên hay bác sĩ?*

e) *Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về ngôn từ.*

Khi câu có mô hình *không chỉ A mà còn B*, thì A, B có quan hệ đẳng lập, không bao hàm lẫn nhau. Trong câu này, *nghệ thuật* bao hàm cả *ngôn từ.*

Có thể sửa lại như sau:

*Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về nội dung.*

g) *Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì mặc áo ca rô.*

*Cao gầy* và *áo ca rô* không thuộc cùng bình diện khi muốn miêu tả sự đối lập về ngoại hình: *cao gầy* thuộc vóc dáng, *áo ca rô* thuộc về trang phục. Do đó không nêu rõ đặc điểm cần nhận dạng.

Có thể sửa lại như sau:

- ... *Một người thì cao gầy, còn một người thì thấp béo.*

- ... *Một người mặc áo ca rô còn một người mặc áo trắng.*

h) *Chị Dậu rất cần cù, chịu khó nên rất mực yêu thương chồng con.*

Quan hệ từ *nên* dùng cho quan hệ nhân – quả. Do đó, *rất mực yêu thương chồng con* không phải là kết quả của *cần cù, chịu khó.*

Có thể sửa lại như sau:

*Chị Dậu rất cần cù, chịu khó và rất mực yêu thương chồng con.*

i) *Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.*

Cặp quan hệ từ *Nếu... thì...* dùng để biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả. Nhưng ở câu trên thì *những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề* không phải là kết quả của nguyên nhân của *những đức tính tốt đẹp.*

Có thể sửa lại như sau:

*Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể hoàn thành được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.*

k) *Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ, vừa làm giảm tuổi thọ con người.*

Câu trên thuộc mô hình *vừa A vừa B* (trong đó A, B phải có quan hệ đẳng lập). Câu trên đã mắc lỗi lô-gíc vì *giảm tuổi thọ* đã bao hàm nghĩa *có hại cho sức khoẻ.*

Có thể sửa lại như sau:

*Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa tốn tiền.*

**2.** Bài tập này yêu cầu các em tìm những lỗi diễn đạt về lô-gíc trong bài tập làm văn của mình hoặc của các bạn cùng lớp, trong lời nói hàng ngày hoặc trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

BÀI 31

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN

## 1. Lập bảng thống kê các văn bản văn học Việt Nam đã học từ bài 15 ở lớp 8 theo mẫu sau

### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Dựa vào mục lục ở cuối SGK Ngữ văn 8 (hai tập) để nắm được tên tác phẩm và tác giả của mỗi bài. Sau đó có thể mở lại sách đọc lại phần *Ghi nhớ* và *Kiến thức cần đạt* ở mỗi bài để nắm được nội dung chính của tác phẩm. Cần căn cứ vào văn bản gốc để nhận dạng thể loại của tác phẩm đó (nhất là với các bài thơ chữ Hán).

### *b. Gợi ý trả lời*

| *Văn bản* | *Tác giả* | *Thể loại* | *Giá trị nội dung* |
|---|---|---|---|
| *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* | Phan Bội Châu | Thơ thất ngôn bát cú | Bài thơ đã thể hiện một phong thái ung dung, đường hoàng và khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên cảnh tù ngục khốc liệt của nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu. |
| *Đập đá ở Côn Lôn* | Phan Châu Trinh | Thơ thất ngôn bát cú | Bài thơ đã xây dựng một hình tượng đẹp, lẫm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp khó khăn gian nguy nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí. |
| *Muốn làm thằng Cuội* | Tản Đà | Thơ thất ngôn bát cú | Bài thơ là tâm sự của một con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng. Thi phẩm thể hiện một tâm hồn thơ lãng mạn có chút ngông nghênh của Tản Đà. |
| *Hai chữ nước nhà* | Trần Tuấn Khải | Thể thơ song thất lục bát | Bài thơ mượn một câu chuyện lịch sử có sức gợi cảm để thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của tác giả và khích lệ lòng yêu nước, ý chí của đồng bào. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nhớ rừng* | Thế Lữ | Thể thơ tự do | Bài thơ mượn lời một con hổ bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú để nói lên tâm trạng chán ghét thực tại tầm thường, tù túng, khao khát mãnh liệt cuộc sống tự do của người Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX. |
| *Ông đồ* | Vũ Đình Liên | Thể thơ năm chữ | Bài thơ thể hiện tình cảnh đáng thương của ông đồ trong thời sa cơ, lỡ vận và niềm xót xa thương cảm của tác giả. |
| *Quê hương* | Tế Hanh | Thể thơ tám chữ | Bài thơ đã vẽ nên một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển trong đó nổi bật lên hình ảnh khoẻ khoắn, đầy sức sống của người dân làng chài. Bài thơ cũng cho thấy tình cảm thiết tha nồng đượm của Tế Hanh dành cho quê hương. |
| *Khi con tu hú* | Tố Hữu | Lục bát | Bài thơ thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy. |
| *Tức cảnh Pác Bó* | Hồ Chí Minh | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tình yêu thiên nhiên của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. |
| *Ngắm trăng* | Hồ Chí Minh | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, phong thái ung dung của Bác ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. |
| *Đi đường* | Hồ Chí Minh | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ với ngôn từ rất giản dị nhưng hàm súc, chứa đựng ý nghĩa tư tưởng sâu sắc; từ việc đi đường núi đã gợi ra chân lí đường đời: vượt gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi. |
| *Chiếu dời đô* | Lý Công Uẩn | Văn bản nghị luận trung đại (tờ chiếu do nhà vua ban bố về việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long) | Bài *Chiếu* có sự kết hợp chặt chẽ hệ thống lí lẽ, sắc bén và cảm xúc chân thành, thiết tha của người viết đã tạo ra sức thuyết phục cao. |
| *Hịch tướng sĩ* | Trần Quốc Tuấn | Văn bản nghị luận trung đại (Hịch) | Bài hịch thể hiện tấm lòng yêu nước sắt son của vị thống lĩnh và cũng là lời kêu gọi thống thiết quân sĩ hãy đồng lòng, đồng sức đứng lên đánh giặc cứu nước. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| *Nước Đại Việt ta* | Nguyễn Trãi | Văn bản nghị luận trung đại | Đoạn trích có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập về lãnh thổ, nền văn hiến, phong tục, chủ quyền và truyền thống lịch sử của dân tộc ta. |
| *Bàn luận về phép học* | La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp | Nghị luận trung đại | Với cách lập luận chặt chẽ, văn bản đã giúp ta hiểu được mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải để cầu danh lợi. Muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, học phải đi đôi với hành. |
| *Thuế máu* | Nguyễn Ái Quốc | Văn bản nghị luận | Chương "Thuế máu" đã vạch trần bản chất bịp bợm, tráo trở, dã man của thực dân thống trị và tội ác tày trời của chúng đối với nhân dân Đông Dương. |
| *Đi bộ ngao du* | Giắc Ru-xô | Văn nghị luận | Bài văn đã nói về lợi ích của việc đi bộ bằng những lập luận hết sức chặt chẽ và có tính thuyết phục. |
| *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* | Mô-li-e | Kịch | Lớp kịch đã được tác giả xây dựng hết sức sinh động, khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang, gây nên tiếng cười sảng khoái cho người đọc. |

**2. Nêu lên sự khác biệt nổi bật về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản trong các bài 15, 16 và trong các bài 18, 19. Vì sao thơ trong các bài 18, 19 được gọi là "Thơ Mới"? Chúng mới ở chỗ nào?**

**Hãy chép lại những câu thơ em thích nhất, cho là hay nhất trong 4 bài thơ kể trên.**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Căn cứ vào thống kê ở trên để nhận dạng thể loại các bài thơ trên. Có thể xem lại phần nội dung văn bản và các chú thích về các bài thơ ở SGK Ngữ văn 8, tập một, trang 146, 155 và tập hai, trang 3, 16. Từ đó so sánh những đặc điểm nghệ thuật của các bài thơ trên với nhau và tổng kết vài nét khái quát về "Thơ Mới".

*b. Gợi ý trả lời*

Các bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* và *Muốn làm thằng Cuội* thuộc thơ cách luật (cổ điển).

Các bài *Nhớ rừng, Quê hương* là Thơ Mới.

Hai loại thơ này có sự khác biệt lớn về hình thức nghệ thuật:

Hai bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* của Phan Bội Châu và *Muốn làm thằng Cuội* của Tản Đà đều thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đây là thể thơ có tính quy phạm chặt chẽ về số câu (tám câu), số chữ (bảy chữ) và có luật bằng trắc, phép đối, quy tắc gieo vần. Trong cách dùng từ ngữ vẫn còn theo lối cũ: nhiều điển cố (sự việc và câu chữ trong sách đời trước), điển tích (những câu chuyện trong sách đời trước), hình ảnh ước lệ: hào kiệt, phong lưu, trần thế...

Ở hai bài *Nhớ rừng* và *Quê hương* hình thức có tính chất linh hoạt, tự do hơn, không bị hạn định bởi số câu, số chữ, cách gieo vần. Bài thơ *Nhớ rừng* kéo dài tới 47 câu. Hay trong bài *Quê hương* khi viết về người dân làng chài, tác giả đã sử dụng hình ảnh hết sức giản dị, gần gũi: *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng.* Cách diễn đạt tình cảm cũng dung dị, đời thường hơn: *Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ. Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi...*

Thơ mới đã phá bỏ tính chất ước lệ, không hề công thức, khuôn sáo, lời thơ tự nhiên hơn, hình ảnh giản dị, gần gũi với đời thường hơn. Với sự đổi mới này, thơ mới có thể diễn tả chân thực mọi trạng thái, cung bậc cảm xúc phong phú của con người hiện đại. Chính vì có những đặc điểm trên đây mà các bài thơ *Nhớ rừng* và *Quê hương* được gọi là thơ Mới. Chúng "mới" trước hết ở sự phá cách trong hình thức nghệ thuật và sau đó là nội dung được đề cập đến trong tác phẩm.

Về yêu cầu chép các câu thơ, tùy theo cảm nhận của mỗi người sẽ có sự lựa chọn khác nhau. Nhưng những câu đó phải có sự đặc sắc về nghệ thuật hay có vai trò làm nổi bật tứ thơ của toàn bài. Chúng tôi xin gợi ý một số câu sau:

*Dang tay ôm chặt bồ kinh tế*
*Mở miệng cười tan cuộc oán thù*

(Phan Bội Châu – *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác*)

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!*
*Trần thế em nay chán nửa rồi*

(Tản Đà - *Muốn làm thằng Cuội*)

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ*
*Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa*
*Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già*
*Với tiếng gió gào ngàn với giọng buồn thét núi.*

(Thế Lữ - *Nhớ rừng*)

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*
*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*

(Tế Hanh – *Quê hương*)

# ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

Mục đích của bài ôn tập giúp các em củng cố những kiến thức Tiếng Việt đã học trong học kì II: các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định, hành động nói, lựa chọn trật tự từ trong câu.

**I. Kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định**

**1.** Bài tập này yêu cầu các em xác định mỗi câu dẫn ở SGK trang 131 thuộc kiểu câu nào?

- Câu (1) là câu trần thuật là dạng phủ định.

- Câu (2) là câu trần thuật.

- Câu (3) là câu trần thuật.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em dựa theo nội dung câu (2) trong bài tập 1 đặt một câu nghi vấn.

*- Cái bản tính tốt của người ta liệu có bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất?*

*- Phải chăng cái bản tính tốt của người ta lại bị những nỗi lo lắng, ích kỉ che lấp mất?*

**3.** Bài tập này yêu cầu các em đặt câu cảm thán chứa một trong những từ *vui, buồn, hay, đẹp...*

Bài tập này các em tự làm.

**4.** Bài tập này nêu 3 yêu cầu:

- Trong những câu dẫn ở SGK trang 131, câu nào là câu trần thuật, câu nào là câu nghi vấn, câu nào là câu cầu khiến?

- Câu nào trong số những câu nghi vấn được dùng để hỏi?

- Câu nào trong số những câu nghi vấn không được dùng để hỏi? Nó được dùng là gì?

a) Các câu trần thuật: câu 1, câu 3.

- Câu cầu khiến: câu 4.

- Câu nghi vấn: câu 2, câu 5, câu 7.

b) Câu nghi vấn được dùng để hỏi: câu 7.

c) Câu nghi vấn không dùng để hỏi: câu 2, câu 5. Các câu này được dùng để phủ định lại điều lão Hạc nói và không yêu cầu lão Hạc phải trả lời.

## II. Hành động nói

### 1. Xác định hành động nói theo bảng dưới đây:

| *STT* | *Câu đã cho* | *Hành động nói* |
|---|---|---|
| 1 | *Tôi bật cười bảo lão:* | Trình bày |
| 2 | *- Sao cụ lo xa thế?* | Bộc lộ cảm xúc |
| 3 | *- Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ!* | Trình bày |
| 4 | *- Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay!* | Điều khiển |
| 5 | *- Tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại?* | Trình bày |
| 6 | *- Không, ông giáo ạ!* | Trình bày |
| 7 | *- Ăn mãi hết thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?* | Hỏi |

**2.** Sắp xếp các câu nêu ở bài tập 1 vào bảng tổng kết theo mẫu sau:

| *STT* | *Kiểu câu* | *Hành động nói được thực hiện* | *Cách dùng* |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần thuật | Trình bày | Trực tiếp |
| 2 | Nghi vấn | Bộc lộ cảm xúc | Gián tiếp |
| 3 | Trần thuật | Trình bày | Trực tiếp |
| 4 | Cầu khiến | Điều khiển | Trực tiếp |
| 5 | Nghi vấn | Trình bày | Gián tiếp |
| 6 | Trần thuật | Trình bày | Trực tiếp |
| 7 | Nghi vấn | Hỏi | Trực tiếp |

**3.** Bài tập này nêu 2 yêu cầu:

- Viết một hoặc vài ba câu theo một trong những yêu cầu:

+ Cam kết không tham gia các hoạt động tiêu cực như đua xe trái phép, cờ bạc, nghiện hút,...

+ Hứa tích cực học tập, rèn luyện và đạt kết quả tốt trong năm học tới.

- Xác định mục đích của hành động nói.

Các em tự làm bài tập này.

## III. Lựa chọn trật tự từ trong câu

**1.** Bài tập này yêu cầu các em giải thích lí do sắp xếp trật tự của các bộ phận câu in đậm nối tiếp nhau trong đoạn văn dẫn ở SGK trang 132.

*Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua.*

Trật tự từ trong bộ phận câu trên được sắp xếp theo trật tự trước sau của hành động. Trong đó *vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ* diễn ra đồng thời, song song cùng lúc với nhau nhưng hành động *kinh ngạc* được xếp trước hành động *mừng rỡ* bởi vì sứ giả nghe thấy những yêu cầu và lời hứa phá tan lũ giặc Ân từ miệng đứa bé lên ba nên hết sức kinh ngạc; sau đó sứ giả mừng rỡ vì đã tìm được người cứu dân cứu

nước. Và cuối cùng hành động *về tâu vua* được xếp sau cùng bởi tìm được người rồi sứ giả mới về tâu vua.

**2.** Bài tập này yêu cầu các em chỉ ra tác dụng của việc sắp xếp các từ ngữ in đậm ở đầu câu trong các câu dẫn ở SGK trang 134.

a) Việc sắp xếp các từ ngữ *ý vua cha* lên đầu có tác dụng tạo sự liên kết chặt chẽ câu sau với câu trước đó thông qua phép lặp.

b) Việc sắp xếp các từ ngữ *con người Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào* lên đầu câu có tác dụng nhấn mạnh vào vấn đề sẽ được đề cập tới ngay sau đó.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em so sánh hai câu dẫn ở bài tập trang 133 và cho biết câu nào mang tính nhạc rõ ràng hơn.

So sánh, đối chiếu 2 câu ta thấy câu (a) giàu tính nhạc hơn câu (b) vì các chỗ ngừng (được xác định ở vị trí có dấu câu). Câu (a) tạo được sự chuyển đổi thanh điệu đúng với luật bằng/trắc: nào (B), thổi (T)/ quê (B). Trong khi đó ở câu (b) lại là: *nào (B)/ thổi (T)/ mác (T).*

# VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

Mục đích của bài học giúp các em nắm được đặc điểm của văn bản tường trình: mục đích, yêu cầu, nội dung và cách làm loại văn bản này.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm của văn bản tường trình

*Tường trình* là loại văn bản trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

Người viết tường trình là người liên quan đến sự việc, người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết.

**1.** Trong các văn bản dẫn ở SGK trang 133, 134:

- Văn bản thứ nhất:

+ Người phải viết bản tường trình là một học sinh.

+ Người viết bản tường trình viết cho cô giáo.

+ Bản tường trình được viết ra nhằm mục đích: tường trình về việc nộp bài chậm.

- Văn bản thứ hai:

+ Người phải viết bản tường trình là một học sinh.

+ Người viết bản tường trình viết cho thầy hiệu trưởng.

+ Bản tường trình được viết ra nhằm mục đích: tường trình về việc mất xe đạp.

**2.** Nội dung và thể thức bản tường trình đáng chú ý là: Người viết trình bày thời gian, địa điểm, diễn biến, sự việc, nguyên nhân, hậu quả, lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên người tường trình.

**3.** Người viết bản tường trình cần phải có thái độ khách quan, trung thực đối với sự việc tường trình.

## II. Cách làm văn bản tường trình

**1.** Tình huống cần phải viết bản tường trình

- Với tình huống *Lớp em tự ý tổ chức đi tham quan mà không xin phép thầy, cô giáo chủ nhiệm,* cần phải viết bản tường trình để trình bày mức độ trách nhiệm về việc lớp tự ý tổ chức đi tham quan. Người phải viết bản tường trình là lớp trưởng và viết gửi cho giáo viên chủ nhiệm.

- Với tình huống *Gia đình em bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản* cần phải viết bản tường trình để trình bày thiệt hại do việc bị mất trộm tài sản. Người viết bản tường trình là bố/mẹ và viết gửi cho công an phường/xã.

**2.** Cách làm văn bản tường trình

Một văn bản tường trình cần có các mục sau:

a) Thể thức mở đầu văn bản tường trình:

- Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Địa điểm và thời gian làm tường trình (ghi vào góc bên phải)

- Tên văn bản (ghi chính giữa):

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về...

- Người (cơ quan) nhận bản tường trình: Kính gửi:...

b) Nội dung tường trình: Trình bày thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào, ai chịu trách nhiệm

Thái độ tường trình nên khách quan trung thực.

c) Thể thức kết thúc văn bản tường trình: lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên người tường trình.

**3.** Lưu ý

- Tên văn bản nên dùng in hoa cho nổi bật.

- Chú ý chừa khoảng cách hơn một dòng giữa các phần quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian làm bản tường trình, tên văn bản và nội dung tường trình để dễ phân biệt.

- Không viết sát lề giấy bên trái, không để phần trên trang giấy có khoảng trống.

# LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

Mục đích của bài luyện tập giúp các em biết ứng dụng cách làm văn bản tường trình vào các tình huống cụ thể.

## A- HƯỚNG DẪN ÔN TẬP LÍ THUYẾT

1. Mục đích viết tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

**2.** Điểm giống nhau và khác nhau của văn bản tường trình và văn bản báo cáo:

a) Giống nhau:

- Đều phải tuân thủ thể thức và phải trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người liên quan.

- Đều phải có đầy đủ người gửi, người nhận, ngày tháng, địa điểm thì mới có giá trị.

b) Khác nhau:

Điểm khác nhau chủ yếu là mục đích:

- Văn bản báo cáo: trình bày lại những công việc đã làm, đã thực hiện được để người khác biết.

- Văn bản tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

**3.** Bố cục của văn bản tường trình (Xem lại bài *Văn bản tường trình*)

## B- HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. Bài tập này yêu cầu các em chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng văn bản ở các tình huống dẫn ở SGK trang 137.

b) Tình huống này không dùng văn bản tường trình mà phải dùng *Báo cáo*.

c) Tình huống này không dùng văn bản tường trình mà phải dùng *Báo cáo.*

**2.** Bài tập này yêu cầu các em viết hai tình huống thường gặp trong cuộc sống mà em cho là phải làm văn bản tường trình (không lặp lại tình huống đã có ở SGK).

Các em tự làm bài tập này.

**3.** Bài tập này yêu cầu các em từ một tình huống cụ thể, viết một văn bản tường trình.

Các em có thể tham khảo các văn bản tường trình dẫn ở SGK.

Các em tự làm bài tập này.

BÀI 32

# ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA PHẦN TIẾNG VIỆT

## *(tiếp theo)*

Mục đích của bài ôn tập giúp các em tiếp tục củng cố kiến thức về các kiểu câu, các kiểu hành động nói và lựa chọn trật tự từ trong câu.

### I. Kiểu câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật, phủ định

Xác định kiểu câu:

a) Câu cầu khiến

b) Câu trần thuật

c) Câu nghi vấn

d) Câu nghi vấn

e) Câu cầu khiến

g) Câu cảm thán

h) Câu trần thuật

### II. Hành động nói

**1.** Xác định kiểu hành động nói trong các câu dẫn ở SGK trang 188

a) Hành động nói bộc lộ cảm xúc.

b) Hành động nói phủ định

c) Hành động nói khuyên

d) Hành động nói đe dọa

e) Hành động nói khẳng định.

**2.** Dựa vào hành động nói đã được xác định ở bài tập 1, viết lại các câu (b), (d) dưới một hình thức khác.

b) ... *Chứ cháu nào dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu.*

d) *Nếu mày không có tiền nộp sưu thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi chỉ chửi mắng thôi à?*

**III. Lựa chọn trật tự từ trong câu**

**1.** Viết lại câu: *Chị Dậu* ***rón rén*** *bưng một bát [cháo] lớn đến chỗ chồng nằm.*

a) *Chị Dậu bưng một bát (cháo) lớn đến chỗ chồng nằm một cách* ***rón rén.***

b) *Chị Dậu bưng một bát (cháo) lớn,* ***rón rén*** *đến chỗ chồng nằm.*

c) ***Rón rén,*** *chị Dậu bưng một bát (cháo) lớn đến chỗ chồng nằm.*

**2.** Viết lại câu: ***Hoảng quá,*** *anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì.*

a) *Anh Dậu* ***hoảng quá,*** *vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì.*

b) *Anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó,* ***hoảng quá,*** *không nói được câu gì.*

**3.** Phân tích sự khác nhau trong cách diễn đạt ở câu đã cho với các câu được viết lại ở bài tập 2.

- Trong câu đã cho *hoảng quá* được đưa lên đầu câu để nhấn mạnh trạng thái sợ hãi của anh Dậu. Mặt khác cũng có thể coi là trạng ngữ của cả câu.

- Trong câu (a) viết lại, *hoảng quá* là một trong những vị ngữ của câu.

- Trong câu (b) viết lại, *hoảng quá* là trạng ngữ đặt giữa câu.

# VĂN BẢN THÔNG BÁO

Mục đích của bài học giúp các em nắm được:

- Đặc điểm của văn bản thông báo: mục đích, yêu cầu, nội dung.

- Cách làm một văn bản thông báo.

## A- HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU BÀI

### I. Đặc điểm của văn bản thông báo

*Thông báo* là loại văn bản truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.

**1.** Trong các văn bản dẫn ở SGK trang 140, 141:

- Văn bản thứ nhất:

+ Người thông báo: Phó Hiệu trưởng Nguyễn Văn Bằng (kí thay Hiệu trưởng Trường THCS Hải Nam).

+ Người nhận thông báo: Các giáo viên chủ nhiệm và lớp trưởng các lớp trong toàn Trường THCS Hải Nam.

+ Mục đích thông báo: Thông báo duyệt các tiết mục văn nghệ.

- Văn bản thứ hai:

+ Người thông báo: Liên đội trưởng Trần Mai Hoa (thay mặt Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường THCS Kết Đoàn).

+ Người nhận thông báo: Các chi đội TNPT Hồ Chí Minh trong toàn trường.

+ Mục đích thông báo: Thông báo kế hoạch Đại hội đại biểu TNTP Hồ Chí Minh.

**2.** Nội dung thông báo thường là: ai thông báo, thông báo cho ai, nội dung công việc, quy định, thời gian, địa điểm... cụ thể, chính xác.

Nhận xét về thể thức của văn bản thông báo: văn bản thông báo phải tuân thủ thể thức hành chính, có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu và tiêu ngữ, tên văn tự, ngày tháng, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo.

### II. Cách làm văn bản thông báo

**1.** Tình huống cần làm văn bản thông báo

Với tình huống *sắp tới, Nhà trường sẽ tổ chức đợt tổng vệ sinh trong toàn trường để góp phần xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp,* cần phải viết văn bản thông báo truyền đạt thông tin đợt tổng vệ sinh. Người phải viết thông báo là Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hoặc Tổng phục trách và thông báo cho toàn bộ các khối lớp trong trường.

**2.** Cách làm văn bản thông báo

Một văn bản thông báo cần có các mục sau:

a) Thể thức mở đầu văn bản thông báo:

- Tên cơ quan chủ quản và đơn vị trực thuộc (ghi vào góc trên bên trái).

- Quốc hiệu: tiêu ngữ (ghi vào góc trên bên phải).

- Địa điểm và thời gian làm thông báo (ghi vào góc trên bên phải).

- Tên văn bản (ghi chính giữa).

**THÔNG BÁO**

Về...

b) Nội dung thông báo.

c) Thể thức kết thúc văn bản thông báo:

- Nơi nhận (ghi phía dưới bên trái).

- Kí tên và ghi đủ họ tên, chức vụ của người có chức vụ thông báo (ghi phía dưới bên phải).

**3.** Lưu ý:

- Tên văn bản cần viết chữ in hoa để cho nổi bật.

- Giữa các phần quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian làm thông báo, tên văn bản và nội dung thông báo cần chừa khoảng cách hơn một dòng để phân biệt.

- Không viết sát giấy lề bên trái, không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá lớn.

BÀI 33

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN

## *(tiếp theo)*

**1. Dựa vào các bài nghị luận đã học ở các bài 22, 23, 24, 25, 26, hãy so sánh những nét cơ bản về tác phẩm nghị luận trung đại và tác phẩm nghị luận hiện đại**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Dựa vào mục lục cuối SGK *Ngữ văn 8*, tập hai để nắm được tên tác phẩm và nhớ lại nội dung tác phẩm. Nếu không nhớ, có thể xem lại nội dung từng tác phẩm trong sách và căn cứ vào thời điểm sáng tác, các đặc điểm nghệ thuật để phân loại các tác phẩm đó.

***b. Gợi ý trả lời***

Ở chương trình *Ngữ văn* 8 có 5 văn bản nghị luận (bài 22, 23, 24, 25 và 26). Trong đó, có 4 văn bản thuộc nghị luận trung đại. Bài 26 (cũng như các văn bản nghị luận học ở lớp 7) là tác phẩm nghị luận hiện đại. Tất cả những văn bản này đều có đặc trưng của thể loại nghị luận, nhưng giữa các tác phẩm nghị luận trung đại và tác phẩm nghị luận hiện đại có sự khác biệt nổi bật.

- Nghị luận hiện đại không phân chia thành các thể loại rạch ròi. Trong khi đó, các tác phẩm nghị luận trung đại lại gồm nhiều thể loại phân biệt chủ yếu ở chức năng *(chiếu, hịch, cáo...)*. Mỗi thể nói trên của văn bản nghị luận trung đại lại có những quy tắc chặt chẽ riêng.

Ví dụ: *Chiếu* là thể văn vua dùng để ban bố mệnh lệnh. Chiếu có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu hoặc văn xuôi; được công bố và đón nhận một cách trang trọng. Bài chiếu thường thể hiện những tư tưởng chính trị lớn lao, đề cập đến những vấn đề quan trọng đối với đất nước.

*Hịch* là thể văn nghị luận thời xưa thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc

kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Hịch có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục. Đặc điểm nổi bật của thể hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe. Hịch thường được viết theo thể văn biền ngẫu.

- Các văn bản nghị luận trung đại ở các bài 22, 23, 24, 25 đều được viết bằng tiếng Hán, mang văn phong cổ. Thể hiện ở các khía cạnh sau:

+ Từ ngữ cổ: cách xưng hô: *trẫm, khanh*...

+ Cách diễn đạt cổ: trong bài văn dùng nhiều điển tích, điển cố, hình ảnh thường giàu tính ước lệ, câu văn biền ngẫu sóng đôi nhịp nhàng (tiêu biểu ở *Hịch tướng sĩ*).

Trong khi đó, văn phong ở tác phẩm nghị luận hiện đại thường viết giản dị, câu văn gần với lời nói thường ngày, gần đời sống hơn.

- Văn bản nghị luận trung đại mang dấu ấn của thế giới quan con người trung đại: tư tưởng "thiên mệnh" trong bài *Chiếu dời đô,* đạo "thần chủ" trong *Hịch tướng sĩ*, lí tưởng "nhân nghĩa" trong *Nước Đại Việt ta*, tâm lí "sùng cổ" (noi theo tiền nhân, tìm khuôn mẫu ở thời đại đã qua) dẫn đến việc dùng phổ biến các điển tích, điển cố.

**2. Hãy chứng minh những văn bản nghị luận trên đây đều được viết có lí, có tình, có chứng cứ, nên đều có sức thuyết phục cao.**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Tham khảo phần *Ghi nhớ* về các tác phẩm nghị luận (bài 22, 23, 24, 25 và 26) trong SGK *Ngữ văn 8* tập hai để nắm được một số nét chính về nội dung và nghệ thuật. Căn cứ vào những đặc điểm thể loại nghị luận để chứng minh sau đó lấy dẫn chứng từ các văn bản cụ thể.

***b. Gợi ý trả lời***

Dù được sáng tác trong những hoàn cảnh khác nhau, với những mục đích khác nhau, nhưng tất cả các tác phẩm trên đều mang đặc điểm chung của thể văn nghị luận: Tác phẩm có kết cấu chặt chẽ, hệ thống lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục. Các văn bản được chia thành các phần có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Ví dụ *Hịch tướng sĩ*

có kết cấu gồm 4 phần: *phần mở đầu* nêu vấn đề; *phần hai*: nêu lên truyền thống vẻ vang và những tấm gương trong sử sách để tạo sự tin tưởng; *phần ba*: nhận định tình hình và phân tích phải trái để gây lòng căm thù giặc và quyết tâm cứu nước; *phần kết thúc*: nêu lên chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh. Những lí lẽ nêu ra ở phần trước sẽ là cơ sở cho những lí lẽ ở phần sau.

+ Hệ thống dẫn chứng được đưa ra trong các tác phẩm đều được dẫn từ những nguồn tư liệu xác thực và rất đáng tin cậy: sử sách Trung Quốc, lịch sử nước nhà (trong *Hịch tướng sĩ*, *Thiên đô chiếu*, *Nước Đại Việt ta*) hay từ chính sự kiện mà tác giả trực tiếp chứng kiến (trong *Thuế máu*).

- Các văn bản nghị luận trên không chỉ có lí mà còn rất có tình: thể hiện cảm xúc sâu sắc của người viết. Tình cảm, thái độ của tác giả có thể được biểu lộ qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc; nhưng chủ yếu nhất vẫn là bộc lộ kín đáo qua hệ thống lập luận. Điều quan trọng là người viết thể hiện được niềm tin, thái độ (khẳng định, phê phán) hay một khát vọng mạnh mẽ đối với vấn đề đã đưa ra.

Có thể lấy một đoạn văn trong *Hịch tướng sĩ* làm ví dụ:

*Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng.* Đoạn văn đã thể hiện nỗi đau đớn đến tận cùng của một vị thống lĩnh phải chứng kiến cảnh nước nhà bị kẻ thù dày xéo, lòng tự tôn dân tộc bị xúc phạm và một lòng căm giận ngùn ngụt như lửa.

Chính đặc điểm kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố có lí và có tình đã làm nên hấp dẫn đặc biệt của các tác phẩm nghị luận đó, có tác động rất lớn đến nhiều thế hệ độc giả.

### 3. Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại của các văn bản trong bài 22, 23 và 24

#### *a. Hướng dẫn tìm hiểu*

Xem lại phần trả lời ở câu hỏi 3 và những ghi chú trong SGK về các tác phẩm này. Căn cứ vào những hiểu biết về thể loại và hoàn cảnh

sáng tác, vấn đề mà tác phẩm đề cập để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa chúng.

*b. Gợi ý trả lời*

* Về nội dung tư tưởng:

- Ba tác phẩm này đều là những áng văn chương bất hủ đề cập đến những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, đồng thời gắn liền với các tên tuổi chói lọi trong lịch sử dân tộc. *Chiếu dời đô* là lời tuyên bố về quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (nay là thủ đô Hà Nội). Đây là sự kiện có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ với một triều đại, một giai đoạn mà đối với sự hưng thịnh, tồn vong của cả dân tộc. *Hịch tướng sĩ* là lời kêu gọi tướng sĩ đoàn kết cùng vị thống lĩnh trước hoạ xâm lăng của phong kiến phương Bắc. *Nước Đại Việt ta* (trích trong *Bình Ngô đại cáo*) là một bản tuyên ngôn độc lập của nước Đại Việt sau chiến thắng chống giặc Minh xâm lược. Chính vì thế các tác phẩm này không chỉ mang tư tưởng, tình cảm của cá nhân kiệt xuất mà phần nào đã đúc kết tinh thần, ý chí của cả dân tộc trong những thời đại oanh liệt.

- Cả ba văn bản đều thể hiện một cách hùng hồn, tha thiết lòng yêu nước nồng nàn, niềm tự hào và tinh thần dân tộc sâu sắc.

- Tuy nhiên, nét chung này thể hiện ở từng tác phẩm qua những sắc thái cụ thể. Chẳng hạn, ở *Chiếu dời đô* nổi bật là ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt trên đà lớn mạnh, mong muốn non sông muôn thuở phát triển bền vững. Ở *Hịch tướng sĩ,* nổi bật là lòng căm thù sục sôi lũ giặc ngang ngược, bạo tàn; là tinh thần quyết chiến, quyết thắng của toàn dân tộc trước họa xâm lăng. Điểm nổi bật trong *Nước Đại Việt ta* là ý thức sâu sắc, đầy tự hào về quyền độc lập, tự chủ của dân tộc, về truyền thống anh hùng, bản sắc văn hóa của đất nước Đại Việt.

* Về hình thức thể loại:

- Ba văn bản *Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ* và *Nước Đại Việt ta* đều thuộc thể loại nghị luận trung đại. Tuy mỗi tác phẩm ra đời trong một hoàn cảnh và được viết với một mục đích khác nhau nhưng tất cả chúng đều là những áng văn chính luận mang ý nghĩa lịch sử đặc

biệt. Các tác phẩm này đều có những đặc điểm chung về hình thức nghệ thuật. Cả ba văn bản đều có kết cấu chặt chẽ, hệ thống luận chứng đưa ra rất sắc bén, xác thực nên có tính thuyết phục cao. Lời lẽ rất trang trọng, cổ điển với nhiều điển tích, điển cố,nhất là trong lịch sử Trung Quốc...

- Do thuộc ba thể khác nhau của văn nghị luận trung đại, lại được sáng tác với những mục đích khác nhau tùy vào nhiệm vụ lịch sử nên ba tác phẩm cũng có những sự khác nhau về hình thức.

**4. Qua văn bản "Nước Đại Việt ta" hãy cho biết vì sao tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam khi đó. So với bài "Sông núi nước Nam" cũng được coi là một bản tuyên ngôn độc lập, em thấy ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản "Nước Đại Việt ta" có điểm gì mới?**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Đọc lại văn bản *Nước Đại Việt ta* và những ghi chú về tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* trong SGK *Ngữ văn 8*, tập hai, trang 66-67. Có thể tham khảo phần trả lời cho câu hỏi 3 ở cuốn *Giúp em học tốt ngữ văn 8*, tập hai để trả lời câu hỏi này.

***b. Gợi ý trả lời***

*Bình Ngô Đại cáo* do Nguyễn Trãi thừa lệnh vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) soạn thảo, được công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428) sau khi quân ta đã đại thắng giặc Minh xâm lược. Bài cáo này được đánh giá là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta bởi nhiều lí do:

Với niềm tự hào, tự tôn dân tộc, Nguyễn Trãi đã thay lời vua Lê Thái Tổ tuyên bố về nền độc lập tự chủ của dân tộc Đại Việt trên nhiều phương diện: lãnh thổ, văn hiến, phong tục tập quán, chủ quyền.

Tác giả đã sử dụng giọng văn hùng hồn, lí lẽ rất sắc bén để chứng minh nền độc lập tự chủ của dân tộc ta được xác định "đã lâu" nên không có kẻ thù nào có thể xâm phạm. Trong từng câu chữ thể hiện khí phách, tinh thần, ý chí và quyết tâm bảo vệ nền độc lập của toàn dân tộc.

Bài *Sông núi nước Nam* (tương truyền do Lý Thường Kiệt sáng tác) được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của đất nước ta ở thế kỉ XI. Áng "thiên cổ hùng văn" *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi cũng là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc sau khi đã đánh đổ ách đô hộ của nhà Minh ở thế kỉ XV. Ý thức về nền độc lập dân tộc là điểm chung của hai văn bản này, nhưng đến *Nước Đại Việt ta,* ý thức ấy đã phát triển cao, sâu sắc và toàn diện hơn.

- Trong bài thơ *Sông núi nước Nam,* ý thức về nền độc lập dân tộc được khẳng định ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền. Ngoài hai phương diện đó, đến *Nước Đại Việt ta,* ý thức này được mở rộng, bổ sung bằng các yếu tố mới đầy ý nghĩa: nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng. Sự khẳng định nền độc lập dân tộc ở *Sông núi nước Nam* chịu sự chi phối rõ của tư tưởng thiên mệnh (định phận ở sách trời). Đến *Nước Đại việt ta,* nền độc lập dân tộc còn được gắn liền cùng bao nhiêu triều đại tồn tại, phát triển vững bền, cùng những tấm gương anh hùng "đời nào cũng có". Rõ ràng ý thức về dân tộc của Nguyễn Trãi trong *Nước Đại Việt ta* ở thế kỉ XV đã phát triển sâu sắc và toàn diện hơn nhiều so với ý thức dân tộc trong *Sông núi nước Nam* ở thế kỉ XI của Lý Thường Kiệt.

# CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

## *(phần Tiếng Việt)*

Mục đích của bài học giúp các em nắm được một số cách xưng hô phổ biến ở địa phương và các cách xưng hô độc đáo ở những địa phương khác.

**1.** Đọc đoạn trích và xác định từ xưng hô địa phương.

- *u* (từ địa phương)

- *mẹ* (từ toàn dân)

- *mợ* (cách xưng hô của một số gia đình trung lưu ở thành thị thời Pháp thuộc, không phải là từ toàn dân cũng không thuộc lớp từ địa phương).

**2.** Những từ xưng hô và cách xưng hô địa phương:

Ví dụ:

- Vùng đồng bằng Bắc Bộ: *thầy, u (bố, mẹ)...*

- Vùng trung du Bắc Bộ: *bá (bác gái), bầm (mẹ), mế, mạ (mẹ)...*

- Vùng Bắc Trung Bộ: o (cô), bọ (bố)...

- Vùng Trung Trung Bộ: *mệ (bà), mi (mày), eng (anh)...*

- Vùng Nam Bộ: *ba, má (bố, mẹ)...*

**3.** Từ xưng hô địa phương có thể dùng trong các hoàn cảnh giao tiếp:

- Trong giao tiếp hàng ngày ở địa phương.

- Trong giao tiếp, sinh hoạt giữa những người trong gia đình hoặc những người thân mật (cùng địa phương) khi không ở địa phương mình.

- Ở những nơi giao tiếp khác không nên dùng cách xưng hô địa phương.

**4.** Đối chiếu những phương tiện xưng hô được xác định ở bài tập 2 và những phương tiện chỉ quan hệ thân thuộc trong bài *Chương trình địa phương (Phần Tiếng Việt)* ở học kì I:

| ***STT*** | ***Từ ngữ toàn dân*** | ***Từ ngữ địa phương*** |
|---|---|---|
| 1 | bố | *thầy, bố, ba...* |
| 2 | mẹ | *u, bầm, mế, mạ, má,..* |
| 3 | ông nội | *ông nội* |
| 4 | bà nội | *bà nội* |
| 5 | ông ngoại | *ông vãi* |
| 6 | bà ngoại | *bà vãi* |
| 7 | bác (anh trai của bố) | *bác* |
| 8 | bác gái (vợ anh trai bố) | *bá* |
| 9 | chú (em trai của bố) | *chú* |
| 10 | thím (vợ em trai bố) | *thím* |

BÀI 34

# TỔNG KẾT PHẦN VĂN

## *(tiếp theo)*

**1. Lập bảng thống kê các văn bản văn học nước ngoài đã học ở lớp 8 theo các mục: tên văn bản, tên tác giả, tên nước, thế kỉ, thể loại, nội dung chủ yếu, nét đặc sắc nghệ thuật nổi bật. Chọn học thuộc lòng hai đoạn ở hai văn bản khác nhau, mỗi đoạn khoảng 10 dòng**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Sử dụng phần mục lục ở cuối SGK *Ngữ văn 8*, (hai tập) để nắm được tên tác phẩm và tác giả. Có thể xem lại nội dung các bài và dựa vào phần *Ghi chú* và *Đọc hiểu* ở trong sách để có thể tóm lược nội dung và những nét nghệ thuật chủ yếu.

***b. Gợi ý trả lời***

Căn cứ vào yêu cầu của câu hỏi có thể lập bảng như sau:

| *Tác phẩm* | *Tác giả* | *Tên nước* | *Thế kỉ* | *Thể loại* | *Nội dung chủ yếu* | *Nét nghệ thuật nổi bật* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *Cô bé bán diêm* | An-đec-xen | Đan Mạch | XIX | Truyện ngắn | Câu chuyện kể về cuộc đời một em bé bất hạnh sống bằng nghề bán diêm. Câu chuyện đã gợi lên trong lòng người đọc niềm thương cảm sâu sắc. | Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí đã tạo nên sức lôi cuốn của tác phẩm. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *Đánh nhau với cối xay gió (trích Đôn Ki-hô-tê)* | Xéc-van-téc | Tây Ban Nha | XVI | Tiểu thuyết | Câu chuyện kể về một lão quý tộc nghèo Đôn Ki-hô-tê vì ham mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Trong đoạn trích, lão đã đánh nhau với cối xay gió nhưng đã thất bại. | Đoạn trích tiêu biểu về nghệ thuật xây dựng nhân vật tương phản cả về hình thức lẫn tính cách. Cách xây dựng tình huống và diễn tả tâm lí nhân vật cũng là nét đặc sắc trong nghệ thuật của truyện. |
| *Chiếc lá cuối cùng* | O' Hen-ri | Mĩ | XIX | Truyện ngắn | Ca ngợi tình yêu thương cao cả của những con người nghèo khổ. | Truyện được xây dựng theo kiểu có nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ, khéo léo, kết cấu đảo ngược tình huống hai lần gây hứng thú và làm cho chúng ta rung cảm. |
| *Hai cây phong* | Ai-ma-tốp | Cư-rơ gư-xtan | XX | Truyện ngắn | Đoạn trích ca ngợi tình yêu quê hương da diết và lòng biết ơn người thầy đã vun trồng những ước mơ, hi vọng cho những học trò nhỏ của mình. | Trong đoạn trích, hai cây phong được miêu tả hết sức sinh động bằng ngòi bút đậm chất hội họa. |
| *Đi bộ ngao du (trích Ê-min hay Về giáo dục)* | Giăng Giắc Ru-xô | Pháp | XVIII | Nghị luận | Đoạn trích nói về lợi ích của việc đi bộ về mặt sức khoẻ, tinh thần… | Để chứng minh muốn ngao du cần phải đi bộ, đoạn trích đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống luận cứ và cách viết giàu biểu cảm. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *Ông Giuốc đanh mặc lễ phục* | Mô-li-e | Pháp | XVII | Kịch | Lớp kịch này đã xây dựng một nhân vật trưởng giả lố lăng muốn học đòi làm sang. | Nghệ thuật tạo tình huống và xây dựng nhân vật hết sức sinh động đã khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tay trưởng giả muốn học đòi làm sang gây nên tiếng cười sảng khoái. |

Phần chọn hai đoạn văn bản để học thuộc lòng tùy thuộc vào sở thích và cảm nhận của mỗi người mà có cách lựa chọn khác nhau (HS tự làm).

**2. Nhắc lại chủ đề của ba văn bản nhật dụng đã học ở lớp 8. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu mà mỗi văn bản sử dụng**

***a. Hướng dẫn tìm hiểu***

Xem lại nội dung các văn bản đó trong SGK *Ngữ văn 8*, tập một. Có thể tham khảo phần *Ghi nhớ* và *Kiến thức cần đạt* để nắm được nội dung và những nét chính về nghệ thuật của văn bản nhưng cũng cần phải căn cứ vào văn bản để có những dẫn chứng cụ thể.

***b. Gợi ý trả lời***

Trong chương trình SGK *Ngữ văn 8*, tập một có học ba văn bản nhật dụng:

- *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000:* đưa ra những cứ liệu thuyết minh cho tác hại của việc dùng bao ni lông, về lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông.

- *Ôn dịch, thuốc lá:* nêu lên những tác hại khủng khiếp của việc hút quá nhiều thuốc lá. Nó gặm nhấm sức khoẻ của con người, gây nên tác hại với nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội.

- *Bài toán dân số:* đã đưa ra những con số báo động về tình trạng

gia tăng dân số theo cấp số nhân và tác hại khôn lường của nó đến rất nhiều mặt của đời sống xã hội.

Về phương thức biểu đạt.

- *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000:* sử dụng phương thức thuyết minh kết hợp với lập luận.

- *Ôn dịch, thuốc lá:* phương thức chủ yếu là thuyết minh kết hợp với lập luận, biểu cảm.

- *Bài toán phân số*: phương thức chủ yếu là lập luận kết hợp với tự sự.

# LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

Mục đích bài luyện tập giúp các em biết ứng dụng cách làm văn bản thông báo vào các tình huống cụ thể.

## A. HƯỚNG DẪN ÔN TẬP LÍ THUYẾT

**1.** Những tình huống cần làm văn bản thông báo là khi muốn truyền đạt những thông tin cụ thể tới những người liên quan hay quan tâm tới nội dung thông báo biết để thực hiện hay tham gia.

- Người thông báo: cơ quan, đoàn thể, người tổ chức.

- Người nhận thông báo: những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo.

**2.** Nội dung và thể thức của một văn bản thông báo:

Văn bản thông báo phải tuân thủ thể thức hành chính, có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu và tiêu ngữ, tên văn bản, ngày tháng, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.

**3.** Điểm giống và khác nhau giữa văn bản thông báo và văn bản tường trình là:

a) Giống nhau:

- Đều là những văn bản hành chính.

- Đều có nơi gửi (người gửi) và nơi nhận (người nhận).

b) Khác nhau:

- *Văn bản tường trình:* nhằm trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét. Người viết tường trình là người có liên quan đến sự việc, người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết.

- *Văn bản thông báo:* nhằm truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.

## B. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

**1.** Lựa chọn loại văn bản thích hợp dẫn ở SGK trang 149.

a) Văn bản thông báo;

b) Văn bản tường trình;

c) Văn bản thông báo.

**2.** Những lỗi sai trong văn bản thông báo dẫn ở SGK trang 150:

- Nội dung văn bản chưa phù hợp với tên của văn bản:

+ Tên thông báo: kế hoạch kiểm tra

+ Nội dung thông báo: chưa rõ kế hoạch (không rõ ngày tháng thực hiện).

- Thể thức trình bày chưa đúng:

+ Thể thức mở đầu văn bản: Địa điểm và thời gian làm thông báo (ghi góc bên phải).

+ Thiếu nơi nhận ghi ở phía góc trái, cuối văn bản.

**3.** Một số tình huống thường gặp trong nhà trường hoặc ngoài xã hội cần viết văn bản thông báo:

- Thông báo họp phụ huynh;

- Thông báo hội diễn;

- Thông báo tổng vệ sinh trong toàn trường;

- Thông báo tổng vệ sinh khu phố;

- Thông báo ủng hộ đồng bào bị bão lụt.

...

**4.** Bài tập này yêu cầu các em chọn một trong các tình huống cụ thể vừa nêu và viết văn bản thông báo.

Các em tự làm bài tập này.

# ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

Mục đích của bài ôn tập giúp các em hệ thống lại toàn bộ kiến thức và kĩ năng phần Tập làm văn trong Chương trình *Ngữ văn 8*.

**1.** Một văn bản cần có tính thống nhất về chủ đề bởi tính thống nhất về chủ đề của văn bản là một trong những đặc trưng quan trọng tạo nên văn bản, phân biệt văn bản với những chuỗi câu hỗn độn. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản thể hiện trên hai bình diện:

- Về nội dung: Văn bản cần phải xác định đề tài (đối tượng phản

ánh), có chủ định của người tạo lập (bày tỏ ý kiến, quan niệm, cảm xúc...) nhằm tác động đến nhận thức, hành động và tình cảm của người đọc.

- Về hình thức: Tính thống nhất về chủ đề của văn bản thể hiện qua nhan đề, lời đề từ (nếu có), sự sắp xếp các phần, mục tạo nên tính thống nhất trong nhận thức, hành động và tình cảm của người đọc.

**2.** Viết thành đoạn văn từ mỗi câu chủ đề sau:

- *Em rất thích đọc sách...* - câu chủ đề này đứng đầu đoạn văn nên đoạn văn này viết theo kiểu diễn dịch.

- ... *Mùa hè thật hấp dẫn* – Câu chủ đề này đứng cuối đoạn văn nên đoạn văn này viết theo kiểu quy nạp.

**3.** Cần phải tóm tắt văn bản tự sự vì trong cuộc sống hàng ngày có những văn bản tự sự chúng ta đã học nhưng nếu muốn ghi lại nội dung chính của chúng để sử dụng hoặc thông báo cho người khác biết thì phải tóm tắt văn bản tự sự.

Các bước tóm tắt một văn bản tự sự:

- Đọc tác phẩm: chỉ có thể tóm tắt được một tác phẩm nào đó khi đã đọc kĩ toàn bộ tác phẩm và nắm được ý tưởng của tác giả.

- Dựa vào nội dung chính cần ghi lại:

+ Các sự việc chủ chốt, quyết định đến câu chuyện trong tác phẩm.

+ Các nhân vật quan trọng.

- Sắp xếp các nội dung chính theo một trình tự hợp lí:

+ Trình tự trước – sau của sự việc.

+ Sự xuất hiện của các nhân vật trong tác phẩm.

- Diễn đạt bằng lời văn của mình những nội dung đã xác định được ở các bước trước.

**4.** Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn. Nhờ miêu tả mà có thể tái hiện

cảnh vật và con người một cách cụ thể trong không gian và thời gian. Miêu tả không chỉ làm nổi bật ngoại hình mà còn có thể khắc hoạ nội tâm nhân vật, làm cho chuyện kể trở nên đậm đà thú vị. Nhờ biểu cảm mà tự thân cảnh vật, sự việc diễn ra; cảm xúc tràn ra, thấm vào lời văn, trang văn. Đồng thời nhờ đó mà cảm xúc được bày tỏ, được biểu hiện qua các nhân vật, nhất là qua ngôi kể thứ nhất.

**5.** Viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm cần thực hiện một quá trình năm bước sau:

- Lựa chọn sự việc chính;

- Lựa chọn ngôi kể;

- Xác định thứ tự kể;

- Xác định các yếu tố miêu tả và biểu cảm dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết;

- Viết thành đoạn văn kể chuyện, kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm sao cho hợp lí.

**6.** Văn bản thuyết minh có những tính chất là:

Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương pháp trình bày giới thiệu, giải thích.

Văn bản thuyết minh cần phải:

- Đảm bảo tri thức khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.

- Trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn.

Các văn bản thuyết minh thường gặp trong đời sống hàng ngày là:

- Giới thiệu một nhân vật lịch sử;

- Giới thiệu một miền quê, một vùng địa lí;

- Giới thiệu một đặc sản, một món ăn;

- Giới thiệu một vị thuốc;

- Giới thiệu một loài hoa, loài chim, loài thú;

- Giới thiệu một tác phẩm.

**7.** Muốn làm tốt văn bản thuyết minh, người viết cần phải có vốn hiểu biết về đối tượng thuyết minh. Hiểu biết càng sâu sắc, thấu đáo thì nội dung văn bản thuyết minh càng hàm súc, mạch lạc và rõ ràng. Người viết phải quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh, nhất là phải nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng để không sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, quan trọng.

- Những phương pháp cần dùng để thuyết minh sự vật:

+ Phương pháp định nghĩa, giải thích. Ví dụ:

*Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của sự vật.* (Ngữ văn 8, tập một)

+ Phương pháp liệt kê. Ví dụ:

*Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người: thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm...* (Cây dừa Bình Định)

+ Phương pháp nêu ví dụ. Ví dụ:

*Ngày nay, đi các nước phát triển, đâu đâu cũng nổi lên chiến dịch chống thuốc lá. Người ta cấm hút thuốc lá ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô-la, tái phạm phạt 500 đô-la).* (Nguyễn Khắc Viện)

+ Phương pháp dùng số liệu (con số):

Ví dụ:

*Các nhà khoa học cho biết trong không khí, dưỡng khí chỉ chiếm 20% thể tích, thán khí chiếm 3%. Nếu không bổ sung thì trong vòng 300 năm, con người và động vật sẽ dùng hết số dưỡng khí ấy, đồng thời số thán khí không ngừng gia tăng.* (Nói về cỏ)

+ Phương pháp so sánh. Ví dụ:

*Biển Thái Bình Dương chiếm một diện tích lớn gần bằng ba đại dương khác cộng lại và lớn gấp 14 lần diện tích Bắc Băng Dương, là đại dương lớn nhất.*

**8.** Bố cục thường gặp khi làm bài văn thuyết minh gồm ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng cần thuyết minh.

- Thân bài: Trình bày một cách chi tiết, cụ thể các mặt: cấu tạo, đặc điểm, lợi ích và những đặc điểm nổi bật khác.

- Kết bài: Bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

**9.** Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết nêu ra trong bài.

Tính chất của luận điểm:

- Chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.

- Luận điểm là một hệ thống: có luận điểm chính và lập luận điểm phụ.

- Các luận điểm vừa có sự liên kết chặt chẽ vừa có sự phân biệt với nhau và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ:

Đề bài: *Viết một bài báo tường để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn.*

Hệ thống các luận điểm cần trình bày là:

a) Lớp ta có nhiều bạn học giỏi, lao động tốt, làm vui lòng thầy cô, cha mẹ, xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

b) Thế mà một số bạn trong lớp còn tỏ ra chểnh mảng trong học tập.

c) Các bạn ấy chưa thấy rằng, bây giờ càng ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này càng khó có được niềm vui trong cuộc sống.

d) Các thầy, cô giáo và nhiều bậc phụ huynh của lớp ta đang rất lo buồn.

e) Vậy thì ngay từ lúc này, các bạn hãy chuyên cần học tập hơn.

**10.** Văn bản nghị luận có thể vận dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm như sau:

- Yếu tố tự sự là yếu tố dùng để trình bày một chuỗi các sự việc, sự kiện nối tiếp nhau, sự việc này nối tiếp sự việc kia để cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

- Yếu tố miêu tả là yếu tố giúp người đọc, người nghe hình dung ra những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người hoặc cảnh vật... làm cho chúng hiện lên trước mặt người đọc với những đặc điểm như chúng vốn có.

Các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả giúp cho văn bản nghị luận trở nên cụ thể, dễ hiểu, và vì vậy có sự truyền cảm và sức thuyết phục hơn.

**11.** Văn bản tường trình là loại văn bản dùng để trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

Văn bản thông báo là loại văn bản dùng để truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan, đoàn thể, người tổ chức cho những người dưới quyền, thành viên đoàn thể hoặc những ai quan tâm nội dung thông báo được biết để thực hiện hay tham gia.

Phân biệt mục đích và cách viết hai loại văn bản này (Xem lại phần *Luyện tập làm văn bản thông báo*).

# MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 HÀNG CHUỐI - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT: 04.9714896; 04.7547936 - FAX: 04.9714899

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*
Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

**Biên tập:** QUỲNH NGA
**Chế bản:** ANH ĐỨC
**Sửa bài:** DƯƠNG PHONG
**Trình bày bìa:** SẮC VIỆT

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH & THIẾT BỊ GIÁO DỤC TRÍ TUỆ

*Nhà Sách Trí Tuệ*
187 Giảng Võ - Hà Nội. ĐT: 04.8515567 - Fax: 04.5143483
11/109 Trần Duy Hưng - Hà Nội. ĐT: 04.5564432
Email: lienketxb@nhasachtritue.com.vn
Website: www.nhasachtritue.com.vn

Phát hành tại phía Nam

*Nhà Sách Thanh Trúc*
242/102 Nguyễn Thiện Thuật - Phường 3 - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh
ĐT: 08.8399287 - Fax: 08.8336623

---

**GIÚP EM HỌC TỐT NGỮ VĂN 8 TẬP 2**
Mã số: 2L - 92 ĐH06
In 2000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty in Việt Hưng - CN Hà Nội
Số xuất bản: 85 - 2006/CXB/108 - 01/ĐHQGHN ngày 24/01/2006.
Quyết định xuất bản số: 118 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2006.